NĂM THỨ MƯỜI SÁU • # 192 • APRIL 2005

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 -USA
EMAIL: theky21@mail.nguoi-viet.com
ĐIỆN THOẠI TRỊ SỰ: (714) 657- 8051
TOÀ SOẠN: (714) 839- 8746

30 NĂM LỊCH SỬ MỘT CỘNG ĐỒNG
THIỆN GIAO

VUI BUỒN 30 NĂM NGƯỜI VIỆT Ở HÒA LAN
MINH HẠNH

ĐẦY MỘT NIỀM VUI TRẦN BANG THẠCH

SAIGON CITY
MARKETPLACE

SAIGON CITY MARKETPLACE

首都超級市場

15471 Brookhurst St.,Westminster, CA 92683

Tel: 714.531.9800 ▪ Fax: 714.531.9700

LÚC NÀO CŨNG CÓ NHIỀU MẶT HÀNG SALE ĐỂ PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

NHIỀU QUÀ TẶNG

MUA NHIỀU TẶNG NHIỀU
THỊT, CÁ, RAU TƯƠI NGON
ĐỦ LOẠI HÀNG KHÔ.
HÀNG TUYỂN, GIÁ RẺ.
PHỤC VỤ CHU ĐÁO
CHỖ ĐẬU XE RỘNG RÃI

MỞ CỬA TỪ 7 GIỜ SÁNG ĐẾN 11 GIỜ KHUYA MỖI NGÀY

BAN GIÁM ĐỐC

SAIGON CITY MARKETPLACE

首都超級市場

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

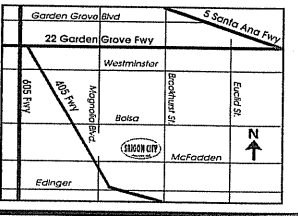

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

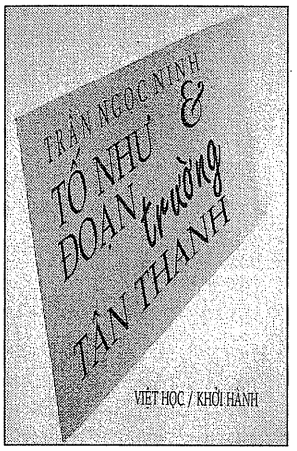

TỐ NHƯ VÀ ĐOÀN TRƯỜNG TÂN THANH
TRẦN NGỌC NINH

Sách giải thích vì sao Truyện Kiều đã được đón nhận một cách nồng nhiệt bởi dân gian Việt Nam trong quá khứ, đồng thời lại đáp ứng được những thắc mắc ưu tư của con người trong thế giới hiện đại. Đây cũng là một nghiên cứu bề sâu cuộc đời bên trong của Nguyễn Du để đi tìm ý nghĩa của tập thơ trường thiên, và tình cảm, tư tưởng mà thi sĩ muốn gửi gấm vào. Giá 30 Mỹ kim.

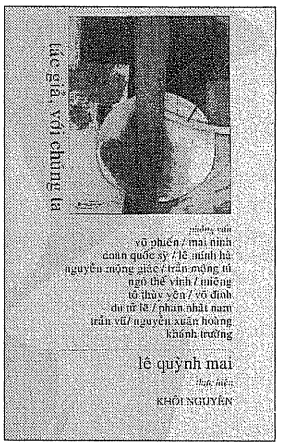

TÁC GIẢ, VỚI CHÚNG TA

Phỏng vấn do **LÊ QUỲNH MAI** thực hiện Các nhà văn được phỏng vấn: Võ Phiến, Mai Ninh, Doãn Quốc Sỹ, Lê Minh Hà, Nguyễn Mộng Giác, Trần Mộng Tú, Ngô Thế Vinh, Miêng, Tô Thùy Yên, Võ Đình, Du Tử Lê, Phan Nhật Nam, Trần Vũ, Nguyễn Xuân Hoàng, Khánh Trường. Những tác giả này thuộc ba thế hệ cầm bút của miền Nam Việt Nam, kể từ 1954 đến 1975, và từ 1975 đến hôm nay tại mọi quốc gia có đông người Việt định cư. Giá 18 Mỹ kim.

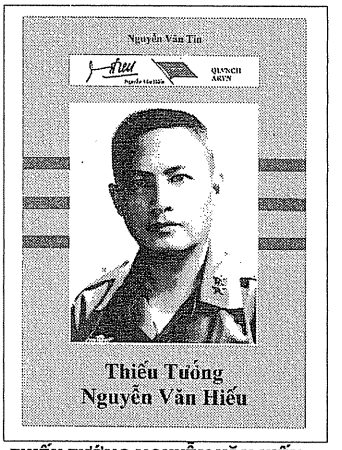

THIẾU TƯỚNG NGUYỄN VĂN HIẾU
Sưu khảo của **NGUYỄN VĂN TÍN**

Ngày 8 tháng Tư năm 1975, có tin tướng Nguyễn Văn Hiếu tự tử tại bản doanh Bộ tư lệnh QĐ3. Nay người em ruột của tướng Hiếu tự đứng ra tìm kiếm tài liệu để làm sáng tỏ về cái chết này. Chân dung của một vị tướng có tài và có đức của quân lực VNCH và cái chết đầy bất ngờ và bí ẩn của ông đã được khôi phục lại, với hy vọng đưa ra ánh sáng của sự thật, mà biến cố sụp đổ của miền Nam đã làm xóa mờ tất cả. Giá 40 Mỹ kim.

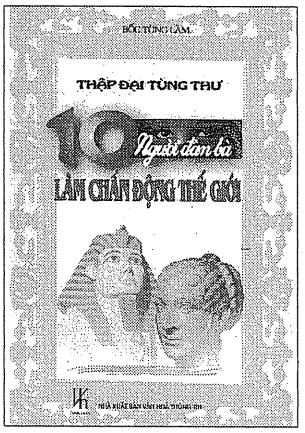

10 NGƯỜI ĐÀN BÀ LÀM CHẤN ĐỘNG THẾ GIỚI
BỐC TÙNG LÂM,
bản dịch của **NGUYỄN KIM DÂN**

Đó hoặc là những phụ nữ nắm quyền lực phong kiến từ xưa, hoặc nhà hoạt động chính trị, khoa học, xã hội của thời đại ngày nay. Danh sách của họ gồm: Cleopatre, nữ hoàng Ai Cập; Võ Tắc Thiên, nữ hoàng đế Trung Quốc; Isabella I, người đặt nền móng cường quốc trên biển; Elisabeth I; Catherine II; Từ Hị Thái Hậu; Clar Chilteking, người mẹ của Phong trào Phụ nữ Quốc tế; Marie Curie; Indira Gandhi; Margaret-Sachel. Giá 11 Mỹ kim.

500 ĐIỀU CẤM KỴ TRONG CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI
HOÀNG BẮC (biên soạn)

Có rất nhiều điều chúng ta vẫn làm vì đã có thói quen từ lâu năm, nhưng dần dần khoa học và kinh nghiệm phát hiện ra những điều đó không tốt cho sức khỏe của chúng ta. Sách chia ra các phần: các điều cấm kỵ cho tuổi thơ, cho phụ nữ, cho thanh niên, cho người già, và cấm kỵ về vấn đề ăn uống. Đây là cuốn sách rất ích lợi, tránh cho ta những thói quen có hại. Giá 12 Mỹ kim

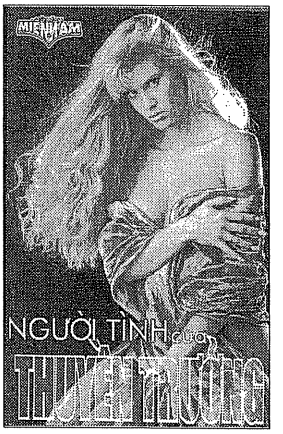

NGƯỜI TÌNH CỦA THUYỀN TRƯỞNG

Tiểu thuyết trinh thám do **HOÀNG NGỌC** phóng tác

Một quyển tiểu thuyết trinh thám ly kỳ, các sự kiện liên tục lôi cuốn nhau, các động tác đan chéo nhau tạo sức hấp dẫn không thể rời ra được. Một cuốn sách giải trí tuyệt vời, với lối hành văn rất lôi cuốn. Giá 13 Mỹ kim

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 657-8051
Email:Theky21@mail.nguoi-viet.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Book)	**US $50.00**	**US $90.00**	
Hạng nhất / First Class	**US $64.00**	**US $120.00**	
Canada	**US $68.00**	**US $130.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $88.00**	**US $170.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $98.00**	**US $185.00**	

Ghi chú: ***Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 (Effective January 1, 2005)***

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v.v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC

SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.

**** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.***

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

– Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
– Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
– Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
– Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
– Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
– Làm cho khó bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,
* Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.

* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lỡ miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).

Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)

– Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
– Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
– Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
– Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOAI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như: Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy đục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hãm không nổi
- Viêm nhiếp hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiếp hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiễu thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Căm Bốt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO

Chỉ được bán tại:

12812 Valley View St. # 30, Garden Grove, CA 92845 USA

Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.

Xin gọi số: Tel: (714) 891-3588

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thấm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ăn không tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị.
K.T.

Kính gởi Bác Sĩ Pungnavann,
Tôi Sơn Nguyễn hiện ở tiểu bang Minnesota thành phố Brooklynn Center, tôi bị bệnh phong tê thấp từ Việt Nam, sang Hoa Kỳ được 5 năm, chân tay bị đau nhức và ra mồ hôi ở tay và bàn chân. Riêng hai mắt cá chân cứ sưng lên và đỏ làm cho đau nhức không đi lại được. Tôi đã đi rất nhiều bác sĩ chữa trị nhưng không hết. Tôi nhờ bác sĩ PungNavann ở California chữa trị cho tôi, nay tôi đã lành bệnh không còn sưng và đau nhức tay chân, không còn ra mồ hôi. Nay tôi viết mấy hàng chữ gửi đến Bác Sĩ lời cảm ơn đã giúp cho tôi được khỏi bệnh và tôi cũng xin giới thiệu với bà con nếu ai bị bệnh giống tôi nên đến Bác Sĩ PungNavann để được giúp đỡ.

Bịnh Suyễn kinh niên chú ý

Tôi tên là Dương Thu Hà hiện cư ngụ tại Dallas-Texas bị bịnh suyễn suốt hơn 30 năm nay, mấy tuần nay uống thuốc của Bác Sĩ Pung Navann bịnh tôi đã khỏi nhiều không còn khó thở và khò khè như trước. Tôi được ngủ ngon giấc không phải thức dậy bơm thuốc nữa. Tôi vui mừng lắm, viết vài dòng cảm ơn Bác Sĩ đã chữa được chứng bịnh ngặt nghèo của tôi từ mấy chục năm qua. Tiện đây tôi cũng giới thiệu đến độc giả xa gần, nếu quí vị nào có chứng bịnh kinh niên này đừng e ngại uống thử vài tuần xem sao. Sẽ thấy được kết quả và chừng đó sẽ tin là tôi nói đúng sự thật. Một lần nữa xin cảm tạ vị Bác Sĩ Pung Navann rất nhiều.

Thư này em viết cho Bác Sĩ và mong Bác Sĩ đăng lên báo để đồng bào Việt Nam ở hải ngoại được biết đến sự may mắn được hết bệnh kể từ khi uống thuốc và lòng thương người của Bác Sĩ này.

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ đỡ khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thơ khen tặng Bác Sĩ Pung Navann - là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy đành thử xem sao có câu ôphước chủ may thầy.o và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thành thật và tiải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cám ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế.

Kính thư

Mùa Xuân tìm đọc:

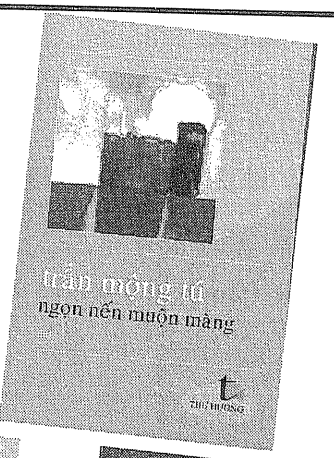

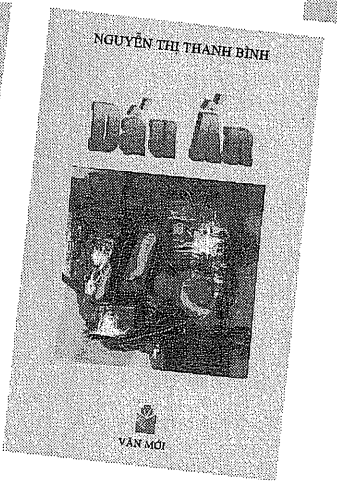

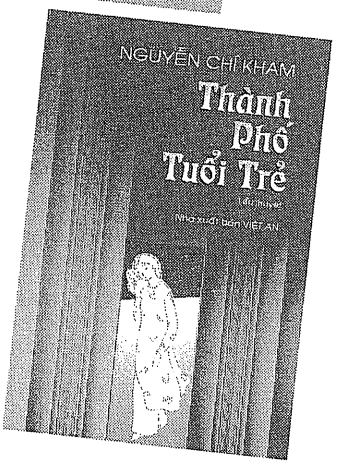

Suzie Vuong Gallery

LỚP VẼ THIẾU NHI

Suzie Vương Gallery đã bước sang năm thứ 9. Có **CÁC LỚP VẼ THIẾU NHI** sẽ do họa sĩ Suzie Vương hướng dẫn. Quý vị phụ huynh có con em là học trò của họa sĩ Suzie Vương, cũng như các em mới, **XIN HÃY GHI DANH SỚM**, vì chỗ ngồi có hạn.

** Suzie Vương tốt nghiệp Cử nhân Hội họa tại CSU, Fullerton. Hoạt động trong nhiều Hội Họa Sĩ Mỹ.*
** Là thành viên Hội Đồng Quản Trị Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ "VAALA" trong 12 năm qua.*
** Có tác phẩm trưng bày tại nhiều viện bảo tàng nổi tiếng và những phòng tranh lớn của trên 23 quốc gia.*
** Đã được những công ty lớn và uy tín của Mỹ ký hợp đồng đại diện in ấn và phân phối tranh của cô khắp nơi.*
** Tác phẩm của Suzie Vương có trong Permanent Collection của Smithsonian Institute ở Washington D.C.*

Phòng tranh riêng:
207 N. Broadway, Suite 6A,
Santa Ana, CA 92701
Tel: (714) 272-3773 .
Tel/Fax: (714) 953-6842
E-mail: suzie@suzievuong.com
www.suzievuong.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 657-8051
E-mail: **theky21@mail.nguoi-viet.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Hoài cố*, tranh của họa sĩ **Nguyên Khai**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Minh Hạnh, Trần Công Sung, Phạm Xuân Đài**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 192 – Tháng Tư 2005

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
8. Nhược điểm lớn nhất là thiếu dân chủ nặng nề – **Ngô Nhân Dụng**
32. Mặt trái chiếc huân chương "Chiến Thắng" – **Nguyễn Minh Cần**
35. Bài nói chuyện của Tiến sĩ **Lê Đăng Doanh**
KỶ NIỆM 30 NĂM TỊ NẠN
15. Ba mươi năm – **Phạm Phú Minh**
18. Ba mươi năm lịch sử một cộng đồng – **Thiện Giao**
25. Vui buồn ba mươi năm người Việt Hòa Lan – **Minh Hạnh**
90. Giao hưởng khúc 1.9.7.5 của Lê Văn Khoa tại Ukraine – **Hoàng Trọng Thụy** phỏng vấn
TIỂU LUẬN
45. Tuyên ngôn lập "Hội quốc tế ủng hộ tham nhũng tại Việt Nam" – **Vũ Quí Hạo Nhiên**
68. Chuyện chị thỏ bông – **Hương Phan**
75. Đường đã thưa người – **Lê Lô**
VĂN HỌC – NGHỆ THUẬT
84. Đọc lại Animal Farm và Nineteen Eighty-Four – **Trần Hữu Thục**
94. "Ông Khai Trí" và giấc mộng sách vở – **Phạm Xuân Đài**
98. Trịnh Công Sơn và những ngày Văn Khoa – **Từ Thức**
VĂN
70. Đầy một niềm vui – **Trần Bang Thạch**
80. Tâm sự của lá thư rơi – **Trang Châu**
106. Chuyện quê nhà – **Trần Huy Sao**
112. Xuân xanh – **Trần Yên Hòa**
116. Đi Tàu (tiếp theo và hết) – **Phạm Xuân Đài**
THƠ
73. Nhớ – **Luân Hoán**. 77. Chim hót sau vườn – **Hoàng Huy Khánh**. 87. Mùa xuân – **Trần Mộng Tú**. 93. Cõi đời chiêm bao – **Trần Vấn Lệ**. 103. Tàn cơn địa chấn, Biển lạ lùng – **Lý Thừa Nghiệp**.
MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Tòa soạn và Bạn đọc, Thư Trị sự
47. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
53. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, An Pha, Từ Nguyên**
59. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Đáng tiếc

Tôi thấy tác giả Nguyễn Tường Thiết có vẻ "ăn thua đủ" với Huy Cận quá trong bài viết về ông trong số báo vừa rồi. Phải hiểu cho ông ta: theo cách mạng từ tuổi hai mươi, suốt đời làm quan cách mạng, đến tuổi tám mươi thì ông có thể nói cái gì khác lập trường đường lối mình đã theo suốt đời? Một người quốc gia và một người cộng sản cỡ Huy Cận mà "cãi lý" với nhau thì chắc tới tết công gô cũng không xong.

Đáng lẽ ông Thiết đừng nổi nóng, cứ ngồi nghe ông ta nói cho xong phần introduction- giữ-vững-lập-trường-cách-mạng, mình vào vùng văn hóa của người ta mà, phải tôn trọng luật chơi. Sau phần chào cờ mặc niệm ấy, ta sẽ từ tốn nói chuyện với con người nghệ sĩ Huy Cận, thì chắc cũng có lắm điều hay! Tôi thấy trong viết lách hay nói chuyện, người cộng sản nào cũng như vậy cả: phần nhập đề phải có vài câu trích Lê Nin, hoặc Marx, hoặc Hồ, rồi sau muốn nói gì thì nói. Nếu hiểu quy luật đó thì ông Thiết đã không chặn ngang ở chỗ nhập đề, đáng tiếc!

***Huy Viễn** (Internet)*

Đúng một chữ

Thụy Khuê viết (và nhấn mạnh bằng cách in nghiêng): *"Ngậm ngùi là một trường hợp đặc biệt: không những Phạm Duy không thêm thơ, mà ông cũng không thay đổi một chữ nào trong thơ Huy Cận."* (Bài *Lửa đã tắt*, Thế Kỷ 21 số 191, tháng Ba 2005, đoạn gần cuối).

Có thật thế không? Gần thật. Nghĩa là không phải 100% như Thụy Khuê nói. Nghĩa là Phạm Duy có đổi. Đúng một chữ. Chữ nào? Xin hát (chứ không phải đọc thơ) câu gần cuối bài: "Hồn em đã chín mấy mùa buồn đau." So sánh với câu thơ: "Hồn em đã chín mấy mùa thương đau."

Nếu không đổi *thương* bằng *buồn* thì phải hát "... mấy mùa thường đau." Như thế thì đau kinh niên rồi, thường đau là đau hoài, mà đau suốt mấy mùa luôn. Thế thì ghê quá, thì là hoảng hồn chứ không còn ngậm ngùi nữa. Và chắc là anh chạy xa luôn, chứ ngồi quạt mà em đau hoài, kêu rên mãi, chịu sao thấu!

(Giỡn tí cho vui thôi, xin Thụy Khuê đừng chấp).

***Bùi Văn** (Paris)*

Buồn gieo theo gió...

Bài thơ Chiều Xưa của Huy Cận mà Thế Kỷ 21 đăng lại trong số vừa rồi có một chữ đánh máy sai, ngay câu đầu: "...gió *veo* hồ" chứ không phải "... gió *ven* hồ."

Buồn gieo theo gió veo hồ
Đèo cao quán chật, bến đò lau thưa

Thông thường thì nghe "ven hồ" hợp lỗ tai hơn là "veo hồ." Nhưng rõ ràng trong trường hợp này tác giả sáng tạo ra chữ, chữ *veo* có phần nào tượng thanh, như nghe tiếng gió veo veo, hoặc cũng có thể gợi hình, cảm thấy như cái gì xa vắng, cho cảm tưởng vắng teo. Cũng có thể gợi cả thanh lẫn hình. Ngôn ngữ trong tay các nhà thơ (có tài) nó kỳ diệu là vậy, thành ra phải rất cẩn thận khi đánh máy, sai một li có thể đi cả ngàn dặm.

***Phan Hải Trí** (Oklahoma)*

Từ "mộ ông Thầy Quảng" đến "lăng ông Phó Bảng"

Đoạn chót trong bài "Nấm mộ ông Thầy Quảng" của Trần Nguơn Phiêu trong số báo tháng Ba:

"Từ một nấm mộ đất nhỏ đơn sơ, không bia, không tường vôi, đá chắn, giữa những nấm mồ vô chủ, mộ ông thầy Quảng giờ đây đã trở thành một lăng tẩm uy nghi, rộng lớn, một công trình kiến trúc mỹ thuật. Các nấm mộ vô danh đã được dời đi cải táng nơi xa nào đấy để lấy đất xây lăng Cụ Phó Bảng. Tuy vậy, cầu mong sao cho hương linh của những nấm mộ hoang kia, nếu chưa được siêu thoát và hiện đang còn vất vưởng quanh Lăng, đã được Cụ Phó Bảng cho họ được tá túc trong lăng của Cụ, như ngày nào Cụ đã được những tấm lòng người miền Nam cho tá túc, trên bước đường lưu lạc của Cụ."

Một đoạn thật là hay!

Nó cho chúng ta thấy nhiều điều. Thứ nhất, sau chiến thắng của "phe cụ Hồ" thì mộ thân phụ cụ Hồ bỗng trở nên giàu sang phú quý, khác hẳn cảnh tượng "vô sản" nhưng nồng ấm tình người trước đây, những ngôi mộ đất xúm xít với nhau bên Miễu Trời Sanh. Thứ hai, ý tưởng rất lạ của tác giả, cầu mong sao "hương linh của những nấm mộ trước kia" còn vất vưởng quanh lăng lại được Cụ Phó Bảng cho tá túc, như Cụ đã được những tấm lòng người Nam cưu mang trước đây. Tôi nghĩ là tác giả viết điều này một cách nghiêm trang chứ không phải mỉa mai đâu. Đó là tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam, dù đã qua đời nhưng hồn người vẫn còn nương náu, đùm bọc nhau quanh quẩn chỗ mình được chôn cất để chờ đi đầu thai kiếp khác. Từ lâu ông Phó Bảng cũng được ấm áp với tình người sống lẫn tình người chết hàng xóm láng giềng của bà con miền Nam. Nhưng đột nhiên những người láng giềng bị đuổi nhà, "đi chỗ khác chơi" để người ta làm lăng cho ông Phó Bảng. Tôi nghĩ ông Phó Bảng không thích điều đó đâu, xem ra nó bạc bẽo làm sao! Chuyện làm lăng thật là đáng tiếc, phải chi người ta vẫn giữ nguyên quần thể mồ mả nơi ấy như cũ, chỉ sửa sang cho tươm tất thôi, thì nó sẽ ĐẸP vô cùng. Nhưng cái đẹp này chỉ những người thấm nhuần văn hóa Việt Nam mới cảm thấy được, còn người mác-xít nửa mùa cộng với tâm lý hãnh tiến của thắng trận thì không thể nào thấy

nổi. Đọc bài của tác giả Trần Nguơn Phiêu ta thấy thương ông Phó Bảng, và thấy tình của người dân Cao Lãnh đối với ông sao mà đẹp. Tôi chắc ông Phó Bảng sẽ vui lòng mời những láng giềng bao nhiêu năm của ông tiếp tục trú ngụ trong cơ ngơi vô cùng sang trọng mà người ta mới xây cất cho ông bất kể vẻ đẹp tình nghĩa của những nấm đất sè sè bên đường bao năm vui buồn có nhau.

Uổng quá, lấy hình thức vật chất giết chết một nét rất đẹp đã tồn tại bao năm. Sống cho có văn hóa, có tình nghĩa xem ra rất khó vậy.

Anh Vũ (Internet)

Làm sao mua sách "Phiếm"

Kính gửi ông Song Thao, Thế Kỷ 21

Tôi là độc giả dài hạn của Thế Kỷ 21, tôi muốn mua một quyển chuyện "Phiếm" của ông theo bài giới thiệu của Phạm Phú Minh trong số 191. Ông Phạm Phú Minh chỉ giới thiệu nội dung sách và nhà xuất bản Văn Mới California mà không cho biết địa chỉ và giá tiền sách.

Vậy xin ông vui lòng chỉ dùm nơi đặt mua, giá sách và bưu phí. Ông Song Thao ạ, tôi già rồi – 80 – mà vẫn thích lối văn "tếu" và chuyện phiếm, mong được đọc sách của ông, dù đã theo dõi trên nguyệt san Thế Kỷ 21. Kính chào ông.

***Dang V. Phuong** (Dayton, Ohio)*

Nhân tiện chúng tôi xin ghi một vài chi tiết cần biết cho những vị muốn mua cuốn "Phiếm": giá sách là US$15.00. Trong nước Mỹ không tính cước phí. Chi phiếu mua sách xin đề:

Nguyễn Khoa
P.O. Box 287
Gardena, CA 90248 – USA
Tel: (310) 366- 6867

Phong cách mới của Babui

Từ số Xuân của Thế Kỷ 21 vừa rồi, tôi thấy họa sĩ Babui bắt đầu vẽ theo một phong cách mới. Những bức tranh gà của ông trong số Xuân bỗng xuất hiện rất mượt mà, khác hẳn nét bút sắt cứng cỏi trong vô số bức hí họa từ bao năm qua. Và trong số báo tháng Ba 2005 ông bắt đầu vẽ chân dung theo phong cách biếm họa, bắt đầu bằng bà ngoại trưởng Rice. Với bức này, ông chứng tỏ có một năng khiếu nhận xét những nét độc đáo trong dáng vẻ của một người, và khi vẽ thì nhấn mạnh các nét đó để khi nhìn vào thì người ta biết ngay đó là ai, dù bức vẽ có bị cố tình làm dị dạng đến thế nào đi nữa. Bà Rice có những đặc điểm: nước da sẫm, đôi mắt nhiều tròng trắng, trán hơi nhô, răng cửa to và lộ, tóc ngắn chải lật một bên. Ông đã thể hiện hết những đặc điểm đó trong bức hí họa trang 25 số tháng Ba, một "nhân dạng" rất quái đản nhưng nhìn thì biết ngay bà Rice, với làn môi vén lên để lộ hai cái răng cửa to tướng, mái tóc lật sau một vùng trán khá rộng và... bướng bỉnh v.v... Nếu họa sĩ Babui vẽ bức này như một thử nghiệm và đề nghị một khuynh hướng mới thì tôi xin thưa rằng ông rất thành công. Xin ông cứ tiếp tục nhận xét nhân dáng và nhất là cá tính của nhiều nhân vật có tiếng trên thế giới để khi cần thì hý lộng họ một phen. Ông đã vẽ một bà Rice rất ngầu!

Nguyễn Đăng Tín (Germany)

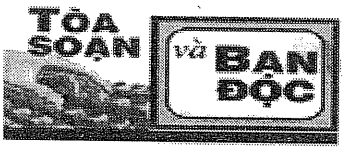

Thưa quý độc giả,

Số tháng Tư năm nay không hẳn là một số chủ đề 30 năm tị nạn, nhưng có một số bài viết liên quan đến mốc thời gian này. Bao nhiêu năm qua, hầu như đã thành một thói quen, hễ đến tháng Tư là chúng ta không khỏi cảm thấy bùi ngùi nhớ lại chuyện mất miền Nam năm xưa, và bộc lộ nỗi niềm cùng các kỷ niệm đau buồn cũ. Năm nay thay vì lặp lại điệp khúc ấy, Thế Kỷ 21, một cách khiêm tốn, bắt đầu tiếp cận với các nghiên cứu khoa học về việc lập nghiệp của cộng đồng tị nạn chúng ta. Nghĩa là sẽ không chú ý nhiều đến việc "chúng ta đã là gì" mà cố gắng tạo một cái nhìn mới "chúng ta đang là ai và tương lai sẽ ra sao."

Thật ra những cái mốc thời gian chỉ có tác dụng nhắc nhở, chứ không có ảnh hưởng cụ thể gì đến cuộc sống của chúng ta. Sinh hoạt của cộng đồng tị nạn Việt Nam thì vẫn diễn ra hằng ngày, mỗi ngày chúng ta đối diện với nó, và thể hiện thành tin tức, bình luận, công trình nghiên cứu, hoặc tác phẩm văn chương. Nhưng dịp 30 năm, tất cả những cái ấy bỗng trở nên ý nghĩa hơn, có ý thức hơn.

Những cái cột mốc không làm nên cuộc hành trình, nhưng cho người ta biết mình đang ở đâu trên cuộc hành trình ấy, và nên làm gì trên những bước đường tiếp theo.

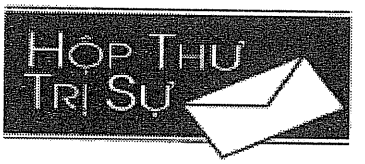

Độc Giả Gia Hạn

Nguyễn Ngọc Hoàng – Greece; Trần Văn Tiến – CA; Nguyễn Hữu Thông – CA, Library City of Maribymong – Australia, Đan Đình Cận – CA, Phạm Phương Minh – GA; Trần Quý Trung – CA; Đồng Nai Pharmacy – CA, Dương Đình Nghiệp – CA, Minh Q Lê – CA; Nguyễn Tử Quý – CA; Mai Liên Kohlmann – CA; Võ Minh Thế – TX; Nguyễn Đức tâm – IL; Thi Xuân Ho – AZ; Medex Drugs – CA; Bùi Đức Lạc – CA; Hồng Thanh Mai – CA; Sơn Nguyễn – AL; Trần Thị Tuyết Lê – CA; Phạm Thị Hảo – VA; Nguyễn Đức Cung – PA; Bùi Quyên – CA; Trà Lữ – Canada; Nguyễn Văn Sơn – TX; Trần Đức Thuận – CA; Dau T Le – VA; Vũ Văn An – KS; Nguyễn Tri Thức – MN; Hải Dương – Canada; Ngô Phương Dung – Canada; Nguyễn Thị Chân Quỳnh – France; Võ Anh Tuấn – CA; Lâm Nhựt Ấu – CA; Trần Bình Nhung – CA; Phương Lan T Nguyễn – VA; Tường Văn Lưu – TX; Trịnh Tay – CA; Nguyễn Gia Ân -Canada

Độc Giả Mới

Nguyễn Thị Loan – Germany; Khôi Nguyễn – CA; Huê T Phạm – VA; Nguyễn Hân – PA; Đặng Diệu – TX; Võ Việt Hùng - CA

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Trần Lai Biên – CA; Hồ Văn Thái – Germany; Nguyễn Xuân Hiếu – CA; Lâm Nhựt Ấu – CA; Phạm Phùng - TX

Bài nói chuyện của Tiến sĩ Lê Đăng Doanh chuẩn bị Đại hội 10

Nhược điểm lớn nhất là thiếu dân chủ nặng nề

NGÔ NHÂN DỤNG

Trong tháng trước, trên các mạng lưới internet đã loan truyền một bài ghi lại cuộc nói chuyện của ông Lê Đăng Doanh, nguyên viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Trung ương, Hà Nội. Ông Lê Đăng Doanh phát biểu ngày 2 tháng 11 năm 2004 trong chương trình chuẩn bị cho Đại hội 10 (KX.10) của đảng Cộng Sản Việt Nam. Đây là một vụ nổ lớn. Mọi người phải chú ý tới những lời phát biểu chứa chất một tấm lòng nóng bỏng và những con số cho thấy sự thật phũ phàng mà ông Doanh nêu ra trước các 'đồng chí" của ông, cho thấy tình trạng suy yếu của nền kinh tế và tính chất phi dân chủ của chế độ cộng sản ở Việt Nam. (Quý vị có thể đọc nguyên văn những lời ứng khẩu này trên Người Việt Online.)

Trong bài này chúng tôi chỉ bàn về một số điểm mà ông Lê Đăng Doanh đã nêu ra, vì câu chuyện rất dài không thể bàn hết được. Những câu trong ngoặc kép là trích nguyên văn các lời phát biểu của ông Doanh. Trước hết là tình hình kinh tế.

Kinh tế: Vẫn nghèo, vẫn thua kém

Nhiều người hời hợt hoặc thiếu tin tức thường nêu lên những con số về xuất khẩu hay tốc độ kinh tế tăng trưởng, hoặc các hình ảnh xây dựng đường xá, cao ốc, xe gắn máy chạy đầy đường, vân vân, để tỏ ý hài lòng về tình trạng kinh tế nước ta trong mấy năm qua. Ông Lê Đăng Doanh đã đưa ra các hình ảnh và con số rất đáng bi quan. Tốc độ tăng trưởng Tổng Sản lượng Nội địa trong năm qua là 7.6 phần trăm, số hàng xuất khẩu là 21 tỷ, cái gì cũng tốt hơn năm trước. Nhưng ông Doanh nói không nên tự so sánh mình năm nay với năm trước, mà phải so sánh với những quốc gia trong vùng hoặc các nước cùng trình độ phát triển. Khi so sánh độ tăng của GDP thì, "Trong vòng 15 năm qua thằng Kazakstan mỗi năm tăng trưởng 10 phần trăm! ... Thằng (sic) Singapore năm nay nó vọt lên 11 phần trăm!" Còn về xuất khẩu thì, "xin báo cáo với các đồng chí là 25 tỷ nó cũng rất bé, so với các nước trong khu vực không là cái gì cả.... như là thằng Thái Lan hay là các thằng Trung Á mỗi năm nó xuất khẩu hơn trăm tỉ, vài trăm tỉ."

Ông Lê Đăng Doanh nhắc đến bảng xếp hạng kinh tế thế giới, Việt Nam đứng hàng thứ 149 trong số 203 nước, "sau ngần ấy năm chúng ta vẫn là một nước nghèo." Những thí dụ rất cụ thể: "Năm 1950 thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam bằng 80.5 của Thái Lan, năm 1999 chúng ta chỉ còn bằng 20 phần trăm. So với Hàn quốc thì năm 1950 ta bằng 85.5 phần trăm, ... bây giờ thì ta chỉ bằng độ 11, 12 phần trăm của Hàn quốc." Trong bảng xếp hạng mức độ tín nhiệm của các quốc gia khi vay nợ (Từ A++, A+ vân vân đến C—,) Việt Nam được xếp B+ trong khi Singapore được điểm A++. Ông Lê Đăng Doanh ví thị trường chứng khoán ở Việt Nam như một đứa trẻ sơ sinh không chịu lớn và bị ghẻ lở, cùng với nhiều bệnh nặng khác! "Chúng ta không thể chỉ tự đánh giá bằng cách so sánh chúng ta với quá khứ và cứ bảo như thế này là hay rồi!" Đây là một lời tuyên bố trái ngược với các bài diễn văn của các lãnh tụ,họ chỉ khoe khoang cách con số mà thôi.

Tình trạng thua kém của kinh tế Việt Nam 30 năm sau khi chấm dứt là do chính sách của đảng Cộng Sản, điều này cũng được ông Lê Đăng Doanh nói lên một cách khéo léo. Ông kể lại Đại hội IX của đảng Cộng Sản nói "đến năm 2005 thì hoàn thành việc thiết lập các thể chế kinh tế thị trường. Bây giờ chúng ta thấy chúng ta chưa (làm) được." Lý do được nêu lên là "quán tính của kinh tế kế hoạch hóa tập trung còn khá nặng nề."

Nói "khá nặng" là nói cho nhẹ bớt. Sự thật là còn quá nặng nề. Thí dụ khi một quan chức chính quyền tuyên bố "cấm các tổng công ty không được tăng giá," giống như thống chế Stalin ra lệnh vậy. Khi xăng dầu cả thế giới lên giá thì một công ty như Hàng

không Việt Nam làm sao không tăng giá được? Một di sản của thời Stalin là tình trạng có quá

nhiều công ty quốc doanh độc quyền, sinh ra quá nhiều tham nhũng. "Ở cái nước Việt Nam này có ai vay được 100 triệu đồng mà không phải đút lót không?" Nạn tham nhũng khiến cho các doanh nghiệp Việt Nam không có khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế.

Ông Lê Đăng Doanh đặt những câu hỏi về chủ trương căn bản của đảng Cộng Sản. "Chúng ta nói quốc doanh là nền tảng. Có nên nói thế không? Nền tảng là cái gì? Chủ đạo là cái gì?" Ông cho biết các công ty quốc doanh chiếm gần hết các tài nguyên của đất nước, nhưng chỉ tạo ra được 5 phần trăm việc làm cho lao động. Vì thế tương lai rất bi quan: "Một năm thêm một triệu miệng ăn. Lấy đâu mà ăn? Chênh lệch, đói nghèo là ở chỗ ấy. Chúng ta về quê xem, có tiến bộ khoa học kỹ thuật nào để tạo ra việc làm?"

Tình trạng chậm tiến về khoa học kỹ thuật là một nguyên nhân gây nên bất công xã hội, "Chúng ta nhận là có định hướng xã hội chủ nghĩa nhưng bất công xã hội hiện nay cực kỳ lớn." Nguyên nhân sâu xa hơn là cơ cấu hành chánh, thuế khóa mà đảng Cộng Sản đang áp dụng ở Việt Nam. "Nguồn thu của ngân sách toàn lá thuế gián thu cả," tức là thứ thuế toàn dân phải chịu, chứ không phải thuế đánh trên lợi tức, thu nhập cá nhân, trong đó những người giầu phải đóng nhiều hơn người nghèo. "Trong khi đó các nước trên thế giới 40 phần trăm là thuế bất động sản (người có nhà cao cửa rộng đóng nhiều hơn người không nhà,) 40 phần trăm là thuế thu nhập ... Thuế thu nhập của Việt Nam đóng được 2 phần trăm vào tổng số thu trong ngân sách," mà số tiền đó phần lớn là đánh thuế những người ngoại quốc ở Việt Nam hay người Việt làm cho các cơ quan nước ngoài; chứ các nhà giầu bản xứ không đóng góp bao nhiêu. Chế độ thuế khóa đó tạo ra và duy trì bất công xã hội. "Nếu chúng ta kiểm điểm một cách nghiêm túc rằng chúng ta có tạo được công bằng xã hội không, thì xin báo cáo với các anh là 'không!' Thuế thu nhập 1.2 phần trăm là không! Bộ máy nhà nước này đã bất lực, thất bại trong việc điều tiết (lợi tức của) những người có thu nhập cao."

Ông Lê Đăng Doanh nói thẳng: "Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo cái dân tộc này, phải chấp nhận phải chịu trách nhiệm." Để sửa chữa tình trạng kinh tế đó, ông Lê Đăng Doanh nói phải thay đổi về chính trị, nhưng ông nói một cách khéo léo: (phải) "xây dựng hệ thống chính trị cho (dân tộc) nó phát triển để đi lên." Ông khẳng định, "Hệ thống chính trị của chúng ta đang bộc lộ càng ngày nhiều những bất cập để giải quyết những vấn đề lâu dài, cơ bản, cấp bách của dân tộc, của đất nước." Chưa có một đảng viên cộng sản nào đang sinh hoạt mà dám nói thẳng như vậy khi phê bình guồng máy chính trị của đảng. Trong đoạn sau chúng ta sẽ tìm hiểu ông Lê Đăng Doanh nêu ra các nhược điểm của hệ thống đó như thế nào.

Lăm lăm định làm thịt

Tình trạng tụt hậu của Việt Nam so với các nước chung quanh được ông Lê Đăng Doanh nêu lên nhiều lần nhưng mối lo lên nhất được nêu ra là thua kém nước láng giềng "vừa là đồng chí vừa là anh em," khi nhắc đến nước bạn Trung Quốc: "Mọi động thái của nó là nó lại chuẩn bị dạy mình một bài học chứ không phải là bạn bè tốt gì đâu." Ông Lê Đăng Doanh đặt câu hỏi: "... thế ông Trung Quốc ông ấy có phải là bạn không? Hay là ông lăm lăm ông ấy định thịt mình đây?" Nhiều người tưởng đó là một vấn đề ngoại giao hoặc quân sự, nhưng ngay khi nhìn về mặt kinh tế không thôi cũng đủ thấy đe dọa rồi.

Nên hiểu chữ "làm thịt" theo nghĩa hiền lành, là dùng vũ khí kinh tế, tài chánh. Mà cũng không cần nghĩ tới những âm mưu thâm độc kiểu đi mua dây đồng với giá đắt khiến bao nhiêu đường dây điện bị ăn trộm để bán qua biên giới; hoặc đi mua móng trâu làm thuốc bổ thay sâm nhung, để các con trâu ở Việt Nam bị cụt chân oan! Trung Quốc có thể dùng các vũ khí kinh tế thẳng thắn cũng đủ làm thịt kinh tế Việt Nam rồi! Thực ra chính phủ Bắc Kinh không cần có một chính sách đẩy hàng hóa xâm nhập để đè bẹp các công nghiệp non yếu của Việt Nam. Vì cái thị trường buôn lậu ở hai bên biên giới sẽ tự động làm việc đó. Các quan chức hai bên không cần nuôi dưỡng buôn lậu; họ chỉ cần kiểm soát biên giới ở mức bình thường như sức họ có thể làm, cũng đủ cho giới buôn lậu tung hoành và sau đó sẽ đền đáp các quan xứng đáng rồi. Nhưng ví dụ trong ba năm nữa chính quyền Việt Nam làm được phép lạ chấm dứt được nạn buôn lậu qua biên giới thì cũng quá trễ. Vì sẽ tới lúc hàng hóa Trung Quốc được tự do vào Việt Nam vì cả hai cùng ở trong một khối thương mại tự do!

Lê Đăng Doanh báo động đến năm 2007 Trung Quốc sẽ gia nhập Thỏa ước Tự do Mậu dịch Á châu (AFTA) của các nước Đông Nam Á. Khi đó hàng hóa các nước trong khối AFTA sẽ dần dần

đi qua biên giới không cần đóng thuế. Ông Doanh kể như một giai thoại: "Thế thì thằng Trung Quốc nói với tôi: Rồi, sau trận xe máy tao sẽ đánh mày trận ô tô. ... Nó bảo mày làm ô tô 10 ngàn đô la, tao bán cho mày ô tô chỉ 6 ngàn thôi, mà lại tốt hơn xe của mày. Tao đã nói rõ rõ ràng rồi, không có tơ lơ mơ gì cả."

Ông Lê Đăng Doanh kể tên một thứ trưởng bộ ngoại thương Trung Quốc bảo ông rằng nếu họ có ủng hộ Việt Nam vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới thì cũng chỉ "ủng hộ về mặt tinh thần ... thôi, còn về lợi ích thương mại thì tao không nhượng bộ mày một xu!" Các ông Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu mất công dẫn các phái đoàn đi triều cống mấy lần, có ký hiệp ước biên giới theo ý nước đàn anh, có ngậm miệng im hơi khi 8 ngư phủ Việt Nam bị bắn chết, cũng không làm thay đổi cán cân lợi ích thương mại. Vừa tốn công vừa mang tội với lịch sử, mà không nên cơm cháo gì cả!

Bây giờ bang giao quốc tế là chia sẻ quyền lợi mà thôi. Nếu Trung Quốc "làm thịt" Việt Nam, thì cũng giống như họ có thể cạnh tranh với bất cứ quốc gia nào. Ai cũng tính chuyện làm thịt lẫn nhau bằng sức cạnh tranh ráo riết. Mà trên mặt trận đó, Trung Quốc đang là một mối đe dọa cho các nước lân bang. Mà hiện nay chưa cần Trung Quốc tới thì tài nguyên nước Việt Nam cũng đang bị sẻ thịt rồi.

Việt Nam đang bán tài nguyên để sống, bán tài nguyên còn "thô," chưa được chế hóa, là thứ rẻ tiền nhất. Như ông Lê Đăng Doanh liệt kê: "Chúng ta móc tài nguyên, ... chúng ta bán than thô, bán thủy sản, rồi cà phê, thô cả... Đấy là chưa kể ông đừng bán quặng không thôi." Nhưng tài nguyên quan trọng nhất trong thế kỷ này là sức người, 60 phần trăm dân số Việt Nam dưới 30 tuổi. Việt Nam hiện là nơi bán sức lao động thô của người dân cho các công ty tư bản ngoại quốc. Ngoài việc xuất khẩu lao động, xuất khẩu các ô sin và các cô dâu, Việt Nam xuất cảng tại chỗ sức lao động của người dân, cho các công ty Hàn quốc, Singapore. Mà họ cũng là những tay đấu thầu của các đại công ty tư bản quốc tế khác. Có những công việc mà người Hàn quốc, người Mã Lai không thèm làm nữa vì rẻ tiền quá, bây giờ công nhân Việt Nam vác lấy. Bởi vì các xí nghiệp tư doanh ở Việt Nam không phát triển được, vì các công ty quốc doanh vẫn được giữ làm "chủ đạo," công nghiệp chậm tiến, công nhân nước ta bị thiệt thòi so với các nước khác trong vùng Á Đông. Sẽ tới ngày các công ty Trung Quốc cũng sẽ mang các việc dệt, may, láp ráp đồ nhựa sang Việt Nam thuê làm, rồi sẽ thuê ráp xe máy, ráp ti vi nữa! Để chia phần thịt Việt Nam với các công ty Hàn quốc, Mã Lai!

Ông Lê Đăng Doanh cho thấy guồng máy điều khiển kinh tế và các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam vẫn giữ thói quen làm ăn thời "bao cấp," nói rõ hơn là thời hoạch định, tập trung. Ông kể chuyện "chúng ta lại nhẩy vào quy hoạch nào là ô tô, nào là rượu bia, nào là xi măng, nào là dệt may. .. Trong quá trình quy hoạch đó chúng ta không tính đến là có thằng nó đến nó cạnh tranh (với mình.) .. Có cái quy hoạch về ô tô, ... không có chữ nào nói về giá thành, năng lực cạnh tranh và nó là ô tô thế hệ thứ mấy, không có!" Đó là cách làm kinh tế thời ông Stalin, nhà nước cha mẹ sản xuất ra cái gì thì con dân tiêu thụ cứ thế cố mà nuốt! Sau 15 năm gọi là "đổi mới" mà còn làm ăn như vậy thì chẳng khác gì cứ nằm ngửa ra để mời thiên hạ đến "làm thịt!"

Mối lo của người Việt Nam đối với Trung Quốc là họ cứ tiến mà mình dậm chân tại chỗ. Mình còn để thời giờ tranh cãi nhau xem thằng nào ngồi trên, thằng nào ngồi dưới, trong khi bè lũ tham nhũng rút ruột quốc gia một cách hăm hở như thể sợ không có ngày mai! Một năm, hai năm, rồi mười năm, hai mươi năm, ngoảnh lại có khi họ đã chạy trước mình cách xa đuổi không kịp.

Khi một nước lớn hơn mình mười lần, đã vượt xa mình về kinh tế rồi, mà họ lại chịu thích ứng với kinh tế thị trường nhanh hơn, họ đầu tư vào hạ tầng cơ sở cũng như vào giáo dục, thì mối lo lớn thật. Ông Lê Đăng Doanh dùng chữ "lăm lăm định làm thịt" để báo động là phải. Nhưng, cần nhắc lại. Họ không cần dùng áp lực quân sự, họ chỉ mang sức mạnh kinh tế, làm ăn sạch sẽ theo đúng quy tắc thị trường, họ cũng đủ lấy thịt đè người rồi! Nghĩ như thế có thấy ớn xương sống hay không?

Dân chủ hóa đảng Cộng Sản được không?

Những người đối lập nổi tiếng trong nước như Nguyễn Đan Quế, Hoàng Minh Chính, Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang đã nói đến những bế tắc và sa lầy của chế độ cộng sản tại Việt Nam hiện nay, nhưng không ai có lối nói thẳng tuột với các dẫn chứng cụ thể, rõ ràng và hùng hồn như lời nói miệng của ông Lê Đăng Doanh.

Ông Lê Đăng Doanh đã nói thẳng đến vấn đề

bế tắc chính trị mà nếu đọc kỹ, nối kết những lời ông nói đoạn trước với đoạn sau, thì người đọc tinh ý thấy phải kết luận rằng chỉ có một giải pháp là đảng Cộng Sản phải ngưng đóng vai trò "lãnh đạo" (chẳng khác gì bảo phải giải tán) để trả lại quyền tự do cho người dân.

Trong phần thứ nhì của bài phát biểu, ông Lê Đăng Doanh đặt câu hỏi rõ ràng: "Nhược điểm lớn nhất của thể chế chính trị của chúng ta là gì?" Và ông tự trả lời: "Là chế độ đảng trị, chuyên chế và mất dân chủ rất nặng nề."

Câu "mất dân chủ rất nặng nề" là nói về cả thể chế chính trị. Tức là cách đảng Cộng Sản cai trị người dân Việt Nam. Chưa có cán bộ cộng sản nào dám nói như vậy.

Ông Lê Đăng Doanh lại đặt câu hỏi: "Trong Đảng có dân chủ chưa?" Và trực tiếp trả lời: "Thực chất tôi thấy là chưa có dân chủ." Sau đó, Lê Đăng Doanh trình bầy tính chất phi dân chủ trong các đại hội đảng là nơi đáng lẽ quyết định tất cả. Bằng cách nêu câu hỏi, ông cho thấy những đại hội đó không có "thảo luận dân chủ," không có "đóng góp gì thiết thực," mà "chỉ lo nhăm nhắm chạy cái chức!" Tính chất độc tài thể hiện từ trung ương xuống các cấp nhỏ hơn: "Trời ơi! Ông bí thư tỉnh ủy được coi như ông vua con tuyệt đối rồi! Anh ấy mà đã nói ra là miễn bàn rồi!" Cụ thể là, "Con ông chả học hành vào đâu cả, nhưng vẫn được xếp làm ở chỗ này, chỗ nọ, làm vương làm tướng, mọi người cứ phải lắc đầu."

Tính chất phi dân chủ thể hiện trong đảng và trong cách đảng Cộng Sản cai trị cả nước. Lê Đăng Doanh viết: "Bây giờ Đảng mình là lãnh đạo, nhưng ông lãnh đạo tối cao ấy lại không phải trực tiếp do dân bầu ra. Dân không được chọn cái ông ấy nhưng mà lại coi ông ấy là ông tối cao! Thế thì chuyện ấy là thế nào?" Chưa có đảng viên cộng sản nào, mà cũng chưa có nhà đối lập nào đặt một câu hỏi thẳng như Lê Đăng Doanh: "Ông là cao nhất, vậy thì ông đứng ra tranh cử đi! ... Chứ bây giờ người dân chả biết làm sao cả!" Sau đó lại có ông khác nhăm nhe tranh chức Tổng bí thư, tung ra các tin đồn; rồi từ đảng viên đến người dân cứ nghe mà "sợ sợ sệt sệt."

Tình trạng "bí mật cung đình" này làm cho cả trong đảng cũng như ngoài dân chúng mọi người thành ra hèn yếu, sợ sệt, "Rồi xun xoe đến gặp ông này, đến thăm ông kia, rồi rằng là báo chí hồi này nghe nói nhiều về bố của ông này, về mẹ của ông kia." Lê Đăng Doanh than: "Trời ơi một nước văn minh mà mọi người đều hành xử như thầy bói xem voi" như vậy, "không có văn minh gì hết." Chế độ độc tài đã biến cả nước thành hèn yếu, mọi người nhiễm thói quen của những kẻ sống làm thân nô lệ!

Làm cách nào sửa chữa nghịch cảnh này? Trong các lời phát biểu, ông Lê Đăng Doanh chưa đề cập đến việc bãi bỏ chức vị Tổng bí thư, hoặc để cho dân chúng bầu trực tiếp người đóng vai trò quyền lực cao nhất nước. Ông còn tự giới hạn trong vai trò của một đảng viên, trình kiến nghị lên cấp trên của đảng ông.

Nhưng Lê Đăng Doanh cũng đưa ra một đề nghị rụt rè dưới hình thức một câu hỏi: ""Nên chăng là đại hội (đảng Cộng Sản) trực tiếp bầu ra Tổng bí thư?" Tiếp theo là, "Đại hội bầu ra Ủy ban kiểm tra, ủy ban kiểm tra có quyền hạn nhất định kiểm sát Tổng bí thư, giám sát Bộ Chính trị."

Đề nghị trên đây đã được ông Võ Văn Kiệt đưa ra trong điểm kiến nghị thứ tư cuối của lá thư ông viết cho Bộ Chính trị và Trung ương đảng vào đầu năm 2005, "Đại hội đại biểu toàn quốc trực tiếp bầu chức danh Tổng bí thư, ... Đại hội bầu trực tiếp Ban Kiểm tra trung ương." Ông Kiệt, đang giữ chức Cố vấn, nói mục đích của đề nghị này là "nâng cao uy tín và vai trò của Tổng bí thư" trong đảng. Nhưng mục tiêu khác của ông là dùng đại hội thứ mười này để buộc mọi cuộc vận động tranh chức vụ phải diễn ra công khai, nhằm phá vỡ thế liên minh giữa các phe đang cầm quyền ở Hà Nội cùng với các tỉnh ủy để chia chác các ghế và các quyền lợi, thường diễn ra đằng sau sân khấu Ba Đình. Muốn như vậy nên ông Võ Văn Kiệt đã nêu ra các đề nghị về việc chọn các đại biểu đi dự đại hội đảng (không theo cơ cấu,) cách chọn chủ tịch đoàn điều hành đại hội (không nặng về tượng trưng, ai ngồi trên vẫn cứ ngồi trên) cho đến việc bầu cử các chức vụ trong đại hội (không theo danh sách đã được trên ấn định), cũng như cách bỏ phiếu kín, vân vân.

Ông Võ Văn Kiệt cũng đề cập tới tương quan giữa Ban Chấp hành Trung ương đảng và Bộ Chính trị. Ông nêu lên một ý kiến đã được nhóm Tướng Nguyễn Nam Khánh đưa ra, là Tổng bí thư và Bộ Chính trị phải chịu trách nhiệm với Ban chấp hành Trung ương tức là ở dưới quyền họ, chứ không được ngồi trên đầu họ như vẫn làm từ thời Stalin đến nay. Ông Võ Văn Kiệt nêu những ý kiến như "Không nhất thiết cứ là bí thư tỉnh ủy hoặc người đứng đầu ngành thì phải vào BCHTƯ." Đó là một cách chặt chân tay mạng

lưới mafia đang nắm guồng máy đảng.

Những đề nghị của ông Võ Văn Kiệt bên ngoài nêu động cơ là làm cho đảng Cộng Sản dân chủ hơn; bên trong là tìm cách phá vỡ thế liên minh giữa những phe đang nắm độc quyền trong đảng, giữa các nhóm tham nhũng ở trung ương và băng đảng mafia ở các tỉnh; họ cũng đang chuẩn bị chia ghế trong đại hội năm tới. Liệu ông Võ Văn Kiệt có thành công hay không, điều đó sẽ quyết định cả tương lai đảng Cộng Sản Việt Nam. Nhưng việc dân chủ hóa đảng Cộng Sản khó thực hiện nếu đảng đó vẫn còn giữ tham vọng cai trị toàn dân theo lối phi dân chủ. Chế độ chuyên chính biến các đảng độc tài thành những tổ chức tham nhũng, điều này lịch sử đã chứng minh. Và các nhóm mafia đó sẽ không bao giờ chịu nhường chỗ cho những người trong sạch, cho nên không thể nào dân chủ hóa được. Một đảng cầm quyền không thể nào dung dưỡng cho các đảng viên được tự do trong khi từ chối quyền tự do của những người dân. Ông Lê Đăng Doanh dẫn một câu của Karl Marx: "Tự do của mỗi người là điều kiện cho tự do của tất cả mọi người. Mỗi con người có tự do thì mọi người mới được tự do."

Nhưng còn vấn đề dân chủ của cả guồng máy cai trị quốc gia như thế nào thì ông Võ Văn Kiệt nói rất ít. Trong những lời phát biểu của Lê Đăng Doanh, ông nói nhiều hơn. Lê Đăng Doanh đã tấn công thẳng vào một cơ cấu có tính chất phản dân chủ trong chế độ cộng sản là sự có mặt của đảng Cộng Sản bên cạnh guồng máy nhà nước mà ông nói một cách nhẹ nhàng là "còn có tình trạng vừa lẫn lộn, vừa để trống trách nhiệm." Phải kết luận rằng chỉ có giải pháp để dân Việt Nam được sống dân chủ là đảng Cộng Sản phải từ bỏ vai trò lãnh đạo tối cao hiện còn ghi trong hiến pháp. Phải xóa bỏ điều 4 trong bản hiến pháp hiện hành. Ông Lê Đăng Doanh không dám nói thẳng điều đó, nhưng nối kết các ý kiến của ông thì thấy đó là kết luận không thể nào khác được.

Tách đảng khỏi guồng máy nhà nước

Đọc 10 điểm "kiến nghị" của ông Kiệt thì phải thấy mủi lòng thương, nếu chưa muốn khóc. Những quy tắc mà ông Kiệt xin đảng ông đem thi hành là những hiểu biết sơ đẳng mà một học sinh tốt nghiệp trung học ở Sài Gòn trước năm 1975 cũng biết là những điều phải tuân theo khi sinh hoạt đoàn thể. Sau năm 1963 ở miền Nam bùng ra nhiều đoàn thể thanh niên. Và các học sinh, sinh viên được thực tập lối sống tập thể và dân chủ trong những phong trào tư nhân hoặc do bộ Giáo dục áp dụng trong trường trung học, gọi là học đường mới. Học sinh nào cũng biết trong một cuộc họp khi chọn đại biểu phải chọn thế nào cho có dân chủ; khi bầu chủ tọa đoàn một cuộc họp thì đề cử, ứng cử ra sao; khi bầu ban chấp hành thì làm thế nào mới là dân chủ; quy tắc người được bầu thì phải chịu trách nhiệm với cơ cấu bầu ra họ; vân vân. Đã sinh hoạt đoàn thể thì em học sinh nào cũng biết những điều như vậy. Thế mà bây giờ một ông cố vấn đảng Cộng Sản phải "kiến nghị" xin đảng áp dụng các quy tắc cơ bản đó trong đại hội đảng sắp tới, vì chưa bao giờ được dùng đến cả. Mà chưa biết liệu cấp trên của đảng ông có chấp thuận những đề nghị đó hay không!

Đảng Cộng Sản đang nắm độc quyền cai trị nước ta. Đại hội đảng là nơi sẽ quyết định vận mệnh cả nước. Vậy mà phải có một cố vấn năn nỉ xin đảng áp dụng những quy tắc tối thiểu của sinh hoạt dân chủ như thế. Nghĩ đến đó thì nhiều người phải lo lắng cho tương lai đất nước Việt Nam, thương xót cho dân tộc Việt Nam. Tới đó thì chắc có người phải rớt nước mắt thật.

Liệu đảng Cộng Sản Việt Nam có chấp nhận những ý kiến của các ông Lê Đăng Doanh, Võ Văn Kiệt, để cho Đại hội X của họ có mầu sắc dân chủ hay không? Rất khó. Một đảng cầm quyền không thể dân chủ hóa bên trong nếu họ không chấp nhận cho xã hội bên ngoài, cho toàn dân bên ngoài được sống tự do dân chủ.

Trong một bài phát biểu ý kiến với Mặt trận Tổ quốc hồi đầu năm nay, ông Trần Văn Hà, một giáo sư 85 tuổi đã từng làm thứ trưởng bộ Nông nghiệp, nói: "Đến nay là năm thứ 5 của thế kỷ 21, ... trình độ dân trí và cán bộ được nâng cao, thế mà điều 69, điều 70, điều 71, điều 72 của hiến pháp về Tự do Tín ngưỡng, về công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, vẫn chưa được thực thi, thậm chí còn bị vi phạm nghiêm trọng. Đó là điều khó hiểu, không thể chấp nhận..." Những điều mà các ông Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Vũ Bình, Hòa thượng Quảng Độ, Phạm Hồng Sơn, vân vân, đã nói, bây giờ có những đảng viên cộng sản cũng thành thật nêu lên.

Tính cách phi dân chủ biểu hiện thế nào? Trước hết là quan niệm phản dân chủ về vai trò của luật pháp. Một điều khiến chế độ "mất dân chủ nặng nề" được ông Lê Đăng Doanh nói lên là

Đảng Cộng Sản "đứng trên luật pháp," và "đứng ngoài luật pháp." Vì vậy ông Doanh khuyên: "Đảng phải tôn trọng luật pháp, phải hoạt động trong luật pháp." Và ông khuyến cáo một thứ "đổi mới tư duy" cho đảng Cộng Sản. Lê Đăng Doanh viết: "Pháp luật chủ yếu là để hạn chế, khống chế người có quyền. .. Chứ bây giờ pháp luật lại là chủ yếu để áp đặt, cai trị người dân." Ông còn viết thêm một lần nữa, "Pháp luật chủ yếu để kiềm chế, kiểm soát những người có (quyền thi hành) pháp luật, còn ngoài ra phải tạo điều kiện phát huy sự tự do, sáng tạo, không hạn chế quyền của người công dân." Thực ra thì, ông Lê Đăng Doanh nói quá nóng nẩy, pháp luật ở đâu cũng nhắm hạn chế quyền của mọi người, chứ chẳng phải không hạn chế dân. Nhưng ông Lê Đăng Doanh nêu lên một báo động cho tất cả mọi người: "Tất cả những nước nào không có luật pháp rõ ràng thì những nước đó vĩnh viễn nghèo!"

ở nước Việt Nam hiện nay những người cầm quyền thường tự coi là họ đứng trên pháp luật, đó mới là tình trạng phản dân chủ. Nguy hơn nữa, những người có trách nhiệm thi hành pháp luật lại tùy tiện giải thích và hành động theo từng lúc, từng đối tượng. Nếu anh biết thủ tục đầu tiên thì pháp luật sẽ nhẹ tay, nếu không thì thế nào cũng tìm ra tội dù không có tội. Nếu anh là đảng viên nói trong nội bộ đảng thì tha hồ nói, như ông Lê Đăng Doanh đã nói. Nhưng một người ngoài đảng nói thì có còng số tám ngay. Tức là người ta không những đứng trên pháp luật mà còn dùng pháp luật để thủ lợi và đàn áp người dân nữa. Trong 80 triệu người dân thì có hai loại, đảng viên và không đảng viên, được đối xử phân biệt. Ông Lê Đăng Doanh còn nói rõ hơn, có cả sự phân biệt giữa đảng viên có chức có quyền có tiền và các đảng viên tay không. Đó mới thực là phản dân chủ, ngay từ trong nội bộ.

Tại sao nước ta có bao nhiêu người can đảm, thông minh, mà lại chịu cảnh đó mãi được? Hện có một cơ chế như thế nào để duy trì, bảo vệ tình trạng đó, làm tê liệt những người biết suy nghĩ và dám phát biểu?

Đó là một điểm quan trọng nhất mà ông Lê Đăng Doanh đã nêu ra: Đảng Cộng Sản đóng vai lãnh đạo Nhà nước. Cái hiến pháp cũng bầy ra đủ trò, cũng có quốc hội, có chính phủ, có tòa án tối cao, có viện kiểm sát, vân vân, coi thì đẹp lắm. Nhưng tất cả những thứ đó chỉ là trò múa rối khi đứng trước quyền lực của đảng. Ông Lê Đăng Doanh đặt câu hỏi, "cơ chế Ban cán sự đảng không khéo là một cơ chế tốt để vô hiệu hoá chính phủ." Một quyết định nào của chính phủ cũng có thể bị "nó" đem trình lên Bộ Chính trị, ban Bí thư, ban cán sự "nó thách thức chính phủ luôn." Guồng máy đảng và guồng máy chính phủ đi song song, và bao giờ đảng cũng mạnh hơn. Ông cựu thứ trưởng ngoại giao Trần Quang Cơ kể trong hồi ký rằng có lúc Ban Đối ngoại trong Trung ương đảng nói thẳng với đại sứ Trung Quốc ở Hà Nội là có việc gì cứ đến bàn thẳng với họ, không cần qua bộ ngoại giao; lại nói với chính phủ Trung Quốc là có chuyện gì cứ nhắn thẳng qua đại sứ của họ ở Hà Nội, không cần cho đại sứ của Việt Nam ở Bắc Kinh biết. Một nước có hai guồng máy cai trị, "làm nhiều việc quá chồng chéo, có nhiều việc không ai làm cả."

Ông Lê Đăng Doanh nói: " ... nhìn vào là thấy Đảng dầy đặc luôn! Chính phủ có bộ nào, cục, ban nào, Đảng có hết thẩy các thứ ấy. "Lại có thêm bộ máy gọi là ... tổ chức quần chúng," tức là Mặt trận Tổ quốc. Ông Doanh cũng nói thẳng: "đấy là những người mạo danh tổ chức quần chúng, thực sự là cánh tay nối dài của đảng Cộng Sản, không phải la đại diện gì cả!" Ông phê phán đúng, đó là một chuyện "vô duyên," những "bình hoa rất tốn kém!" Vì đảng nhất định lãnh đạo cho nên, như ông Doanh mô tả, "Ở tỉnh ủy, ông có đề bạt được một chuyên viên nào mà không có ý kiến của ông Ban Tổ chức tỉnh ủy không? Thậm chí một trưởng phòng của một ngân hàng thương mại cũng hỏi Ban Tổ chức tỉnh ủy!" Ông nêu một thí dụ mà người ngoài không thể biết: Chức Ban Khoa giáo Thành ủy Hà Nội là một địa vị "rất thơm" và "anh không qua thằng này là không được!" Còn những người giúp việc cho Tổng bí thư thì "một chức vụ rất hiền lành, tưởng như vô thưởng vô phạt, chẳng có quyền hành gì, nhưng thực sự lại là quyền sinh, quyền sát."

Nhưng điều nguy hiểm là cái guồng máy đảng có quyền tuyệt đối nhưng không chịu trách nhiệm với ai cả trừ mấy ông trong Bộ Chính trị! Và cách làm việc của họ lại bất chấp chuyên môn, chỉ cần quan điểm chính trị theo đúng ý cấp trên muốn là được! Có những việc không ai làm là vì như vậy. Có lợi gì đâu mà làm? Không làm có chết ai đâu? Cho nên mới có những chuyện rất hài hước. Một ông trong Bộ Chính trị bảo "Phải làm một nhà máy phát điện cho vùng tôi chứ?" Thế là guồng máy nhà nước được huy động, bỏ tiền ra làm cái nhà máy phát điện. Làm xong, khánh thành rồi, mới có người hỏi: Phải có hệ thống

đường dây dẫn diện chứ? Lúc đó mới đi lập hệ thống cột điện, dây điện. Có dây điện rồi chưa xong, lại thắc mắc nữa: Bây giờ dân chúng họ dùng điện chắc phải có cách tính tiền bảo họ trả chứ? Lúc đó mới nghĩ tới việc cần những cái công tơ đo số điện dùng. Rồi cái công tơ đó đem bán hay đem phát không? Tính giá mỗi ky lô oắt điện là bao nhiêu? Mỗi việc trên mất hàng năm mới quyết định xong, vì phải chờ đảng lãnh đạo! Đảng lãnh đạo, nhưng đảng chỉ bảo phải làm cái nhà máy điện thôi, đảng quên tất cả những chi tiết chuyên môn khác. Ông Võ Văn Kiệt mươi năm trước đã hăng hái làm dự án đường dây điện cao thế Bắc Nam, bảo là để chở điện từ đập sông Đà vào cho Sài Gòn dùng. Cái đường dây mà bây giờ người trong nước gọi là "đường dây cao thế của bà Kiệt" hiện nay đang lo chở điện từ Nam ra Bắc, vì ở ngoài Bắc mới thiếu điện! Cái đập sông Đà tạo ra bao nhiêu điện, các ông ấy phải biết chứ? Ông Võ Văn Kiệt cũng xông xáo làm đường quốc lộ số 1 B, chạy song song với đường cũ theo dấu đường mòn Hồ Chí Minh. Làm xong rồi, không mấy xe chạy qua. Ít xe chạy vì xe cộ chạy trên đường lâu lâu phải đổ xăng, nếu xe hư phải có chỗ sửa ngay bên đường. Hai cơ sở đó chưa ai mở, vì nếu có ai mở ra rồi cũng không đủ khách dùng, để sống. Không đủ khách vì vùng đó rất thưa dân. Thưa dân vì không đủ kế sinh nhai. Cuối cùng quốc lộ cũ vẫn đầy xe, chật hẹp, đi lại khó khăn; còn quốc lộ mới không biết để bao lâu thì nó hư mà không ai thấy cần sửa; vì có nhiều người dùng thì mới đáng công sửa chứ?

Đó là cách đảng lãnh đạo cho nhà nước quản lý! Nhưng nếu bảo họ bớt lãnh đạo đi một tí cho dân nhờ thì họ không chịu. Ông Lê Đăng Doanh không nói hết, ông chỉ hỏi: "Chứ bây giờ anh bảo là anh lãnh đạo; anh đứng lên quyết định hết tất cả à?"

Từ lâu, đã có ý kiến phải tách đảng Cộng Sản ra khỏi guồng máy nhà nước. Những người trong đảng như ông Nguyễn Khắc Viện đã nói ý đó (ông Viện đã qua đời,) ngoài đảng như Phan Đình Diệu cũng nhắc lại ý đó. Ông Lê Đăng Doanh mô tả những cảnh chồng chéo, cảnh quyền hành lớn mà vô trách nhiệm, phát sinh vì quy tắc "đảng lãnh đạo." Ở Việt Nam hiện nay có thể nói ý kiến "tách đảng ra khỏi nhà nước" đã chín mùi cho nên ông Lê Đăng Doanh mới dám nói mạnh như thế. Tuy nhiên ông dùng chữ nghĩa văn từ trừu tượng, lơ mơ, gọi là "nhất thể hóa" (hệ thống đảng và hệ thống nhà nước.) Ông nói, "nhất thể hóa theo tôi là nên. Nhất thể hóa nó có cái lợi, tức là người đứng đầu có một danh nghĩa toàn dân." Chúng ta phải nhớ lại, trong đoạn trước ông Doanh nói, "ông lãnh đạo tối cao ấy lại không phải do dân trực tiếp bầu ra. Dân không được chọn ông ấy nhưng mà lại coi là ông tối cao nhất (sic). ... Thế thì bây giờ ông ấy là ông Tổng bí thư!"

Từ lâu nay mỗi đại hội đảng Cộng Sản họ bầu một nhóm người gọi là Trung ương đảng, để nhóm người đó chọn Tổng bí thư, chọn thủ tướng, chọn quốc trưởng, vân vân. Khi đề nghị "nhất thể hóa" tức là bắt đảng Cộng Sản phải để cho dân chúng chọn những người nắm guồng máy cai trị chứ không còn chịu cảnh một cổ hai tròng nữa. Tất nhiên khi họ tổ chức bầu cử theo lối quen thuộc thì họ vẫn nắm tất cả. Nhưng nếu đảng Cộng Sản chấp nhận tách đảng ra khỏi guồng máy chính quyền tức là dân ta đã đi được một bước trên đường vô hiệu hóa bộ máy đảng. Bởi vì nếu đảng không còn "lãnh đạo" một cách vô trách nhiệm nữa thì cán bộ sẽ mất nhiều thứ quyền lợi đang hưởng. Mất quyền lợi thì còn ở trong đảng làm gì? Đó là lý do khiến những ý kiến tách đảng khỏi nhà nước sẽ không bao giờ được đem ra bàn.

Năm 1989 đảng Cộng Sản Ba Lan đã họp một đại hội lịch sử. Các đại biểu can đảm biểu quyết "giải tán đảng," rồi trao chức thủ tướng cho một luật sư thuộc Công đoàn Đoàn kết. Ở Việt Nam những người sáng suốt và dũng cảm như vậy không còn bao nhiêu. Có hai loại người can đảm. Một là những người dám xác nhận và làm theo những điều mình cho là đúng. Hai là những người dám nhận những điều mình làm sai. Loại thứ hai này bao giờ cũng hiếm. Chúng ta mừng khi thấy có những đảng viên cộng sản can đảm nói thẳng rằng vai trò của đảng đã lỗi thời, tư tưởng, lý thuyết của đảng cũng hủ lậu, cần phải thay đổi, và kết luận,"Theo tôi, nguy cơ đã bộc lộ khá rõ... theo tôi nguy cơ này liên quan đến cả sự tồn vong của chế độ.... không thể thu hút đầu tư được, tham nhũng sẽ càng ngày càng tăng lên, phân biệt giầu nghèo sẽ ngày càng tăng lên."

Bài phát biểu của ông Lê Đăng Doanh còn dành nhiều chỗ ca ngợi cơ cấu kinh tế thị trường với các lợi ích mà hiện nay dân ta chưa được hưởng. Chúng tôi hy vọng sẽ có dịp bàn tới các ý kiến đó trong một bài khác.

Ba Mươi Năm

PHẠM PHÚ MINH

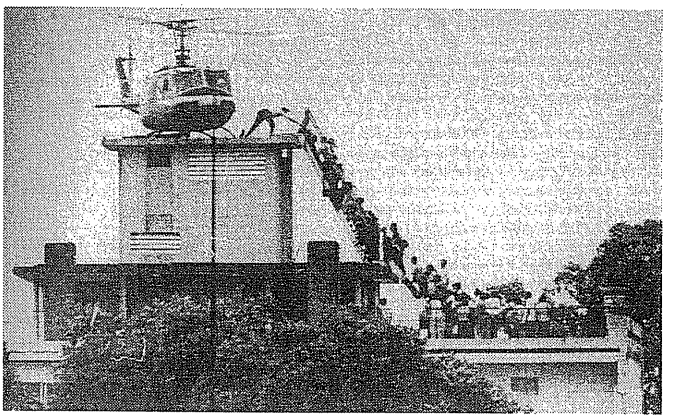

1975 đến 2005: 30 năm. Ba mươi năm là tuổi lập thân của một con người (tam thập nhi lập), nhưng đối với dân tộc Việt Nam thì trong ba mươi năm vừa kể đã làm xong một cái "lập" rất lớn lao, là lập nên một nước Việt Nam tại hải ngoại. Nói như thế dĩ nhiên là lạm dụng danh từ, chẳng có một quốc gia nào của người Việt Nam theo đúng định nghĩa của luật pháp quốc tế được thành lập ở hải ngoại trong ba mươi năm qua cả. Nhưng theo một ý nghĩa được đồng thuận một cách khá mông lung bởi người Việt đang sống trong năm châu thì hình như có một "nước" đã được thành lập, lãnh thổ vô cùng rắc rối vì là từng mảng da beo rải rác khắp nơi trên vỏ địa cầu, ngôn ngữ, phong tục tập quán đại khái vẫn như dân Việt tại nước gốc, và về chính quyền thì không có, nhiều lắm chỉ là một loại tinh thần chung, nhưng có điều chắc chắn là tuyệt đại đa số dân chúng không cảm thấy mình thuộc về hoặc là công nhận chính quyền cộng sản đang cai trị nước Việt Nam hiện nay.

Lý do những người Việt Nam ra đi từ ba mươi qua để sinh sống ở nước ngoài được gọi một cách ngắn gọn nhưng về ý nghĩa thì rất đầy đủ: tị nạn cộng sản. Không quanh co úp mở gì cả, chính vì chủ nghĩa cộng sản toàn thắng tại Việt Nam năm 1975, dân chúng chịu không nổi nên phải chạy trốn ra nước ngoài, bằng nhiều phương cách khác nhau. Dĩ nhiên người cộng sản Việt Nam khi nói về người tị nạn ở nước ngoài thì không bao giờ dám can đảm gọi đúng tên của sự kiện này, mà hay dùng lời lẽ quanh co, chẳng hạn: người Việt Nam *vì lý do này hay lý do khác*, phải ra sống nước ngoài v.v... Đứng trước thời điểm ba mươi năm này, chúng ta nên chính danh một lần cho dứt khoát về thân phận của chính chúng ta: những người tị nạn cộng sản. Và cũng yêu cầu mọi người, bất kể từ phía nào, khi nói về người Việt đi ra sống hải ngoại trong ba mươi năm qua, cũng xin gọi cho đúng là những người tị nạn cộng sản. Chẳng phải vì tuyên truyền hay chống phá gì cả, chẳng qua cần phải chính xác thôi. Ba mươi năm đã là một phần ba thế kỷ, mọi chuyện đủ lắng xuống để thành lịch sử rồi, ít ra phải ghi xuống một tên gọi trung thực về một lớp người đã góp phần làm nên lịch sử đó, dù là những người trốn chạy.

Thua trận, trốn chạy, toàn là những điều chẳng có gì vinh quang. Nhận chân điều này là điều rất nên để chúng ta biết mình là ai, nên khiêm tốn như thế nào, và nên cố gắng ra sao. Chúng ta đã được thế giới văn minh (chỉ cần không cộng sản và sống với đầy đủ tình người là đã đủ để gọi là văn minh) cưu mang, cho tá túc và tạo điều kiện làm ăn sinh sống trong tinh thần tôn trọng nhân phẩm, khác hẳn với những gì chúng ta nhận lãnh từ chế độ mới trong nước từ 1975. Đối với thế giới chúng ta vừa mang ơn cứu tử vừa mang ơn giúp xây dựng lại cuộc đời, những gì chúng ta nhận lãnh thực là lớn lao, không bao giờ được quên. Điều lớn lao chúng ta học được trong đời của chúng ta là tình người trên thế giới này lớn lắm, và là một cái gì có thực. Dù nó có bị xói mòn, biến dạng đi nơi người đồng bào thắng trận của mình thì tình nhân loại vẫn còn đó ở các nơi khác trên thế giới chưa có bóng dáng của chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa cộng sản đã cố công xây dựng một xã hội mới trong đó có con người mới, và đã vừa lý thuyết vừa thực hành định nghĩa và uốn nắn lại những thuộc tính của con người, tạo ra những sản phẩm vừa bạo lực vừa dối trá hoàn toàn xa lạ đối với chúng ta. Ngày nay, dù khối cộng sản trên thế giới đã nhào đổ và chính quyền Việt Nam đã buộc lòng đi theo con đường làm ăn với thế giới văn minh, nhưng ý đồ và tham vọng của họ về một thế giới cộng sản vẫn không thay đổi: môn học lý thuyết mác xít và cái gọi là tư

tưởng Hồ Chí Minh hoàn toàn phục tùng lý thuyết ấy vẫn là môn học bắt buộc cho tất cả các trường học tại Việt Nam, và về phương diện phát triển đất nước họ vẫn khư khư là theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với chúng ta, hiểu được những lý thuyết, "tư tưởng" và "định hướng" này không phải là việc dễ dàng, nhưng nó cho ta một kết luận chắc chắn rằng tính chất độc đoán và toàn trị của chính quyền cộng sản Việt Nam trước sau vẫn y nguyên giữa một thế giới đang đổi thay như vũ bão. Ba mươi năm, cái nguyên do khiến chúng ta phải chạy trốn vẫn còn nguyên. Trước tình hình như vậy, những người tị nạn chúng ta, ngoài việc đi tị nạn để cứu lấy thân mình và gia đình mình, còn cần ý thức thêm việc gìn giữ và phát triển chút gì tinh anh trong sáng nơi một con người Việt Nam bình thường không bị cộng sản khống chế nhồi nhét những lý thuyết quái đản lỗi thời, như họ đang làm hiện nay.

Bị đột ngột bứng khỏi địa bàn sinh sống của ông bà tổ tiên hàng ngàn năm, người Việt Nam tị nạn đứng trên những miền đất lạ, đã phải qua những khó khăn và vất vả lớn lao để thích ứng hầu tạo nên cuộc sống mới, với bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm, sở trường và sở đoản cố hữu của chúng ta. Chúng ta hãnh diện với bao tấm gương làm việc cần cù chăm chỉ để xây dựng nên sự nghiệp mới một cách lương thiện, chúng ta đồng thời cũng cay đắng nhìn những sự gian dối, nương theo những kẽ hở của luật lệ nước sở tại mà kiếm tiền một cách bất lương phi pháp; chúng ta vui sướng biết bao trước sự thành đạt học vấn của con em chúng ta, nhưng cũng ngậm ngùi khôn cùng trước những băng đảng cướp của giết người cũng do chính con em chúng ta thực hiện. Thành công rực rỡ trên thương trường, chính trường hay trong học giới, hoặc sa vào cảnh tù tội nhục nhã, tất cả những cái đó đều thuộc vào cơ thể của cộng đồng tị nạn chúng ta, nó khiến ta vui sướng hay đau đớn, dường như là mỗi một thành viên của cộng đồng đều có một sợi giây thần kinh nối liền với trái tim của những thành viên khác. Không tin vào một sự ưu việt sẵn có nào, cũng như đã không tin vào những câu khẩu hiệu rỗng tuếch, bao nhiêu năm qua người tị nạn khắp nơi đã phải mở to mắt ra để nhìn vào thực tế mà giải quyết và định hướng cho cuộc sống không phải là không có chông gai của mình. Khó khăn vì hoàn cảnh khách quan đã đành, mà những lệch lạc, kỳ cục, xung đột của chính chúng ta cũng không phải là hiếm. Giá trị của cộng đồng chúng ta đâu phải chỉ tính bằng tài sản vật chất mà chúng ta kiếm được, mà sự đồng thuận, hiểu biết và tình đoàn kết của chúng ta mới là cần thiết biết bao!

Tâm trạng của người tị nạn chính trị là đau đáu trông chờ tình hình đất nước cũ của mình ngày một khá hơn, dân chúng có cuộc sống dễ thở hơn về vật chất và tinh thần. Vì thế mà xảy ra hai nguồn viện trợ:

- Nguồn thứ nhất là chuyển tiền về để giúp thân nhân. Về khoản này, chúng ta thấy tình cảm của người Việt Nam không cộng sản, tức là người Việt Nam truyền thống, quả thật rất thương yêu quyến luyến với những người thân của mình, nói chung với đồng bào của mình. Rời nước trong ba mươi năm qua trong nhiều đợt khác nhau, đến nay hầu hết đã yên ổn với cuộc sống mới, người tị nạn không bao giờ quên gửi tiền và quà cáp về giúp đỡ thân nhân của mình, gửi dài dài từ ngày mới vừa tạm ổn định từng thùng thuốc từng xấp vải, cho đến ngày nay tỉ tỉ đô la mỗi năm. Người trong nước nhận tiền dồi dào, tưởng chừng bên trời Tây cuộc sống của thân nhân mình rất đế vương dư dã, nhưng đâu có biết tiền gửi về đó là do bao giờ lao động nhọc nhằn, tiết kiệm bớt ăn bớt tiêu, tính toán từng món một mới có mà gửi về. Ngành nghề nào cũng vậy cả, trong một xã hội ổn định và lương thiện, từ người có trí thức cao như luật sư, bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư cho đến người làm móng tay, bán phở, đi bỏ báo hay làm trong hãng xưởng đều có một cung cách giống nhau, là làm việc hết mình để có một thu nhập xứng đáng với công sức mình bỏ ra. "Đồng tiền Việt kiều" ngày nay có thể không còn nghĩa lý gì nếu so với những thu nhập khổng lồ không sao quan niệm nổi của nhiều quan chức hoặc người làm ăn nắm bắt được cơ hội trong một xã hội đang biến chuyển một cách rối ren như tại Việt Nam, nhưng giá trị mồ hôi nước mắt của nó cũng như tấm lòng của những người gửi nó vẫn là những bảo đảm cho giá trị tinh thần và vật chất mà nó mang lại.

Các thiên tai đôi khi xảy ra trong nước là những dịp cho thấy tấm lòng của người tị nạn từ miền Nam Việt Nam. Mỗi lần nghe tin lụt lội bão bùng gây cảnh đói khổ cho đồng bào thì người ngoài này xao xuyến không yên, vội tổ chức những đêm văn nghệ, những ngày đi bộ để quyên góp tiền gửi về cứu trợ. Dù biết tiền cứu trợ đưa về là món mồi ngon cho hệ thống tham nhũng dày đặc từ trên xuống dưới của nhà nước Việt Nam, nhưng người tị nạn vẫn làm việc cứu trợ với cố gắng lẩn tránh càng nhiều càng tốt những cái vòi bạch tuộc ngọ nguậy cùng khắp từ thủ đô đến tận hang cùng ngõ

hẻm để rút tỉa không một chút lương tâm bất cứ thứ gì có hơi tiền.

- Nguồn viện trợ thứ hai: yểm trợ cho các cố gắng tranh đấu cho dân chủ và tự do từ trong nước, đây là sự viện trợ chủ yếu về tinh thần. Người tị nạn chạy khỏi đất nước là để trốn chế độ độc tài, đã trốn thoát được cho bản thân mình nhưng tinh thần vẫn hoài mong sao cho đất nước và đồng bào của mình cũng được thoát. Tinh thần ấy vẫn theo người tị nạn như một nỗi khắc khoải, mặc dù cuộc sống mới đã ổn định, nhân phẩm của mình được đất nước quê hương mới cùng cộng đồng nhân loại tôn trọng. Mà càng được tôn trọng thì càng tủi cho đất tổ của mình, đang bị một cái đảng từ đâu xa lắc về tự cho mình là chủ nhân tuyệt đối của đất nước và dân chúng, một mình một chợ tha hồ làm những gì mình thích. Nhưng cái gì có lợi cho phe nhóm thì hẳn nhiên đi ngược lại quyền lợi của đám đông, phe nhóm càng giàu thì đám đông càng nghèo, phe nhóm càng tự tung tự tác thì đám đông càng phải mất quyền tự do. Việt Nam bị cai trị chỉ bởi một đảng, được bảo vệ bởi một lực lượng công an cảnh sát hùng hậu luôn luôn được o bế, ưu đãi. Người dân bị khống chế và áp bức phải phản đối, và sự chống đối kết tinh nơi một số người có nhân cách, trí tuệ và đảm lược lớn. Những năm qua trong và ngoài nước Việt Nam đã tạo nên một thế liên hoàn, là ngoài nước yểm trợ cho những người đấu tranh ở trong nước bằng cách tạo nên áp lực quốc tế để làm chùn tay bớt các hành vi tàn ác của guồng máy cai trị độc tài. Dù chính quyền trong nước nhìn những vận động này một cách căm tức, luôn luôn gọi là "những lực lượng thù nghịch," nhưng vẫn phải nới lỏng sự đàn áp, vì đang làm ăn buôn bán với thế giới văn minh, và dù muốn dù không càng ngày càng phải dấn sâu và tuân thủ vào các tục lệ của thế giới. Các nhà tranh đấu trong nước nhìn vào sự yểm trợ này của người Việt nước ngoài như một "hậu phương lớn" cho các hoạt động của mình. Lý tưởng tự do dân chủ cho dân tộc Việt Nam đã trở thành một mẫu số chung cho những người thật sự có lòng với đất nước, dù là ở trong hay ngoài nước.

Sau ba mươi năm, thế hệ tị nạn đầu tiên đã trở nên già, sắp rút lui hẳn ra khỏi sân khấu hoạt động, thì thế hệ thứ hai (và cả một lớp người tự gọi mình là thế hệ "một rưỡi") đã trưởng thành và đang thay thế lớp thứ nhất. Nếu tâm trạng của thế hệ thứ nhất trong thời gian qua còn chịu rất nhiều ảnh hưởng của cuộc chiến thì thế hệ thứ hai lớn lên "nhẹ nhõm" hơn nhiều. Nếu sinh hoạt về mọi mặt của đời sống, nhất là về văn học nghệ thuật, của lớp thứ nhất là một nối dài của Việt Nam Cộng Hòa cộng với ảnh hưởng buồn đau của cuộc thất trận, thì tâm trí của lớp thứ hai hầu như đã ra khỏi những ám ảnh hoặc tốt đẹp hoặc u buồn của dĩ vãng, họ lớn lên và học hành trong đời sống no đủ với nền giáo dục tân tiến của Mỹ, Pháp, Canada, Úc..., tuy vẫn biết rõ mình là ai, tại sao lại ở những chốn này, nhưng trạng thái tâm hồn cùng cách nhìn sự vật của họ đã khác lớp phụ huynh của họ rất xa. Nhưng có một điều chắc chắn là họ vẫn yêu thương và quan tâm đến nước Việt Nam, và nhìn mọi chuyện trong nước, về kinh tế, chính trị, nhân quyền... với con mắt tỉnh táo và khoa học hơn.

Sau 1975, số người Việt Nam, đặc biệt là từ miền Nam, ra đi sinh sống khắp nơi trên thế giới là tị nạn chứ không phải là di dân. Các nhóm di dân khác, thông qua chính quyền và gia đình, đều có nước mẹ hậu thuẫn phía sau. Riêng người tị nạn Việt Nam thì không. Chính chính quyền cộng sản đã đơn phương cắt đứt mọi chuyện với chính sách vừa kỳ thị vừa dã man của họ, đám người này mới phải liều chết ra đi. Ra đi là một hành động vừa trốn chạy, vừa phủ nhận, "đó không phải là một chính quyền của tôi, tôi hoặc là chết hoặc là trốn đi chứ không thể sống với chế độ đó." Vì không có hậu thuẫn của một nước mẹ, những người Việt Nam tị nạn trên khắp thế giới phải tự lo lấy mọi thứ cho mình: ngoài việc xây đắp đời sống kinh tế, họ phải tự lo trang bị và phát triển cuộc sống tinh thần cho cộng đồng. Họ in sách báo, lập nhà xuất bản, họ sáng tác và tổ chức trình diễn ca nhạc, làm phim, sản xuất đĩa hát, họ vẽ tranh, chụp ảnh và triển lãm, họ thành lập Viện Việt Học để bảo tồn và phát huy quốc học Việt Nam, họ tổ chức ngay từ bước đầu của cuộc sống tị nạn các lớp Việt ngữ để dạy cho con em... Ba mươi năm, họ cố gắng không ngừng, làm lụng và xây dựng đời sống theo lý tưởng của họ, và vô hình chung, họ đã tạo nên hình ảnh một nước Việt Nam khác với nước Việt Nam đang bị cai trị bởi duy nhất một đảng, là đảng cộng sản thuộc đệ tam quốc tế. Lòng thương yêu đồng bào và đất nước của đám người lưu vong này đã được chứng tỏ qua các hành động "viện trợ" cụ thể của họ, cho thấy họ có mong ước gì hơn là đất nước được phát triển, đồng bào được sống no ấm và tự do! Nếu có được một chính quyền thực lòng lo toan cho mục tiêu ấy thay vì chỉ lo toan cho riêng băng đảng của mình, thì họ còn chờ gì mà không hòa nhập vào đất mẹ, dồn hết tâm trí mà xây dựng, khi biết rằng không có sự giả trá và tàn bạo nào đang vây quanh.

Tị Nạn - Tạm Cư - Định Cư

30 Năm Lịch Sử Một Cộng Đồng

THIỆN GIAO *(Tổng hợp)*

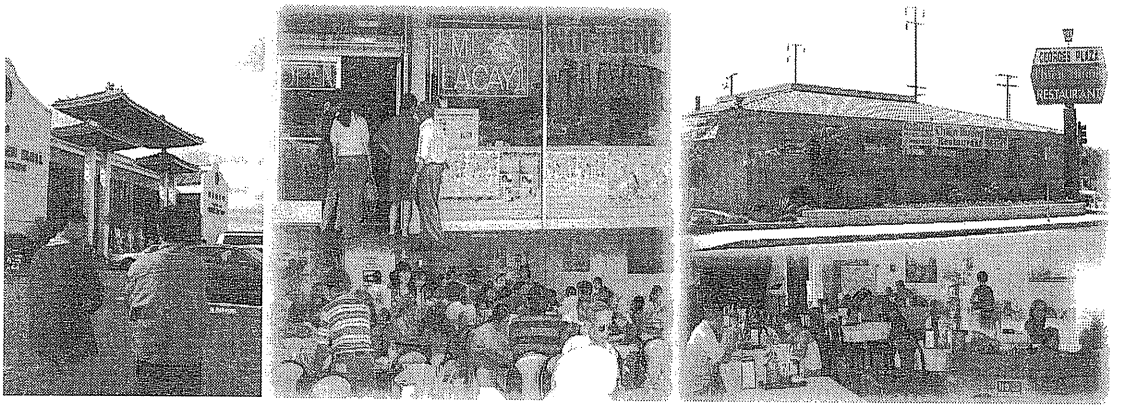

Từ Một Kết Thúc ...

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, chiếc trực thăng mang theo những quân nhân Hoa Kỳ cuối cùng rời khỏi Sài Gòn. Mười bốn năm chiến tranh kết thúc, nhưng làn sóng tị nạn chỉ vừa mới bắt đầu. Cuộc di tản bằng đường hàng không từ Sài Gòn đánh dấu sự khởi đầu của một trong những làn sóng tị nạn lớn nhất trong lịch sử nhân loại.

Tổng thống Gerald Ford ban hành đạo luật "Indochina Migration and Refugee Act" cho phép "những viên chức đặc trách vấn đề tị nạn ở cấp cao nhất được hành xử những ưu tiên tối cao nhằm giảm nhẹ nỗi thống khổ kinh hoàng của người tị nạn Đông Nam Châu Á..."

Những hình ảnh cuối cùng gây xúc động toàn thế giới.

Người ta cố gắng, trong tuyệt vọng, để vào được bên trong khuôn viên tòa đại sứ Hoa Kỳ. Người ta cố gắng leo lên những chiếc trực thăng đang chuẩn bị cất cánh, và bị đẩm rơi trở lại mặt đất. Những trẻ em Việt Nam được chuyền tay qua các hàng rào, được trao ngẫu nhiên vào bàn tay của những người không quen biết, bắt đầu một tương lai không biết sẽ ra sao.

Người ta trốn chạy, bằng bất cứ phương tiện nào, khỏi đất nước đang dần dần nằm dưới sự kiểm soát của người Cộng Sản. Họ trốn chạy bằng đường bộ, đường hàng không và đường biển. Mùa xuân năm 1975, hơn 130,000 người tị nạn Việt Nam đã ra đi. Những chiếc thuyền nhỏ bé, mong manh, chứa đầy người Việt Nam tất tả rời bến tại bất cứ nơi nào có thể ở sông Mê Kông.

Họ là những người Việt Nam tị nạn đầu tiên. Nhưng chắc chắn không phải là những người cuối cùng.

Những tháng đầu tiên sau ngày Sài Gòn thất thủ, 125,000 người tị nạn Việt Nam đặt chân đến Hoa Kỳ, đánh dấu "Làn Sóng Tị Nạn Thứ Nhất" kéo dài trong suốt 2 năm.

"Làn Sóng Tị Nạn Thứ 2" bắt đầu vào năm 1978 và kết thúc vào năm 1980. Trong 3 năm, tổng số người tị nạn lên đến 400,000. Họ là nạn nhân của chính sách "cải tạo" và "kinh tế mới" của chính quyền Cộng Sản Việt Nam.

Đạo luật "Refugee Act" được ban hành vào ngày 17 tháng 3 năm 1980 nhằm "cung cấp qui chế có tính cách hệ thống và vĩnh viễn để tiếp nhận và tái định cư một cách hiệu quả người tị nạn dựa trên những nhu cầu nhân đạo đặc biệt."

Riêng trong năm 1979, hơn 106,500 người tị nạn Việt Nam đến được Hoa Kỳ. Một số khác, khoảng 60,000 người, đến được Hồng Kông. Trong năm này, chương trình "Ra Đi Có Trật Tự" ra đời và được giám sát bởi Liên Hiệp Quốc. Tính đến năm 1990, 200,000 người Việt Nam đến được Hoa Kỳ theo chương trình "Ra Đi Có Trật Tự."

Từ năm 1981 đến 2000, hơn 531,310 người tị nạn Việt Nam được nhận vào Hoa Kỳ.

Riêng trong giai đoạn kéo dài 7 năm, từ 1975 đến 1982, Hoa Kỳ đã tiếp nhận khoảng 500,000 người tị nạn đến từ các quốc gia Đông Nam Á. 50,000 người khác đã chết trên đường đi tìm tự do.

Tị Nạn Khác Với Di Dân

Ngôn ngữ và định nghĩa chính trị phân biệt sự khác nhau giữa một "người tị nạn" (refugee) và một di dân (immigrant). Một cách đại cương, người tị nạn là những người không muốn rời bỏ bản quán của họ để tái định cư ở một nơi khác nhưng bị bắt buộc phải làm như vậy. Sự bỏ chạy của họ thường là hậu quả của những lo sợ bị bách hại và khổ hình vì trong quá khứ họ đã có liên hệ với các nhóm chính trị hoặc quân sự nào đó, nếu họ ở lại quê nhà.

Trái lại, di dân là những người có quyền lựa chọn. Họ đã đi tới một quyết định "hữu lý" căn cứ vào những cơ hội kinh tế tương đối tốt hơn, họ có đủ thời gian để chuẩn bị cho chuyến đi, thi hành tất cả những sắp đặt cần thiết và chỉ tới lúc đó họ mới lên đường rời khỏi bản quán. Người tị nạn Việt Nam không phải là những di dân muốn đến Hoa Kỳ với lý do chính là để được hưởng những cơ hội kinh tế và sự ổn định chính trị ở đây. Phần đông những cuộc thiên cư của họ không được hoạch định trước và họ bỏ nước ra đi vì lâm vào những hoàn cảnh tuyệt vọng. Điều này phân biệt họ thành những người tị nạn chứ không phải là di dân.

Tuy nhiên, các nhà xã hội học phân biệt hai cách đi tị nạn khác nhau; một cách là "có chuẩn bị" và một cách là "cấp tính," tùy theo những hoàn cảnh dẫn tới sự ra đi của họ. Như đã bao hàm trong ý của hai cụm từ này, với sự ra đi "có chuẩn bị," người tị nạn rời khỏi quê hương một cách trật tự, sau khi đã có một thời gian để chuẩn bị, gần giống như các di dân tự nguyện.

Loại thứ nhì, những người tị nạn "cấp tính" thường phải chạy ra khỏi quê hương một cách mau lẹ để phản ứng đối với sự thay đổi lớn lao và tương đối đột ngột, về chính trị và xã hội tại quê hương của họ. Hậu quả là những người tị nạn loại này có rất ít thời gian để chuẩn bị cho sự ra đi của họ. Điều quan tâm chính yếu của họ là thoát ra khỏi những hoàn cảnh bất thích hợp trong đất nước họ để đạt được an toàn và xin lánh nạn tại một nơi khác. Như người ta đã thấy, hầu hết những người Việt Nam tới Hoa Kỳ có thể được xếp vào loại tị nạn "cấp tính".

Cả hai đạo luật "Indochina Migration and Refugee Act" và "Refugee Act" đều sử dụng danh từ "tị nạn" để chỉ những người Việt Nam bỏ chạy khỏi Việt Nam. Hai đạo luật này đã thay đổi một cách hệ thống các quan điểm về di dân và tị nạn của chính phủ Hoa Kỳ.

Tạm Cư

Người tị nạn Việt Nam, khi đến Hoa Kỳ, được sắp xếp cư trú tại các trại tạm cư Camp Pendleton (California), Fort Chaffee (Arkansas), Eglin Air Force Base (Florida) và Fort Indiantown Gap (Pennsylvania). Làn sóng tị nạn này đa số thuộc về giới trí thức, quân nhân. Đa số có thể nói tiếng Anh hoặc tiếng Pháp và có nhiều kinh nghiệm làm việc với người Tây Phương. Trước làn sóng ồ ạt của người tị nạn Việt Nam, Quốc Hội Hoa Kỳ đã gấp rút ban hành hai bộ luật "Trợ Giúp Tị Nạn và Di Trú" (1975) và "Bộ Luật Tị Nạn" (1980). Hai bộ luật này cho phép gia tăng số lượng người tị nạn vào định cư tại Hoa Kỳ.

Để hòa nhập vào cuộc sống xã hội, bất cứ người tị nạn nào cũng phải định cư tạm thời trong các trại tạm cư nói trên và phải ghi danh với một trong chín cơ quan bảo trợ thiện nguyện (gọi tắt là VOLAGS.)

Có hai cách để được ra khỏi các trại tạm cư: một là phải chứng minh được sự độc lập về mặt tài chánh. Theo một nghiên cứu vào năm 1977, "cơ quan công quyền yêu cầu người tị nạn và gia đình họ chứng minh rằng mỗi gia đình có một số tiền mặt tối thiểu $4,000." Nếu giấy tờ chứng minh được đáp ứng đầy đủ, gia đình này có thể rời trại tạm cư. Tuy nhiên, vào thời điểm khó khăn ấy, chỉ một vài gia đình có thể chứng minh sự độc lập tài chánh của mình. Ngoài ra, có thể do sợ bị cướp bóc, nhiều gia đình đã không chọn cách ra khỏi trại tị nạn bằng việc chứng minh sự độc lập tài chánh của mình. Cách thứ hai, được chọn lựa bởi hầu hết người tị nạn Việt Nam, là ra đi bằng con đường "bảo trợ."

Sự bảo trợ thường đến từ các cơ quan, đoàn thể, cá nhân ... như các hội đoàn tôn giáo, các nhà thờ, các gia đình người Hoa Kỳ, các công ty, hãng xưởng đã từng làm việc tại Việt Nam hoặc có người Việt Nam làm việc trước đây... Ngoài ra, nếu thân nhân người tị nạn có thể đáp ứng được các yêu cầu tương tự, người tị nạn cũng có thể được bảo lãnh ra khỏi trại tị nạn.

Tại các trạm tiếp nhận, người tị nạn được yêu cầu ghi danh với một trong chín cơ quan bảo trợ thiện nguyện. Mỗi người tị nạn sẽ nhận được một sự giúp đỡ "tương đương $500". Các gia đình tị nạn, để được rời khỏi các trại tạm cư, cần tìm được sự bảo trợ từ các đoàn thể tôn giáo, doanh nghiệp hoặc cá nhân. Thành phần bảo trợ vào thời điểm ấy được thống kê như sau:

60% bảo trợ viên là các gia đình người Hoa

Kỳ.

25% bảo trợ viên là nhà thờ và các doanh nghiệp.

15% bảo trợ viên là các cá nhân.

Vào thời điểm này, người tị nạn Việt Nam, mặc dầu sống như những "quần tụ sắc tộc" (ethnic enclave), vẫn chưa tập hợp thành một "cộng đồng" theo ý nghĩa xã hội học. Đây là những điều kiện về cấu trúc và xã hội mà những người tị nạn Việt Nam đã gặp và phải đối phó khi họ bắt đầu tới Hoa Kỳ năm 1975. Tuy nhiên, riêng những yếu tố về cấu trúc và tâm lý không thể giải thích những nguyên do và những động lực đã giúp hình thành một cộng đồng và một quần tụ sắc tộc (ethnic enclave). Một số yếu tố khác, như cá tính văn hóa và hoàn cảnh xuất thân, cũng góp phần vào sự thành hình một "quần tụ sắc tộc" và sau đó là một cộng đồng.

Thứ nhất, có rất nhiều khác biệt về quá trình của những người tị nạn đã đến Hoa Kỳ trong những đợt sóng khác nhau. Đối với những người đến đây trong đợt sóng thứ nhất và thứ nhì, đa số là những người Việt thuộc các giai cấp trung lưu, trên trung lưu, và thượng lưu, dựa vào địa vị xã hội và kinh tế khi họ rời khỏi Việt Nam. Phần đông họ là những người có học vấn khá và đã có một số kinh nghiệm với văn hóa Tây phương. Họ cũng hiểu biết khá rõ về tình hình chính trị liên quan tới tình thế ngày càng xấu hơn ở Việt Nam, vì vậy họ đã có nhiều chuẩn bị tinh thần hơn để di tản.

Nhờ có những hoàn cảnh cao hơn về giai cấp xã hội, chính trị và kinh tế nên họ đã có thời gian để chuyển một số tài sản vào những ngân hàng ở Pháp, Thụy Sĩ, Hoa Kỳ và các ngân hàng ngoại quốc khác, trước khi miền Nam Việt Nam sụp đổ tháng Tư năm 1975. Những cách thức khác để chuyển tài sản là gửi vàng bạc, đồ kim hoàn và những bảo vật của quốc gia ra nước ngoài cho thân nhân và bạn hữu của họ. Vào thời đó các gia đình giầu thường gửi con họ ra ngoại quốc để tránh bị động viên, bằng cách lấy cớ đi du học để có bằng đại học. Sau đó phải kể tới giới Hoa kiều, ngoài những người Việt đã kết hôn với những người Pháp và người Mỹ, và những người Hoa ở Hồng Kông, đã cung cấp nhiều móc nối để chuyển tài sản của gia đình ra ngoại quốc.

Trong một số trường hợp, những tài sản chuyển ra ngoại quốc về sau này sẽ trở thành một trong những nguồn vốn quan trọng để mở những cơ sở kinh doanh nhỏ. Lớp người tị nạn này cũng có ưu thế nhờ vào những khả năng căn bản mà sau này sẽ giúp họ mở những dịch vụ nhỏ. Những khả năng đó gồm khả năng điền những mẫu đơn, kiểm kê hàng hóa, tuân thủ những điều kiện pháp lý và những qui luật về kinh doanh, thiết lập những móc nối, v.v... Lớp người này thường được xem là những người khai phá về mặt thương mại. Những khả năng căn bản ban đầu về sau này sẽ giúp cho nhiều người trở thành chủ nhân và người điều hành những cơ sở kinh doanh nhỏ và lớn.

Những làn sóng tị nạn Việt Nam thứ ba, thứ tư, và thứ năm thường kém may mắn hơn những người thuộc hai làn sóng đầu tiên. Họ không có dịp để tự chuẩn bị trước cho cuộc di tản, vì vậy đa số đã phải ra đi với hai bàn tay trắng. Phần đông họ là những người có quá trình xã hội, chính trị và kinh tế thấp hơn, và thường là cư dân của những thành phố cách xa Sài Gòn, điều này hàm ý rằng họ có ít kinh nghiệm về văn hóa Tây phương.

Một điểm đáng lưu ý về thành phần của làn sóng người tị nạn đi sau là nó bao gồm một số lớn Hoa kiều. Họ là những người Hoa đã sinh sống ở Việt Nam và luôn luôn duy trì truyền thống văn hóa riêng của họ và không coi mình là người Việt Nam. Họ thường tập trung vào những ngành kinh doanh, kỹ nghệ và thương mại trong vùng Đông Nam Á và nhất là ở Việt Nam. Nhờ những kinh nghiệm của họ ở Việt Nam, những người tị nạn gốc Hoa kiều thường thành thạo hơn về sự điều hành những cơ sở kinh doanh nhỏ do gia đình làm chủ.

Không giống hai làn sóng người tị nạn đầu tiên, những người đi sau - ngoại trừ giới Hoa kiều - thường thiếu những tài năng doanh thương và không có tiền vốn để trở thành chủ nhân của những cơ sở kinh doanh nhỏ. Vì vậy, họ thường đi làm những công việc lao động và/hoặc trở thành những người tiêu dùng trong môi trường kinh tế của cộng đồng sắc tộc của họ, bán sức lao động của họ cho những chủ nhân có sẵn vốn liếng và khả năng kinh doanh. Vai trò của những người tị nạn Việt Nam đến Hoa Kỳ trong những đợt sau rất giống nhóm này.

Bất kể tính cách hỗn loạn và vội vã trong sự ra đi của những người tị nạn Việt Nam, một số lớn đáng kể đã đi cùng với gia đình họ — chiếm khoảng 62% của tổng số những người đã tới Hoa Kỳ trong hai làn sóng đầu tiên. Tuy nhiên, do hậu quả của Chính Sách Phân Tán Người Tị Nạn của chính phủ Hoa Kỳ, chỉ những thân nhân ruột thịt và người trong gia đình mới định cư cùng với

nhau.

Hậu quả của chính sách này là dẫn tới sự phân tán người Việt Nam đi khắp nước Mỹ — điều này tạm thời gây gián đoạn cho hệ thống tương trợ của họ. Những điều kiện thời tiết ở nhiều vùng trong nước Mỹ rất khác với khí hậu ở quê hương họ. Chỉ một số ít vùng có thời tiết gần giống ở Việt Nam, như những vùng thuộc các tiểu bang California, Texas và Florida. Yếu tố này giữ một vai trò đáng kể trong sự hình thành của cộng đồng người Mỹ gốc Việt.

Định Cư

Cộng đồng Việt Nam tại miền Nam California đã thành hình như thế nào?

Năm 1977, toàn Westminster chỉ có ba cửa tiệm do người Việt Nam làm chủ. Đến năm 1982, con số này lên đến 100. Năm 2003, người Việt Nam làm chủ khoảng 10,000 cơ sở thương mại trên toàn địa bàn Quận Cam.

"Little Saigon" ra đời đầu tiên tại Quận Cam và trở thành biểu tượng tinh thần của người tị nạn Việt Nam trên toàn thế giới. Tên gọi "Little Saigon" nhắc nhở người tị nạn về một thành phố không còn tồn tại. Một thành phố đã bị đổi tên.

Little Saigon trở thành biểu tượng phổ quát bao hàm ý nghĩa văn hoá, lịch sử, lý tưởng... của những con người cùng hoàn cảnh, những con người xây dựng lại cuộc đời mới, và thành công, từ biến cố 30 tháng 4 năm 1975.

Theo số liệu thống kê năm 1980, những tiểu bang qui tụ nhiều người Việt Nam nhất là California với 34.78%, Texas với 11.34%, Lousiana với 4.43%, Washington với 3.65% và Virginia với 3.86%. Trong số các "trung tâm Việt Nam" này, California, đặt biệt là Quận Cam, chiếm vị trí hàng đầu nhờ vào thời tiết và vị trí thuận lợi cho việc phát triển kinh tế. Bên cạnh yếu tố thời tiết, Quận Cam, vào những thời điểm đầu của quá trình tị nạn, có nền kinh tế phát triển mạnh với mức thất nghiệp thấp.

Xét về mặt lịch sử và hoàn cảnh, sự thành hình và cả sự gia tăng liên tục người nhập cư vào Little Saigon sẽ tiếp tục củng cố Little Saigon trong vai trò của một "cộng đồng sống thiên về ký ức." Những ký ức về quá khứ, tuy vậy, không giống nhau cho tất cả các nhóm nhỏ trong cộng đồng nhỏ bé này. Sự đa dạng của cộng đồng được nhìn thấy qua sự đa dạng của các hình thức tổ chức, hội đoàn. Các tổ chức ra đời để đáp ứng nhu cầu của từng nhóm người trong cộng đồng. Vì nhu cầu khác nhau, các hình thức tổ chức cũng khác nhau. Những nhóm người trải qua những kinh nghiệm khác nhau (về chủng tộc, giới tính, tuổi tác, tầng lớp xã hội...) sẽ hành xử khác nhau trong phong cách cũng như trong suy nghĩ, bất kể những nhu cầu của họ có được thỏa mãn bởi những dịch vụ và sinh hoạt tại Little Saigon.

Nhưng chức năng của Little Saigon sẽ vẫn luôn luôn là nơi trú ẩn văn hóa và là nơi định cư vượt thắng về mặt kinh tế cho những người tị nạn và cho những ai mang tinh thần của người tị nạn.

Cho lớp người lớn tuổi và thiên về truyền thống cũ, Little Saigon là bệ phóng an toàn để hòa nhập vào xã hội mới.

Little Saigon là môi trường đúng nghĩa cho những năng lực kinh doanh. Những "môi trường cho năng lực kinh doanh" đã và đang tồn tại tại Hoa Kỳ, Chinatown và Little Tokyo là những ví dụ điển hình. Nhưng Little Saigon đang đi vào giai đoạn đầu tiên và bắt buộc mà những Chinatown và Little Tokyo đã trải qua: giá nhà cửa và đất đai khá rẻ cho giai đoạn đầu thành lập cộng đồng.

Những người Việt Nam tị nạn đến Little Saigon sẽ bắt đầu cuộc sống bằng cách mở một doanh nghiệp nhỏ. Những ngày đầu tị nạn, những doanh nhân này thiếu tất cả mọi thứ căn bản nhất để bắt đầu công việc làm ăn, họ không có vốn, không biết Anh ngữ, và không biết cả những hệ thống luật pháp và thương mại Hoa Kỳ. Vì những rào cản này, họ bắt đầu cuộc sống bằng những công việc chân tay, làm nhiều giờ, hưởng lương thấp

và đi học Anh Văn vào ban đêm để trang bị thêm kiến thức cho tương lai.

Cuối thập niên 90s, những tiệm chạp phô nhỏ bé bắt đầu xuất hiện trong Bolsa Mini Mall và những trung tâm thương mại dọc theo đại lộ Bolsa. Những doanh nghiệp đầu tiên ra đời vào năm 1978, khi ấy, đại lộ Bolsa vẫn còn được bao bọc bởi những vườn dâu (strawberry) và hằng hà sa số các cửa tiệm bỏ hoang. Có thể nói, ba cửa tiệm Việt Nam đầu tiên đã thay thế vai trò của Chinatown và Monterey Park trong vai trò phục vụ cộng đồng cả Việt Nam lẫn Việt gốc Hoa. Sự thành công của những doanh nghiệp đầu tiên đã gây cảm hứng cho cả hai sắc dân trong cộng đồng bắt đầu nghĩ đến sự phát triển trên toàn địa bàn Quận Cam. Vào thời điểm ấy, giá sinh hoạt tại Quận Cam tương đối thấp so với Los Angeles. Sự lớn mạnh của các doanh nghiệp Việt Nam và Việt Nam gốc Hoa, theo thời gian, đã thu hút người Việt và Việt gốc Hoa trên toàn cõi Hoa Kỳ đổ về California. Giá nhà rẻ, nhân công rẻ và sự gia tăng nhanh chóng các khu vực thương mại Việt Nam và Việt Nam gốc Hoa đã biến Quận Cam trở thành "cục nam châm" thu hút tất cả các sắc dân Đông Nam Á tị nạn, vốn là những người có cùng "back-ground:" xa lạ với cuộc sống và văn hóa Hoa Kỳ.

Trong khi làn sóng tị nạn thứ nhất đóng góp cho sự thịnh vượng kinh tế của các cộng đồng Đông Nam Châu Á, làn sóng tị nạn thứ hai đến Hoa Kỳ vào giai đoạn 1979 — 1982 với những lý do và hoàn cảnh khá đặc biệt. Hơn 40% người tị nạn thuộc làn sóng thứ hai đến định cư tại California. Một phần lớn thuộc làn sóng này là người Việt gốc Hoa trốn chạy sự kỳ thị của Cộng Sản Việt Nam. Những người tị nạn này mau chóng điều chỉnh và hòa nhập vào cuộc sống mới bằng cách mở những doanh nghiệp làm ăn với tiền vốn đến từ Hồng Kông và Đài Loan. Do làn sóng nhập cư quá ồ ạt, các doanh nghiệp mau chóng nở rộ khắp nơi để đáp ứng nhu cầu mới. Hai trung tâm thương mại ra đời chỉ ít năm sau đó: Asian Garden và Asian Village. Làm ăn nhắm vào sắc dân thiểu số không làm người tị nạn ngạc nhiên, họ đã quen với hiện tượng này khi đến Saigon và lập nên Chợ Lớn.

Những phỏng vấn của tờ Los Angeles Times, được thực hiện năm 1984 với cả hai sắc dân Việt và Việt gốc Hoa, đã cho thấy rõ điều ấy. Xin đọc vài dòng sau đây:

"Little Saigon không chỉ là một trung tâm thương mại, đối với tôi, Little Saigon là trung tâm của quá khứ và một lịch sử được mang theo từ Việt Nam. Tại nơi đây, tôi được thưởng thức những món ăn truyền thống mà tôi nghĩ rằng sẽ chẳng bao giờ lại có dịp nhấm nháp chúng một lần nữa trong đời..."

"Đại lộ Bolsa đối với tôi là một bác sĩ tâm thần và tâm lý... Bảng hiệu Việt Nam, mùi thức ăn Việt Nam cho tôi cảm giác dễ chịu. Chúng nhắc nhở tôi về một quá khứ tương tự như vậy..."

"Tại Little Saigon, chúng tôi được nói ngôn ngữ chung của tất cả chúng tôi và chúng tôi nhìn thấy quê hương trong suy nghĩ của nhau..."

Đại lộ Bolsa phát triển nhanh chóng với hàng loạt những nhà hàng, siêu thị, chợ... Vào thời điểm này, các ngân hàng có nguồn gốc Hồng Kông đã bắt đầu cho vay tiền để tư nhân mở doanh nghiệp mới. Tuy nhiên, chỉ những doanh nghiệp lớn mới vay tiền của các ngân hàng này. Về phía các doanh nghiệp nhỏ, yếu tố văn hóa Việt Nam đóng vai trò quyết định trong việc vay vốn làm ăn: người Việt Nam tại Westminster và Garden Grove làm ăn theo kiểu gia đình, họ mượn tiền từ bạn bè và thân nhân. Người Việt Nam lấy công làm lời, họ vừa đi làm vừa đi học và tiết giảm tối đa chi phí. Trong thời gian này, kinh tế gia đình đóng vai trò sống còn cho cộng đồng Việt Nam.

Tên gọi "Little Saigon" có tính cách biểu tượng cho cư dân địa phương, những người Việt Nam tị nạn. Khởi thủy, một số tên gọi khác nhau được giới thiệu, như "Saigon Town," hoặc "Little Vietnam." Nhưng cuối cùng, cộng đồng tị nạn đã chọn Little Saigon làm tên gọi cho địa bàn mình cư ngụ. Tên gọi "Little Saigon" nhắc nhở người tị nạn về một thành phố không còn tồn tại.

Cho đến cuối thập niên 1980, tất cả những cố gắng phát triển Garden Grove gần như luôn luôn thất bại. Các siêu thị, trường đại học, vốn nằm trong kế hoạch lôi kéo cư dân của chính quyền địa phương, đã không thành công. Vào thời điểm ấy, đại lộ Garden Grove, vốn được các nhà qui hoạch đô thị gọi là "con đường xấu nhất nước," vắng hoe. Giá thuê mướn mặt bằng trên đại lộ này vào năm 1975 chỉ có 15 cent một feet vuông. Đến năm 1983, tức là 8 năm sau khi người Việt Nam đến định cư tại đây, giá thuê mướn tăng đến 70 cent một feet vuông.

Tốc độ phát triển nhanh trong một thời gian ngắn đã thể hiện phần nào sự hội nhập "khép kín" của người tị nạn Việt Nam vào đời sống xã hội mới. Tốc độ phát triển ấy thể hiện sự biệt lập

của cộng đồng Việt Nam đối với xã hội bên ngoài. Từ bên ngoài nhìn vào, Little Saigon nói riêng và cộng đồng Việt Nam tại Quận Cam nói chung, có dáng dấp của một nền kinh tế "tự cung tự cấp." Nền kinh tế này "phình" ra theo thời gian, nhưng trong một giới hạn nhất định, nó thiếu những "kênh dẫn" làm cầu nối với nền kinh tế "dòng chính" đang chảy ngay bên cạnh.

Cộng đồng người Việt ở quận Cam lấy làm hãnh diện vì tất cả những doanh nghiệp được đều đặn thành lập trong lòng một "nền kinh tế bị bao vây": nhà hàng, siêu thị, phòng khám y tế, quán ăn, nhà hàng, quán cà phê, văn phòng luật sư, nhà thuốc y học dân tộc, tiệm may và cửa hàng thời trang, mỹ phẩm và thẩm mỹ viện, nhà sách, tiệm băng video, nhà thuốc Tây v.v... Tuy nhiên thêm vào đó, cộng đồng người Việt Nam có một số lượng lớn đến bất thường những tổ chức cộng đồng cũng như sự đa dạng trong thị trường sách báo, tạp chí. Có sáu nhà sách lớn ở Westminster (con số này lên đến 59 vào năm 2004, không kể qui mô hoạt động) và khoảng nửa tá các nhà in sách, báo, tờ quảng cáo và những cuốn sách nhỏ về hoạt động cộng đồng bằng tiếng Việt. Bên cạnh thương mại, lãnh vực truyền thông cũng có một sự đa dạng đáng nể. Cộng đồng Việt Nam tại Orange County có đến 34 đầu báo và tạp chí phát hành địa phương cũng như toàn quốc, trải từ phạm vi nhật báo, tuần báo, bán nguyệt san cho đến nguyệt san. Những tờ báo và tạp chí này chú ý chủ yếu vào những mặt của cuộc sống hằng ngày, từ sự kiện văn hoá, tin tức kinh tế, vấn đề xã hội, nghệ thuật, giải trí, giáo dục và cuối cùng là tin tức thể thao. Tất cả được viết bằng tiếng Việt và một số được viết bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Ấn phẩm cộng đồng là một chỉ dấu quan trọng về cộng đồng như nó đã phản ánh trước đó bởi các nghiên cứu đã được xuất bản bởi các nhà nghiên cứu Hoa Kỳ. Cho đến năm 2004, toàn Quận Cam có khoảng 55 ấn bản báo chí đủ mọi thể loại. Về phía phát thanh và truyền hình, cho đến nay Quận Cam có khoảng 20 chương trình phát thanh và bốn chương trình truyền hình Việt ngữ.

Quan sát cận cảnh cộng đồng người Việt Nam, người ta tìm thấy bằng chứng của một dân tộc bên trong lòng của những dân tộc khác. Có vẻ như có một nhân tố địa lý then chốt trong việc lý giải sự tồn tại cuả nền kinh tế bị bao vây trong lòng nước Mỹ này. Trung tâm cuả nền kinh tế này được định vị trong khoảng một dặm bán kính của đại lộ Bolsa ở Westminster. Có 12 trung tâm mua sắm ở khu vực này. Một số được phát triển đầy đủ trong khi một số đang được xây dựng. Khu vực này được gọi một cách nôm na là "Bolsa" bởi bất cứ người Việt Nam nào ở đây.

"...Từ ngày Saigon thất thủ, Westminster, California đã tiếp nhận một làn sóng đáng kể người Việt Nam tị nạn cộng sản, những người chạy trốn những bất ổn để lại từ thời chiến tranh Việt Nam. Họ đến đây và xây dựng lại thành phố. Họ bắt đầu điều chỉnh nhịp độ sống của chính họ, và chẳng bao lâu họ đã xây dựng thành công một hành lang dài 5 dặm với đầy những cơ sở thương mại được biết dưới cái tên Little Saigon. Little Saigon không chỉ hấp dẫn đối với người đến từ Đông Nam Châu Á, Little Saigon hấp dẫn mọi thành phần du khách. Làn sóng tị nạn bất đắc dĩ đã xây dựng lại thành phố này, và cả những trường học và những đường phố của thành phố này. Sự làm việc chăm chỉ và sự hợp tác của hàng chục ngàn cư dân địa phương đã giúp thành phố duy nhất này viết nên một chương mới về câu chuyện của đất nước Hoa Kỳ — một đất nước của sự đa dạng..." (Theo National Civic League — 1977)

30/4/ 1975	Số người Việt Nam đến được Hoa Kỳ: 129,792
	Mức độ thất nghiệp tại Quận Cam: 4.3%
	Giá thuê mướn mặt bằng trên đại lộ Garden Grove: 15 cent một feet vuông.
1977	Westminster có 3 cửa tiệm do người Việt Nam làm chủ.
1978	Bắt đầu làn sóng tị nạn thứ hai, kéo dài đến năm 1980. Số người Việt Nam đến Hoa Kỳ trong đợt tị nạn thứ hai: 400,000.
	Trung tâm Việt Ngữ đầu tiên được thành lập mang tên Hồng Bàng. Đến năm 1992, đã có 5,000 lượt thanh thiếu niên ghi danh học tại đây
1979	106,500 người Việt Nam đến được Hoa Kỳ. 60,000 người Việt và Việt gốc Hoa đến được Hồng Kông.
1981	45% người Việt Nam cho rằng tội ác là vấn đề cần quan tâm.
1982	Tính từ 1975, Hoa Kỳ đã tiếp nhận 500,000 người tị nạn trên khắp Đông Nam Châu Á. 50,000 người đã chết trên biển.
	Có 100 cơ sở thương mại Việt Nam tại Westminster.
1983	Giá thuê mướn mặt trên đại lộ Garden Grove: 70 cent một feet vuông.
1984	64% người Việt Nam cho rằng tội ác là vấn đề cần quan tâm.
1986	Học khu Westminster: 50% học sinh đạt điểm "straight A" là người Việt Nam.
1989	78% người Việt Nam cho rằng tội ác là vấn đề cần quan tâm.
1990	Hơn 200,000 người Việt Nam đến Hoa Kỳ theo diện ODP.
1996	Còn 18,000 người Việt Nam kẹt lại tại Hồng Kông.
2000	Trên toàn quốc, có 97,784 cơ sở thương mại do người Việt Nam làm chủ với doanh thu 9 tỷ 322 triệu đô la mỗi năm.
	Tại California, tỉ lệ người Việt Nam có lợi tức trung bình trên $100,000 là 18.6%
2003	Toàn Quận Cam có hơn 10,000 cơ sở thương mại được làm chủ bởi người Việt Nam, tăng gần ... 3500% so với năm 1978.

Người Tị Nạn 1975 Quan Tâm Điều Gì?

Những "Quan Tâm Trước Mắt" và những "Quan Tâm Lâu Dài" thể hiện sự hội nhập của người tị nạn vào xã hội Hoa Kỳ. Anh Ngữ không còn là quan tâm số một. Thay vào đó, công ăn việc làm chiếm tỉ lệ lớn trong mối lo âu của người tị nạn.
"Duy Trì Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam" trở thành mối quan tâm nhỏ nhất. Người tị nạn không còn quan tâm đến văn hóa Việt Nam, hay người tị nạn đã trở nên tự tin hơn trước sự thăng hoa của văn hóa Việt ngay trong lòng các cộng đồng tị nạn?

		Mức Độ Quan Tâm (%)
Những Quan Tâm Trước Mắt		
	Duy trì bản sắc Việt Nam	100
	Anh Ngữ	85
	Công ăn việc làm	33
	Làm quen với văn hóa Hoa Kỳ	23
	Di chuyển	18
	Nhà ở	14
Những Quan Tâm Lâu Dài		
	Công ăn việc làm	48
	Anh Ngữ	23
	Làm quen với văn hóa Hoa Kỳ	17
	Duy trì bản sắc Việt Nam	9

(Theo Gina Masequesmay — "Little Saigon: An Exploratory Study of an Ethnic Community" — Pomona College Claremont, CA — 1991 — trang 159)

Làn Sóng Tị Nạn Thứ Hai Quan Tâm Điều Gì?

Quan Tâm	Tỉ Lệ (%)
Băng đảng và tội phạm	41
Sự hội nhập	16
Công ăn việc làm	11
Kỳ thị	8
Học hành	5
Nhà ở	4
Các vấn đề khác	6
Không có gì để quan tâm	9

(Theo Gina Masequesmay — "Little Saigon: An Exploratory Study of an Ethnic Community" — Pomona College Claremont, CA — 1991 — trang 160)

Tài liệu tham khảo:

1. Luận án cao học của Hien Duc Do: "The Formation of a New Refugee Community: the Vietnamese Community in Orange County, California" — University of California, Santa Barbara — 1988.
2. Gina Masequesmay — "Little Saigon: An Exploratory Study of an Ethnic Community" — Pomona College Claremont, CA — 1991.
3. "Capturing the Change — The Impact of Indochinese Refugees In Orange County; Challenges and Opportunities" — Immigrant and Refugee Planning Center — C. Beth Baldwin.
4. Luận án tiến sĩ của Karin Aguilar — San Juan: "Creating Ethnic Places: Vietnamese American Community — Building In Orange County and Boston" - Brown University — 2000.
5. Luận án tiến sĩ của Elisabeth Esther: "Living Along the Fault Line: Community, Suburbia, and Multiethnicity in Garden Grove and Westminster, California, 1900 — 1995" — Indiana University — 1999.
6. Nhật Báo Người Việt.
7. L.A. Times.
8. Niên Giám Người Việt 2004 — Nhật Báo Người Việt.
9. "Profile of Vietnamese American Community" _ Lê Ngoan.
10. Census 2000.

Xe đạp và hiệu chả giò tại Hòa Lan

Vui buồn ba mươi năm người Việt ở Hòa Lan

MINH HẠNH

Với con số vừa vượt mức 18 ngàn người (17998 người Việt vào thời điểm 01/01/2005 – theo số liệu của Văn phòng Thống Kê Trung Ương) trên tổng số hơn 16 triệu cư dân Hòa Lan, cộng đồng người Việt chiếm một tỷ lệ tương đối nhỏ trong một quốc gia được tiếng là nước có chính sách dung nhập bậc nhất Âu châu (theo đánh giá mới đây).

Cộng đồng người Việt tại Hòa Lan có thể chia thành bốn nhóm chính: Đông nhất là những thuyền nhân ra đi từ miền nam Việt Nam, được tàu Hòa Lan vớt trong những năm cuối thập niên '70 đầu '80. Đợt thuyền/bộ nhân thứ hai đến ít năm sau đó, đa phần là những người được nhận theo diện nhân đạo từ những trại tị nạn Đông Nam Á. Sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ cuốn theo sự tan rã của khối Đông Âu, hơn năm trăm người Việt đang lao động ở Tiệp, Đức... trốn sang đã được Hòa Lan chấp nhận cho tị nạn sau nhiều dằng dai trong vấn đề thủ tục. Ngoài ba nhóm 'người Việt tị nạn' này còn một nhóm thứ tư 'không tị nạn' là những người đến Hòa Lan theo bảo lãnh gia đình và kết hôn đa chủng tộc, chưa kể vài trăm sinh viên du học và một số nhỏ từ Việt Nam sang tu nghiệp ngắn hạn hay có việc làm ở Hòa Lan.

Với người Việt tị nạn, nhất là những người trước đây sinh sống ở miền Nam, sự rời bỏ một nước 'xã hội chủ nghĩa' với những ràng buộc, kiểm soát chặt chẽ nhân khẩu, hộ khẩu, hành vi... để rồi lại rơi vào một nước đang áp dụng chủ nghĩa xã hội là một chuyện không mấy thú vị. Cũng lại chế độ hộ khẩu, phường khóm, không được tự do

đổi chỗ ở, không được tự tìm nhà thuê, rồi khám bệnh phải đúng tuyến, họp tổ dân phố, lập đội dân phòng, học sinh đi xin báo cũ (làm kế hoạch nhỏ)... mọi chuyện sao có vẻ giống Việt Nam quá. Chưa kể xe đạp lủ khủ đầy đường cho dù khí hậu lạnh buốt xương (con số xe đạp cho mỗi đầu người – 1,2 chiếc/người – cao hơn ở Việt Nam!). Thuở ấy người ngoại quốc ở Hòa Lan chỉ có vài sắc dân: những người đến từ các quốc gia cựu thuộc địa (Indô, Suriname, quần đảo Antilles...), và dân thợ nhập cư trong thập niên 60 – 70, phần lớn từ Thổ Nhĩ Kỳ và Maroc. Người Việt tỵ nạn khi đó là một cái gì rất mới với xứ Hòa Lan, họ chào đón và giúp đỡ tận tình, dĩ nhiên trong khả năng có thể. Mỗi hộ được giới thiệu một gia đình Hòa Lan để làm bạn, và là người hướng dẫn bước đầu, nhưng mối liên lạc này thường chóng tan vỡ trong cuộc sống chung giữa hai nền văn hóa, cách sống với nhiều điểm quá khác biệt nhau. Thể như nhạc dân gian Hòa Lan phần lớn viết theo điệu Foxtrot, Quickstep và vắng bóng Boléro, ngược hẳn với tân nhạc bình dân xứ Việt.

Ba mươi năm trước Hòa Lan và Việt Nam chưa đặt quan hệ ngoại giao cấp đại sứ. Từ thời Bảo Đại Hòa Lan đã đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ VNCH, có văn phòng đại diện ngoại giao ở Den Haag (The Hague), do Tòa Đại sứ VNCH tại Anh cai quản, và từ năm 1973 Hòa Lan cũng thiết lập thêm quan hệ ngoại giao với Hà Nội, qua trung gian Đại sứ Bắc Việt ở Bỉ. Theo lời ông đại diện VNCH cuối cùng tại Hòa Lan, nhà thơ/văn Cao Xuân Tứ (ông đã có nhiều sáng tác văn thơ đăng trên các tạp chí văn học thế giới, kể cả Thế Kỷ 21), những năm chiến cuộc sôi động, chẳng mấy ngày mà không có đám biểu tình trước văn phòng. Cũng những màn trao kháng thư, hoặc hàng chồng thư gửi đến theo lời kêu gọi của Amnesty International. Thế cờ lật ngược, giờ lại đến lượt 'phe ta' chăng cờ, biểu ngữ và hô khẩu hiệu! Cao Xuân Tứ cùng sáu sinh viên đang du học ở Hòa Lan là những người Việt đầu tiên tị nạn tại quốc gia này, hai năm trước khi đợt sóng vượt biển bắt đầu dâng cao sau chiến dịch đánh tư sản mại bản khắp miền nam Việt Nam.

Trong những năm cuối thập niên 70, sự hiện diện của quân đội Đồng Minh và sự gia tăng xâm nhập đánh phá của Bắc Việt đã đưa mức tàn phá tài nguyên và con người lên với một tốc độ không kịp thở. Hòa Lan khi đó là một trong những nước có phong trào đòi chấm dứt chiến tranh mạnh nhất. Phong trào này ít nhiều đã tạo nên thiên kiến trong cái nhìn của người Hòa Lan về cuộc chiến và về vai trò của Việt Nam Cộng Hòa. Trong một khoảng thời gian trên dưới một thập kỷ người Việt tị nạn ở Hòa Lan đã phải mất rất nhiều công sức để đưa đến cho người dân bản xứ một nhận định khác hơn về cuộc chiến vừa chấm dứt. Điều này nói lên sự khó khăn của thế hệ người Việt đầu tiên tại Hòa Lan mà người Việt ở nước khác khó thể hình dung được. Người Hòa Lan có cơ hội tiếp cận với cả hai khối siêu cường, vì thế họ đòi hỏi một sự giải thích có lý luận chấp nhận được và tài liệu dẫn chứng, so sánh cụ thể, đó là chưa kể đến những bất đồng trong quan niệm xã hội, chính trị. Nói đến hai từ 'quốc gia', người Hòa Lan liên tưởng ngay đến chế độ Đức Quốc Xã (Nazi) với những đau thương còn in hằn trong lớp người trên năm mươi tuổi. Còn nói đến cái hay của chủ nghĩa tư bản đối lại cái dở của chủ nghĩa cộng sản thì chẳng ai nghe, người Hòa Lan đã chối bỏ cả hai thứ cực đoan này. Điều nhiều báo Việt hải ngoại chỉ trích và chê cười Việt Nam là 'kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa' xin chớ nói lại với người Hòa Lan, họ sẽ hỏi ngay: 'vậy chứ Hòa Lan đang theo đường lối quản lý kinh tế kiểu gì?' Dân Hòa Lan là một dân tộc hiền hòa, họ vừa trải qua một cuộc chiến tranh tuy ngắn nhưng bạo tàn, họ hiểu rõ nỗi khổ của người dân, vì vậy tuy họ có thể không đồng ý với chính kiến của bạn, nhưng họ cũng sẵn sàng cưu mang khi nghe tả lại thảm cảnh thuyền nhân. Chẳng những không đòi hỏi, người Hòa Lan trong những năm đó còn dành cho người Việt tị nạn một số quyền ưu tiên, như công nhận là 'người tị nạn được mời' và ưu tiên cấp nhà to rộng hơn người bản xứ, trong một hoàn cảnh kinh tế không mấy thuận lợi của những năm đó. Chỉ riêng có thủ đô Amsterdam và ba thành phố lớn nhất Hòa Lan (Rotterdam, Den Haag và Utrecht) là không nhận người tị nạn (thuộc tất cả mọi sắc dân) định cư vì chính sách riêng của chính quyền sở tại.

Thuở những người Việt mới đến, chính trường Hòa Lan khá đơn giản, dưới con mắt Quốc–Cộng của ta. Trước nan đề Việt Nam đang gây nên thảm trạng thuyền nhân, kết quả của chính sách trù dập của nhà cầm quyền đối với thành phần 'không có công với cách mạng' hay bị kết tội 'phản cách mạng', có hai khuynh hướng giải quyết: Đảng hữu VVD (Đảng Tự Do Dân Chủ Nhân Dân), chủ trương dùng áp lực bắt Việt Nam giải quyết mâu thuẫn, Đảng Lao Động PvdA tả phái chủ trương

nâng cao mức sống người dân tại Việt Nam và nâng cao dân trí, từ đó xã hội sẽ được cải tổ ngay từ nội bộ. Quan niệm nào đúng hiện vẫn là một tranh cãi, nhưng có lẽ cả hai sẽ phải bổ khuyết cho nhau, dưới cái nhìn của trào lưu hiện nay.

Với người Việt, vào thời điểm thập niên '80, bầu khí đấu tranh còn sôi sục với quan niệm chỉ có võ lực mới giải quyết, chủ trương hòa với cộng sản là không tưởng và không thực tế. Đó là lý do nổi.

Bắt đầu từ con số không, trong một nước 'theo xã hội chủ nghĩa' hoàn toàn xa lạ, những người Việt mới đến Hòa Lan cảm nhận lập tức tâm trạng bơ vơ không người dìu dắt. Đây là một yếu tố khiến họ cần đến một sự đoàn kết nương tựa nhau vô điều kiện. Một Cộng Đồng Người Việt đã được nhanh chóng khai sinh. Ít có sắc dân thiểu số nào trên thế giới có được một sinh hoạt đoàn thể như

Hàng chả giò Việt Nam tại Hòa Lan

vì sao tuyệt đại đa số dân ta ủng hộ đảng hữu VVD trong khi đảng này vốn là 'đảng nhà giàu' và hướng giải quyết phúc lợi xã hội, công ăn việc làm của họ không mấy thuận tiện cho người có lợi tức thấp và cho người nước ngoài. Phải chờ hơn chục năm sau người Việt mới nhận ra được điều này, để bây giờ có những người đã dồn phiếu bầu đại biểu quốc hội cho đảng hữu VVD như một biểu tỏ quan điểm tán thành một sách lược quốc gia cứng rắn trong bang giao với Việt Nam, trong khi đó lại bỏ phiếu cho đảng Lao Động PvdA hay Đảng Tả Xanh trong những cuộc bỏ phiếu bầu nghị viên hội đồng tỉnh hay hội đồng thành phố để hy vọng quyền lợi của mình khá hơn. Đây là một chuyện dân Việt ở Hoa Kỳ không hiểu

người Việt tị nạn ở Hòa Lan. Tuy sau này có nhiều hội đoàn địa phương ở những vùng đông người Việt, cộng thêm những chi bộ của các đoàn thể chính trị quốc tế, nhưng mọi người đều mặc nhiên công nhận Cộng Đồng Người Việt Tị Nạn Cộng Sản tại Hòa Lan có vai trò điều hợp những sinh hoạt chung, cả văn hóa xã hội lẫn chính trị. Những xung đột giữa các tổ chức gần như không có, ngoại trừ vào đầu thập niên '80, khi Hòa Lan có hai tổ chức Cộng Đồng Người Việt – một với danh xưng 'Tị Nạn Cộng Sản tại Hòa Lan', một mang tên 'Tị Nạn Cộng Sản Việt Nam tại Hòa Lan', nhưng sau hai năm, qua một cuộc phổ thông đầu phiếu đã trở lại thành một đoàn thể, hiện nay với danh xưng là 'Cộng Đồng Việt Nam Tị Nạn Cộng Sản

tại Hòa Lan'. Tờ 'Việt Nam Nguyệt San', cơ quan ngôn luận của Cộng Đồng này cũng là một trong rất ít tờ báo ở hải ngoại có một chiều dài lịch sử gần 25 năm. Ngoài tờ báo này (và vài tờ 'Bản Tin' của một số hội đoàn), còn tạp chí Quyết Tâm thiên về văn hóa, xã hội, cũng đã sống được hai mươi năm.

Để duy trì sinh hoạt theo tôn chỉ, Cộng Đồng VNTNCS/HL không phải là không gặp khó khăn. Trong những năm mới thành lập, Cộng Đồng nhận tài trợ của chính phủ cho những sinh hoạt, số tiền tài trợ có thời gian lên đến hơn 100 gulden (tức khoảng 50 euro hay 65 Mỹ kim theo thời giá hiện nay) cho mỗi đầu người Việt tị nạn. Chỉ với một điều kiện: không được dùng tiền chi cho những sinh hoạt chính trị! Một tổ chức đại diện cho người tị nạn chính trị mà không được sinh hoạt chính trị thì làm sao tổ chức biểu tình hay đêm không ngủ. Vấn đề gian nan, nhưng ta vốn sáng trí, cộng với sự đóng góp bất vụ lợi của một số anh chị em có nhiệt huyết, cho nên cuối cùng cũng tìm được phương cách giải quyết một phần. Tuy nhiên, từ 10 năm nay, chính phủ cho rằng thời gian giúp đỡ người Việt để hội nhập trong xã hội mới đã hết, trợ cấp vì thế đã bị cắt giảm lần cho tới con số không. Hiện tại mọi chi phí duy trì sinh hoạt chỉ trông cậy vào vài nguồn lợi tức: niên liễm, tiền bán nước giải khát và cho mướn các sạp hàng trong dịp Tết Nguyên Đán. Sinh hoạt thường niên do Cộng Đồng tổ chức cũng vì vậy đành phải thu gọn trong một số công tác cố định hàng năm: tổ chức hội thảo hay biểu tình trong dịp 30/04, Tết Nguyên Đán, và những công tác biểu dương chính trị đột xuất tùy theo biến động trong giới người Việt tị nạn tại Hòa Lan cũng như trên toàn thế giới. Một 'màn ngoạn mục' tại Hòa Lan trong những năm gần đây là những vụ hạ cờ đỏ sao vàng. Thành phố Rotterdam được chọn là thành phố văn hóa, mỗi lần có lễ hội văn hóa quốc tế ban tổ chức cho treo cờ sao (theo đúng sách vở), thế là phe ta lại đi hạ, có khi bằng lời yêu cầu, có khi bằng áp lực mạnh.

Chính vì những sinh hoạt chính trị biểu dương trong suốt ba mươi năm nay đều theo một truyền thống hợp nhất, người Việt ở Hòa Lan đã gây được một hình ảnh đáng quí trong cộng đồng người Việt hải ngoại toàn thế giới. 'Một sự nhịn chín sự lành', người Việt sống trong một xã hội đa văn hóa Hòa Lan chắc cũng lây nhiễm thái độ tránh bạo động. Ai không ủng hộ thì không tham dự. Chỉ trừ một lần đã xảy ra 'chạm trán' giữa nhóm Thông Luận (tiền thân của 'Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên') với Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, được nhiều người đánh giá là một vết nhơ trong sinh hoạt dân chủ khó xóa mờ.

Không khí sinh hoạt 'đoàn kết' có một không hai này đã tạo được một số kết quả có tầm cỡ, như những Trại hè Hùng Vương thu hút mấy trăm người, khởi xướng Nghị hội Âu châu với sự tham dự của nhiều đoàn thể Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Ý... hay hiện nay Cộng Đồng đang xúc tiến công tác xây dựng làng Hùng Vương, một khu dưỡng lão dành cho người Việt. Vai trò điều hợp cũng còn được thấy qua những buổi tổ chức Tết Nguyên Đán hàng năm, với lượng người tham dự có lần lên đến hơn 10% dân Việt tị nạn, một con số đáng thèm của bất cứ một tổ chức nào. Tuy nhiên, nó cũng có thể đi đến một tình trạng không hay, vì dễ bị khuynh loát. Cuộc cách mạng nhung do 'một đoàn thể với những tổ chức ngoại vi vận động các cảm tình viên ồ ạt tham dự buổi phổ thông đầu phiếu bầu Ban Chấp hành Cộng Đồng' đã xảy ra vào năm 1990 như một hệ quả của sinh hoạt dân chủ thiểu số phải tuyệt đối phục tùng đa số. Tệ hơn, ở đây có nghĩa là những người đại diện của khối đa số muốn gì thì đám thiểu số cũng phải cắn răng mà chịu. Vì thế đã có thời những người 'lỡ dại về Việt Nam' hay 'có liên lạc với Việt Nam' (chủ tiệm thực phẩm, chuyển tiền...) bị Cộng Đồng cúp báo, và cũng có lúc người ta đã nghĩ rằng: 'nếu những người này nắm quyền không chừng mình sẽ lại phải vào trại cải tạo mất thôi'. Trong cộng đồng người Việt hải ngoại ở khắp nơi, báo chí và truyền thông ít nhiều có mang theo tính tư pháp, và đây thực là một điều không mấy đẹp bên trong một cộng đồng hay trong một xã hội mà quyền thứ tư này bị tập trung và chỉ đạo.

Vì những hoạt động của Cộng Đồng phần lớn mang màu sắc chính trị thuần túy, một số bạn thích văn thơ từ những năm đầu thập niên '80 đã có ý định tạo một sinh hoạt nghiêng về nghệ thuật, từ đó nhóm Cái Đình đã thành hình vào năm 1983, với mục đích tạo một diễn đàn văn học nghệ thuật. Nhóm đã thực hiện được hơn chục tác phẩm của các cây bút tại Hòa Lan, và tổ chức nhiều buổi ra mắt sách hay những buổi sinh hoạt mang chủ đề văn hóa văn học với các diễn giả từ khắp nơi. Cho tới nay nhóm Cái Đình được coi là một nơi tập hợp những người yêu thích sinh hoạt văn học, và là một địa chỉ liên lạc tại Hòa Lan về văn hóa văn học. Nhóm Cái Đình có những nỗ lực nhằm

vào việc giới thiệu văn hóa văn học Việt đến người bản xứ (và ngược lại) qua trang mạng caidinh.com. Điểm đặc biệt của sinh hoạt sáng tác ở Hòa Lan là tuy có khá đông (trên 20) người viết nhưng mỗi người có một sắc thái riêng, không ai lấn sân của ai, vì thế suốt 30 năm chưa một lần xảy ra bút chiến. Một số cây bút ở Hòa Lan được nhiều người Việt hải ngoại biết là Cao Xuân Tứ, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Nguyễn Hiền, Phạm Hải Anh... Về nhạc chắc chắn nhiều người đã biết nhạc sĩ Nguyễn Quyết Thắng, một con chim đầu đàn của phong trào Du Ca. Hiện tại nhạc sĩ vẫn tiếp tục công tác vun xới cho gia đình Du Ca trong website ducavn.com. Ông Thắng còn là đại diện Thế Kỷ 21 tại Hòa Lan.

Với người Hòa Lan, họ không chú ý nhiều đến những sinh hoạt chính trị của ta. Có chăng chỉ một vài năm đầu. Người Hòa Lan đã quá quen với những cuộc biểu tình, tuyệt thực của mọi phe nhóm. Trong khoảnh sân trước quốc hội gần như ngày nào cũng có một đám đứng căng biểu ngữ, hò hét và phát truyền đơn, chưa kể những cuộc tuần hành. Biểu tình ở Hòa Lan được ví như một thứ gia vị cuộc đời, không có không vui, và mỗi khoảng thời gian lại có một cái 'mốt' mới. Việt Nam đã phải nhường sân chơi lại cho những vấn đề thời sự nóng hơn. Ít người Hòa Lan biết đến nỗi khổ của người Việt, suốt ba mươi năm chưa lần nào tổ chức được cuộc biểu dương 'giương cao ngọn cờ chính nghĩa' vào đúng ngày ba mươi tháng tư, vì ngày này là 'Ngày Nữ Hoàng', một ngày lễ hội đông và vui nhất trong năm! Phần khác có thể do người Việt không chú trọng đến việc vận động sâu rộng nhắm đến các cơ quan truyền thông và chính giới, lý do chính là chưa trang bị được đủ lý luận thuyết phục. Trong khi ta mê mải lý luận chủ nghĩa, thì người Hòa Lan chỉ chú trọng đến con người, và sự tự do đúng nghĩa. Chỉ có một tổ chức (Hội Phát Triển Việt Nam – SOV) có những liên lạc khá chặt chẽ với vài dân biểu sẵn có cảm tình từ lâu với người Việt, thế nhưng vì một số lý do, tổ chức này đã không thu phục được cảm tình đồng hương ở Hòa Lan, tuy nhận được nhiều ủng hộ từ những quốc gia khác.

Người Hòa Lan chú ý nhiều hơn đến cá tính chung của người Việt và sự ứng xử trong tiến trình hội nhập. Người Việt ở Hòa Lan được đánh giá là siêng năng, chịu khó và ít đòi hỏi. Qua lời khen có thể hiểu rằng người Việt ở Hòa Lan chưa mấy người đạt đến tầng lớp 'chủ', ngoại trừ những người tự làm chủ cơ sở tư mang tính cách gia đình. Cộng đồng người Việt tuy mở, nhưng chỉ là bề mặt, còn đi sâu thì cũng khép kín như cộng đồng người Hoa, tức là sự giao tiếp với dân bản xứ chỉ ở mực xã giao hời hợt. Đó là sự nhận xét chung của người Hòa Lan. Điều làm họ thán phục là sự hiếu học của người Việt. Có một cái chung trong ước muốn của các bậc cha mẹ hai miền Nam Bắc cho việc thành đạt của con cái (Bắc: Nhất Y nhì Dược tạm được Bách Khoa, Nam: Y Dược Kỹ Nha Hành). Con số gần 30 vị đã tốt nghiệp bác sĩ và gần 20 dược sĩ cho một số dân 18 ngàn người (có lẽ là tỉ lệ y dược sĩ cao nhất trong tất cả các sắc dân, kể cả người Hòa Lan) đáng để chúng ta tự hào. Lớp trẻ Việt Nam ở Hòa Lan cũng thích học các bộ môn kinh tế, quản trị... Hai lãnh vực du lịch và khách sạn/nhà hàng cũng đặc biệt được các bạn trẻ chú ý. Chỉ có bộ môn luật là chưa cuốn hút được nhiều người, tuy rằng ai cũng thấy là xã hội toàn cầu nói chung và cộng đồng người Việt trong tương lai rất cần những chuyên viên am hiểu về luật, nhất là về công pháp quốc tế và luật xí nghiệp.

Người Việt ở Hòa Lan cũng đã mang được một món ăn đi vào văn hóa ẩm thực của người Hòa Lan: đó là 'Vietnamese loempia' (chả giò Việt Nam cải biến, cuốn độn nhiều rau, có cả khoai tây, trong bánh bột mì và ăn với sốt cà chua cay). Từ 'loempia' vốn là tên một thứ bánh xếp có nhân thịt xào với rau của người Indô. Chả giò khởi thủy được chiên và bán ngoài chợ lộ thiên dưới một hình thức rất 'dã chiến': một chảo dầu, một bếp ga, một tủ đông và một tủ kiếng. Dần dà, quán chả giò đã 'lên đời': chảo dầu bếp ga đã hiện đại hóa và vào nằm trong những chiếc xe lưu động, hay trở thành những quán 'snack'. Đi chợ, ghé vào xe chả giò Việt Nam mua một chiếc vừa đi vừa thổi vừa ăn trở thành một hình ảnh quen thuộc tại Hòa Lan. Rất tiếc món ăn nóng Việt tại Hòa Lan không thể đi xa hơn chả giò và vài món bánh chiên bao nhiêu bước. Đã có nhiều cố gắng trong việc mở nhà hàng Việt Nam, nhưng kết quả còn rất hạn hẹp để cuối cùng lui trở về hình thức quán bán snack hay một số món ăn mang về nhà. Ở Hòa Lan, nhà hàng Việt Nam đúng nghĩa đếm được bằng số ngón của một bàn tay! Có lẽ vì chế độ thuế má cao, nhân công mắc, nhưng cũng có thể vì món ăn Việt chỉ thích hợp trong một khung cảnh hơi 'bình dân', chén đũa lóc nhóc, nói cười vang rân. Chính người Việt chúng ta cũng chẳng thường đặt tiệc cưới ở nhà hàng Tàu hay sao. Lớp người Việt 'khẩn đất hoang' ở Hòa Lan hai mươi

mấy ba mươi năm trước, vì thực phẩm Á Đông khó tìm, dần dần đã trở thành những người đầu bếp khéo tay, các thứ bánh trái phải tự mò, tự học mà làm thì mới có ăn, và cũng chính vì thế chúng ta không cần phải ra tiệm, tới nhà bạn bè nấu ăn với nhau, vừa rẻ vừa vui. Hòa Lan không có khu chợ riêng cho người Việt, ngay cả hai cửa hàng Việt Nam cạnh nhau cũng chẳng có.

Ngoài chả giò, người Việt muốn có một công việc tự mình làm chủ cũng khá thành công trong

Khách du lịch đến Hòa Lan, khi vào những khu phố cổ hay làng nhỏ chắc sẽ nhận ra ngay một điểm là khi vừa an cư thì dân làng liền xây nhà thờ ở nơi trung tâm, mọi con đường đều đổ về đó. Những người Việt ở Hòa Lan theo Phật giáo cũng vậy, sau nhiều năm phải chịu cảnh di dời tượng Phật và nhang đèn từ nơi này đến nơi khác trong những dịp lễ, đã quyên góp được đủ tiền để mua lại một nông trại vào năm 1993, cải biến chuồng bò thành chánh điện, từ đó dân Việt

Xe đạp tại Hòa Lan

lãnh vực may gia công. Ngành này đã giúp nhiều gia đình có một thu nhập phụ, cả trắng lẫn đen. Dân Việt 'làm chui' ở Hòa Lan phần lớn làm nhân công trong các trại trồng hoa. Nghề 'lặt củ' đã giúp nhiều bạn trẻ có tiền tậu xe, mua máy nhạc và cúng cho thần Casino. Cũng nhờ nghề này một số lớn người Việt tị nạn đến từ các nước Đông Âu đã có thể tạm 'an cư' trong thời gian khó khăn ban đầu. Bạn nào đi thăm Hòa Lan, nếu có dịp để mắt đến những trại hoa tulip bạt ngàn, xin dành một phút nhớ đến những người Việt đang đổ mồ hôi trên 'luống cày' mỗi mùa hè, khi hoa đã tàn.

có thêm một chỗ lui tới mỗi khi lễ tết, người nghe kinh, kẻ tìm người quen thăm hỏi. Tết Nguyên Đán ở chùa Vạn Hạnh nằm trên đường Trung Đạo (Middenweg = Midway) của một làng nhỏ miền Trung Hòa Lan 'vui như tết' với cả ngàn người cầu gặp Phật cũng như cầu gặp tình yêu. Chùa Vạn Hạnh đặc biệt có một vị sư người Hòa Lan đã đi tu nhiều chục năm, và chùa cũng thường làm lễ qui y cho người bản xứ. Những vị thờ Chúa khi trước mỗi dịp Giáng Sinh cũng tổ chức được một buổi lễ chung cho hàng trăm người Việt, nhưng vì cung cách sinh hoạt của Thiên Chúa

Giáo (linh mục chịu trách nhiệm phần hồn cho mỗi giáo phận, bất kể chủng tộc) làm sự liên hệ giữa con chiên và chủ chăn khác hơn Phật giáo, buổi lễ Noel cho người Việt vì thế cũng lần lần phải chịu ảnh hưởng.

Trong khi cả mấy ngàn người Việt ở Sydney xuống đường phản đối SBS tiếp vận đài Việt Nam VTV4 thì hơn một nửa người Việt (tị nạn lẫn không tị nạn) ở Hòa Lan đã mời ông VTV4 vào ngự trong phòng khách bằng máy bắt sóng vệ tinh, chẳng cần ai tiếp vận! Xin các bạn đừng nổi nóng. Ở Little Saigon, Footscray hay Cabramatta có sinh hoạt tập trung của người Việt, cửa tiệm, hàng quán mỗi góc phố; báo chí, truyền thanh truyền hình mỗi ngày. Ở đây không có những thứ đó, báo gửi từ Mỹ Úc sang mười mấy euro một tờ làm sao mua đọc. Nếu nhìn theo một khía cạnh khác, truyền hình tiếng Việt cũng như hát karaoke và phim tập, đã giúp nhiều em nhỏ làm quen, nói và hiểu tiếng Việt, mặc dù rất có thể em sẽ nói bằng ngôn ngữ phim tập, hay ngôn ngữ truyền hình Việt Nam, nhưng những suy nghĩ và phán đoán của các em chắc chắn không phải là suy nghĩ phim tập hay suy nghĩ VTV4. Yếu tố có tác động trực tiếp vào nhận định của người Việt về xã hội ở Việt Nam và cung cách của nhà cầm quyền chính là mức sống và mức độ yên ổn của gia đình bên đó. Từ khi Đài Việt Nam Hải Ngoại phát sóng qua vệ tinh, số người chuyển sang nghe đài này tại Hòa Lan ngày càng tăng, điều đó chứng tỏ sự cạnh tranh trong một thế giới mở cũng có cái hay của nó. Hai đài truyền hình truyền thanh này trên thực tế đã phụ thêm và sẽ thay thế môn tiếng mẹ đẻ trong chương trình cấp 1, được Bộ Giáo Dục đề ra vào năm 1985 và vừa chấm dứt vào mùa hè 2004, với lý do là mục tiêu (duy trì sự liên lạc giữa các thế hệ với nhau và giúp cho việc hội nhập nhưng vẫn giữ bản sắc riêng) đã không đạt được, hay nói một cách khác: kết quả thu lượm được không tương xứng với ngân khoản đã xử dụng cộng thêm sự chống đối của nhà trường trong việc xếp thời khóa biểu. Mấy chục thầy cô giáo Việt thất nghiệp. Và rất tiếc cho bộ sách dậy đọc tiếng Việt đồ sộ gồm 24 cuốn do một ban biên soạn người Việt ở Hòa Lan và Anh quốc thực hiện, dựa theo phương pháp giảng dạy của Hòa Lan, với sự cộng tác của một số nhân sự ở Pháp và Việt Nam, được Cộng Đồng Âu châu tài trợ, ra mắt bảy năm trước (1998), tức là rất ít em nhỏ có dịp được học hết cả bộ, chưa kể một số vị 'dị ứng' với tựa bộ sách (Học Kĩ Đọc Đúng), đã từ chối không sử dụng.

*

Nhìn chung, xứ nào cũng có chuyện vui buồn riêng của nó. Còn trong tương lai sinh hoạt người Việt ở Hòa Lan sẽ ra sao, câu trả lời khá rõ ràng. Truyền thống 'mọi sinh hoạt đều hợp nhất và tập trung' sẽ không thể giữ mãi, nhất là trong tình trạng khối người tị nạn ngày càng giảm, con số những người 'không tị nạn' ngày càng tăng. Cộng đồng người Việt ở Hòa Lan cũng như ở mọi nơi đang phải đối diện với một Việt Nam thực tế và ngay trước mắt. Nhất là Cộng Đồng VNTNCS/HL đã khai sinh trong hoàn cảnh mọi người rất cần một sự đoàn kết để giúp đỡ nhau trong bước đầu lập nghiệp. Nhưng tôi tin rằng truyền thống bất bạo động của người Việt ở Hòa Lan vẫn mãi mãi được duy trì. Trong một xứ có truyền thống dân chủ cao độ, đối thoại không sử dụng bạo lực mới là điểm cần gìn giữ. Với tôi, Hòa Lan quả thực đã cho rất nhiều ấn tượng. Có lần chú tôi kể chuyện ông đi xe đò bị mấy 'ông nội giải phóng' chặn lại. Họ lùa tất cả hành khách vào đám ruộng gần đó và bắt mọi người đưa chân coi. Những người có đôi bàn chân trắng trẻo, gót không nứt nẻ bị dẫn vào sâu trong trảng tranh nơi bìa rừng, nghe giảng mấy giờ về chính trị, Mỹ Ngụy và hăm he nếu còn bắn giết đồng bào thì coi chừng. Ba mươi mấy năm sau, ở Hòa Lan cũng vẫn còn những người khi đọc bài viết khi thấy tác giả dùng từ 'Hà Lan' thay vì 'Hòa Lan' thì bảo: 'coi chừng thằng cha này là tay sai Việt Cộng'. Thật là cười ra nước mắt. Hay những lần tôi chợt nghĩ đến ngày còn nhỏ, mẹ cùng mấy dì mấy cô kéo nhau đi xem gánh hát về làng diễn trong những căn rạp tạm dựng, vách căng vải dù gió thổi lật phật, ngồi cạnh mấy bà nước mắt nước mũi tèm lem liệng quạt lên sân khấu để thưởng đào kép độc. Cảnh đó có khác chi bây giờ nghe thiên hạ í ới rủ nhau đi xem những buổi Đại Nhạc Hội hiếm hoi một năm đôi bận, được tổ chức trong những hội trường hở nguyên bộ sườn sắt mái tôn, ngồi ghế xếp trị giá chưa tới 5 Euro một chiếc trước sân khấu là mấy chiếc bục kê lại còn lòi ván, xem Duy Khánh hay Phi Nhung lấy nước mắt và hoa hồng của khán giả một cách ngon ơ. Xem mà để nhớ đến một quê hương rất xa, xa cả về không gian lẫn thời gian. Một quê hương chỉ còn trong quá khứ.

(Tháng 03/2005)

Mặt trái chiếc huân chương "Chiến Thắng"

Suy tư nhân ngày kỷ niệm 60 năm Liên Xô thắng phát-xít Đức

NGUYỄN MINH CẦN

Chế độ phát-xít Đức là một con quái vật khủng khiếp của thế kỷ 20, đã gây ra cuộc thế chiến thứ hai, ngốn hàng chục triệu sinh mạng người vô tội, gieo rắc biết bao đau thương, tang tóc, điêu tàn cho các dân tộc hồi đầu thập niên 40. Nhờ sự chiến đấu của Đồng minh các nước chống phát-xít, gồm có Liên Xô, Hoa Kỳ và Anh, nên mới đánh bại hoàn toàn được quân phát-xít vào đầu tháng Năm năm 1945. Trong cuộc chiến thắng vĩ đại đó, Liên Xô đã góp phần quan trọng nhất và cũng là nước bị thiệt hại nặng nề nhất. Theo con số chính thức thì Liên Xô có 27 triệu người chết, trong số đó 11 triệu 300 ngàn người chết trên chiến trường, số thương binh là 18 triệu 400 ngàn người, khoảng 6 triệu người bị bắt làm tù binh (1).

Chiến thắng quân phát-xít Đức là một sự kiện lịch sử huy hoàng của thế kỷ 20. Nó đem lại hào quang rực rỡ cho Liên Xô. Nhưng, oái ăm thay! Chế độ cộng sản của Stalin cũng là một con quái vật khủng khiếp của thế kỷ 20, về bản chất nó không khác gì chế độ phát-xít của Hitler, nó cũng độc tài toàn trị và đẫm máu không kém gì. Trong hơn bảy thập niên tồn tại, chế độ cộng sản Liên Xô cũng đã ngốn đến 65 triệu (2) sinh mạng người vô tội chủ yếu là dân nước mình.

Chính vì thế trong dịp kỷ niệm 50 năm Liên Xô thắng phát-xít Đức, khi xác nhận tầm quan trọng của chiến thắng, những người trung thực không thể không nghĩ tới tấn bi kịch khủng khiếp của các dân tộc và những con người bình thường, vô tội đã phải gánh chịu trong và sau chiến tranh. Có thể nói đó là mặt trái chiếc huân chương "Chiến Thắng."

Ở đây, tôi không nói đến những vụ thảm sát khủng khiếp hàng vạn sĩ quan và binh sĩ Ba Lan vô tội ở Katyn và Mednoe, mà chỉ nhắc đến những hành động diệt chủng đối với người dân của nước mình mà chế độ cộng sản Liên Xô đã thực thi trong thời gian cuối và sau chiến tranh. Bắt đầu từ cuối năm 1943, các nhà cầm quyền Liên Xô đã ra lệnh cho NKVD (3) xua đuổi trên hai triệu người thuộc các dân tộc Kalmykia, Karachaev, Chechnya, Ingush, Tatar Crimé, Balkaria, Bulgari, Grec (Hy Lạp), Turkia (Thổ), Kurd, Khemshil, v.v... khỏi quê hương, bản quán của mình để đi lưu đày đến các vùng xa xôi, hẻo lánh, như Sibiria, Altai, Omsk, Novosimbirsk, Trung Á, Kazakhstan... Đông nhất trong số đó là gần nửa triệu dân Chechnya và Ingush, trên 183 ngàn dân Tatar Crimé, trên 93 ngàn dân Kalmykia và trên 68 ngàn dân Karachaev. Ở đây chưa tính đến cộng đồng sắc dân Corea ở Viễn Đông bị lưu đày đến Trung Á.

Những dân tộc bị lưu đày đều không được báo trước để chuẩn bị, mà lệnh vừa đưa ra là bị lùa tất cả đi ngay, ai vớ được cái gì thì đem theo cái ấy. Mọi sự phản đối đều bị trấn áp ngay bằng súng đạn. Già trẻ, lớn bé, đàn ông, đàn bà bị lèn chặt trong toa hàng, xe vận tải hoặc xe ngựa. Trên đường đi, họ không được cung cấp gì về sinh hoạt, thuốc men, đến nơi đã định thì không có nhà lều gì hết, tất cả đều phải tự mình làm lấy, trước nhất là dựng lều tạm trú, rồi tự mình lo liệu mọi sự để ổn định cuộc sống. Chính vì thế có rất nhiều người, nhất là trẻ con và cụ già đã chết ngay trên đường đi và tại nơi mới đến. Có điều kỳ quái là bọn đao phủ chẳng cần quan tâm gì đến các binh sĩ đang chiến đấu ngoài mặt trận, chúng lùa đồng loạt cha mẹ, vợ con, anh chị em của họ đi đày cũng như mọi người khác. Thậm chí, những người có danh hiệu Anh hùng Liên Xô chúng cũng không tha, như L Mandzhiev (người Kalmykia), B. Khechiev (anh này bị chết khi đi đày). Còn sau chiến tranh, Anh hùng Liên Xô Khansultan Dachiev, người Chechnya, thượng tá M.Visaitov trong bộ tư lệnh Tập đoàn quân Belarus, cũng là người Chechnya, đã bị bắt đi đày. Chính vì thế, các dân tộc căm hận cao độ cái chính sách lưu đày của chế độ cộng sản Liên Xô. Điều đó giải đáp cho chúng ta câu hỏi: tại sao đến bây giờ nhiều người dân Chechnya vẫn còn kiên cường chiến đấu chống lại quân Nga để bảo vệ quyền

tự quyết cho dân tộc mình.

Sau chiến tranh, người dân Liên Xô chỉ mong mỏi được sống yên ổn, nhưng nào có yên đâu! Không cần nói đến chính sách trả thù, bắn giết hàng loạt những người đã cộng tác với địch trong thời kỳ chiến tranh bất kể tự nguyện hay là bị bắt buộc. Ngay đối với tất cả những người dân bình thường đã sống trong vùng bị địch chiếm đều nghiễm nhiên bị xếp vào loại công dân hạng... "đặc biệt." Mọi chính sách tuyển chọn nhân viên, tuyển sinh, v. v... đều có phân biệt, có kỳ thị rất rõ ràng. Thậm chí trong những bản mẫu khai lý lịch đều có mục "bản thân có sống trong vùng địch chiếm không?, những năm nào?, làm gì?", "cha mẹ, vợ con, họ hàng có ai sống trong vùng địch chiếm không?, những năm nào?, làm gì?", "có mồ mả ông bà, cha mẹ, họ hàng chôn trong vùng địch chiếm không?"... Mẫu lý lịch này cho đến những năm 60, 70 vẫn còn, và chính tôi cũng đã nhận một mẫu như vậy. Chắc các bạn có thể tưởng tượng là số dân đã từng sống trong vùng địch đông như thế nào? Con số đó lên đến hàng chục triệu người! Đó là dân nước Ukraina, nước Belarus, một bộ phận miền Tây nước Nga, vùng Caucasia và vài vùng mới thôn tính, như Moldavia, ba nước vùng Baltic. Tất cả đều bị kỳ thị suốt mấy chục năm ròng. Và cố nhiên, ở ba nước Baltic, người ta lại thi hành chính sách lưu đày đến vùng Sibiria xa xôi, như các dân tộc đã kể trên. Hồi những năm 70, chúng tôi có những người bạn là dân Lithuania, họ kể cho nghe về những đợt lưu đày khủng khiếp của dân tộc họ đến Sibiria.

Cũng cần nói rõ việc lưu đày các dân tộc này khác với chính sách bắt vào các trại tập trung, nói đúng ra là trại tù: các dân tộc bị lưu đày tuy mất tự do thật, nhưng chưa chính thức bị coi là tù

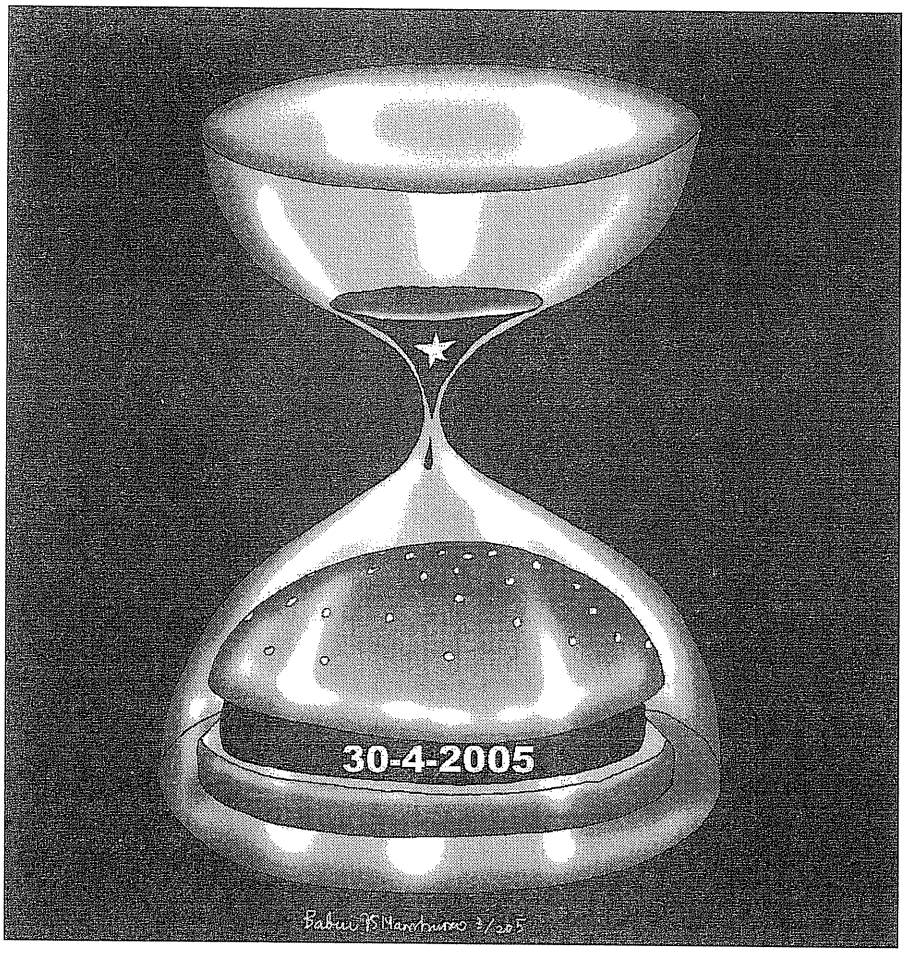

nhân, họ phải tự kiếm sống trong khuôn khổ vùng lưu đày. Còn những người ở trại tù đều bị coi là tù nhân, họ bị giam giữ, bị bắt làm việc và hàng ngày buộc phải thực hiện đủ định mức lao động, không thì bị cúp khẩu phần. Đây là nguồn nhân lực lớn không phải trả tiền mà chế độ cộng sản triệt để khai thác nhằm thực hiện những kế hoạch sản xuất của họ. Đến sau chiến tranh, do nhu cầu nhân lực cho công cuộc phục hồi kinh tế rất lớn, nên người ta càng đẩy mạnh việc bắt người vào trại tập trung. Diện người bị bắt càng mở rộng. Theo chính sách, những người tích cực hợp tác với địch thì bị bắn, những người hợp tác với địch thì đưa vào trại tù, nhưng người ta tống vào trại tù cả những người gọi là "không tích cực đấu tranh

với địch" – một tiêu chuẩn cực kỳ mơ hồ! Những sĩ quan và binh lính Hồng quân bị bắt làm tù binh Đức (4), những công nhân Liên Xô bị lùa sang Đức làm việc, những người dân Liên Xô có thái độ bất mãn, nói năng không thận trọng, bị quy là "phản động," "chống đối chính sách"... đều nhất loạt bị bắt vào trại tù. Ngoài ra còn có những người bị coi là "phần tử thù địch" ở các nước Baltic và các nước gọi là "dân chủ nhân dân," như Ba Lan, Đông Đức, Rumania, Hungary, Bulgaria...

Con số tù nhân trong các trại tù, mà nhà văn A. Solzhenitsyn gọi là "quần đảo GULAG," không bao giờ được Liên Xô công bố, nhưng theo đánh giá của các nhà nghiên cứu thì nhân số thường xuyên là tám triệu người, cao nhất là 15 triệu. Theo báo cáo của Chính phủ Anh ngày 15.08.1950 tại Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên Hiệp Quốc, số tù nhân của Liên Xô là 10 triệu người. Chính vì số tù nhân đông đảo như thế nên đất nước Liên Xô đã được mệnh danh là "đế quốc trại tù." Điều kiện sinh sống trong trại tù vô cùng tồi tệ, số tù nhân bị chết rất nhiều, số người ốm yếu cũng rất cao đến nỗi năm 1950, người ta ra lệnh bắn hàng loạt tù nhân ốm yếu với định mức là phải thanh toán 5% số tù để khỏi phải... "nuôi báo cô" những người đau yếu!

Có một điều quái gở là sau chiến tranh, việc bắt bớ trong hàng ngũ cán bộ, sĩ quan... dưới thời Stalin đã xảy ra nhiều đến nỗi tất cả mọi người đều run sợ, sống hôm nay mà không biết số phận của mình ngày mai ra sao. Ông cụ thân sinh nhà tôi là một đại tá đã vào sinh ra tử ở mặt trận Leningrad, bị thương nặng, mất một lá phổi, teo một cánh tay, được tặng nhiều huân chương, đã kể lại cho tôi là cứ mỗi tối trước khi đi ngủ cụ xếp sẵn sàng đồ dùng vào chiếc va-li con để khi người ta đến bắt thì có thể đi ngay. Chỉ sau khi Stalin chết, cụ mới bỏ thói quen này. Và điều này chắc nhiều bạn Việt Nam cũng không được biết là ngay như nhà chế tạo tên lửa nổi tiếng Liên Xô S. Koroliov, mãi đến khi bắn tên lửa đầu tiên đi vào vũ trụ, vẫn còn ngồi trong trại tù! Chỉ sau khi bắn thành công rồi ông mới được thả ra.

Cái giá xương máu trên chiến trường và mọi sự chết chóc, tù đày oan uổng của người dân, mọi đau thương của các dân tộc trong và sau chiến tranh to lớn biết dường nào! Nhưng có điều đáng buồn là Chiến thắng thực tế đã không đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Và đại đa số các cựu chiến binh Liên Xô, tức là những người đã làm nên chiến thắng huy hoàng – có lẽ chỉ trừ một số tướng lĩnh cao cấp – giờ đây vẫn cảm thấy hụt hẫng, ngao ngán, chán nản: họ so sánh cuộc sống của họ và của dân chúng "đất nước chiến thắng" với cuộc sống bình thường của người dân các "nước bại trận" là Đức, Ý, Nhật – sao mà khác nhau một trời một vực! Chính vì thế, trong những cuộc biểu tình hồi tháng Ba năm nay để chống chính sách của Tổng thống V. Putin chuyển các khoản ưu đãi thành tiền cấp đã có không ít cựu chiến binh Liên Xô tham gia.

Nói đến Chiến thắng của Liên Xô, tưởng cũng nên nói qua một chút đến cái gọi là "Chiến thắng" của Hà Nội. Cũng là những bài bản cũ của Liên Xô được những người cộng sản Việt Nam lặp lại: chính sách kỳ thị, phân biệt đối xử với những người sống dưới chế độ "cũ", chính sách trả thù, chính sách trại tù với 300 ngàn sĩ quan, binh sĩ, viên chức, trí thức bị mệnh danh là "nguỵ", với hàng chục ngàn người bình thường, bị quy là "phản động," "gián điệp," "chống đối" mà thực ra họ chỉ có cái "tội" là đề nghị với đảng và chính phủ những ý kiến khác với ý kiến kẻ cầm quyền hay chỉ đòi kẻ cầm quyền thực thi những quyền tự do dân chủ đã ghi rõ ràng trong hiến pháp! Cho đến cả sự suy sụp kinh tế, hồi những năm 70, 80, cũng như tâm lý hụt hẫng, chán chường của dân chúng cũng không khác nhau! Nếu nói nghiêm túc thì cái khác biệt đáng kể là cuộc chiến tranh của Liên Xô chống phát-xít Đức là một cuộc chiến tranh chống kẻ xâm lược, còn cuộc chiến tranh Bắc-Nam vừa qua là một cuộc nội chiến mà những người lãnh đạo cộng sản đã lừa mị dân chúng để đưa quân vào đánh miền Nam. Đến khi thắng rồi thì nhiều người mới "vỡ mộng": hoá ra là người dân hy sinh xương máu đi đánh nhau với anh em ruột thịt trong nhà, và cuối cùng thì... chỉ để cho một số kẻ cầm quyền toạ hưởng!

Nhân dịp này, mọi người nên để một phút tưởng niệm những người bị ngã xuống cả ở hai phía, những oan hồn của các chế độ độc tài toàn trị, phát-xít cũng như cộng sản.

Chú thích:

1. Tháng 3.1946, Stalin nói là 7 triệu người chết, tương đương với con số người chết của Đức. Năm 1956, Khrutchev nói là 20 triệu. Còn các số liệu này – lấy từ Bách khoa toàn thư Nga.
2. Con số do chủ tịch Uỷ ban xét lại các vụ án chính trị dưới thời xô-viết là A. Yakovliev công bố.
3. Bộ nội vụ, tức là bộ công an khét tiếng độc ác.
4. Theo điều lệnh, họ phải tự sát chứ không được để bắt làm tù binh.

Bài nói chuyện của TS. Lê Đăng Doanh

Nguyên Viện trưởng nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Chuẩn bị cho Đại hội 10 của Đảng CSVN

Lời Toà soạn: *Tiến Sĩ Lê Đăng Doanh trước đây là chuyên viên, cố vấn kinh tế cho thủ tướng chính phủ và nhiều đời tổng bí thư của đảng CSVN, nguyên Viện trưởng Viện Quản lý Kinh tế Trung ương. Hiện nay mặc dầu đã về hưu ông vẫn làm cố vấn cho các cơ quan kế hoạch và đầu tư. Bài dưới đây là văn bản ghi lại trung thực từ băng ghi âm buổi nói chuyện "vo," vào ngày 01/11/2004, với ngôn ngữ của các cán bộ chính quyền nói với nhau, không phải ngôn ngữ viết. Tuy nhiên, với bài nói chuyện này tác giả cung cấp cho người nghe nhiều hiểu biết cụ thể và sinh động về hiện trạng kinh tế Việt Nam, và những quan điểm riêng của ông về những vấn đề lớn trong cách quản trị xã hội theo mô hình độc đảng chuyên chế ở Việt Nam. Những chỗ có để ba chấm trong ngoặc đơn là những đoạn băng mà người ghi lại nghe không rõ, những chữ trong ngoặc đơn là chúng tôi thêm vào cho rõ ý của câu nói. Những đề mục nhỏ là của chúng tôi.*

*

Tôi rất cám ơn anh Trần Đình Hoan đã có một bức thư đặt vấn đề rất nghiêm túc. Với tinh thần chịu trách nhiệm một cách đầy đủ và nói thẳng thắn với Đảng, với dân, tôi có chuẩn bị (...).

Thứ nhất, tôi xin phép nói về tình hình, thực trạng của Việt Nam.

Thứ hai là một số vấn đề về kinh tế thị trường và một số vấn đề về hội nhập để chúng ta thấy bối cảnh của vấn đề đó. Bối cảnh nước Việt Nam đang vận động ở khung cảnh nào, trong môi trường nào, trong thế giới nào và chúng ta đang đứng ở đâu, người ta đánh giá chúng ta như thế nào? Từ đấy, chúng ta thấy hệ thống chính trị của chúng ta cần được cải cách trong một bối cảnh theo những tiêu chí gì và với các yêu cầu gì.

Để chuẩn bị Đại hội X, chúng ta đều biết là có Hội nghị Trung ương 11, tổng kết 20 năm, sẽ có bổ sung sửa đổi Cương lĩnh của Đảng ở mức độ nhất định, bổ sung sửa đổi Điều lệ Đảng, vấn đề nhân sự và bổ sung sửa đổi chiến lược kinh tế xã hội ở chừng mực. Có thể có yêu cầu phương hướng nhiệm vụ (...) mà anh Khải đã ký Chỉ thị 55, trong đó nêu lên yêu cầu mở rộng dân chủ, tranh thủ trí tuệ trong nước ngoài nước.

Từ ngày 23 đến ngày 27/8, ông Joseph E. Stiglitz (giải thưởng Nobel về kinh tế học, người đã phê phán Quỹ Tiền tệ quốc tế một cách ác liệt) đã sang đây. Ông là con người rất có lòng đối với Việt Nam, nhà ở của ông ấy có treo ảnh Bác Hồ và ở phòng khách thì tất cả những gì trưng bày ở đấy toàn là đồ vật của Việt Nam cả. Cũng xin báo cáo với các anh các chị là ông ấy đi giảng khắp nơi với giá 6.000 đôla một giờ, nhưng sang Việt Nam thì ông không lấy xu nào.

Thực trạng Việt Nam

Bây giờ chúng ta nhìn xem đất nước chúng ta nó thế nào ?

Dân số 81.3 triệu người, diện tích 330.900km2. GDP năm 2003 là 40 tỷ, năm nay nếu như mọi việc suông sẻ thì được 42 tỷ. GDP bình quân đầu người khoảng 500 đôla. Tính theo sức mua tương đương viết tắt là PPP, thì ở các nước nghèo tiền cắt tóc gội đầu này khác thì rẻ đấy, giá nhân công rẻ, phúc lợi xã hội thấp...

Năm nay tốc độ tăng trưởng là 7, 6%. Cũng xin lưu ý là chỉ có Việt Nam mới công bố kết quả kinh tế - xã hội trước khi kết thúc năm, mặc dù mình chỉ nắm được dự báo. Nhưng nhiều khi mình nói chắc nịch quá, nên người ta nhìn thấy cái tiết mục đó người ta cũng hơi bối rối. Các nước khác thì sớm nhất sau hai quý mới có cái đó được, sau một quý thì chỉ nói đây là dự báo gần đúng; công nghiệp là 15, 5%; nông nghiệp là 13, 7%; dịch vụ là 7, 8%; chỉ số giá cả khoảng 10%.

Nhân đây tôi cũng xin bình luận việc hôm qua ông Nguyễn Ngọc Tuấn công bố cấm các tổng công ty không được tăng giá. Đấy là ông ấy nói

chơi đấy chứ. Giá xăng lên như thế, Việt Nam Airlines lỗ, than cũng lỗ, tất cả đều lỗ (...) Ông ấy bảo bấm bụng mà chịu, bấm bụng chịu cho đến bao giờ ? Bây giờ ông lấy giá đó cốt để rồi ông ấy bảo đã đạt chỉ tiêu vượt (bao nhiêu) phần trăm. Cái giá ấy là một giá tạm thời, nó giống như cái lò xo bị nén vào. Nén vào rồi đến lúc mở ra thì nó phải bựt ra, mà bựt mạnh lắm. Tôi thấy trên thế giới không ai làm như thế và mắm môi mắm lợi làm như vậy cả. Mà làm việc giảm chi phí, tức là giảm chi phí năng lượng, chi phí nguyên vật liệu, áp dụng công nghệ mới, giảm chi phí văn phòng, các thứ này khác... mới là chuyện cần thiết, hơn là bảo không được tăng giá.

Các anh các chị đều biết là mỗi một doanh nghiệp Việt Nam đều có một đội xe tải. Các đội xe tải đó không bao giờ hoạt động một cách bình thường, tức là (chạy) không hết công suất và không chạy hai chiều. Trong khi đó, thì như ở miền Nam và tất cả các nơi trên thế giới, một cái xe tải một ngày chạy 22 tiếng đồng hồ, ít nhất phải có 2 đến 2 rưỡi lái xe, chạy 100% công suất. Một chiếc xe tải như thế ở trong thành phố Hồ Chí Minh một ngày nó không lãi 6 triệu, 8 triệu coi như nó khóc. Doanh nghiệp nó có xe tải gì đâu, nó cứ bấm (điện thoại) một cái rồi nó bảo mày đến đây chở, xong rồi nó chở. Và như vậy là nó thân nhau đến mức anh lái xe ấy cứ cầm luôn hóa đơn đến giao hàng, rồi nhận tiền về và giao lại, không cần vé gì cả. Có như thế mới hoạt động (tốt) được. Chứ bây giờ mình làm như thế này có lẽ cần phải tính. Bây giờ về mặt xuất khẩu đạt 25,1 tỷ, tăng 4%; nhập khẩu hơn 27 tỷ; về bội chi ngân sách 5%. Đánh giá về ổn định tài chính và khả năng tin cậy về tín dụng thì ta được xếp loại b+ (nhất thì a+, 3 con a+). Hiện nay là Singapore là 3a+, không có tháng nào là không 3a+ cả. Tệ nhất là 3c, là ông Bắc Triều Tiên. Trung Quốc nói là từ năm 53 đến giờ, cung cấp không biết bao nhiêu là dầu lửa, mà Bắc Triều Tiên không trả xu nào. Độ sâu tài chính, tức là tổng số tiết kiệm của ngân hàng trên GDP độ 44%. Tổng lương tín dụng trên GDP khoảng độ 48%, Trung Quốc là 162%. Đến thị trường chứng khoán thì không có nghĩa lý gì khoảng 1,6%; đây là chú bé năm nay hơn 3 tuổi nhưng không chịu lớn và rất nghèo và bị tật bệnh, không những bị ghẻ lở trong người mà còn nhiều tật bệnh nặng hơn nhiều.

Có hai mô hình về việc phát triển kinh tế thị trường. Những người gửi tiền vào ngân hàng thì được lãi suất, ông ngân hàng cho vay thì ông ấy chịu hoàn toàn rủi ro. Còn thị trường chứng khoán thì mọi người đều có lợi và mọi người đều cùng chịu rủi ro. Mác ngày trước nhìn đến một tương lai là xã hội cộng sản, đến sở hữu cộng đồng, thì đấy là thị trường chứng khoán đấy. Trong một nền kinh tế như nền kinh tế Hoa Kỳ, thị trường chứng khoán lớn hơn ngân hàng rất nhiều. Cho nên có thằng này, thằng kia bị (thất bại) nhưng kinh tế vẫn phát triển. Còn nền kinh tế như Trung Quốc, Nhật Bản bây giờ, ngân hàng chiếm phần lớn, thị trường chứng khoán rất bé, thì đấy là nền kinh tế phụ thuộc vào độ rủi ro của ngân hàng. Độ tiết kiệm ở trong nước mình bây giờ độ khoảng 31%, so với độ tiết kiệm của Trung Quốc từ 3-40 năm nay là trên 40%; Singapore là 45-46%. Singapore không phải là nó chỉ có tự nguyện (gửi tiết kiệm), bởi vì nó không có đất cho nên nó bắt thằng nào vừa ra trường làm việc một cái là phải nộp 20% tiền lương để nhà nước bán chịu nhà cho nó. Vừa ra trường đi làm lấy vợ một cái là có một căn hộ 120m2, thế đấy, nhưng suốt đời mày phải trả dần. Cho nên, đó là một động lực để cho mọi người đều phải làm ăn rất là nghiêm chỉnh, thằng nào mà lơ mơ một cái là nó đuổi cổ, không có tiền để mà trang trải nữa, nợ chồng chất lên là gay. Cho nên, các bạn thấy cái triết lý của kinh tế thị trường là để cho mọi người tự do, tự do quyết định, tự do hành động, nhưng mà các đòn bẩy nó ràng buộc người ta ghê lắm. Cho nên các bạn xem trong kinh tế hiện đại có mấy ông nào dám đối nghịch đâu. Bởi vì bọn chủ cũng lắng nghe thợ, và mấy ông kia nếu mà đình công thì ông chủ không có tiền ông ấy trả nữa. Như người Mỹ chẳng hạn, nó cũng mua chịu hết, từ ô tô đến nhà đến cửa. Nếu mà 3 tháng ông không trả được thì nó đến nó tịch thu hết tất cả, nó lấy hết tất cả thì coi như ông trắng tay. Cho nên ông phải biết dè chừng, ông làm điều gì đấy để mà cố gắng làm sao cho nó đừng đuổi cổ, chứ nếu mà nó đuổi cổ mà ông không có việc làm thì ông chết ngay. Và ở đây một con số nữa mà tôi muốn nêu lên đó là đến cuối tháng 8/2004 thì ta có khoảng 24.000 doanh nghiệp mới được thành lập. Như vậy có nghĩa là tính năng động của Việt Nam là lớn.

Vị trí của ta trên thế giới thì được nhiều nước công nhận là dân tộc kiên cường, đấu tranh bất khuất, có lịch sử, nền văn minh lâu đời, con người lao động thông minh khéo tay. Gần đây, có sự việc là Diễn đàn kinh tế thế giới xếp hạng Việt Nam. Có một việc là nó không tính yếu tố dân tộc kiên cường, cũng không tính yếu tố ổn định

chính trị vào đấy. Tôi có hỏi nó sao mày lại không tính, cái mục đó của chúng tao quan trọng lắm chứ. Thì nó bảo cũng thử tính mà không thấy có ràng buộc rõ ràng nào giữa cái kiên cường, giữa cái ổn định chính trị với tốc độ tăng trưởng cả. Mà nói thật với mày, cái chuyện ổn định chính trị thì chỉ nơi nào độc đảng, độc tài thì cái ổn định chính trị đối với nó là quan trọng. Chứ còn những nước dân chủ rồi thì nay thằng này lên, mai thằng kia lên, kinh tế vẫn hoạt động bình thường, bởi vì khung khổ pháp luật đã bình thường rồi. Tao đã thử tính rồi. Nhưng nó lộn xộn, một đống lộn xộn, không có được cái mối tương quan, nên tao không đưa vào, chứ không phải là tao không nghe theo ý kiến của mày. Thế thì xin báo cáo với các đồng chí là như vậy không phải nó có ác ý gì đâu. Thế, tôi mới nói: tao lịch sử văn minh như thế này sao mày không tính vào. Nó bảo... thử tính rồi nhưng không có mối tương quan gì cả. Mày xem thằng Iraq văn minh nó còn hơn mày ấy chứ, lịch sử thành văn của nó là hơn 5.000 năm. Mày cứ bảo mày được 2.000 năm nhưng mà những chứng cứ mày đưa ra có được 2.000 năm đâu. Thằng kia nó chứng minh rõ là 5.000 năm rồi, thế mà bây giờ Iraq có tăng trưởng gì đâu, có thấy rõ gì đâu. Nhiều thằng văn minh lắm, hơn chúng mày nhiều, bây giờ bất cập rồi. Giống như thằng Mông Cổ bây giờ có cái gì đâu. Bát-Đa cũng không có gì cả. Cho nên là những chuyện mày nói thì chúng tao cũng suy nghĩ lắm. Nhưng mà cần có cái gì đó để mà chứng minh là nó có liên hệ với việc tăng trưởng, với sự phát triển. Nếu có liên hệ, mày bảo tao thì tao đưa vào, nếu không có liên hệ thì thôi. Tao không thấy có liên hệ gì cả thì tao không đưa vào. Người lao động thì thông minh khéo tay, như giáo sư Senkimônô người Nhật Bản thì có nói là Việt Nam có người lao động thông minh, học nhanh, khéo tay, nhưng ít được đào tạo nhất thế giới. Tức là nói một cách khác, thì đào tạo kém như thế mà lại thông minh đến như thế, khéo tay học nhanh đến như thế, đấy cũng là điều lạ. Thế tức là nó vừa khen mình nó vừa chửi mình.

Trong chiến lược Đông Nam Á, mình rất là quan trọng rồi. Nếu như chúng ta nhìn vào bản đồ, chúng ta mở được miền Trung ra, chúng ta chở thuê cho tất cả từ Myanmar cho đến Bắc Thái Lan, cho đến Nam Trung Quốc, nó chở và nó chạy lên phía Trung Quốc mà không phải qua eo biển Malacca chật hẹp nữa, nó không phải qua cảng Bangkok đầy phè ra rồi; nó đi qua chỗ đó rồi nó đi lên Trung Quốc rồi Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga. Nếu đi qua con đường ấy nó tiết kiệm được một ngày một đêm, thế tức là cơ hội rất lớn, đúng không? Nếu như mình chốt cái Vịnh Cam Ranh thì mình có thể kiểm soát đường kinh tế dầu lửa của Trung Quốc và khi ấy Trung Quốc cũng rất là ớn, bởi vì hiện nay ông ấy làm bài toán sai lầm nên ông ấy rất đói dầu lửa.

Thế thì, chúng ta đang đứng trước tình hình là chúng ta có tốc độ tăng trưởng tương đối nhanh. Tôi xin nhấn mạnh, tăng trưởng ấy nhanh là chúng ta so với chúng ta thôi. Thực sự hiện nay mấy thằng Trung Á tăng trưởng nhanh hơn chúng ta rất nhiều. Thằng Kazakstan tăng trưởng nhanh hơn chúng ta rất nhiều. Trong vòng 15 năm qua, thằng Kazakstan mỗi năm tăng trưởng 10%. Thế rồi, hay như thằng Singapore, ngay đến nước lã nó cũng còn phải nhập khẩu, ấy thế mà quý II vừa rồi nó tăng trưởng 11%. Việt Nam cứ tăng trưởng độ 7%, còn thằng Singapore có năm chỉ có 1%, năm nay nó vọt lên 11%, sang năm nó lại tụt xuống. Bởi vì nền kinh tế của nó bé quá, nó phụ thuộc cả vào thế giới bên ngoài, nếu mà nó điều chỉnh không kịp là nó khó khăn. Tình hình của chúng ta là chưa bao giờ thế và lực của chúng ta lớn mạnh như bây giờ. Nền kinh tế có quy mô lớn nhất từ trước đến nay trong lịch sử. Tức là trong 10 năm qua, chúng ta đã xây dựng thêm được một nước Việt Nam thứ hai, chúng ta có một nền kinh tế thứ hai. Chúng ta đã tạo thêm được của cải và cải tạo thêm được rất nhiều. Trước kia, 5 năm xuất khẩu chưa được 2 tỷ, giờ đến 1 năm xuất khẩu được 2 tỷ, giờ 1 năm xuất khẩu được 25 tỷ. Nhưng tôi cũng xin báo cáo với các đồng chí là 25 tỷ nó cũng rất bé so với các nước trong khu vực, không là cái gì cả. Những thằng như là thằng Thái Lan hay là các thằng Trung Á mỗi năm nó xuất khẩu hơn trăm tỷ, vài trăm tỷ.

Chúng ta đang ở trong một thế giới thay đổi rất nhanh chóng và lỏng lẻo. Chúng ta phải báo cáo thực với các đồng chí là bây giờ bạn chúng ta là ai, ai là bạn chúng ta. Lâm sự thì ai hợp tác với ai đây? Liệu có lâm sự không? Thế ta cứ nói ta là bạn bè với tất cả mọi người, thế cái ông Trung Quốc ông ấy có phải là bạn không, hay là ông lăm lăm ông ấy định thịt mình đây? Và ông ấy thịt thì ông ấy cũng nói rõ ràng lắm chứ đâu có nhẹ nhàng gì đâu. Thế còn trong tình hình đó thì ta dựa vào đâu? Ông Ấn Độ thì ông ấy quá tốt, nhưng ông ấy lại yếu. Yếu thì giúp gì mình được. Ông này thì ông ấy là tình nghĩa lắm. Thế còn ông Hoa Kỳ thì ông ấy ở xa, từ trước đến nay ông

ấy chưa có chiếm đất của thằng nào bao giờ. Hơn nữa, Hoa Kỳ với mình hai nền văn minh nó khác nhau, chế độ kinh tế khác nhau, tâm lý khác nhau, cho nên để mà hiểu nhau được không phải là đơn giản. Các bạn thấy là chính trong nước nó cũng còn chửi nhau chòm chọm nữa là. Cái chuyện cô Lewinsky với ông Clinton mà nó còn đưa ra kiện cho khốn khổ nữa là. Thế thì, trong nước nó mà nó cũng còn chửi nhau như thế, thế còn đối với mình thì mình phải xem xem. Thí dụ, một thằng rất tử tế đối với thằng Hoa Kỳ là thằng Đài Loan, rất tử tế. Mà phải nói thằng Đài Loan là một chế độ dân chủ, công nghệ phát triển, phải nói rằng thì là rất nhiều mặt có ưu điểm, đấy thế nhưng mà thằng nào đánh Đài Loan nhanh nhất, thằng Mỹ chứ còn thằng nào nữa. Người bạn tốt nhất ở Đài Loan là Bộ trưởng Bộ Kinh tế Đài Loan nói với tôi, người bạn tốt nhất của chúng ta là mình phải mạnh lên rất nhiều. Và một điều nữa là khoa học công nghệ trở thành yếu tố quyết định và nó biến đổi rất nhanh. Có một anh bạn anh ấy nói là cách đây mấy năm tôi vừa mới báo cáo trước Hội nghị Quốc tế Việt Nam học người ta dùng cách slide chiếu lên ở Hội trường Ba Đình, thế bây giờ là dùng cái này rồi, rồi ít hôm nữa có thể là dùng một thiết bị khác, công nghệ không dây! Tức là, chúng ta đứng trước một tình hình là sẽ còn rất nhiều những diễn biến mới.

Như vậy là nó đòi hỏi chúng ta phải có một hệ thống chính trị nhìn xa trông rộng, có năng lực nắm bắt, làm chủ tình hình và đối phó được với tình hình và dẫn dắt dân tộc tiến lên. Cái điều đó nó khác hẳn, khác xa, so với trước đây. Trước đây là mình còn cứ yên trí có chuyện gì, chỗ mà Viện quản lý (kinh tế) mà tôi ngồi ấy, trước là cứ hỏi phái đoàn Tiền Tiến của Trung Quốc. Tức là lúc bấy giờ cứ có chuyện gì khó khăn là báo cáo Tiền Tiến rồi nó điện về (...) lúc bấy giờ ông Chu Ân Lai mới ký vào đấy. Thậm chí có một thời kỳ, có người nào lớn tuổi ở đây, có thể còn nhớ cái ca la thầu - món su hào muối của Trung Quốc. Nó đưa sang, rồi thì Tết đến nó còn cho mỗi nhà, mỗi người chia nhau một ít, mỗi nhà được ba lạng vân vân. Tức là bây giờ phải thấy là nó thay đổi rất lớn, những yêu cầu đối với hệ thống chính trị, với Đảng lãnh đạo cao hơn trước rất nhiều.

Thế thì tình hình là như thế nào? Sau từng ấy năm thì dân số ta phát triển rất nhanh. Đấy là sức ép rất lớn, mà một năm tạo ra được bao nhiêu việc làm? Đồng chí Nguyễn Thị Hằng quý mến của chúng ta cứ công bố. Nhưng bây giờ thử hỏi ông Bộ Nông nghiệp Cao Đức Phát mà xem, ông kêu như cha chết. Nông nghiệp đã nghèo, đất đã kém đi, nhưng mỗi một năm thêm một triệu miệng ăn. Lấy đâu ra mà ăn? Chênh lệch, đói nghèo là nó ở chỗ ấy. Chúng ta về quê xem, có tiến bộ khoa học kỹ thuật nào để tạo ra việc làm? Lao động là vất vả, mỗi một ngày lao động là trên 8m2 đất thì có cái gì để mà giàu có được.

Về kinh tế, tính theo sức mua tương đương thì chúng ta xếp thứ 130/175 nước, nhưng nếu xếp theo tỷ giá thì chúng ta xếp thứ 149/203 nền kinh tế. Tức là sau ngần ấy năm phát triển, sự thực là chúng ta vẫn là một nước nghèo. Và chỉ số phát triển con người thuộc loại trung bình, năm 2003 xếp thứ 109/175 nước, năm 2004 xếp thứ 112/177 nước. Tức là nó thêm hai nước thì nhẽ ra là mình cũng ở vị trí đấy thì mình phải xếp thứ 111. Như vậy tức là không phải là mình đã tiến nhanh lắm đâu. Và với 40 tỷ GDP thì nền kinh tế Việt Nam chỉ bằng 0,36% nền kinh tế toàn cầu thôi... Chúng ta nên biết điều. Ta không nên lớn giọng dạy bảo thiên hạ, không nên xưng là làm đòn bẩy cho thế kỷ, rồi là làm xung kích cho lịch sử, vân vân và vân vân. Tôi thấy là nên có một cái nhìn đúng đắn. Nhân đây tôi cũng xin báo cáo, tức là hồi năm 81, tôi đi theo ông Nguyễn Duy Trinh tham dự Đại hội 16 Đảng Cộng sản Tiệp Khắc. Thế thì bọn Tiệp Khắc, bọn lãnh đạo không nói gì, nhưng bọn chuyên viên Ban chấp hành Trung ương Đảng thì kéo tôi ra một chỗ bảo mày cứ nói mày anh hùng, tao thấy đất nước mày suốt đời đánh nhau mãi, thế thì mày chết, mày khổ, có gì hay đâu? Bây giờ mày lại đi xin tao, chẳng nhẽ mày xin tao lại không cho, có phải là chúng tao thừa thãi gì lắm đâu. Tao nói thật với mày là tao thấy Đức to quá tao cũng không đánh, không đánh thì nó cũng không ở được chỗ tao vì ít lâu sau tao tìm cách đuổi cổ nó đi. Thế thì một bên đánh nhau tơi bời khói lửa, đánh hết cả, mày rất anh hùng, tao thấy là tao vái mày mấy vái. Thế nhưng mà về việc mày đau khổ, mày bị tàn phá này khác& Thì cũng là một thứ triết lý. Có lẽ bây giờ xem xét lại, xem là triết lý nên như thế nào, cái giá phải trả nó đến đâu là vừa phải, chứ không phải cái mặt anh hùng là nó có giá trị tuyệt đối đâu, và cũng không phải trên thế giới mọi người nó đều thừa nhận, thế rồi nói nó nhận mình là anh hùng, là kiên cường. Bây giờ thằng tổng thống Mỹ nào mà muốn có ý định đánh thằng Việt Nam lần nữa thì thằng ấy là thằng chết trẻ. Bởi vì bây giờ dân Mỹ nó vẫn rất ớn và cái hội chứng Việt

Nam nó vẫn chưa từ bỏ nước Mỹ. Quân Mỹ từ bỏ Việt Nam nhưng mà Việt Nam vẫn ám ảnh nước Mỹ, cho đến bây giờ vẫn ám ảnh dữ lắm.

Liên Hợp Quốc xếp như thế này: dưới 735 đôla/ một đầu người theo tỷ giá là nền kinh tế thu nhập thấp. Xin báo cáo với các đồng chí, thu nhập thấp chỉ là một danh từ hoa mỹ để nói cái nghèo, thế thôi chứ có gì đâu. Chẳng qua nó lịch sự nó không muốn bảo mày là thằng nghèo, thằng lạc hậu thì nó bảo mày thu nhập thấp, thế thôi. Thế thì 736 cho đến khoảng 3.000 đô la, là thu nhập trung bình thấp; và 3.000 đôla đến 9.100 đôla là thu nhập trung bình cao, và trên 10.000 đôla là thu nhập cao tức là vào khối OECD là khối tổ chức các nước phát triển nhất, và trong số các nước phát triển nhất thì có 8 thằng giàu nhất là G, đầu tiên là G7, sau là cộng thêm ông Nga, bây giờ nó cộng thêm ông Trung Quốc nữa. Thế thì tôi có nói với bọn nó là chúng mày đừng nên nói là G7+2 thành G9, số 1+1 là khác, nó là 1+1 chứ không phải là 2; cũng giống nhau như là ASEAN 10+3, tôi bảo không phải, phải là ASEAN + 1 + 1 + 1, bởi vì ba thằng hưởng nó khác nhau mà bảo nó là con số 3 thì không phải.

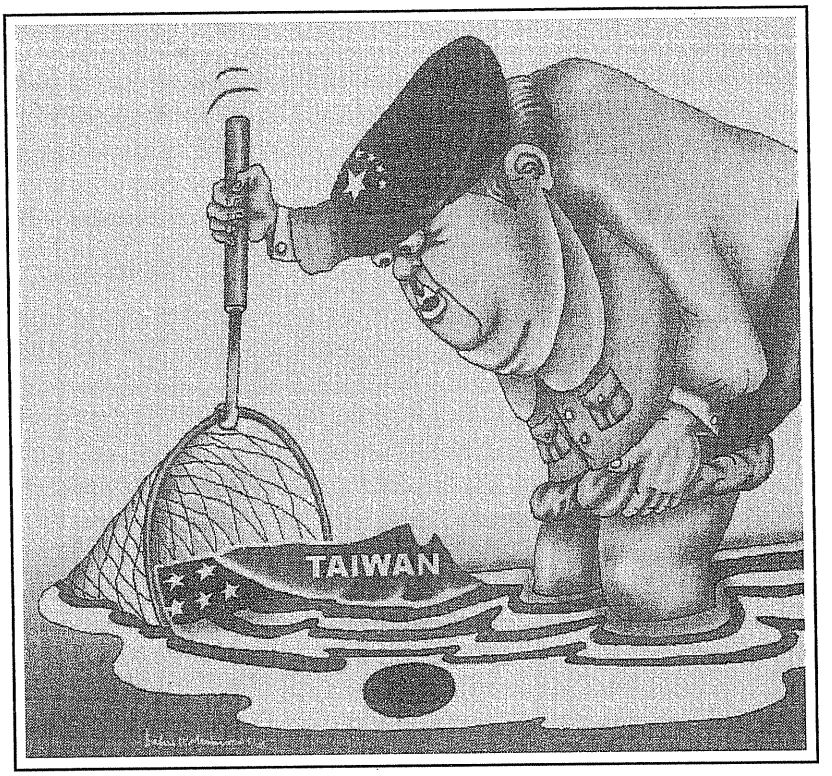

Anh Khải có nói với WB, với UNDP là Việt Nam phải trở thành một nước thành viên của tổ chức OECD, tức là thu nhập của Việt Nam là phải trên 10.000 đôla. Thế thì ý nghĩa thì rất là cao quý, tôi hoàn toàn chia sẻ và mong ước. Nhưng bây giờ các đồng chí cứ thử nghĩ mà xem: năm nay 530 đôla, 10 năm nữa lên 1.060 đô la, vẫn ngưỡng trung bình thấp cơ mà. Thế thì bao nhiêu năm nữa thì lên đến 10.000 đôla? Hay là chuyện ấy chúng ta đành để xem sau.

Và như vậy thì là ta tiến nhanh hay là không nhanh? Xin báo cáo với các đồng chí là ta tiến không nhanh. Đây là bảng tính. Nếu mà mốc tính là năm 1950, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam bằng 80.5% của Thái Lan, thì năm 1999 chúng ta chỉ còn bằng 20%. So với Hàn Quốc thì năm 1950 ta bằng 85.5%, tức là Hàn Quốc với Việt Nam lúc bấy giờ cũng đói như nhau, còn bây giờ ta chỉ còn bằng khoảng độ 11, 12% Hàn Quốc. Lúc bấy giờ ta giàu có hơn Trung Quốc, Trung Quốc lúc bấy giờ đói khổ hơn ta. Ta bây giờ thu nhập bình quân đầu người bằng khoảng 20% Trung quốc mà thôi. Thế thì, điều chúng ta cần phải nói và phải nhận thức đúng là chúng ta có tiến, có tiến bộ, nhưng về rất nhiều mặt chúng ta đang còn một khoảng cách khá xa (so với các nước cùng hạng trước).

Về xếp hạng: vừa rồi đây... (có chuyện) xếp hạng. Thì tôi cũng có viết bài báo để nói; giờ báo cáo với các đồng chí là nó xếp hạng một cách nghiêm túc lắm. Đây là một đám nó làm dịch vụ để nó ăn tiền, nó mà xếp hạng sai là chết. Nó có thuê chúng ta tự điều tra thông qua doanh nghiệp. Nhưng mà nó làm 10.000 doanh nghiệp trên thế giới, và nó nhận được 8.460 câu trả lời và nó dựa cả vào hơn 100 doanh nghiệp của mình và 6.000 thằng kia với một hàm số mà nó tính toán, chứ nó có là thằng ngu dại đâu để mà nó dựa hẳn vào ông Việt Nam để đánh giá ông Việt Nam được, không có chuyện dở hơi thế đâu. Thế nên, ông Bộ trưởng Bộ Tài chính có nói rằng thằng ấy nó

làm không chính xác, thì đó cũng là ý kiến của ông Bộ trưởng thôi. Nó có đăng lên báo rồi và đưa tin ra quốc tế rồi thì tôi không có bình luận. Tôi chỉ nói rằng không, nó làm cái phương pháp mà tôi có liên hệ và tham gia, nên tôi biết. Thế thì chúng ta thấy, cái lần đầu tiên mà nó xếp hạng ta thì ta đứng thứ 49/53, tức là cách nước thấp nhất là 4; đến năm 98 thì các nước khác bị khủng hoảng thì ta nhảy cóc lên 39. Ta lên 39 không phải vì ta hơn chúng nó mà vì mấy thằng kia nó bị khủng hoảng bi thảm nên ta lên 39, thì ta được cách thằng bét là 14; đến năm 99 thì ta lại trở lại vị trí gần giống như cũ, là bởi vì những thằng kia nó lại ổn định trở lại rồi thì ta lại xếp thứ 5; đến năm 2001, thì ta xếp thứ 60/75 bởi vì nó cho thêm một loạt nước mới vào thì ta xếp thứ 15, đến năm 2002 là 65/80 thì ta cũng xếp thứ 15, năm 2003 thì 60/102 bởi vì lúc bấy giờ nó cảm nhận thấy cái tác động của luật doanh nghiệp với cái việc ta bỏ giấy phép các thứ này khác, tức là có khá lên; đến năm 2004 nó lại xếp ta thứ 77/104 tức là trên 27 nước. Thế bây giờ là so sánh chỉ số với Trung Quốc và Thái Lan thì ta thấy Thái Lan nó luôn luôn giữ ở mức ổn định, tức là năm 2003 nó thứ 32, năm 2004 thêm hai nước nữa thì nó xếp thứ 34; thằng Trung Quốc thì đại thể cũng không có thay đổi gì cả, chỉ có Việt Nam là chậm tiến bộ. Trung Quốc và Thái Lan đã có một vị trí khá vững chắc là nước có năng lực cạnh tranh trung bình, còn Việt Nam vẫn ở dưới trung bình. Còn bây giờ đến các yếu tố khác, là yếu tố gì? Yếu tố khác thì chúng ta thấy, mức ổn định kinh tế vĩ mô thì nó xếp ta cao, thứ 23/104. Thế nhưng mà Thái Lan và Trung Quốc thì cũng cao hơn, mà mức độ chi tiêu lãng phí của chính phủ thì mình cao hơn hẳn hai thằng kia. Về chỉ số tài chính của đất nước thì 2 thằng kia nó cũng cao hơn mình nhiều. Về thể chế công, tức là thi hành luật pháp và hợp đồng, thì mình xếp thứ 55. Về chỉ số tham nhũng thì mình xếp thứ 97. Và các bạn đều có biết là Tổ chức Minh bạch Quốc tế xếp Việt Nam về chỉ số tham nhũng là xếp thứ 102, đây là 102/145 nước, tức là cũng rất là thấp. Mà hai thằng này nó có những nguồn khác nhau. Các chỉ số khác, ở đây tôi xin lưu ý là nó có một loạt mấy trăm chỉ tiêu cơ, thì ở đây các khoản chi ngoài pháp luật trong xuất nhập khẩu của mình là xếp thứ 100, mà Thái Lan xếp thứ 72, Trung Quốc xếp thứ 54. Chi tiền ngoài pháp luật trong thu thuế mình xếp thứ 97, chi tiền ngoài pháp luật trong sử dụng dịch vụ công là thứ 91, tức là việc chi tiêu, tham nhũng và phải cống nạp các thứ này khác thì mình thuộc loại rất là thấp, thuộc loại nhóm thấp nhất trong số xếp hạng đấy. Và về luật tài sản thì ta xếp thứ 66. Có nghĩa là gì? Có nghĩa là sau từng ấy năm cải cách, vấn đề thể chế công, về bộ máy của chúng ta vẫn chưa định hình và còn lạc hậu. Đấy là một mệnh đề cần phải rút ra rất rõ ràng. Sau ngần ấy năm cải cách, chúng ta có tăng trưởng, chúng ta có bơm được thêm tiền, thêm được lao động, thêm được đất đai, thêm được tiền vốn, thu hút thêm được cái này cái khác, nhưng bộ máy lập pháp, mức độ tham nhũng, chi phí về thời gian và tiền bạc để kinh doanh của chúng ta còn quá cao so với thế giới. Đấy là các điều tôi thấy cần phải chia sẻ. Thế còn chỉ tiêu khác, thì có lẽ xin phép không nói thêm.

Kinh tế thị trường

Bây giờ chúng ta xem xét, theo đúng Nghị quyết của Đại hội IX thôi, thì chúng ta chưa hoàn thành công cuộc cải cách theo kinh tế thị trường. Đại hội IX nói rằng đến năm 2005 thì cơ bản là hoàn thành về việc thiết lập các thể chế kinh tế thị trường. Bây giờ, chúng ta thấy là chúng ta chưa được. Báo cáo các anh các chị chúng ta xây dựng kinh tế thị trường chứng khoán trên cơ sở các thị trường khác, thì nó phải hoạt động rất nghiêm chỉnh, thì lúc bấy giờ thị trường chứng khoán nó mới hoạt động được. Tức là kế toán kiểm toán phải minh bạch, mọi chuyện nó phải có sự tin tưởng lẫn nhau. Một cái hình tượng các anh các chị có thể thấy là Microsoft có khoảng 5 triệu người mua cổ phần của nó trên khắp thế giới, nó có biết là cái thằng Bill Gate là cái thằng quách nào đâu, nó chỉ có tin tưởng là thằng này có một loại chất xám kiếm ra tiền, thế thôi. Còn tất cả các danh hiệu ở Việt Nam, nào là phải biết là họ hàng, anh em, thế này khác, chứng tỏ là độ tin cậy của luật hợp đồng, của pháp luật rất thấp. Và cái hình tượng cả mấy triệu người hợp đồng tâm nhất trí để người ta làm nó ra việc, còn mình thì mấy chục người ngồi lại với nhau là thấy y như rằng lục đục đánh nhau. Đấy là một hình tượng mà ta cần phải có sự xem xét một cách nghiêm túc. Bây giờ có điều lo ngại là thị trường công khai và bất động sản là điều cần phát triển. Một điều nữa là những tàn dư và những quán tính của kinh tế kế hoạch hóa tập trung còn khá nặng nề. Chúng ta rất cần sự quy hoạch, quy hoạch trên cơ sở nhìn rộng là quy hoạch năng lượng, quy hoạch về vận tải đừng để nó kẹt xe, về đất

đai, nhìn trước vấn đề môi trường rồi dân số. Tất cả những cái đó chúng ta rất cần, nhưng chúng ta làm chưa tốt lắm và có rất nhiều vấn đề. Như chúng ta thấy chúng ta vừa quy hoạch xong một cái là phải thay đổi. Nguy cơ là chúng ta bị kẹt xe, chúng ta bị ô nhiễm nguồn nước, chúng ta làm sẽ rất là tốn kém. Nhưng chúng ta lại nhảy vào quy hoạch nào là ô tô, nào là rượu bia, nào là xi măng, nào là dệt may. Tất cả những cái đó là những sản phẩm có thể mua bán được, và nó cạnh tranh với chúng ta. Trong quá trình quy hoạch chúng ta không tính đến là có thằng nó đến nó cạnh tranh. Giống như vừa rồi đây có cái quy hoạch gọi là quy hoạch ô tô. Quy hoạch ấy tôi có đọc, không có chữ nào nói về giá thành, năng lực cạnh tranh và nó là ô tô thế hệ thứ mấy, không có. Thế thì thằng Trung Quốc nói với tôi: rồi, sau trận xe máy, tao sẽ đánh mày trận ô tô. Và chậm nhất là 2007, tháng 11 này là nó ký ở Viêng Chăn đây này, là Trung Quốc và khối AFTA là khối thị trường chung, Trung Quốc sẽ trở thành một thành viên đầy đủ. Đến năm 2007 là phải mở cửa. Nó bảo mày làm ô tô 10.000 đôla, tao bán cho mày ô tô chỉ 6.000 đôla thôi, mà lại tốt hơn của mày, tao đã nói rõ ràng rồi, không có lơ tơ mơ gì cả.

Thế bây giờ mình làm phải làm sao? Một nền kinh tế thị trường có quá nhiều độc quyền. Và như chúng ta đã thấy, nguyên ở trong năm nay, chưa bao giờ các bệnh tật (...) các tổng công ty độc quyền của chúng ta nó bộc lộ rầm rộ như vậy. Và tôi cũng xin nói thực, các đồng chí còn biết rõ hơn tôi, là chuyện tảng băng nổi trên mặt nước thôi, chứ còn tìm ra ở dưới (tảng băng) thì nó còn nhiều chuyện phong phú lắm. Và với mức độ tham nhũng như thế này thì chúng ta không cạnh tranh được. Không cạnh tranh được cả về thu hút đầu tư, cả về chi phí. Bởi vì chi phí để vận chuyển một công ten nơ, để vận chuyển một quả nhãn, vận chuyển một con cá từ trong Nam ra ngoài Bắc đi đến Trung Quốc và đến các nơi quá lớn.

Cho nên tình hình (...) xin báo cáo với các đồng chí là bối cảnh quốc tế đã thay đổi. Chúng ta không chỉ có thể tự đánh giá chúng ta bằng cách so sánh chúng ta với quá khứ và cứ bảo chúng ta như thế là hay rồi. Thì đồng ý, tôi đồng ý rằng chúng ta hơn so với trước rất nhiều. Còn chúng ta phải so sánh chúng ta với lại những thằng khác chứ. Chúng ta đang chạy đua với nó cơ mà. Vả lại mọi người không đánh giá chúng ta trên cơ sở so sánh chúng ta với quá khứ mà lấy cái thực tại của chúng ta và chúng ta phải học tập xem rằng đáng lên mặt chưa. Thế thì chúng ta phải chấp nhận và Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cái dân tộc này phải chấp nhận phải chịu trách nhiệm và phải đặt cho mình cái sứ mạng đưa dân tộc này, xây dựng hệ thống chính trị cho nó phát triển để đi lên, có năng lực cạnh tranh được.

Về tư duy và mô hình phát triển, cho đến nay là có chuyển biến rồi nhưng đang có hai chiều hướng, và có một chiều hướng là vẫn nhấn mạnh kinh tế tự lực tự cường, vẫn nhấn mạnh là Việt Nam phải tự làm ô tô rồi tiến tới cả xe tăng, rồi tiến tới là đại bác, rồi thì đóng tàu thủy, tiến tới làm tàu chiến và vân vân. Xin báo cáo với các anh các chị, các tiết mục xe tăng tàu chiến bây giờ mua trên thị trường thế giới nhiều lắm, nó có gì đâu mà, ông có tiền ông mua máy bay cũng được. Đấy tôi xin báo cáo các anh các chị là tại sao thằng Nhật Bản nó không làm máy bay? Không phải là công nghiệp của nó không làm được máy bay đâu. Mà bởi vì là nó làm cái máy ảnh kỹ thuật số nó lãi nhiều hơn. Chứ máy bay không có nhôm, không có thứ này khác, nó làm làm gì. Chứ không phải thằng Nhật Bản là thằng ngu, thằng khờ, đến mức nó không làm được máy bay. Nó làm được khối, nó làm được máy bay chiến đấu của nó khá ra phết chứ không phải là ít đâu. Thế nhưng mà những gì mà nó cho rằng không cạnh tranh được thì không làm, làm cái khác, thế thôi. Thế bây giờ nước mình bé bằng ngần này tài nguyên bằng ngần này, mình phải lựa chọn cái gì thông minh nhất chứ lại, bây giờ cái gì mình cũng đứng ra làm, thế thì không thể được. Tôi cũng xem báo cáo rằng đằng sau những cái này là những cái lợi ích tư lợi là rất rõ ràng. Bởi vì là, các anh các chị cứ thấy trên tivi độ hai ba ngày lại thấy có trịnh trọng mấy ông com lê, cravat, trên ngực có cài bông hoa rất đẹp, rồi máy điều hoà khí hậu chạy, rồi thì ký vốn cho vay gì đấy 1.500 tỷ các thứ này khác. Thế thì tôi cũng bảo giá mà tao làm món này thì tao cũng... *. Chứ không phải là ký để cho ông bà nông dân vay được một triệu, vay 5 triệu, hay là tư nhân vay được 100 triệu. Tôi xin báo cáo là nông dân trồng cây, trồng con ít nhất cũng phải 2 năm chứ. Làm gì có quy luật sinh học gì 6 tháng từ con bê ra thành con bò. Thế nhưng mà ông có cho người ta vay đúng chu kỳ sinh học đâu. Ông cho vay chu kỳ là một năm. Từ khi ông ấy cho người ta vay đến, khi trả lãi là 8 tháng. Trong khi mấy đứa ngồi mà ký cái giấy đấy á, thì ân hạn là 0 năm,

thời hạn hoàn vốn là 30 năm. Lúc bấy giờ em hạ cánh an toàn từ lâu rồi. Mà tôi cũng xin báo cáo với Ban Tổ chức Trung ương, là ở cái nước Việt Nam này, có ai vay được 100 triệu đồng mà không phải đút lót không? Thử hỏi Ban Tài chính Quản trị xem. Bố không lì xì à? Lì xì quá đi chứ lại, đúng không? Mặc dù là ông lợi thế, thế của ông là "thượng phương bảo kiếm" rồi, còn gì nữa. Tôi kể một câu chuyện rất thật. Một hôm có một tay doanh nghiệp nó đến gặp tôi, bảo bây giờ em mới hiểu ra. Tôi hỏi cậu hiểu cái gì? Bảo rằng em cũng ngồi trong hội đồng quản trị của một ngân hàng cổ phần, em có nhu cầu, em phải vay 2 tỷ, thằng hội đồng quản trị đồng ý rồi. Thế là đến vỗ vai thằng tổng giám đốc bảo mày ký cho tao nhé, nó bảo ừ. Xong rồi còn gì nữa? Xong rồi vẫn ngày mai. Ngày mai rồi lại ngày mai nữa. Bởi vì nó luôn luôn là ngày mai, chứ không phải là hôm nay. Thế rồi sau đó thằng này thấy hạn hết đến nơi rồi, thế thì lúc ấy có thằng đến rỉ tai mày không làm thủ tục kia thì có đến mùng thất, có phải mày ngồi ở tổng quản trị là mày oách đâu. Thế là thằng này cũng phải mang đến sấp tiền cho thằng kia nó mới ký cho. Đấy là cùng hội đồng quản trị với nhau đấy chứ, không phải đơn giản đâu. Chừng nào mà trong xã hội nó còn khan hiếm, thì cái chênh lệch cung cầu ấy nó bị trả bằng một cái giá trên. Chứ còn bằng một thị trường mà nó tràn đầy, cung vượt cầu thì bây giờ nó mới khỏi cái chuyện đó. Thế thì những việc đó cần phải có một sự xem xét rất là nghiêm túc.

Một việc nữa tức là chúng ta nói quốc doanh là nền tảng. Có nên nói thế không? Nền tảng là cái gì, chủ đạo là cái gì? Trung Quốc nó nói thế nào? Và báo cáo các anh các chị là các doanh nghiệp nhà nước ta chiếm phần lớn tài nguyên, thiên nhiên, hầm mỏ, mặt nước rồi thì tài sản, tri thức. Nhưng chỉ tạo ra 5% chỗ lao động. Thế đất nước này muốn phát triển lên thì lúc bấy giờ thất nghiệp hết à. Bây giờ bỏ tiền ra làm nhà máy xi măng. Báo cáo với các anh các chị là thằng Nhật Bản nó làm cái nhà máy xi măng Nghi Sơn đấy, 2,4 triệu. Nó nói với tôi là biên chế của chúng tôi theo đúng Nhật Bản là 80 người, bây giờ các ông đến ép tôi quá, tôi cố gắng đưa lên đến 120 người, các ông ép tôi nữa. Mà nó bảo là các anh cứ bảo đấy là người địa phương, có phải đâu, toàn quan chức cả, con ông bí thư này, con ông giám đốc sở kia này khác đến nói với tôi hết, bảo tôi phải nhận, thế thì tôi nhận cho các vị. Nhưng mà một cái nhà máy xi măng của mình 1,2 triệu, thiết kế 8-900 người, thế làm sao có thể là cạnh tranh được. Cái chỗ đó không phải là tôi và tại anh em nhà máy ấy, mà tội vạ tại một cơ chế chung, về trách nhiệm như thế nào, về động lực như thế nào ?

Hội nhập

Đấy là một việc. Bây giờ một việc nữa. Hội nhập như vậy rõ ràng là không được. Hội nhập là chậm. Năm 2005 liệu cuối năm có vào (WTO) được không. Cho đến hôm nay tôi vẫn chưa thấy gì về cái việc đàm phán Việt Nam - Hoa Kỳ là xong. Mà tôi xin báo cáo là đàm phán Việt Nam - Trung Quốc là còn chưa nữa. Tôi đã nói chuyện với thằng Long Chong Du, Thứ trưởng Bộ Ngoại thương, trưởng đoàn đàm phán Trung Quốc. Thằng ấy là thằng nói tiếng Anh rất hay và đi sang làm nhân viên Liên Hợp Quốc từ rất sớm, xong rồi nó móc về để làm. Tôi hỏi sao chúng mày đưa tao cái đơn đặt hàng khó thế mày. Mày bảo mày ủng hộ tao. Nó bảo ừ, ủng hộ mày là ủng hộ về mặt chính trị, về mặt tinh thần, về mặt đạo lý, còn về lợi ích thương mại thì tao không nhân nhượng mày một xu, mày đừng tưởng, mày phải trả giá thì mày mới được. Thằng nào trả chậm thằng ấy càng chết.

Bây giờ vào WTO cũng như vào Đảng CSVN thôi, chi bộ giơ tay biểu quyết hết. Có một thằng ngang nó không biểu quyết thế là ông chết! Thế bây giờ là mình phải xin cả thằng Campuchia. Campuchia thì không có gì để mà mặc cả lắm. Nhưng mà thằng Nhật, thằng Trung Quốc, thằng Hoa Kỳ, thì làm sao? Hôm vừa rồi đàm phán ở Hà Nội với EU, mình cũng coi như thuốc thang dầy đủ lắm chúng nó mới ký cho đấy. Không có nó bảo chưa chắc chúng tôi đã ký cho ông đâu. Đơn giản có một chuyện mà mình đòi nó mãi là sau khi vào WTO sang năm mày vẫn cứ cho tao quota đàng hoàng. Tức là đừng có cho mấy thằng khác, thị trường dệt may của mày cứ tràn ngập, cứ cho tao một chế độ tương đương như bọn nó. Thế nhưng mà nó có nhận cho đâu. Nó bảo mày còn phải thêm cho tao cái gì. Bởi vì thương mại là quyền lợi hai chiều. Ông thò chân giò, bà thò chai rượu, ông không thò chân giò thì em giấu chai rượu đi, có thế thôi.

Tình hình nó là như thế. Tức là nó đòi hỏi một cách rất là cấp bách là nước Việt Nam phải mạnh lên. Mạnh lên không phải về quy mô, mạnh lên về trí tuệ, về bản lĩnh, về đường hướng, về toàn bộ bằng các tổng lực nền kinh tế. Về các cái khác

thì tôi không nói, tôi chỉ có một hình ảnh để nói thêm thôi. Chúng ta nói xuất khẩu. Thế thì cơ cấu xuất khẩu của chúng ta hiện nay như thế nào? Và với cơ cấu xuất khẩu này thì liệu chúng ta có tiếp tục được mãi như thế này không. 27% xuất khẩu là dầu thô, thủy sản là 16%, tất cả nông lâm sản toàn là thô hết. Về chế biến thì có gì có dệt may, có da giày và năm nay có ông đồ gỗ. Xin báo cáo là đồ gỗ ta cũng gặp thời, bởi vì thằng Trung Quốc vào Mỹ ghê quá, Mỹ nó đánh thuế 15%. Thế là trong thời mở cửa (người ta) đổ xô sang mua đồ gỗ của Việt Nam. Thế tức là trong kinh tế thị trường này thì nỗi buồn của thằng này có thể là niềm vui của thằng khác. Các anh các chị thấy là trong vòng 20 năm vừa qua, cơ cấu xuất khẩu của nước Việt Nam thay đổi chậm quá. Chúng ta tăng xuất khẩu lên bằng cái gì, chúng ta móc tài nguyên chúng ta thêm hàng thô, chúng ta bán than thô, bán thủy sản, rồi thì cà phê, thô cả. Bấy giờ thử hỏi cà phê anh làm được cà phê hòa tan, giá trị của anh lên mấy chục lần không. Gạo anh đừng có làm thành mỳ, thành miến, anh làm thành bánh, cái này khác thì giá trị nó có lên không. Đấy còn chưa kể ông đừng có bán quặng không thôi. Rồi các thứ này khác nữa. Với cơ cấu như thế này mà anh không có phát triển về dịch vụ thì làm sao anh có thể lên được. Dịch vụ là gì? Bây giờ anh bán phần mềm, anh bán các sản phẩm về văn hóa, phẩm anh đưa ra thì lúc bấy giờ mới phát triển được chứ. Thế là trong lối này không thấy có ông dịch vụ, du lịch đâu hết cả. Cái đó có thể là thống kê chưa đầy đủ, nhưng phải thừa nhận cái đó của chúng ta là thấp. Và chúng ta là một đất nước, như lúc đầu tôi đã chủ ý nói là diện tích, dân số để thấy chúng ta như thế nào thì anh sẽ thu hồi vốn lớn. Thế chúng ta thấy ngay rằng kinh tế thị trường, cái ưu việt của kinh tế thị trường là gì ở chỗ tiền vốn được tự động điều tiết vào những nơi nào có năng lực nhất. Mà phá sản là gì, phá sản là sự cản phá sáng tạo. Cản phá sáng tạo là bởi vì bộ máy phá sản không bị lấy đi, không bị tiêu đi, không bị biến mất, mà nó vẫn còn đấy, chỉ có ông chủ là thay thôi. Còn sẽ có ông chủ khác lấy cái máy móc này, nó thuê người lao động này, nó làm ra sản phẩm còn hơn ông chủ trước. Đấy là một điều hết sức là quan trọng. Tức là cuộc đời mọi người đều phải phấn đấu. Anh phấn đấu, anh phát tài, anh phát triển lên lúc bấy giờ anh sẽ được. Và quá trình sàng lọc đó, đào thải diễn ra theo nguyên tắc thử và sai và hiệu quả. Tức là anh học của thằng bên cạnh, thấy nó mở hiệu phở, anh (cũng) mở hiệu phở, đắt quá, thế thì mình đừng mở hiệu phở nữa, mình mở miến lươn. Thằng kia nó làm món này mình phải làm món khác. Như vậy tức là xã hội nó vô cùng phong phú và nó cứ tiếp tục nó phát triển lên. Thế nhưng nếu mà thấy rằng nhiều phở quá, giá nó bắt đầu rẻ thì lúc bấy giờ phải nghĩ đến món gì khác. Tiêu chuẩn của nó là hiệu quả.

Thứ ba nữa là, mọi quan hệ trong xã hội được tiến hành thông qua hợp đồng. Bởi vì mọi người là chủ thể, mọi người tự quyết định nên quan hệ giữa mọi người phải thông qua hợp đồng. Xã hội là một xã hội được ràng buộc bằng hợp đồng. Bây giờ ta mới hiểu được tại sao người ta lại nói đến hợp đồng xã hội, khế ước xã hội, bởi vì mọi quan hệ đều được quan hệ đều được xử lý bằng hợp đồng, và phải có một cơ quan tài phán không thiên vị để tuân thủ pháp luật. Nếu không có mà chưa thực hiện trong hợp đồng, anh không làm tròn nhiệm vụ của anh, anh đi anh nợ người khác, thế thì anh phải ra tòa để phán xét. Chứ đấy là chiếm đoạt tài sản công dân, thì lúc bấy giờ rất là nguy hiểm. Giá cả phải phản ánh quan hệ cung cầu, giá cả là thông tin quan trọng trong kinh tế thị trường hiện đại. Thông tin là vô cùng quan trọng. Ông Stiglitz sang đây ấy, ông ấy được giải thưởng Nobel, công trình của ông ấy (là) về kinh tế học thông tin, ông đã tìm ra khái niệm bất đối xứng về thông tin. Mà ví dụ đầu tiên là ví dụ nghiên cứu về ông bán chanh. Ông bán chanh thì biết quả chanh nào ít nước, quả chanh nào nhiều nước. Thì ông bán chanh lương thiện thì sẽ chọn chanh loại 1 tôi bán chừng này, chanh loại 3 tôi bán chừng này. Nhưng mà ông bán chanh không lương thiện thì cho lẫn chanh loại 3 với chanh loại 1, ông bán với một cái giá thấp hơn chanh loại 1 một tí nhưng mà có lãi hơn thằng bán chanh loại 1. Nghĩa là, trong một xã hội không có minh bạch về thông tin thì những người làm ăn lương thiện chết hết, vì sẽ bị những thằng lừa đảo cướp hết khách hàng. Người bán đồ rởm thì sẽ lãi, người bán đồ thật sẽ không thể sống được. Thế tức là nguy cơ rất lớn.

Và một nguyên tắc nữa là nguyên tắc sòng phẳng. Tức là nguyên tắc phải có ngang giá. Cái này tôi thấy cần phải minh oan cho cái khái niệm thương mại hóa. Thương mại hóa không có gì là xấu cả, chỉ có điều là anh bán cái gì thôi. Chứ còn nguyên tắc ngang giá có nghĩa là không có bao cấp, anh có làm thì mới có ăn, không làm thì không có ăn và được bảo hộ được quyền tự do cá

nhân, quyền sở hữu hợp pháp về tài sản. Một mệnh đề quan trọng nhất là tất cả những nước nào không có pháp luật rõ ràng thì những nước đó vĩnh viễn nghèo. Bởi vì pháp luật tài sản không rõ ràng thì sẽ bị lạm dụng. Phải có người chủ sở hữu thì người chủ sở hữu nó mới đem biến tài sản đó thành tư bản, mới đem đầu tư. Thí dụ như anh có chủ miếng đất. Anh mới lấy miếng đất đó anh thế chấp với ngân hàng anh mới đầu tư được. Bây giờ anh bảo một ông chủ sở hữu trời ơi đất hỡi, ông bảo ông là chủ rừng, nhưng ông không làm gì được cả, nên ông chỉ có lạm dụng thôi. Làm gì có ông chủ sở hữu nào tự chặt rừng của mình. Tức là vấn đề chủ sở hữu có vấn đề. Và nhà nước phải là nhà nước pháp quyền, nhà nước hoạt động theo pháp luật và chỉ theo pháp luật thôi và phải am hiểu thị trường, thân thiện với thị trường, trong sạch và quan tâm đến hiệu quả kinh tế. Ông Chirac đi sang Việt Nam cũng bán máy bay và ông đi sang Trung Quốc cũng bán máy bay; và tổng thống Mỹ đi đâu cũng bán máy bay ông thủ tướng Ôn Gia Bảo, ông Hồ Cẩm Đào đi đâu cũng mua dầu lửa. Nhà nước làm như thế. Nhưng không có nghĩa là tự ông ấy đứng ra làm, mà ông mở đường, ông ký hiệp định cho mọi người cùng làm. Vậy ưu điểm của kinh tế thị trường là phát huy được tiềm năng sáng tạo của người dân. Thứ nữa là các sai lầm trong xã hội được phát triển rất nhanh vì có nhiều người làm. Thằng nào làm sai thì thằng kia nó học. Chứ nó không còn chờ đến thủ tướng kết luận. Mà nó thấy là thằng kia nó lỗ rồi thì thôi, tao nhảy ra tao làm cái khác. Tức là quá trình học trong xã hội diễn ra hàng ngày, hàng giờ. Và nó rút ra kết luận ngay lập tức, rất nhanh chóng khác hẳn với kinh tế, kế hoạch hóa tập trung. Thứ ba nữa là cơ chế cạnh tranh dẫn tới sự phân phối nguồn lực một cách rất công bằng. Khuyết tật của kinh tế thị trường là do thông tin hàng giả, hàng nhái, đầu tư méo mó. Lợi nhuận là một phạm trù cực kỳ ích kỷ, không có lợi nhuận của toàn dân tộc, không có lợi nhuận của cả nhân loại đâu. Chỉ có lợi ích của dân tộc, lợi ích của nhân loại thôi. Lợi nhuận chỉ là lợi nhuận của một công ty nào đó của Ban Tài chính quản trị thôi chứ làm gì có lợi nhuận chung của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thế thì, lợi nhuận là một phạm trù ích kỷ, nó không quan tâm đến lợi ích lâu dài, không quan tâm đến ô nhiễm môi trường. Cho nên, phải có những tiêu chuẩn, những tiêu chí, những thước đo để khắc phục tính ích kỷ, thiển cận này. Những người bị thiệt thòi, tàn tật, tai nạn thì anh Trần Đình Hoan khi còn làm Bộ trưởng Bộ Lao động rất quan tâm đến những người thiệt thòi đấy. Và... không có bàn tay của nhà nước thì khoảng cách giàu nghèo ngày càng rộng, nếu không giải quyết được thì nền kinh tế thị trường tự nó sẽ dẫn tới những khủng hoảng, bế tắc. Cho nên, rất cần bộ máy của nhà nước.

Thế thì nhà nước phải làm gì? Nhà nước phải xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp luật. Và phải áp dụng công bằng, không ai được đứng ngoài pháp luật và đứng trên pháp luật. Và phải bảo hộ quyền sở hữu tài sản, phải tổ chức xây dựng các dịch vụ cung ứng hàng hóa đến tạo cơ hội đồng đều cho mọi người. Phải thực hiện cạnh tranh và xóa bỏ độc quyền. Và điều rất quan trọng là phải điều tiết thu nhập. Điều tiết thu nhập để cho những người như trẻ con chưa kiếm được tiền thì có cơ hội đi học, người già không kiếm được tiền nữa, lúc bấy giờ bệnh tật nhiều bởi vì già mà càng về già càng lắm bệnh tật, lúc bấy giờ kinh phí càng cao lên. Lúc bấy giờ thì vai trò của bảo hiểm sẽ quan trọng hơn.

Một nguyên lý là quyền lực phải được giám sát. Quyền lực tuyệt đối dẫn đến tham nhũng tuyệt đối. Đấy là mệnh đề mà ông Jean Jacques Rousseau đã nêu lên rồi. Thế thì nhà nước có khuyết tật không? Nhà nước cũng có khuyết tật. Nếu như không có sự cải cách, sự khống chế, thì nhà nước luôn luôn muốn phình to ra. Hiện nay loài người chưa tìm được liều thuốc để làm cho nhà nước miễn dịch được với quan liêu tham nhũng, lạm dụng chức quyền. Chỉ có một điều phòng ngừa là công khai minh bạch, giám sát chế ngự quyền lực. Nếu như anh làm không được thì tôi sẽ thay anh khác. Thế thôi. Chứ nếu còn để ông nhà nước thì ông ta sẽ ôm đồm, nay ông có cục thì ngày mai ông ta sinh thêm hai, ba chi cục, ngày kia ông lên tổng cục v.v. Nhà nước của chúng ta bao nhiêu cục, bao nhiêu tổng cục, từ tổng cục ông ấy có chi nhánh khắp nơi rồi ông ấy lại sinh thêm văn phòng ở nước ngoài. Nhiều sáng kiến lắm. Cứ ngồi nghe ông ấy nói thì lý sự gì ông ta cũng đúng hết đấy. Cho nên nhà nước có xu hướng phình to, đó là một xu thế. (...) Nếu như quan liêu tham nhũng mà kết hợp với những khuyết tật của kinh tế thị trường thì có thể dẫn đến những căn bệnh rất nghiêm trọng như là mafia. Như vậy tức là bộ máy nhà nước của chúng ta trong kinh tế thị trường phải khác rất nhiều so với bộ máy nhà nước của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung.

(Còn tiếp)

TUYÊN NGÔN LẬP "HỘI QUỐC TẾ ỦNG HỘ THAM NHŨNG TẠI VIỆT NAM"

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

XÉT RẰNG, tình trạng tham nhũng hiện hoành hành trên toàn quốc Việt Nam, từ thành thị đến nông thôn đâu đâu cũng có;

XÉT RẰNG, tham nhũng có truyền thống lâu đời, ít ra là từ thời Nguyễn Du, khi Kiều Công bị truy tố, mà cách giải quyết không phải bằng bào chữa, bằng sự thật, mà là bằng 300 lạng, tiền bán nàng Kiều;

XÉT RẰNG, tình trạng tham nhũng từng lan tràn trong những năm chiến tranh ở cả hai miền Nam Bắc. Ở miền Nam, tiếng rằng phe ông Thiệu làm lơ cho cánh ông Kỳ buôn lậu gỗ, buôn lậu xăng, bù lại cánh ông Kỳ không la lối khi phe ông Thiệu buôn lậu hột xoàn, ngoại tệ. Mà nếu buôn lậu qua những vùng Việt Cộng kiểm soát thì tất có kèm theo cả đút lót tiền bạc, vũ khí, thuốc men, cho kẻ địch. Ở miền Bắc, mỗi xã mỗi thôn một sứ quân, chủ nhiệm, bí thư, chủ tịch tác oai tác quái. "*Mỗi nhà làm việc bằng hai/ Để cho chủ nhiệm mua đài mua xa/ Mỗi nhà làm việc bằng ba/ Để cho chủ nhiệm xây nhà xây sân.*" Đây là tình trạng tệ hơn tham nhũng, lấy của công không bù lại cái gì cả, một tình trạng ăn cắp thẳng thừng;

XÉT RẰNG, cũng ở miền Bắc, trong thành thị thì ngành mậu dịch làm cha thiên hạ, giám đốc, thứ trưởng, cũng phải đút lót, hứa hẹn cấp giấy, nhận việc người này người nọ, để được chia chút thịt, chút vải, chút thuốc lào. Đây là tham nhũng hai chiều, cả hai bên đều mang những thứ của nhà nước ra đánh đổi lấy của riêng cho mình;

XÉT RẰNG, so với thực tế đó, các vị cách mạng lão thành nào mà còn tiếc rẻ "thời chiến tranh đâu có tham nhũng" thì rõ là thời trẻ các vị đi trên mây, hai mắt như mù;

XÉT RẰNG, có nhà kinh tế học chuyên nghiên cứu "ngành" tham nhũng từng nói rằng, "Chỉ có một thứ tệ hơn cơ chế vô lý và tham nhũng, đó là cơ chế vô lý và trong sạch." Nói rộng hơn, chỉ có một thứ tệ hơn cộng sản và tham nhũng, đó là cộng sản và trong sạch;

XÉT RẰNG, quả thật, nếu cộng sản mà không tham nhũng, thử bao nhiêu người vượt biên nổi đến bến bờ tự do? Nên nhớ cái tàu nó không giống cái xe, nhìn cái xe chở nặng hay nhẹ không ai biết, chứ nhìn cái tàu chở nặng, đám công an xã, biên phòng xã, nếu trong sạch không ăn đút lót thì đừng ai hòng nhìn thấy Hong Kong, Ga Lăng, Song Kla, Bi Đông;

XÉT RẰNG, nếu cộng sản mà không tham nhũng, thử bao nhiêu thùng quà, gói tiền, bao thuốc lá, gửi lọt được về Việt Nam trong thời gian nghèo đói nhất, đến được tay người nhận? Buồn buồn mở luật cũ ra coi, mới thấy tiêu chuẩn được nhận quà thấp bằng một miếng của lượng quà người Sài Gòn thật sự nhận từ tay nhân viên bưu điện, nhân viên Tân Sơn Nhứt;

XÉT RẰNG, nếu cộng sản mà không tham nhũng, thì sẽ chẳng có được một nền kinh tế như hiện nay. Nền kinh tế Việt Nam ngày nay, chẳng phải do "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" lập ra đâu, mà là do tham nhũng lập ra. Kinh tế tiếng là thị trường, nhưng thực chất là xã hội chủ nghĩa, nên mới cho phép cái gì, là ngần ngại sợ sệt cấm nó ngay. Cứ cái kiểu vừa cho vừa cấm, chỉ còn "cửa hậu" là lối thoát cho nền kinh tế có đường mà phát triển;

XÉT RẰNG, trong quá khứ có một thí dụ rất hay về việc vừa cho lại vừa cấm. Năm 2003, Bộ Trưởng Giao Thông Vận Tải ra quyết định số 2074/QĐ giới hạn chiều cao các loại xe tối đa là 4,2m. Đây là một con số tùy tiện, không dính dáng đến thực tế, vì ở Việt Nam khoảng cách từ mặt đất đến các gầm cầu là 4,5m đến 4,7m. Ngược lại, một trong những phương tiện vận tải thông thường nhất thế giới là xe chở container 40 feet (tức là loại truck trailer thường thấy), mà xe này có chiều cao 4,3m. Vừa đủ để bị phạt! Tiếng là cho chạy xe vận tải, nhưng thực ra là cấm. Luật vô lý như

vậy chỉ làm mồi cho tham nhũng. Một năm sau luật này phải bỏ, nhưng bao nhiêu tiền mãi lộ chi ra thì mất toi rồi;

XÉT RẰNG, bài học quan trọng hơn trong chuyện (tưởng như là) ngụ ngôn trên, là nếu không có "quy chế" mãi lộ, nếu thực sự phải tuân thủ luật, nếu các "chiến sĩ" cảnh sát giao thông trong sạch, thì toàn bộ các container nhập vào cảng Hải Phòng sẽ chết dí ở đó không về tới Hà Nội;

XÉT RẰNG, nhờ các chiến sĩ cảnh sát giao thông tham nhũng, mà Hà Nội thoát khỏi vòng "cấm vận" của ông Bộ Trưởng Giao Thông Vận Tải. Chính tham nhũng đã cứu thủ đô, công ấy lớn tày "Điện Biên Phủ trên không";

XÉT RẰNG, chuyện đó là mới mỗi một ông bộ trưởng. Việt Nam có 12 bộ, bao nhiêu cục, tổng cục, rồi ủy ban nhân dân các tỉnh, huyện, các sở ở địa phương. Chỗ nào cũng có khả năng ban hành những quyết định, nghị định, quy định, v.v., oai như luật, mà không cần báo trước, không cần hỏi ý kiến ai.

XÉT RẰNG, người dân phải nhìn chừng nấy các cơ chế "nhà nước quản lý" đã đành, lại phải nhìn vào bộ phận "Đảng lãnh đạo" cũng cồng kềnh không kém và uy quyền còn cao hơn. Tiến sĩ Lê Đăng Doanh kể về cấp dưới qua mặt cấp trên như thế này: "Thủ tướng đồng ý rồi nó phải làm nhưng nó không thích làm. Nó về họp Ban Cán Sự Bộ lại, trình lên Bộ Chính Trị, Ban Bí Thư với tư cách Ban Cán Sự, nó thách thức luôn chính phủ";

XÉT RẰNG, Thủ tướng cũng là đảng viên cao cấp, cũng là ủy viên Bộ Chính Trị chứ chẳng vừa, mà quyết định ông đưa ra ông còn chưa biết có đứng vững không, thử hỏi người dân làm sao biết luật nào là hiện hành, luật nào hết hiệu lực, luật nào "sắp" hết hiệu lực. Luật lệ kiểu đó mà lại trong sạch nữa thì dân chết cả;

XÉT RẰNG, so với luật lệ bấp bênh, cái khoản tham nhũng trở thành điểm tựa vững chắc. Làm theo luật thì không biết bao giờ xong việc, làm theo tham nhũng thì việc xong ngay. Xưa nay cái gì được việc thì nên ủng hộ cái đó;

XÉT RẰNG, thói quen đưa tiền ra để mua chữ ký, có chăng chỉ vì chẳng có cái gì khác giúp lấy được chữ ký, tiêm nhiễm vào toàn bộ dân chúng, và ngược lại thói quen bán chữ ký lấy tiền tiêm nhiễm vào toàn bộ giai cấp cầm quyền. Đa số thắng thiểu số, xưa nay cái gì tất cả quốc dân đồng bào đều làm thì nên ủng hộ cái đó;

XÉT RẰNG, hai ông Phạm Quế Dương và Trần Văn Khuê bày đặt nộp đơn xin lập hội chống tham nhũng đến nỗi bị công an làm khó dễ đủ điều. Chuyện gì làm các chú công an nổi giận thì nên tránh. Với lại các chú công an cũng là công dân Việt Nam, chuyện đưa và nhận hối lộ chắc các chú cũng thuần thục.

DO ĐÓ, nay thành lập "Hội Quốc Tế Ủng Hộ Tham Nhũng Tại Việt Nam" với tôn chỉ, mục đích, tổ chức và hoạt động cụ thể như sau.

1. Tôn chỉ, mục đích của Hội:

Góp phần nâng cao hiệu quả tham nhũng. Tham nhũng mà không hiệu quả thì chỉ là phường ăn cướp.

2. Tổ chức của Hội:

Hội bao gồm những người Việt Nam cũng như ngoại quốc, từ phó thường dân đến chủ đầu tư, bất cứ ai đã từng đưa tiền cho bất kỳ ban, ngành nào, từ hải quan đến nhà đất đến thuế vụ đến giáo dục đến nghệ thuật biểu diễn, dù trực tiếp hay gián tiếp (tức là kể cả người Việt hải ngoại về nước, người nhà đi trà nước anh công an khu vực giùm mà mình không biết) đều đương nhiên trở thành hội viên mà không cần xin, không cần nộp đơn, không cần ... đút lót cho Hội.

3. Hoạt động cụ thể của Hội:

Thực chất là không làm gì cả vì để tự nhiên tham nhũng cũng lan tràn. Muốn ngăn chặn tham nhũng mới cần có hoạt động cụ thể, ủng hộ tham nhũng thì có cần làm gì đâu.

NAY TUYÊN BỐ

Westminster, California, ngày ... tháng ... năm...

Chú thích:

Bản này là một bản tuyên ngôn chứ không phải một lá đơn xin lập hội (cũng lại khác hai ông Dương và Khuê), vì trên thực tế hội này đã có rồi, 80 triệu dân Việt trong nước cùng biết bao nhiêu du khách Việt kiều, biết bao nhiêu tư bản Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản đều là hội viên, chỉ thiếu có cái tên hội mà thôi!

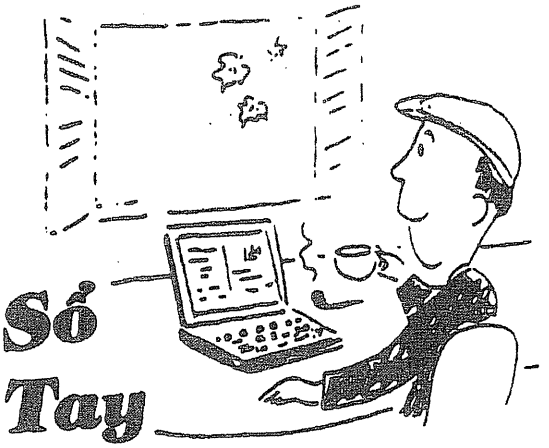

NGÔ NHÂN DỤNG

Trộm cổ vật

Một du khách người Đức mới tuyên bố chào thua những vị thần linh của xứ Thái Lan. Năm 2001, ông Michael Beil đi thăm khu hoàng thành cũ ở Ayutthaya. Cố kinh Ayutthaya đã từng bị đế quốc Miến Điện xâm lăng và đốt phá nhiều lần, khiến vua Thái Lan phải dời đô về Bangkok vào cuối thế kỷ 18. Ở đó còn di tích nhiều lâu đài, chùa chiền và đền thờ Ấn Độ giáo ám khói và đổ nát. Khi thăm cố đô, Michael Beil đã mang về một tảng đá lấy từ một ngôi đền ở Ayutthaya; bản tin không nói tảng đá lớn cỡ nào. Nhưng bây giờ từ Goettingen ông gói tảng đá gửi trả lại Sở Du lịch Thái Lan, nhờ họ đặt trở lại chỗ cũ. Vì, ông thú nhận, trong ba năm qua ông bị bao nhiêu chuyện xui xẻo trong đời. Ông viết trong lá thư, "Chắc vì tôi không tôn kính tính chất thiêng liêng của tảng đó cho nên tôi đã gặp bao nhiêu điều bất hạnh. Nên tôi xin quý vị giúp trả lại tảng đá về chỗ cũ, làm ơn đặt trở lại vào ngôi đền ở Ayutthaya và xin cầu nguyện cho tôi tránh khỏi những chuyện không may."

Hiện tượng mất mát những cổ vật xẩy ra rất thường ở những xứ nghèo, thường do dân bản xứ lấy trộm, để bán cho du khách. Khi chúng tôi thăm những ngôi đền vùng Angkor ở Xiêm Rệp, Cam Bốt, người hướng dẫn lấy làm thích thú chỉ cho coi một bức tượng vũ nữ khắc nổi trên bức tường một đền thờ. Anh nói nhà văn Pháp André Malraux, hồi ông mới ngoài 20 tuổi, đã từng lấy trộm bức tượng đó nhưng thất bại. Có lẽ nhờ vậy sau này Malraux không bị thần thánh phạt, vẫn gặp may mắn, trở thành một nhà văn nổi tiếng, có lúc làm bộ trưởng văn hóa Pháp. Khi nhìn pho tượng vũ công uốn lượn giữa bao nhiêu vũ nữ bằng đá khác đã trơ gan cùng tuế nguyệt hàng ngàn năm, phải công nhận Malraux có mắt tinh đời. Tên ông hiện giờ được ghi trong những cuốn sách chỉ dẫn du lịch miền Angkor.

Một nước nghèo quá thì cũng chịu nhục nhã, giống như những gia đình nghèo phải đem bán đồ thờ tự do ông cha để lại. Hồi sau năm 1975 tôi đã được một giáo sư người Việt ở Montréal đem khoe pho tượng một nhà sư khất thực mà anh được "tặng" khi về nước. Pho tượng gỗ mộc, không sơn phết tô điểm, nét mặt thật trang nghiêm và từ bi thanh tịnh, trông rất cũ, có thể tạc từ dăm thế kỷ trước. Anh cho biết một quan chức địa phương được anh biếu quà hậu hĩnh đã lấy pho tượng đó ngay trong một ngôi chùa trong vùng dưới quyền ông cai quản, rồi đem ra tận phi trường Hà Nội, đưa tận tay trước khi anh bước lên máy bay. Làm quan to có cái lợi là tiễn chân khách ra tận máy bay, không cần qua các trạm kiểm soát, hải quan! Tôi không biết pho tượng nhà sư nhân từ đó có phạt ông "Việt kiều yêu nước" này, như vị thần nào đó ở Ayutthaya phạt người du khách Đức hay không. Được biết anh đã li dị vợ, rồi sau đó bị cô nhân tình nhỏ đá để đi theo mấy chàng trẻ hơn. Nhưng ai đã gặp anh ta thì nghĩ rằng những chuyện nhân duyên chẳng lành đó phải xẩy ra, dù anh có ăn trộm cổ vật của chùa hay không!

Người và các Thần linh

Thái Lan là một xứ nhiều thần linh. Đi quẹo một góc đường lại thấy một cái tháp, với hình một ngôi đền thu nhỏ, trông như các bàn thờ "Ông Thiên" trong sân nhà ở miền Nam Việt Nam. Trong tháp thường bầy tượng Phật, cũng có khi là hình những vị thần linh Ấn Độ giáo. Trong khu campus của Đại học Mahidol cũng có những ban thờ như vậy. Một hôm tôi dẫn con cháu ngoại 2 tuổi đi vào trường bố mẹ cháu dậy học. Đi qua cây cầu sắt nhỏ, cháu Anica dừng chân quay đầu, chắp tay búp sen vái chào. Cháu nói bập bẹ: Bu Đa. Nhìn lại, tôi mới thấy có một ban thờ nho nhỏ dựng ở bên đường. Mấy sinh viên đi qua cũng nhiều người dừng chân lễ Phật, không biết họ có đang cầu khấn chuyện nhân duyên hay thi cử hay không. Nhưng khi thấy hai cô cậu mặc đồng phục xanh trắng dắt tay nhau qua con lạch, bước xuống đầu cầu bỗng buông tay nhau, chắp tay cúi đầu lễ phép, rồi lại nắm tay nhau bước đi, nói cười ríu rít tự nhiên

như trước, mình có cảm tưởng đây là một dân tộc có truyền thống văn hóa rất đẹp.

Văn hóa một dân tộc gồm cả những thần linh. Tạ Trí Đại Trường đã viết một cuốn sách nghiên cứu với tựa đề "Thần, Người, và Đất Việt." Niềm tin ở thần linh không nhất thiết thuộc về một tôn giáo nào. Sự thờ cúng không phải chỉ do lòng sợ hãi gây ra. Người ta có thể sợ các ông công an khu vực, nhưng không ai đem thờ cả. Người ta lễ những pho tượng ở gốc cây đa cũng không nhất thiết vì muốn hối lộ thần linh để xin xỏ ân huệ. Lòng sùng kính các vị thần linh, dù là Trời, Đất hay là Tiên, Phật, có thể phát xuất từ một ước vọng: muốn hòa mình vào vũ trụ, muốn nối kết cá nhân nhỏ bé của mình với trời đất, núi sông, với bộ lạc, với gia đình, tổ tiên, làng xã hay dân tộc sống chung quanh mình. Một khát vọng vươn lên cao, vượt trên cái thân phận hèn mọn, hữu hạn và vô thường của mình, bằng cách hòa mình vào một cộng đồng lớn gồm cả con người lẫn thiên nhiên, giữa hiện tại với quá khứ và tương lai. Đó là một tình cảm rất cao quý.

Người Thái không chỉ dâng hoa, dâng trái cây trước các ban thờ Phật ngoài đường như vậy, mà còn đặt hoa trước những bức hình quốc vương nữa. Hình quốc vương trưng bầy khắp nơi, dọc các đại lộ, các góc đường, trước cửa vào đại học, có khi cả quốc vương và hoàng hậu. Những người Thái tôi gặp đều tỏ ra rất tôn kính ông vua. Dù chỉ đóng vai trị vì tượng trưng cho quốc gia, không dính vào các quyết định chính trị, nhưng vào những lúc cần thiết vua Thái cũng can thiệp. Như có lúc ông gọi các vị tướng lãnh vào cung, yêu cầu họ hãy chấm dứt không đảo chính nhau nữa. Sau đó nước Thái Lan được yên rất lâu. Vào thập niên 1970 nhà vua cũng yêu cầu chính phủ ra lệnh ân xá tất cả những thanh niên đã bỏ thành phố vào bưng theo du kích cộng sản, sau khi phong trào sinh viên biểu tình bị đàn áp đẫm máu. Chính sách đó được thi hành. Tôi đã gặp một trong những thanh niên hồi chánh đó. Anh đang chán các lãnh tụ cộng sản trong rừng thì nghe tin được ân xá, anh về làng sống bình an không ai nhòm ngó hay trả thù. Bây giờ anh là một thầy giáo và anh nghĩ là nhờ ông vua mà anh được sống cuộc đời bình thường.

Lòng tôn kính đối với quốc vương Bhumibol Adulyade bây giờ chắc không phải chỉ vì những hành động và đời sống cá nhân có vẻ rất đứng đắn, mẫu mực của ông. Người ta trưng hình ông làm việc trong phòng thí nghiệm, để khuyên học trò chăm học. Có hình ông thổi hắc tiêu in trên mấy cuốn sách dậy nhạc. Có hình ông đang dâng y lên các vị hòa thượng. Nhưng ngày nay người Thái tôn trọng hoàng gia cũng vì tổ tiên của ông vua này, từ thế kỷ 19, đã khôn ngoan bảo vệ được nền độc lập của nước Thái Lan, trong khi các nước chung quanh bị Tây phương đánh chiếm và đô hộ. Ở Á Đông có hai nước vẫn theo chế độ quân chủ lập hiến liên tục là Nhật Bản và Thái Lan, đều có những dòng vua vừa duy tân vừa bảo vệ được độc lập quốc gia từ hai thế kỷ trước như vậy. Những vị vua Thái cùng thời với vua Thiệu Trị, Tự Đức ở nước ta, họ đã biết gửi thái tử qua Âu châu, đi du học hay thăm viếng và quan sát lâu ngày. Họ có cách nhìn thế giới khác hẳn các ông vua nhà Nguyễn chỉ biết tôn thờ văn hóa và pháp độ nhà Thanh bên Trung Quốc. Cả dân tộc Thái được hưởng phúc hàng thế kỷ nhờ hòa bình liên tục. Năm 1970 tôi gặp mấy nhà văn người Thái ở Đài Bắc. Có một bà, tưởng tôi từ miền bắc Việt Nam tới, hỏi: "Sao các anh đánh Mỹ làm gì cho nó khổ? Nước Thái tôi chẳng bao giờ đánh thằng nào cả!" Năm ngoái ông Lê đăng Doanh ở Hà Nội cũng kể chuyện mấy người Tiệp khoe với ông ta rằng ngày xưa chính phủ Tiệp thấy quân Đức tấn công là bỏ súng quy hàng liền để dân khỏi chết vô ích, vì họ biết thế nào sau này cũng có cách đuổi quân Đức đi. Nhắc chuyện đó không biết ông Doanh có ý trách việc đảng Cộng Sản Việt Nam xâm chiếm miền Nam để Mỹ phải đem quân vào rồi ném bom miền bắc hay không? Sắp đến ngày 30 tháng Tư, người Việt Nam khắp nơi lại thắp hương tưởng niệm những người bỏ mình trong cuộc chiến tranh Nam Bắc. Nhiều người miền Bắc lại tự hỏi: Có đáng gây chiến hay không?

Lòng tôn kính hoàng gia Thái có lúc làm tôi ngạc nhiên. Một buổi tối chúng tôi đi nghe nhạc sĩ người Nga Alex Slobodyanik biểu diễn dương cầm, có hoàng thái tử đến dự. Khi ban nhạc giao hưởng cử bản quốc thiều, mọi khán giả đều đứng dậy và đều quay mặt nhìn lên lầu hướng về phía Thái tử, kể cả các ông đại sứ nước ngoài. Khi kết thúc, tất cả cũng hướng về Thái tử đứng chờ tới khi ông ra khỏi rồi mới lục tục rời chỗ. Trong khi đó ban nhạc cử một bài nhạc lễ.

Có lẽ một quốc gia cần tạo ra một tấm lòng tôn kính trang nghiêm như vậy, đối với các biểu tượng chung. Một vị quốc trưởng hay một hoàng

gia tượng trưng cho mối đoàn kết của cả dân tộc. Vị quốc trưởng nên đứng ngoài các đảng chính trị, giữ tư cách tinh thuần phi đảng phái, được người dân tôn trọng một cách tự nhiên chứ không phải nhờ tuyên truyền mị hoặc. Biểu tượng đó vượt lên trên những tranh chấp chính kiến, địa phương, giai cấp, vân vân. Những tranh chấp chính trị thì diễn ra thường xuyên, và cần diễn ra công khai trước đại chúng để kích thích việc thảo luận tự do, đưa tới tiến bộ. Nhưng mọi người kính trọng thể thống quốc gia, phát triển tinh thần công dân, nhờ thế cũng tôn trọng luật pháp.

Một dân tộc cũng cần những vị thần linh nối liền con người với thế giới thiêng liêng vượt trên thân phận con người. Những sợi dây vô hình đó giúp giảm bớt tinh thần cá nhân, óc vị kỷ, một cách tự nhiên. Từ người trí thức đến người dân quê đều tôn trọng những quy tắc đạo lý chung, dù bắt nguồn từ những nguyên do khác nhau. Nhờ thế tạo nên một "hồn nước," bao dung và cảm hóa lẫn nhau để tất cả cùng bảo vệ một nền phong hóa thuần hậu.

Mối tương quan giữa con người và quốc gia ở Mỹ và nhiều nước Âu châu có tính cách thuần lý, như đã được ký kết trong những bản hợp đồng. Hồn nước của họ không cần các thần linh, dù sống hay chết,mà nối kết qua tinh thần trọng pháp luật. Tại những nước Á châu người dân không sống với truyền thống văn hóa thuần lý như vậy.

Dân Thái Lan may mắn, họ chia sẻ một tấm lòng chung. Họ đều kính trọng một ông vua, nhờ thế cũng tôn trọng kỷ cương của quốc gia, dù ông vua không bao giờ phải hô khẩu hiệu hay đọc những bài diễn văn hùng hồn nẩy lửa. Họ có những thần linh ở từng góc phố để trẻ em đi qua cũng biết vái lạy. Người trí thức được tự do thảo luận, báo chí được tự do phê bình chính phủ, nhiều gia đình còn giữ nếp đưa con trai gửi vào chùa, cạo đầu làm sư trong một năm. Trong nền nếp đó, nhiều kẻ nổi máu gian tham có khi cũng chùn lại, không dám phá vỡ cái trật tự tinh thần chung của dân tộc.

Nước Việt Nam chúng ta chưa bao giờ mất hồn nước, nhưng hiện nay hồn nước rất yếu ớt sau nửa thế kỷ tai họa vì một chủ nghĩa ngoại lai và một chế độ độc tài chuyên chế. Ông Lê đăng Doanh đã dám nói tới ảnh hưởng tai hại của ách chuyên chế làm kinh tế tụt hậu; nhưng mối tai hại về văn hóa xã hội còn nặng nề hơn nhiều. Khi quốc gia bị một đảng duy vật độc quyền cai trị với quyền hành vô giới hạn thì sau cùng đảng nào cũng sẽ thành hủ nát, để lộ rõ tính chất ngu dốt, bất lực và tham lam vô đạo. Họ tự làm mất uy tín, mất khả năng huy động lòng người. Nhưng họ cũng gây tai hại lâu dài cho cả dân tộc nữa. Vì họ làm mất những sợi dây vô hình ràng buộc mọi người trong cuộc sống chung. Phải mất hàng thế hệ mới phục hồi được một hồn nước mạnh mẽ như hồi năm Ất Dậu 60 năm trước. Phải bắt đầu lại, càng sớm càng tốt.

Công An

Hồi xưa có một nhà hài hước người Nga tị nạn ở Mỹ. Ông ra sân khấu hỏi, "Quý vị có than phiền là mỗi lần gọi cảnh sát là bọn nó chậm trễ không thèm đến ngay cho mình nhờ hay không?" "Đúng! Đúng!" "Bên Liên Xô chúng tôi thì khác. Công an lúc nào cũng sẵn sàng phục vụ nhân dân. Nhiều khi mình không gọi họ, mới mở cửa sau nhà mình ra đã thấy một ông công an đứng đó rồi!"

Hôm nay mục này nói về chuyện công an. Đây là chuyện những người bảo vệ an ninh, trật tự cho công chúng ở Fountain Valley, một xã trong quận Cam, California. Sở dĩ dùng hai chữ "công an" để nói đến sở cảnh sát ở xã Fountain Valley, bởi vì quả thật họ tạo cho tôi một cảm tưởng rất an toàn về tình trạng nơi mình đang sống; theo đúng nghĩa, "công an" là sự bình an chung của mọi người.

Tôi mới đi xa, vắng nhà trong ba tuần lễ. Trước ngày đi, tôi ghé qua sở cảnh sát, lấy tờ giấy in sẵn dành cho việc "Báo cáo việc kiểm tra cho cư dân đi nghỉ hè," (Residential Vacation Check Report.) Mẫu giấy in đặt cả đống trên bàn chỗ công chúng bước vào. Chỉ cần ghi lên đó tên, địa chỉ, ngày nào đi, ngày nào về, nhà có hệ thống báo động không, nhà có cửa sau vào được tự nhiên hay không. Rồi đưa cho cô thư ký, bảo cô: "Tôi sắp đi nghỉ hè." Cô đọc mẫu giấy, nhắc tôi ghi thêm tên ai là người họ sẽ gọi điện thoại nếu có chuyện khẩn cấp; và trong thời gian tôi đi xa có những người thân nào được tôi cho phép vô trong nhà hay không. Sau cùng cô lại hỏi tôi có đậu chiếc xe hơi nào trước cửa không, xe hiệu gì, mầu gì, và cô ghi vào giúp. Tất cả mất độ 20 phút.

Sau khi tôi đi xa trở về được 2 ngày thì nhận được tờ báo cáo của sở cảnh sát Fountain Valley. Trên đó có một danh sách liệt kê những lần

cảnh sát đến thăm nhà, mỗi lần hai người. Mỗi hàng chữ có ghi ngày, giờ phút, tên những người cảnh sát đã tới, và nhận xét của họ, "nhà an toàn, home secure" (sic). Chỉ có một ông ghi thêm rằng cái sợi dây phơi quần áo ở ngay cửa sau vào trong sân nhà nó thấp quá, có thể nguy hiểm. Tôi tự nhủ sẽ nâng cái dây lên cao hơn. Trên danh sách có tên cả chục ông hay bà cảnh sát, không thấy hai người nào đi chung với nhau 2 lần. Tổng cộng 13 lần thăm viếng trong ba tuần lễ. Người dân không phải trả một phí tổn nào cả.

Đây là lần thứ nhì tôi làm thủ tục thông báo cảnh sát khi đi vắng lâu ngày. Lần thứ nhất năm ngoái, khi tình cờ gặp ông hàng xóm, tôi chào tạm biệt ông ta, cho biết mình sắp đi xa. Eric vô tình hỏi, "Mày đã báo cảnh sát chưa? Nên báo cho họ biết, họ sẽ canh chừng giúp. Không tốn tiền đâu."

Chắc các thành phố ở đây đều có cái dịch vụ đó cả, dù nhiều người không biết mà dùng. Cuối năm ngoái tôi chỉ gửi một cái thiệp chúc Giáng Sinh để cám ơn các ông bà cảnh sát viên thôi. Mà thật lòng tôi biết ơn họ. Không những họ coi sóc giúp căn nhà trong lúc mình đi xa, điều quan trọng là họ tạo cho mình cái cảm tưởng được sống an toàn, được bảo vệ, khi sống trong một cộng đồng gồm những người tử tế với nhau. Họ tạo cho công chúng một cảm giác an ổn. Gọi là công an, rất đúng.

Phí phạm

Người Trung Hoa dịch "police' là công an, người Việt Nam cũng dùng từ này từ thế kỷ trước khi không còn dùng tiếng Pháp, phú lít. Đúng ra hai chữ công an có nghĩa tốt, ít nhất cũng có tính trung lập, nghĩa là "an toàn chung." Nhưng bây giờ thì ở Việt Nam hai chữ "công an" không làm cho người ta thấy được "an" tí nào; có khi tiếng đó còn bị mọi người coi thường coi khinh nữa. Một cụ già ở quận Cam nhớ lại hồi sau 30 tháng Tư 1975, lắc đầu kể: "Cái thằng công an nó cứ lừng lững bước vào nhà mình. Nó đi ra đi vào, đi lên đi xuống, nhìn nhìn ngó ngó, không cần biết ai là chủ nhà nữa." Con gái cụ phải cải chính, "Thôi ba ơi, bây giờ họ lịch sự hơn trước nhiều ba ơi. Họ cũng chào hỏi lễ phép lắm!" Nhưng bà con gái cũng công nhận năm ngoái về Sài Gòn, ở nhà bà cô ruột; ông chú ra trình báo công an xong thì bà công an quen thân hỏi thêm: "Thế hôm nay bác không ký sổ vàng à?" Trả lời, "Có chứ, sẽ ký chứ!" Cô cháu không hiểu gì cả. Người chú về nhà mới giải thích: "Ký sổ vàng tức là cho tiền ấy mà. Cái gì cũng phải có 'bác Hồ chỉ đường' cả." Bây giờ người ta không thích dùng chữ "thủ tục đầu tiên" nữa, vì ngôn ngữ cứ mỗi ngày một đổi mới, tiếp tục dùng một thành ngữ cũ tức là tụt hậu, không theo kịp thời đại.

Cái tên gọi "công an" đã bị mang tiếng quá, chắc thế nào trong mấy năm nữa họ cũng sẽ đổi tên. Có một nhà báo ở Sài Gòn hồi xưa, sau ngày 30 tháng Tư mới xuất hiện là dân nằm vùng. Anh ta được phong cấp khá cao trong tổ chức công an thành phố. Anh đã giúp đỡ nhiều bạn bè cũ khỏi bị tù tội hoặc không phải đi kinh tế mới, nhiều người biết ơn và khen ngợi anh mãi. Nhưng ai gặp bà mẹ anh cũng nghe bà phân bua: "Tôi ăn chay trường, tối nào cũng niệm Phật; vậy mà không hiểu sao nó lại đi làm công an?" Bạn bè giải thích cho bà mẹ biết rằng dù đi làm công an anh con bà vẫn ăn ở tử tế, có tình nghĩa với các bạn cũ lắm, bà vẫn không chịu: "Nhưng làm nó làm cách mạng thì làm cái chức gì chẳng được? Tại sao nó lại phải làm công an chớ?"

Công an mất uy tín là một thiệt thòi cho cả xã hội. Vì không có an toàn chung thì làm sao mọi người làm ăn, sinh sống? Khi dân chúng bột phát biểu tình đốt phá xe công an ở Quận Một Sài Gòn, bắt đầu chỉ vì một vụ phạt xe chạy vượt đèn đỏ, thì tinh thần trọng pháp cũng bị hao mòn luôn! Cả xã hội bị thiệt thòi nếu người dân không kính trọng công an, không kính trọng luật lệ!

Đứng về mặt kinh tế, đó cũng là một hiện tượng phí phạm tài nguyên quốc gia, phí vô cùng. Tôi đã đọc ít sách viết về các xã hội Liên Xô, Đông Âu cũ. Nhiều người nhận xét rằng ở trong các nước cộng sản có hiện tượng những người có khả năng, khôn lanh nhất, thông minh ưu tú nhất, thường tập trung trong guồng máy công an. Giản dị, vì đó là nơi có cả lợi lộc lẫn quyền hành nhiều nhất. Nếu một thanh niên Mỹ ngày xưa mơ lớn lên sẽ đi làm cho IBM hoặc General Electric, cùng lắm là làm NASA, để có ngày leo lên nấc thang xã hội vừa có tiền vừa có danh vọng; thì ở bên Liên Xô, Đông Đức, các nhà toán học giỏi nhất, các tay khôn lanh, hùng biện nhất ước mơ được vào làm công an, mật vụ. Ông Andropov từ ghế trùm KGB leo lên chức tổng bí thư Cộng Sản Liên Xô.

Công an cộng sản thu hút những thành phần

ưu tú trong nhiều ngành, nhiều lãnh vực, cho nên sau khi chế độ cộng sản tan, đảng Cộng Sản giải tán rồi, nhiều người cựu công an theo luật chơi mới vẫn leo lên được những chức vụ cao. Ngay ông Vladimir Putin là một thí dụ. Ngày xưa ông ta làm KGB, ngồi ở Dresden, Đức quốc, chuyên phân tích về lực lượng hỏa tiễn của Mỹ. Nước Nga đổi đời, Putin cũng đổi đời, dần dần leo từ chức phụ tá cho thị trưởng St. Petersbourg lên tới chức tổng thống Nga. Còn bao nhiêu cựu công an ở các nước cựu cộng sản đang kinh doanh, làm chính trị, đang làm bác học, làm giám đốc các xí nghiệp nữa.

Điều đó cho thấy là chế độ ngày xưa ở Liên xô đem giữ họ lại trong cái guồng máy công an là một sự phí phạm tài nguyên, vì bắt họ làm những việc thật vô tích sự. Tưởng tượng một ông Sakhorov ngày xưa hay một ông Hà Sĩ Phu, Nguyễn Đan Quế bây giờ, phải có bao nhiêu công an canh chừng, theo dõi, đọc những gì họ viết và nghe những gì họ nói. Tốn nhiều người quá, mà họ toàn là những tay giỏi giang cả. Nếu những người công an đó có cơ hội đi mở xí nghiệp, làm xuất nhập cảng hay làm môi giới thị trường chứng khoán, họ sẽ được sử dụng tài năng vào việc khác hữu ích. Chỉ cần thay đổi cái guồng máy xã hội, đặt ra luật chơi dân chủ và tự do, là có cơ hội sử dụng những người đó một cách hữu ích. Ích lợi cho đất nước mà cũng ích lợi cho chính họ nữa. Ít nhất, các bà mẹ của họ không cảm thấy xấu hổ, cứ phải phân trần với lối xóm rằng mình đâu có muốn con đi làm công an đâu!

Trong bài nói của ông Lê đăng Doanh với ban Tổ chức của đảng Cộng Sản Việt Nam chuẩn bị Đại hội X, ông cũng tránh không nói tới sự phí phạm vì guồng máy công an, chắc để được an toàn. Chỉ có một đoạn ông kể đã hỏi các cô gái mại dâm rằng "Sao giỏi thế? Đứng đây mãi mà cảnh sát không phát hiện?" Cô gái trả lời: "Trời ơi! Chỗ đứng này là mỗi tháng một trăm ngàn đó!"

Có hai thứ tài nguyên quốc gia bị phí phạm. Các cô gái, và các ông công an. Trong một xã hội lành mạnh, tự do dân chủ, các cô sẽ đóng vai những bà mẹ chăm nom giáo dục con cái, các ông công an có thể đi làm những nghề khác, ích lợi cho quốc gia hơn mà mẹ mình cũng không cảm thấy nhục nhã.

Quyền sống và quyền chết

Sinh, lão, bệnh, tử không còn là những khái niệm giản dị nữa. Khắp nước Mỹ người ta bàn chuyện nên giữ bà Terri Schiavo sống hay để cho bà được chết. Các đại biểu quốc hội bỏ ngang kỳ nghỉ Phục sinh, bay về Washington biểu quyết dự luật "cứu sống Terri Schiavo," họp suốt cuối tuần, quá nửa đêm cho xong. Tổng thống cũng vội bay về thủ đô cầm bút sẵn sàng, nửa đêm được đánh thức dậy, đứng ký ban hành luật ngay trước cửa phòng ngủ lúc một giờ 11 phút.

Hơn 15 năm trước, bà Terri Schiavo bất ngờ bị hư não vì tim ngừng chốc lát khiến máu không bơm đủ lên óc, có lẽ vì bà nhịn ăn nên chất potassium mất quân bình. Sau đó não hư luôn, bà nằm một chỗ trong trạng thái hôn mê, như bộ óc đã bị chết. Bà vẫn thở, chỉ sống nhờ ống tiếp thực phẩm và nước.

Trong nước Mỹ hiện có từ 15 ngàn tới 30 ngàn người trong tình trạng PVS như bà Terri Schiavo. Năm 1999 chính thống đốc George W. Bush của tiểu bang Texas đã ký một đạo luật cho phép người vợ hay chồng quyết định việc tiếp tục hay rút ống tiếp sống cho một bệnh nhân gần chết. Và bệnh viện có quyền chấm dứt tiếp sống nếu thấy trường hợp tuyệt vọng, dù gia đình bệnh nhân có đồng ý hay không. Tháng trước ở Bệnh viện Nhi đồng Texas, một em bé 6 tháng đã bị rút ống thở mặc dù bà mẹ phản đối, nhưng không có bệnh viện nào chịu nhận em. Em bé này có lá phổi quá nhỏ không đủ sức nuôi cơ thể.

Dư luận dân chúng Mỹ nói chung không ủng hộ việc chính phủ, tức Hành pháp và quốc hội, can thiệp vào vấn đề đạo lý liên quan tới sự sống và cái chết của một cá nhân, sau khi tòa án tiểu bang đã phán quyết cho phép bệnh viện rút các phương tiện trợ sinh, theo ý người chồng bà Schiavo. Ông chồng Michael hỏi: Bộ quốc hội không có việc gì khác quan trọng hơn, phải can thiệp vào đời tư của chúng tôi? Khi 208 dân biểu Hạ viện bỏ phiếu ủng hộ dự luật nhằm giữ cho bà Terri Schiavo tiếp tục sống thoi thóp, họ tính toán thế nào? Họ biết là đa số dân chúng không đồng ý can thiệp, nhưng họ vẫn can thiệp một cách hăng hái, khi bỏ ngang kỳ nghỉ lễ Phục Sinh, trở về Washington họp và họp cho tới quá nửa đêm để bỏ phiếu.

Việc bỏ phiếu ủng hộ hay chống đều làm cho rất nhiều người phật lòng, phải chọn không làm mất lòng nhóm người nào đồng ý với mình trên những vấn đề khác trong cuộc tranh cử sắp

tới, nhưng có thể bỏ rơi mình nếu bị mất lòng trong vụ này. Đó là những thành phần bảo thủ về tôn giáo vẫn ủng hộ đảng Cộng Hòa. Ngược lại, những người mà đằng nào họ cũng bất đồng ý kiến với mình trong những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, thì nếu mình có làm họ bất bình vì việc bỏ phiếu này cũng không khiến cho họ chống mình hơn nữa.

Tính toán thứ hai là nhiều người chống việc chính phủ can thiệp vào quyền hạn tư pháp của một tiểu bang hoặc can thiệp vào đời tư của người dân, nhưng họ chỉ chống khi sự việc xẩy ra chứ không nhớ dai đến mức cứ thế mà chống mãi suốt đời. Họ không coi vấn đề quan trọng tới mức quyết định việc chọn lựa người đại biểu cho họ ở quốc hội!

Khi các đại biểu đảng Cộng Hòa phải chọn lá phiếu ủng hộ dự luật Terri Schiavo, điều họ quan tâm là sang năm họ có thể phải ra tranh cử ngay trong vòng sơ bộ với các đối thủ cực hữu trong đảng.

Nhiều người khi được hỏi về chuyện sống hay chết của bà Terri Schiavo thì chỉ trả lời: "Nếu là tôi thì tôi không muốn tiếp tục sống như thế." Một giáo sĩ Do Thái giáo thì phân biệt: Việc để cho bệnh nhân chết dần dần vì cơ thể yếu đi khác với việc giúp cho bệnh nhân chết.

Trọng pháp

Câu chuyện bà Therese Schiavo là một chuyện buồn. Một con người sống như cây cỏ, nằm chờ chết suốt 15 năm qua, nghĩ tới làm sao không buồn được? Tất cả những cuộc tranh tụng và vận động chính trị chung quanh mạng sống của bà càng khiến chúng ta buồn hơn, với cảm tưởng số phận của bà bị đem ra phơi bầy trước công chúng để lợi dụng cho các mục đích riêng tư.

Chỉ có một niềm lạc quan phấn khởi trong câu chuyện này là tinh thần trọng pháp được biểu lộ rõ rệt. Không những thế, uy tín của nền tư pháp độc lập lại được củng cố vững vàng hơn sau cuộc thử thách này. Sau cùng, mọi người đều kính trọng tính độc lập của nền tư pháp. Và các thẩm phán cho thấy họ đáng được kính trọng vì họ bảo vệ tinh thần độc lập.

Vụ bà Terri Schiavo có hai khía cạnh tách biệt nhưng đan lẫn vào nhau. Một mặt là vấn đề tín ngưỡng, mặt khác là các vấn đề thế gian.

Sống và chết là những vấn đề không những lớn mà còn thiêng liêng. Trong cuộc tranh luận về phá thai chúng ta nghe các câu hỏi: "Đời sống bắt đầu từ lúc nào? Khi mới thụ tinh? Khi được ba tháng? Bẩy tháng? Khi lọt lòng mẹ?" Bây giờ chúng ta lại phải tự đặt câu hỏi: Có nên chấm dứt sự sống của một người khi thấy tình trạng tuyệt vọng hay không? Trước những câu hỏi về sống chết chúng ta không thể nào không đi tìm câu trả lời trong niềm tin tôn giáo của mình. Và phải kính trọng những ý kiến của người khác, dựa trên tín ngưỡng của họ. Trong một nhân loại đa nguyên như thế, chúng ta giải quyết những bất đồng ý kiến cácch nào?

Chế độ dân chủ đặt ra những quy tắc chung và từ đó thiết lập các luật lệ, thủ tục để giải quyết những bất đồng khó tránh đó. Một điều được tiên liệu trong hiến pháp dân chủ là bảo vệ sự phân biệt ba quyền Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp để có cân bằng và kiểm soát lẫn nhau.

Thống đốc Jeb Bush ở Florida nhân danh lòng nhân đạo và tín điều Thiên Chúa giáo, đã can thiệp vào vụ bà Terri Schiavo năm 2003, khi ông ký và thi hành đạo luật được quốc hội tiểu bang thông qua, ra lệnh đặt lại ống dinh dưỡng cho bà Schiavo. Nhưng sau đó Tối Cao Pháp Viện tiểu bang đã phán đạo luật đó vi hiến, vô hiệu. Những nỗ lực của thống đốc Jeb Bush đã được phe bảo thủ tôn giáo nhiệt liệt hoan nghênh, giúp phần nào vào sự đắc cử của ông ở Florida, và của Tổng thống Bush, anh ruột ông năm 2004. Các giáo hội Evangelical cũng góp phần vào sự đắc thắng của đảng Cộng Hòa trong cuộc bầu cử quốc hội năm 2004.

Nhưng sau cùng tất cả những nỗ lực chạy vòng quanh nhằm tránh không thi hành các phán quyết của tòa án cấp quận ở tiểu bang đều thất bại. Quốc hội Mỹ, Tổng thống George W. Bush và Thống đốc Jeb Bush tìm đủ cách giúp cha mẹ bà Terri Schiavo giữ cho bà ở trong tình trạng chờ chết. Nhưng các nỗ lực đó cũng tìm cách xóa bỏ bẩy năm làm việc của hệ thống tư pháp tiểu bang Florida, bác bỏ các công việc của 19 bác sĩ đã chẩn bệnh trong 15 năm đã thất bại vì nước Mỹ có luật pháp.

Chúng ta chia sẻ nỗi nuồn của cha mẹ bà Terri Schiavo, cũng như của ông chồng. Chúng ta có thể bất đồng ý kiến về các câu hỏi tôn giáo. Có nhiều người chỉ trích những nhà chính trị lợi dụng vụ bà Terri Schiavo để kiếm phiếu, hoặc ca ngợi họ dám đứng lên tranh đấu cho niềm tin. Nhưng điều ai cũng có thể đồng ý là hệ thống Tư pháp ở nước Mỹ đóng đúng vai trò độc lập của họ để bảo vệ luật pháp và hiến pháp.

CÓ NÊN MUA NHÀ VÀO LÚC NÀY KHÔNG?

THANH THẢO

Giá nhà cửa không những tại Mỹ mà còn tại nhiều nơi trên thế giới tăng vùn vụt trên bảy năm liền. Tuy hiện nay giá nhà tại California và vài tiểu bang lớn của Mỹ đã có chiều hướng đứng nguyên tại chỗ, rất nhiều chuyên viên địa ốc vẫn tiếp tục quảng cáo khuyến khích mua nhà.

Vào thời điểm đầu Xuân 2005 này người mua nhà lần đầu có nên mua hay không? Đó là câu hỏi hiện đang được nhiều kinh tế gia danh tiếng so sánh với câu hỏi bất hủ trong vở kịch *"Thái Tử Hamlet"* của đại văn hào Shakespear "To be or not to be? That is the question" thành câu "To buy or not to buy? That is the question."

Theo tạp chí *The Economist* số phát hành ngày 5 tháng Ba 2005 vào lúc này người chưa làm chủ nhà không nhất thiết nên mua nhà vì một lý do đơn giản: Đi thuê nhà lúc này có lợi hơn mua nhà, kể cả sau khi tính hết những khoản khấu trừ tiền lời trả ngân hàng vào thuế lợi tức cá nhân!

Có lẽ quí độc giả không khỏi kinh ngạc sao lại có chuyện khó tin này? Trái với một vài suy nghĩ thường được áp dụng từ mấy chục năm nay, việc mua nhà lúc này chưa chắc là việc đầu tư có lợi nhất.

Làm chủ nhà lúc nào cũng lợi hơn đi thuê

Đây là một trong những lối suy nghĩ thông thường của cư dân Mỹ. Theo suy nghĩ này cứ hễ đi thuê nhà là chúng ta vứt tiền vào sọt rác. Vì lối suy nghĩ này mà trong mấy chục năm nay rất nhiều người đi vay mượn những số tiền lớn nhằm được trở thành chủ nhà càng sớm càng tốt kẻo bị bỏ rơi. Suy nghĩ trên không sai trong quá khứ, nhất là trong thập niên 1970s và 1980s. Tuy nhiên hiện nay điều này có còn là một suy nghĩ hợp thời không?

Trong khoảng từ bảy năm trở lại đây giá nhà cửa tại Mỹ và nhiều thị trường lớn trên thế giới đã tăng vùn vụt khiến bây giờ tại nhiều thành phố lớn toàn cầu việc thuê nhà có lợi hơn, đặc biệt so với những người định mua nhà lần đầu.

Tại Mỹ giá nhà trung bình đã tăng 65%. Cùng thời gian này giá nhà tại Anh, Tây Ban Nha, Úc và Ái Nhĩ Lan đã tăng gấp đôi.

Thêm vào đó, việc làm chủ nhà bao gồm cả trách nhiệm đóng thuế thổ trạch, đóng tiền bảo hiểm rủi ro và chi trả hết những khoản tiền bảo trì, tu bổ nhà cửa chứ không đơn thuần chỉ có đóng tiền trả nợ ngân hàng mỗi tháng. Vì lý do trên, với giá nhà đã tăng quá khả năng của đa số người mua lần đầu nên sau khi trả hết tất cả những phí khoản cần thiết trên, người chủ mới mua nhà thấy mình... lỗ hơn đi thuê.

Giả dụ một người đi thuê một căn nhà trị giá $800,000 ở San Francisco với giá $2,000 Mỹ kim một tháng. Người mua nhà lần đầu cũng mua cùng căn nhà với giá này phải bỏ vào khoảng 20% tiền cọc ($160,000) và mượn một số nợ lớn (jumbo loan – $640,000) trả cả vốn lẫn lời cố định khoảng 6% trong 30 năm. Hàng tháng người chủ nhà này sẽ phải trả ngân hàng $3,837.12. Cộng thêm tiền thuế thổ trạch và bảo hiểm rủi ro khoảng $997 Mỹ kim một tháng nữa người làm chủ nhà phải trả tổng cộng $4,834.12 Mỹ kim một tháng.

Theo công thức các kinh tế gia tính toán thì sau bảy năm trời (là khoảng thời gian trung bình một người làm chủ nhà cư ngụ trong căn nhà mình mua) người thuê nhà lợi hơn người đi mua nhà sơ sơ có... $120,000 Mỹ kim thôi! Người đi thuê nhà trong ví dụ này có thể dùng số tiền đáng lẽ phải đặt cọc hoặc trả những chi phí khác liên quan đến việc làm chủ nhà để đầu tư vào lãnh vực khác sinh lợi.

Mua nhà ở có lợi vì giá nhà tăng vùn vụt

Việc giá nhà sẽ tiếp tục tăng đều theo tỉ lệ vùn vụt của bảy năm qua là một suy nghĩ kém thực tế! Giá bất động sản hiện nay đã vượt quá tầm tay đa số người mua nhà lần đầu. Theo lịch sử một khi giá nhà tăng đến mức độ như vừa xảy ra thì ắt phải giảm. Vấn đề chỉ có giảm vào lúc nào và giảm bao nhiêu mà thôi.

Giá nhà tại Úc đã ngưng tăng mạnh. Trọn năm 2004 tỉ lệ tăng chỉ có 2.7% so với 19% của năm 2003. Thống kê của Ngân Hàng Commonwealth của Úc tính giá nhà mua lúc ký hợp đồng chứ không phải lúc đóng hồ sơ mua nhà cho thấy trong tháng 12 , 2004 giá nhà toàn quốc Úc giảm 7%, còn tại Sydney giảm tới 16%.

Tại Mỹ, theo thống kê của Hội Chuyên Gia Địa Ốc Toàn Quốc (National Association of Realtors) nhà tại những tiểu bang California và

Washington đã tăng 20% trong năm 2004. Tuy nhiên tỉ lệ người mua nhà để cho thuê (chứ không phải người mua nhà lần đầu) chiếm 25% tổng số nhà bán ra trọn năm 2004.

Trong buổi điều trần trước Quốc Hội Hoa Kỳ giữa tháng Hai năm 2005, Giám Đốc Quỹ Dự Trữ Liên Bang Alan Greenspan đã nêu quan ngại rằng giá nhà cửa tại nhiều nơi ở Mỹ hiện nay giống như bong bóng đã đầy ắp hơi sắp sửa vỡ tung. Mỗi khi ông Greenspan nêu lên lo ngại gì điều đó thường xảy ra. Vụ ông Greenspan cảnh cáo trước giới đầu tư chứng khoán hồi năm 1998 về việc thị trường này sẽ mất giá nghiêm trọng là một bằng chứng cụ thể. Thị trường chứng khoán Hoa Kỳ mất giá đã xảy ra vào cuối tháng Ba năm 2000.

Nếu người mua nhà lần đầu gặp rủi ro nhà mình mất giá không lâu sau khi mua thì tiền đặt cọc sẽ mất. Những phí khoản khác không thay đổi thì việc trả tiền căn nhà mình làm chủ sẽ chẳng mấy thích thú.

Trong lúc giá nhà tăng nhiều như vậy giá nhà cho thuê tại Mỹ lại không tăng bao nhiêu, chỉ có 2.5% một năm. Ngân hàng Trung Ương không thể để giá nhà thuê tăng nhiều vì điều này sẽ góp phần tạo lạm phát. Nói đến lạm phát, Quỹ Dự Trữ Liên Bang hiện đã tăng tiền lời ngắn hạn tại Mỹ (lần thứ sáu kể từ tháng Sáu năm ngoái) lên thành 2.5% sau kỳ ông Alan Greenspan điều trần vừa qua để đối phó với nạn lạm phát. Nếu mức lãi suất này cứ tiếp tục tăng thì giá nhà sẽ bắt buộc phải giảm.

Người đi thuê nhà còn được thêm một lợi điểm khác khi công việc thay đổi phải dời cư. Thông báo với chủ nhà trong 30 ngày dễ thu xếp hơn phải mang nhà ra bán vào lúc thị trường nhà mất giá.

Các kinh tế gia ước tính thị trường nhà cửa sẽ phải giảm để tạo quân bình trong sự khác biệt giữa việc đi thuê nhà và làm chủ nhà lần đầu. Dĩ nhiên chưa ai dám đoán chắc lúc nào điều này sẽ xảy ra. Từ nay cho đến lúc đó, người có ý định làm chủ nhà lần đầu mà phải vay mượn tối đa không còn đủ tiền chi phí cho những sinh hoạt thông thường nên chịu khó chờ đợi, để dành tiền đầu tư vào lãnh vực khác và... đi thuê cho được việc!

THÂM-THỦNG MẬU DỊCH HOA KỲ

THANH THẢO

Ngân Hàng Trung Ương Hoa Kỳ có nhiệm vụ theo dõi và tìm biện pháp cân bằng ngân sách cũng như giảm bớt nợ quốc gia. Theo con số mới nhất được công bố ngày 16 tháng Ba 2005 thâm thủng ngân sách quốc gia Hoa Kỳ hiện đã chiếm 6.3% tổng sản lượng quốc gia trong tam cá nguyệt cuối năm 2004.

Nói một cách khác, để chi trả đủ mọi ngân khoản trong các chương trình liên bang hiện nay Hoa Kỳ phải đi mượn thêm $750 tỉ Mỹ kim một năm từ các quốc gia đang phát triển.

Đó là một trong những lý do đồng Đô La Mỹ mất giá.

Vậy mà xem ra Giám Đốc Quỹ Dự Trữ Liên Bang Hoa Kỳ, ông Alan Greenspan không tỏ vẻ lo ngại bao nhiêu. Tại sao?

Theo tạp chí *The Economist*, trong cuộc điều trần trước Quốc Hội Mỹ vài ngày trước khi con số về ngân sách thâm thủng được công bố, ông Alan Greenspan đã nêu lý thuyết rằng nhờ thị trường thương mại mở rộng toàn cầu, những quốc gia đang phát triển có dịp chuyển tiền tiết kiệm sang thị trường Hoa Kỳ một cách dễ dàng hơn. Lý do, các quốc gia này chịu nhập cảng hàng hóa sản xuất tại Mỹ để trừ bớt nợ đã cho Mỹ vay. Và nếu không có hàng để mua trừ nợ, các nước này vẫn tiếp tục cho Mỹ vay bằng cách mua trái phiếu Hoa Kỳ.

Ông Greenspan còn nói thêm cho dù cán cân mậu dịch có thay đổi chăng nữa thì cũng không tạo nguy cơ thị trường sụp đổ bao nhiêu. Hiểu một cách đơn giản là việc đồng đô la Mỹ sụt giá đến mức độ hiện nay không phải là vấn đề đáng lo ngại lắm.

Sở dĩ ông Giám Đốc Quỹ Dự Trữ Liên Bang Hoa Kỳ Alan Greenspan mạnh miệng tuyên bố như trên vì ông có những thống kê vững chắc trong quá khứ về cán cân mậu dịch Hoa Kỳ và thế giới. Hiện nay tiền đầu tư của ngoại quốc vào Mỹ đã tăng đến $91.7 tỉ Mỹ kim tính đến tháng Giêng 2005, vượt xa mức thâm thủng mậu dịch trong cùng tháng.

Theo thống kê của công ty Goldman Sach, trong trọn năm 2004 người dân Hoa Kỳ chỉ trả có 3.25% lãi suất trên tổng số nợ ngoại quốc cho Hoa Kỳ mượn dưới hình thức trái phiếu hoặc cổ phiếu chứng khoán.

Nhưng Goldman Sach cũng nêu quan ngại rằng mức lãi suất đang bắt đầu tăng cho dù tiền đầu tư ngoại quốc vào Mỹ đang tăng. Và vì vậy để giữ những món nợ ngoại quốc, Hoa Kỳ sẽ phải tăng chi phí. Tính thành lãi suất, chi phí sẽ phải tăng khoảng 0.5% trong năm 2005 và những năm tới. Đây là một trong những lý do khiến lãi suất mọi

món nợ trong nước Mỹ sẽ phải tăng.

Còn vị Thống Đốc nhiều quyền lực Ben Bernanke, người được dự trù sẽ kế vị ông Greenspan khi ông này về hưu vào tháng Giêng năm 2006, lại có ý kiến khác, có vẻ đầy lạc quan về mức thâm thủng ngân sách quốc gia Hoa Kỳ. Ông cho rằng thâm thủng ngân sách Hoa Kỳ không phải hoàn toàn do người Mỹ tạo ra mà do các quốc gia khác tạo nên.

Ông nói việc người Mỹ tiêu xài nhiều quá và để dành tiền ít quá không phải là những lý do chính tạo nên thâm thủng ngân sách. Trái lại, ông cho rằng các nước khác để dành nhiều tiền quá nên phải tìm thị trường đầu tư – đó là thị trường Mỹ.

Hồi năm 1996 ông Bernanke điều trần rằng những quốc gia đang phát triển trên thế giới cộng chung bị thâm thủng mậu dịch so với thị trường Hoa Kỳ ở mức $87 tỉ Mỹ kim. Thời đó, các nước này là các nước con nợ của Mỹ.

Tuy nhiên, sau vài đợt khủng hoảng kinh tế các quốc gia này bây giờ lại là... chủ nợ của Mỹ mới đáng buồn chứ!

Tính cho đến năm 2003 các quốc gia đang phát triển lại có số nợ cho Mỹ vay lên đến $205 tỉ Mỹ kim.

Với con số này ngày càng lớn thêm chúng ta có thể hiểu đơn giản rằng nhờ "thắt lưng buộc bụng" chi tiêu dè sẻn, các nước đang phát triển đã buộc nước Mỹ phải tiếp tục trở thành con nợ, è cổ trả nợ hàng năm vì thói quen chi tiêu theo lối "vung tay quá trán." Điều này không đáng lo ngại hay sao?

Theo suy nghĩ của Ngân Hàng Trung Ương Hoa Kỳ thì không đáng lo. Vì cho rằng người Mỹ không hoàn toàn chủ động trong việc tạo ra mức thâm thủng mậu dịch, Ngân Hàng Trung Ương cũng cho là người Mỹ không thể hoàn toàn chủ động trong việc giảm bớt nợ quốc gia. Theo ông Bernanke, mỗi khi giảm ngân sách chi tiêu trong nước $1 Mỹ kim, Hoa Kỳ chỉ giảm được mức thâm thủng mậu dịch có 0.20 xu thôi.

Luận cứ của ông Bernanke khiến chính quyền Hoa Kỳ hài lòng vì không lo ngại phải cắt giảm các chương trình chi tiêu ngày càng tốn kém. Nhưng luận cứ này không buộc người Mỹ phải chịu trách nhiệm nhiều hơn cho thói quen chi tiêu quá khả năng của mình.

Hai sự việc kinh tế đáng quan tâm nhất xảy ra trong mấy năm gần đây là việc ngân sách quốc gia đang thặng dư biến thành thâm thủng và việc Ngân Hàng Trung Ương Mỹ cắt lãi suất để kích thích kinh tế toàn cầu là hai sự việc rõ ràng do người Mỹ quyết định tại Mỹ.

Đồng ý kinh tế toàn cầu có tăng trưởng sau khi Mỹ cắt lãi suất, nhưng với cái giá đắt là cán cân mậu dịch đối ngoại bị mất cân bằng, trở thành thâm thủng ngày càng nặng.

Ngân Hàng Trung Ương mỗi nước được trả tiền để suy tính thiệt hơn những cách bảo vệ ngân sách quốc gia. Nhiều kinh tế gia cho rằng Ngân Hàng Trung Ương Hoa Kỳ chưa làm tròn nhiệm vụ. Cho đến khi nào Ngân Hàng Trung Ương Mỹ nhận trách nhiệm người Mỹ cần cắt giảm chi tiêu và để dành tiền noi gương các nước đang phát triển thì vấn đề thâm thủng mậu dịch và đồng đô la Mỹ mất giá mới có triển vọng được giải quyết đúng chiều hướng, dù đi chậm cũng còn hơn không tiến bước nào.

BÁC SĨ GỐC VIỆT NAM TIÊN PHONG DÙNG "KỸ THUẬT NGƯỜI MÁY" TRONG CA MỔ TẠI BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG CHOC

AN PHA

Tờ *The Orange County Register* trong số ra ngày Thứ Tư 23 Tháng Ba năm 2005 chạy trên trang nhất bài tường thuật của một ca mổ do Bác Sĩ Lâm T. Vinh và đồng nghiệp của ông là Bác Sĩ Mustafa H. Kabeer đảm trách. Với năm vết mổ nhỏ xíu trên bụng một đứa bé ba tuổi khó nhận ra là kết quả của một cuộc phẫu thuật tuyệt vời, một biến chuyển quan trọng, vì hiện nay trên thế giới vẫn có rất ít bác sĩ dùng kỹ thuật người máy để phụ giúp trong công tác phẫu thuật như hai Bác sĩ Lâm và Kabeer.

Bác Sĩ Lâm T. Vinh, trưởng khoa giải phẫu, được nhân viên bầu lên tại Bệnh Viện Nhi Đồng CHOC ở Mission Viejo, không phải là người may mắn đâu. Ông vạch chiếc áo màu xanh lên để cho mọi người thấy ba vết sẹo lớn trên bụng và cho biết ông gần chết vì ruột dư lúc bảy tuổi. Bác Sĩ Lâm đã trải qua sáu tuần lễ nằm hồi sức tại một bệnh xá trong làng ở Miền Nam Việt Nam, chung quanh đầy những thương binh.

Bác Sĩ Lâm tự mô tả ông là một đứa trẻ bệnh rề rề từ năm 1972, nhưng nay ông đã ở tuổi 40 và đang chịu trách nhiệm điều hành một hệ thống kỹ thuật người máy phụ giúp trong việc phẫu thuật rất tối tân, trị giá tới một triệu đô la, một kiểu "trò chơi điện tử ba chiều." Ông nói đùa: "Nhưng

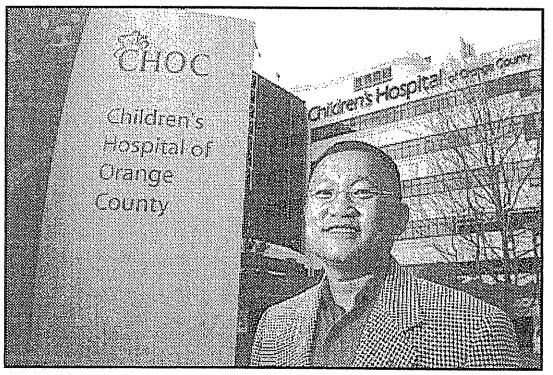

Bác Sĩ Lâm T. Vinh, hình chụp tại Bệnh Viện Nhi Đồng CHOC. (Hình: OC Register)

tôi là một tay chơi video game dở nhất." Nói thì nói vậy, nhưng ông là một trong chưa tới mười bác sĩ trên thế giới dùng kỹ thuật mới này trong công tác phẫu thuật. Hệ thống kỹ thuật người máy giúp cho việc mở chỗ cần mổ nhỏ và giúp cho người bác sĩ có thể quan sát vị trí mổ ba chiều cũng như làm phẫu thuật qua một máy tính điện tử. Vết mổ nhỏ giúp bệnh nhân bớt đau hơn khi tỉnh thuốc mê. Ngoài ra nó còn đáp ứng được yếu tố chính xác và thẩm mỹ.

Bác Sĩ Lâm T. Vinh là một trong sáu anh em trong một gia đình mà bố mẹ là người Việt gốc Hoa. Họ vốn là những giáo viên dạy về văn học và lịch sử Trung Hoa tại Cần Thơ. Lâm không nói được một câu tiếng Anh nào khi tới định cư tại tiểu bang Tennessee vào năm 1980. Thân sinh của Lâm T. Vinh rất lo lắng việc học cho con cái nên đã gởi ông vào một trường trung học Công Giáo tại Memphis. Dù dự định theo đuổi ngành y khoa, thuở thiếu thời, Lâm T. Vinh được cho theo học vũ ballet và tỏ ra có khiếu về môn này. Cho nên trong thời gian theo học tại trường Đại Học Christian Brothers University, Lâm có thể kiếm được khoảng 100 đô la cho một lần trình diễn ở vị trí một thành viên tập sự của Đoàn Vũ Ballet Tennessee. Ông cho biết: "Tôi đã từng luyện tập vũ ballet rất kỷ luật để hy vọng trở thành nghệ sĩ vũ ballet hay. Phẫu thuật cũng vậy. Nó là một nghệ thuật và tôi muốn khi mổ là phải mổ cho thiệt giỏi."

Dĩ nhiên là chàng sinh viên sau cùng phải bỏ môn vũ ballet để theo đuổi ngành y tại Đại Học Harvard. Sau khi tốt nghiệp, ông đã trải qua thời kỳ tập sự tại bệnh viện General tại Massachusetts và sau đó nhận một công việc với vai trò một bác sĩ phẫu thuật cho nhi đồng tại Bệnh Viện Nhi Đồng Children's Memorial ở Chicago. Bác Sĩ Lâm bắt đầu làm việc cho Bệnh Viên Nhi Đồng CHOC tại Quận Cam từ năm 1998.

Mặc dù hàng ngày ông phải vùi đầu trên bảng điều khiển điện tử để điều khiển hệ thống người máy phẫu thuật, nhưng Bác Sĩ Lâm T. Vinh là một người lúc nào cũng vui vẻ với các đồng nghiệp và bệnh nhân. Cô y tá Denise Martin nói về vị bác sĩ tài hoa này như sau:

"Quí vị có thể gọi ông vào nửa đêm để hỏi ông đôi điều, và điều này không bao giờ làm ông khó chịu cả." Do yêu cầu của một số y tá làm việc chung với ông ở phòng mổ, Bác Sĩ Lâm T. Vinh thường mang những cuốn video ghi hình chính ông trình diễn nhạc vũ kịch "Nutcracker" năm ông 17 tuổi ở Tennessee vào cho họ xem. Ông cười nói với họ: "Bây giờ tớ chẳng bao giờ còn có thể múa như vậy được nữa." Rồi ông Lâm cho biết ông rất nuông chiều các cháu trai vào cháu gái ông ở Alhambra, anh em ruột của ông đều sinh sống tại thành phố này. Ông cho biết ông đã từng trải qua tuổi thơ kinh khủng nên đã nhiều lần nói với cách cháu rằng chúng rất may mắn. Ông nhấn mạnh: "Tôi không phải là người giàu có, ngược lại chỉ sống dễ chịu hơn so với khi tôi mới đến Mỹ. Những gì tôi có ngày hôm nay không phải bằng tiền dễ kiếm. Cho nên, theo tôi chúng ta phải trân trọng mọi thứ mình có nhiều hơn nữa".

Chuyện Nước Pháp

TỪ NGUYÊN

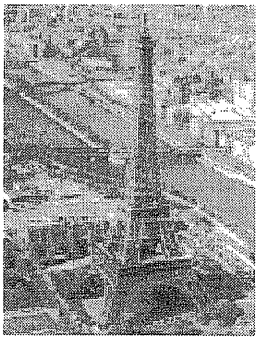

Trưng Cầu Dân Ý Hiến Pháp Âu Châu CUỘC VẬN ĐỘNG BẮT ĐẦU...

Bốn tuần lễ trước ngày có cuộc trưng cầu dân ý, cuộc vận động về hiến pháp Âu châu bắt đầu trên truyền thông cũng như trên đường phố. Nhóm chống đối, những người kêu gọi dân chúng bác bỏ để «bảo vệ quyền lợi của nước Pháp,» hoạt động mạnh không kém nhóm ủng hộ gồm chính quyền và một số đảng lớn.

Tham gia cuộc vận động trên truyền thanh truyền hình là tám đảng chính trị, bốn đảng ủng hộ bốn đảng chống, chiếm tất cả140 phút trên truyền thanh, truyền hình từ ngày 15.3 tới ngày

28.5. Nhóm ủng hộ gồm các đảng UMP, UDF, PS và Vert (Môi sinh), nhóm chống gồm Front national (Le Pen), Mouvement pour la France (Philippe de Villiers), Rassemblement pour la France (Charles Pasqua) và Đảng Cộng sản Pháp.

Lập trường chống hay ủng hộ coi vậy không còn theo màu sắc chính trị xanh hay đỏ, tả hay hữu nữa. Đảng cực hữu Front national đứng cùng «chiến tuyến» với đảng Cộng sản Pháp! Nhà nước trang trải chi phí vận động cho mỗi đảng này với mức tối đa là 800 000 euro. Chi phí của lần tổ chức này vào khoảng 130 triệu euro, tính ra mỗi cử tri 3 euro.

Chuyện mới lạ: Lần đầu tiên theo hãng thăm dò dư luận CSA, công bố ngày 18.3 trên tờ *Le Parisien*, xu hướng chống đối bản văn dự thảo hiến pháp thắng thế.

Thăm dò khoảng 802 người trong hai ngày 16 và 17.3, hãng CSA cho biết kết quả như sau: 51% trả lời «non», 49% trả lời «oui». 53% của những người được phỏng vấn cho biết sẽ bỏ phiếu trắng hay không đi bầu. Cuộc thăm dò được thực hiện sau cuộc biểu tình đông đảo của công, tư chức Pháp ngày 10.3 và lúc mà bản văn gọi là «chỉ thị Bolkestein» của Liên hiệp Âu châu được bàn thảo sôi nổi như tăng thêm sức cho nhóm chống đối.

CHỈ THỊ BOLKESTEIN LÀ GÌ ?

Chỉ thị Bolkenstein (Directive Bolkestein) lấy theo tên của cựu ủy viên Ủy hội Âu châu người Hoà Lan có mục đích bảo đảm cho các dịch vụ được tự do lưu thông giữa 25 nước. Tổng thống Chirac cho rằng dự thảo này "không thể chấp nhận được" và điện thoại yêu cầu chủ tịch Ủy hội Âu châu (cơ quan hành pháp của LHÂC) rút về. Chính phủ, quốc hội Pháp, các nghiệp đoàn đều chống lại dự thảo luật này.

Đây là bản văn mà hai đại diện của nước Pháp Michel Barnier (nay là ngoại trưởng) và Pascal Lamy năm 2004 đã chấp thuận. Câu trả lời của Jose Manuel Barosson chủ tịch Ủy hội Âu châu là không hủy bỏ, không rút lui. Lý do: Chỉ có các dân biểu Âu Châu mới có thể sửa đổi hay ngay cả thay thế hoàn toàn đề nghị này một khi dự thảo đã đệ nạp trước Quốc hội Âu Châu. Vì một sự tình cờ về thời biểu, Quốc hội Âu châu sẽ quyết định... sau cuộc trưng cầu dân ý của Pháp.

Tại sao Pháp lại chống dự án luật này? Vì dự án luật này áp dụng nguyên tắc «luật lệ của nước gốc chi phối» khi dịch vụ liên hệ hai hay nhiều nước. Như vậy, Pháp, và một số nước lớn có chế độ bảo đảm xã hội đầy đủ, lương bổng nhân viên cao sẽ bị thiệt hại, coi như bị cạnh tranh bất chính. Thêm một lý do cho những người chống lại Hiến pháp mới của Âu châu!

Đức và Bỉ cũng chống lại nguyên tắc này trong khi các nước nhỏ hiện chiếm đa số trong Liên hiệp Âu châu hoan nghênh. Một chuyện đương nhiên vì luật này một khi áp dụng mở ra một thị trường rộng lớn và thuận lợi cho các nước nhỏ.

MỘT VÀI VÍ DỤ ĐỂ HIỂU TẠI SAO CHỐNG ĐỐI

- *Một người làm nghề thủ công (artisan) Hung gia lợi* lãnh một việc tại nhà của một người Pháp. Người này sẽ theo luật của Hung gia lợi (nước gốc) chứ không phải theo luật của Pháp, về lương bổng, thời gian hay những bảo đảm khác. Công việc làm rẻ hơn nhiều, nhưng nếu có trục trặc, sẽ phức tạp, rắc rối vô cùng, chuyện đó tuy nhiên ít được chú ý tới.

Tình cảnh này lợi cho người tiêu thụ Pháp nhưng cạnh tranh và gây thiệt hại lớn cho người artisan Pháp: Công phí mỗi giờ (chưa kể thuế) của Pháp là 24 euro, trong khi của người Hung năm lần rẻ hơn!

- *Một hãng du lịch Tiệp bán cho một người Pháp* một chuyến du lịch trên nước của họ. Nếu dịch vụ này thực hiện bằng điện thoại, e mail hay thư từ, giá cả sẽ được trả theo thời giá của Cộng hòa Tiệp, nghĩa là rẻ hơn một hãng du lịch tại Pháp bán chuyến đi cũng tại Tiệp.

Theo chỉ thị này nhiều nghề tự do khác (cho thuê xe hơi, chưởng khế hay kiến trúc sư...) làm việc qua điện thoại, điện thư, bưu điện... luật nước gốc sẽ được áp dụng. Như vậy, một kiến trúc sư nước Lettonie chỉ lấy công phí 50 euro một giờ lẽ dĩ nhiên là ăn đứt một kiến trúc sư người Pháp vì công phí của kiến trúc sư Pháp mười lần cao hơn.

Vẫn Chuyện Hiến Pháp Âu Châu
THỦ TƯỚNG PHÁP THAM GIA CUỘC VẬN ĐỘNG

Những người ủng hộ hiến pháp Âu châu trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 29.5 bắt đầu phản công sau một thời gian yên lặng. Thủ tướng Pháp Jean-Pierre Raffarin trên đài truyền hình tối 24.3 cho biết sẽ ông đích thân cầm đầu chiến dịch vận động và kêu gọi dân chúng hưởng ứng.

Tuyên bố như vậy, thủ tướng Raffarin trực tiếp trả lời cho những người khuyến cáo ông nên «đi

chỗ khác» cho tới ngày 29.5 vì sợ rằng sự tham gia của chính phủ sẽ gây thêm sự chống đối của dân chúng. Có phải những người khuyến cáo như vậy muốn chuẩn bị một sự thay thế tại Điện Matignon ? «Tôi còn nhận lãnh trách nhiệm khi tổng thống còn tín nhiệm tôi,» lời của Jean-Pierre Raffarin.

Lời tuyên bố của thủ tướng Raffarin cũng gây vấn đề ngay trong nhóm ủng hộ, vì trong nhóm này có cả số đông đảng viên Xã hội đối lập. Phe chính phủ coi chuyện này là đương nhiên vì nếu không làm như vậy, dân chúng sẽ thắc mắc tại sao thủ tướng lại không tham gia vận động?

Bảo đảm tiến bộ xã hội

«Cuộc trưng cầu dân ý sắp tới không liên quan đến vấn đề chính trị (nội bộ của Pháp) mà là một vấn đề Âu Châu,» tổng thống Pháp tuyên bố tại Bruxelles. «Tôi tin rằng bản văn này sẽ bảo đảm sự tiến bộ trong các lãnh vực xã hội, kinh tế và bang giao quốc tế. Nếu Pháp ngăn chặn công cuộc xây dựng Âu châu ngày nay, hậu quả nguy hại không nhỏ và Pháp mất hẳn vai trò quan trọng trong Âu châu ngày mai.»

Tất cả nhân viên chính phủ đều được yêu cầu đi giải thích cho dân chúng tại sao nên chấp nhận hiến pháp Âu châu này. Đó là điều quá cần thiết vì cuộc thăm dò dư luận (lần thứ ba trong hai tuần qua) hai ngày 23 và 24.3 công bố trên tờ *Marianne* cho biết số người chống hiến pháp lên đến 55%.

Trong khi đó, có tin chủ tịch ủy hội Âu châu José Manuel Barroso được mời lên truyền hình trong chương trình «100 minutes pour convaincre» của đài France 2 ngày 21.4.05. Theo tuần báo *L'Express* chính vì sự «nổi giận» của tổng thống Chirac với ông này trong hội đồng Âu châu tại Bruxelles mà chương trình phỏng vấn đã bị hủy bỏ.

Cựu tổng thống Valéry Giscard d'Estaing, cha đẻ của hiến pháp, lưu ý: *Đừng để cho những kẻ «bất kể thứ gì cũng chống» lung lạc!*

SALON DU LIVRE TỪ 18 ĐẾN 23.3

Ngành Xuất bản của Pháp năm 2004 phát đạt

Năm 2004, lần đầu tiên các nhà xuất bản đã in ra nhiều hơn 50 000 tựa sách (sách mới và sách in lại) tổng cộng 450 triệu ấn bản. Với số thương vụ 2,5 tỉ euro, tăng 4% so với năm trước, kỹ nghệ sách của Pháp trong năm 2004 được coi là phát đạt.

Đó là con số của Nghiệp đoàn Xuất bản toàn quốc (SNE) ngày khai mạc hội chợ sách lần thứ 25 tại Porte de Versailles ở Paris từ ngày 18 đến ngày 23.3. Chủ tịch nghiệp đoàn cho rằng năm 2004 là một năm đặc biệt với số sách in ra cũng như số bán nhiều từ lâu nay mới có.

Con số tuy vậy chưa phải là nhiều so với các nước láng diềng. Năm rồi, Anh ấn hành 80 000 tựa sách, Ý 70 000 và Tây ban nha cũng hơn Pháp, 60 000, vẫn theo lời của Nghiệp đoàn.

Sau khi đã dành cho Trung Hoa, Hoà Lan, Ý những năm trước, chủ đề năm nay dành cho văn chương của Nga. Một khu vực rộng 700 thước vuông tiếp đón 40 nhà xuất bản Nga trưng bày sách. Khách danh dự, Alexandre Soljenitsyne vì tuổi cao – năm nay 86 – không tới được, có chừng bốn chục nhà văn thơ nổi tiếng có mặt trong hội chợ sách Paris.

Tổng thống Vladimir Putin có mặt tại Paris nhưng đã không bén mảng tới có lẽ vì sợ bị chống đối. Ban tổ chức chờ đợi chừng 185 000 người tới tham quan hội chợ.

THẾ VẬN HỘI 2012: LIỆU PARIS CÓ HY VỌNG?

Phái đoàn thế vận quốc tế vừa rời khỏi Paris, mọi người đều muốn biết: Liệu Paris lần này có được giao phó việc tổ chức thế vận hội năm 2012 không? Câu trả lời... Paris nhận được những lời khen tặng một cách nồng nhiệt... như những thành phố mà phái đoàn đã đi qua.

Phái đoàn thanh tra gồm toàn những người ít nói, chỉ nghe và ghi chép. Nếu có nói, họ nói những câu xã giao vô thưởng vô phạt. Nhất là bà trưởng phái đoàn Nawal el-Moutawakel, người rất khôn khéo trong vấn đề này.

Báo chí nhắc lại rằng khi rời Madrid, bà tuyên bố: Xin cảm ơn Madrid về những nỗ lực cho vấn đề này, trước khi bà khen ngợi tính cách chuyên nghiệp của kế hoạch đề nghị. Tại Luân Đôn: Ứng viên này có phẩm chất cao. Chúng tôi cảm thấy sự nồng nhiệt trong kế hoạch đề nghị.

Còn với New York: Người ta cảm thấy được nhiệt tình, sự hăng say của thành phố trong ý muốn tổ chức. Và Paris, ngày thứ bảy tuần trước, trong cuộc họp báo, bà trưởng đoàn nói cũng với những mỹ từ đó: hồ sơ có phẩm chất tuyệt hảo, trình bày rất khéo và rất chuyên nghiệp (*l'excellente qualité du dossier, la très haute qualité de présentations, le professionalisme...*)

Paris rất hả hê về những lời khen tặng đó nhưng vẫn không biết sẽ được chọn hay không. Giờ này phái đoàn đang ở Mạc Tư Khoa, thành phố cuối cùng. Thôi thì cũng phải ráng chờ, ngày 6 tháng 7, tin sẽ tới từ Tân gia ba vào khoảng 18 giờ.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

THƯ

Thư là cái loại mong chờ nôn nóng được liệt vào hàng thứ hai. Loại thứ nhất, ai cũng đoán ra là chờ tới giờ hẹn gặp người yêu. Ai không đoán ra thì thuộc vào loại... trà tàu một hụm. Thư của người yêu thì lại thuộc loại mong chờ hạng một... rưỡi. Cũng đau tim lắm. Những lá thư xanh của một người yêu gửi cho một người yêu, nó như một mùi phở xộc vào mũi của một người có cái dạ dầy đang nhàn rỗi. Nó quặn lòng nhau lắm. Vậy mà người phát thư đã đi qua không thèm ghé cửa nhà mình. Nó não nề làm sao! Nhưng nếu anh chàng phắc-tơ lại dừng chân, mặt cười tươi, phát cho một lá thư xanh xanh thì tình hình lại đổi khác ngay. Con tim nó nhẩy, bàn tay nó run run, con mắt nó long lanh, cứ tưởng như trời đất chỉ có một mình ta. Cô Mùi trong *Xóm Cầu Mới* của Nhất Linh khi nhận được thư của người yêu là anh chàng Siêu thì tay cũng... bắt chuồn chuồn. *"Nàng rút bức thư cầm ở hai bàn tay thật chắc cho gió khỏi bay. Mắt nàng nhìn vào chữ Siêu ký trong thư và bằng một giọng run run mà nàng cố ý làm cho run run thêm để tự làm tăng sự cảm động của mình, nàng nói như nói với Siêu:*

"Anh Siêu! Em hôn anh."

Nàng nghiêng đầu, mỉm cười, miệng thầm thì một lúc như nói chuyện với Siêu; cả người nàng rung động rồi nàng đưa bức thư lên áp vào môi, yên lặng, mắt mở to nhìn vào quãng không. Cử chỉ ấy lại khiến nàng thấy mình yêu Siêu hơn lên."

Thư tình, chúng ma mãnh lắm. Chúng có trăm phương ngàn kế để tìm đến với nhau. Nhất là khi chúng cần núp trong bóng tối. Mối tình còn đang ươm, chỉ chúng mình thôi nhé, cấm ngoại thủy không ai được biết, nhất là các ông bà via, toàn những vị có khuynh hướng chơi trò qua sông rút cầu. Mình yêu thì được, sông yêu đã nối nhịp cầu, khi con cái chúng yêu thì chặt ngay chiếc cầu kiều với sự phụ họa của chiếc roi mây. Thành ra, thư phải đi chui qua đường mấy chú nhóc, mấy cô sen, mấy người bạn thân... Thư loại này không phải dán tem nhưng phải dán bằng ô mai, bằng kẹo, bằng trái ổi trái cóc dầm. Nhưng có khi thư tình chẳng phải qua một bàn tay nào cả, nó núp theo sách vở.

em có nhớ trong sân trường bữa ấy
cô giáo đau ta được nghỉ giờ đầu
rất tình cờ hai đứa chợt gặp nhau
em mở cặp vội vàng trao quyển sách
sợ bạn thấy ta kẹp vào dưới nách
đi một hơi không kịp cảm ơn em
trốn vào cầu hối hả giở ra xem
mảnh giấy nhỏ nét mực nghiêng nghiêng tím

(Luân Hoán)

Thư tình thì phải... tình. Đó là chuyện bắt buộc! Không tình thì không ép-phê. Nếu mình không viết được cái thư cho tình thì mần răng? Những người đang bị lửa tình đốt cháy rụi bao giờ cũng có đường thoát: nhờ người viết dùm. Biết nhờ ai? Nhờ nhà thơ Phan Xuân Sinh! Trong bài tạp văn *" Thư Tình, Thời Đi Học"* ông bạn tôi đã thổ lộ cả một "lịch sử" viết thư tình của ông. Bức thư tình đầu tiên ông viết dùm cho người bạn học cùng lớp lớn hơn ông tới năm tuổi đã bị một tên nghịch tặc giật chạy. Trong giờ Việt Văn, anh chàng cướp giật quỷ quái này đã nương theo bài giảng về vẻ đẹp của mỹ nhân đang được thày giảng trong lớp để đọc lá thư viết mướn này cho cả lớp nghe. Bức thư trị giá một bao thuốc Ruby này đã được cả lớp vỗ tay khi được đọc xong, trước sự đồng tình của ông thầy chịu chơi. Tài viết thư tình của ông bạn Phan Xuân Sinh từ đó ngày càng... đắt hàng. *"Bắt đầu từ đó, các anh lớn trong lớp tôi có chuyện rắc rối về thư tình đều tìm tới tôi nhờ vả. 'Văn ôn võ luyện,' thư tình viết nhiều càng ngày càng tiến bộ. Viết thư tình cho mấy anh ấy, sau này tôi không cần phải đắn đo suy nghĩ. Nắm được sự thể của câu chuyện là tôi đặt bút viết ngay... Sau này lại kèm thêm cái mục làm chim xanh, đưa thư giùm qua lại cho những người yêu nhau, tôi lại thấy mình có thêm một chức quan trọng. Tất cả những giận, hờn, yêu, ghét, thù hận ghen tương, trước khi tới tai người yêu của họ, là họ đổ xối xả lên trên đầu tôi trước nhất. Tôi đã chứng*

kiến bao nhiêu chuyện tình sum hợp, cũng như chia ly. Tôi đã vui trong cái vui của họ và cũng buồn trong cái buồn của họ."

Đệ tử của nhà thơ Phan Xuân Sinh ngày nay ngồi đầy rẫy trước cửa Nhà Bưu Điện Saigon. Họ cũng viết thuê thư tình nhưng phần lớn phải viết bằng ngoại ngữ. Thời buổi con gái Việt Nam chân trong chân ngoài rủ nhau đi lấy chồng ngoại, cái thứ thư tình viết bằng quốc ngữ chữ nước ta còn đâu đất sống! Ông Phan Xuân Sinh còn muốn tiếp tục hành nghề chắc cũng phải... *update* thôi! Thế mới biết viết thuê thư tình đã leo lên đến trình độ... quốc tế rồi!

Thư, nhiều khi cứ khơi khơi cỡi lên báo chí mà đi. Thi sĩ Tản Đà rất thích ăn rau sắng nhất là loại rau sắng chùa Hương. Năm Nhâm Tuất 1922, vào ngày hội Chùa Hương 18 tháng Ba, nhà thơ của chúng ta không có tiền nên không trảy hội được. Ngồi ở Hà Nội, nhớ rau sắng chùa Hương, ngài bèn gửi vu vơ bốn câu thơ trên báo:

Muốn ăn rau sắng chùa Hương
Tiền đò ngại tốn con đường ngại xa
Mình đi ta ở lại nhà
Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm.

Chỉ ít lâu sau, anh chàng phát thư bưng đến cho nhà thơ một bưu kiện không có tên người gửi. Mở ra xem thì là một bó rau sắng và một mảnh giấy ghi cũng bốn câu thơ:

Kính dâng rau sắng chùa Hương
Tiền đò đỡ tốn, con đường đỡ xa
Không đi thời gửi lại nhà
Thay cho dưa khú, cùng là cà thâm

Thi sĩ Tản Đà đã quá. Vừa có rau ăn, vừa có thơ họa, lại vừa tơ lơ mơ chẳng biết người gửi là ai. Bèn tưởng tượng đó là một nữ nhi tài sắc vẹn toàn và ông gọi kẻ gửi quà là "Người tình nhân không quen biết." Ông làm một bài thơ cảm ơn nhưng không biết gửi về đâu, đành lại nhờ tờ báo cõng thư đi:

Mấy lời cảm tạ tri âm
Đồng bang là nghĩa, đồng tâm là tình
Đường xa rau vẫn còn xanh
Tấm lòng thơm thảo, bát canh ngọt ngào
Yêu nhau xa cách càng yêu
Dẫu rằng suông nhạt còn nhiều chứa chan
Nước non khuất nẻo ngư nhàn
Tạ lòng xin mượn "thế gian" đưa tình.

Không biết có phải nhờ rượu đưa đường dẫn lối hay không mà Tản Đà đã đoán đúng. Người gửi rau chính là cô Đỗ Thị Khê, bút hiệu Song Khê, một người cũng hay làm thơ và rất tâm phục thi sĩ Tản Đà. Lúc đó cô đang làm trong ngành y tế ở Phủ Lý.

Tản Đà kể ra đã gặp may, ông Bưu Điện cho bưu kiện xuôi chèo mát mái nên khi nhận được thì *"đường xa rau vẫn còn xanh."* Nhiều bức thư không được như vậy.

Bà Dorothy Orth ở Seelyville thuộc miền đông bắc tiểu bang Pennsylvania vừa nhận được một tấm bưu thiếp của cô con gái. Bà vội điện thoại về New York để cám ơn. Cô con gái ngẩn người ngạc nhiên. Cô có gửi cho mẹ bưu thiếp nào đâu! Bưu thiếp nào vậy mẹ? Bà mẹ nhìn vào bưu thiếp trả lời. Bưu thiếp con gửi từ Asbury Park ở New Jersey đó! Cô Janet Richards nhớ ra ngay. Đó là tấm bưu thiếp cô gửi khi đi du lịch với chồng vào ngày 19 tháng 8 năm 1967! Bà mẹ nhận được vào ngày 17 tháng 7 năm 2004, suýt soát 37 năm! Sao con rùa Bưu Điện này nó bò chậm đến thế? Truy nguyên ra thì sự tình nó như thế này. Tấm bưu thiếp bị đánh rơi xuống gầm một chiếc máy kềnh càng và nằm đó chẳng ai biết. Mới đây, Bưu Điện phế thải cỗ máy, bưu thiếp mới lòi ra. Chậm thì chậm, bưu điện vẫn cứ chuyển đi. Bưu thiếp được dán con tem 4 xu. Nay được dán thêm một con tem trị giá 23 xu nữa. Không biết tại sao nhân viên bưu điện lại dán thêm con tem mới này vào. Có lẽ để cho phù hợp với giá cả bây giờ!

Bà Dorothy Orth còn nhận được bưu thiếp, dù chậm. Nhà độc tài Hitler mới tội. Một tấm bưu thiếp gửi cho ông bây giờ mới tới. Hơi trễ! Ông chết cách nay đã 60 năm! Tấm bưu thiếp được gửi từ Anh, đề tên người nhận là: Adolf Hitler, Reichstag, Berlin, Germany. Lý do đến trễ: địa chỉ người nhận sai! Bưu Điện Đức muốn trả lại cho người gửi nhưng bưu thiếp lại không có tên người gửi nên biết gửi về mô? Đành để nó nằm đó chờ. Và nó chờ cho tới bây giờ mới được... giải quyết. Theo luật lệ của Bưu Điện Đức thì các bức thư gửi tới chính quyền cũ nhưng người nhận không còn thì sẽ được chuyển tới Viện Bảo Tàng của Quốc Hội. Bức thư mới đây đã được chuyển đi. Theo đúng luật lệ!

Không còn người nhận thư, thư tới. Tình cảnh này không khác với tình cảnh trong truyện ngắn

"Thư Không Người Nhận" của anh bạn Hoàng Khởi Phong của tôi. Chỉ có một khác biệt nho nhỏ. Thư được viết khi người nhận đã là người thiên cổ. Người gửi là một sĩ quan Việt Nam, người nhận là anh Elbert, một nhân viên trong đoàn Cố Vấn Mỹ ở một Tiểu Khu tại Ban Mê Thuột. Sau những căng thẳng giữa hai người vì những hiểu lầm, họ trở thành đôi bạn thân. Elberg đã vĩnh viễn nằm xuống tại Việt Nam và anh sĩ quan Việt Nam lại cùng với đoàn người di tản cuối tháng 4 năm 1975 tới Mỹ. Và, như định mệnh đã sắp đặt, anh sĩ quan Việt Nam lại tới định cư ngay trong vùng quê hương của anh bạn cố vấn Mỹ. Tới sát nhà bạn, anh sĩ quan di tản viết hàng loạt thư gửi cho người bạn Hoa Kỳ *"để tặng một người Mỹ đã chết rất trẻ ở Việt Nam và địa chỉ người nhận là Thiên Đàng. Nơi đó, buồn thay không phải là địa chỉ sau cùng của mỗi 'chúng ta'."* Những bức thư này chắc chẳng một Bưu Điện nào muốn nhận gửi. Chẳng nhẽ nhờ ông Táo cưỡi cá giao dùm? Vì vậy, anh sĩ quan Việt Nam không thể gửi thư dù anh đã đặt chân tới nhà của người bạn. Nhưng hai người cũng gặp nhau. *"Thật tình tôi không ngờ tôi gặp lại tôi trong căn nhà này. Một gặp gỡ lớn lao nhất từ khi tôi đến đây. Tôi đã gặp lại tôi và dĩ nhiên cả anh nữa trong một tấm ảnh chụp hơn mười năm trước. Bức ảnh này anh có cho tôi một chiếc, nó đã mất đâu đó sau những thăng trầm của riêng tôi. Khi giới thiệu cho tôi bức ảnh này, mẹ anh không nhận được tôi trong hình. Chính tôi đôi lúc còn không nhận ra tôi trong gương soi, những đổi thay to lớn dường đó, những bất hạnh dồn dập như thế, và mười năm, một thời gian đằng đẵng đủ xóa đi những nét thanh xuân. Cũng nhờ tấm ảnh này, gợi nhớ tới anh. Gợi nhớ tới những ngày tháng xa xưa, tôi và anh làm chung một vài việc thiện."*

Quê nhà luôn luôn là một ám ảnh. Chẳng thế mà nhà văn Võ Phiến quay quắt hết *"Thư Nhà"* đến *"Lại Thư Nhà."* Ông như một con diều lưu lạc tới đất Saigon và những lá thư nhà như là sợi dây cột cánh diều vào quê hương Bình Định của ông. *"Đi làm về, tôi được lá thư: thư nhà. Tôi chợt nhớ ra đã ba năm nay, lần nào, vào dịp này, tôi cũng được gia đình gửi cho một lá thư. Dịp ấy là ngày giỗ bà tôi: bà mất vào cuối năm. Thư do em tôi viết – cũng như mọi năm trước – nhưng lần này, sau mấy dòng thăm viếng, liền có tin khác thường: '...Em và mấy cô về nhà trước một hôm. Buổi tối đoàn văn nghệ ở tỉnh đến trình diễn trong làng, em có đi coi. Dân chúng kéo tới vừa đông, ban kịch sắp sửa kéo màn lên thì nghe lác đác có tiếng súng nổ... Khi đã khuya, thấy có người cầm cây đuốc dẫn đường cho hai người khác khiêng một chiếc võng tải thương. Anh có biết người thương binh đó là ai không? — Bác Bốn Thôi!"*

Những ai đã đọc Võ Phiến chắc đã quen thuộc với những Bốn Thôi, chị Lộc, ông tú Từ Lâm, ông Thập Tam, Năm Thiều... Toàn những khuôn mặt của một miền quê khói lửa xuất hiện trong những bức thư nhà mà Võ Phiến triền miên thương nhớ. À ra vậy! Thư nó cũng được việc đấy chứ!

Vậy mà nó mai một đi! Chuyện này chắc chỉ có ông Bưu Điện là phiền hà nhất. Đó là chuyện thư nó đã biến hình thành thư điện tử. Không, chẳng phải chỉ có ông Bưu Điện bị làm khó vì cái trò thư leo lên trời này. Tôi cũng bị ảnh hưởng. Thứ nhất là tôi mất hẳn cái thói quen viết thư. Nhập đề, thân... thư, kết thư, chúc tụng... Mệt! Cứ gõ vài hàng, bấm vào chữ *send* một cái là thư như Tôn Ngộ Không, đằng vân giá vũ, vèo một cái là tới người nhận, dù người nhận ở bất cứ xó xỉnh nào trên mặt địa cầu này. Thứ hai là sáng sáng tôi khỏi phải rình ông đưa thư. Chẳng lẽ lại mong ông ấy ném cho mấy cái *bill* tối tăm mặt mũi! Không, ông Bưu Điện bỗng nhiên biến thành người tình cũ. Dân chúng của đầu thế kỷ thứ 21 này quen với những ông *Hotmail, Yahoo, Google, AOL, Sympatico*.. .hơn là ông Bưu Điện.

Các em đi lên trời rồi đi xuống
Có những khi ngày rất bướng rồi hiền
Anh gượng đỡ tuyệt chiêu mà luống cuống
Điện thoại rồi email *đó buông buông*
(Nguyễn Nam An)

Email có phải là số một không? Đúng là cái cẳng. Nhưng thư điện tử cũng có phần hạn chế. Nó không có dấu. Thiếu những anh sắc hỏi huyền ngã nặng gây ra những phiền phức. Trong truyện ngắn *"Alaska Mailbox"* của Phạm Thành Châu đăng trên tạp chí Văn, California, số Xuân Ất Dậu mới đây, tác giả cho thấy sự đi vắng của những cái dấu trong tiếng Việt đã nhức đầu đến thế nào. Tôi muốn bưng cái chuyện nhức đầu này đến cho các độc giả thân mến. Cô nàng *mail* cho anh chàng bốn câu thơ mới làm xong. Chàng đọc xong, phán: Thơ của em kinh hoàng! Thơ gì mà "Bợ quần người vợ dâm đãng" rồi " Đè em lanh lẹ, đè em túi bụi." Hai câu sau càng khủng khiếp! Nàng cãi lại: Anh xuyên tạc, tại vì cái *computer* của em không có dấu tiếng Việt chứ bộ! Tôi đánh máy

nguyên văn bài thơ tranh cãi này để quý vị đọc sao thì đọc. Dĩ nhiên, tôi không chịu trách nhiệm!

Bo quen nguoi vo dam dang,
De em lanh leo, de em tui buon,
Long rung rung nho bong hinh,
Cua minh em, nhung an tinh ngay xua.

03/2005

TRÀ

Tôi uống trà hàng ngày nhưng không thể tự coi là mình ghiền trà. Đó là một thứ nước uống tốt. Không uống trà, uống thứ khác cũng được, nhưng không thích. Ăn xong một bữa ăn, uống một ly trà nóng, bụng dạ bỗng thấy yên ổn. Nhất là một bữa ăn ở tiệm Hoa, vốn nhiều chất mỡ, ăn xong mà chơi một ly nước trà, hình như mỡ màng trong miệng chạy đi đâu hết. Cái lối uống trà lấy lợi của tôi như vậy đã làm trà bị... xuống giá. Cứ như bắt một cô tiểu thư khuê các làm công việc của một tì nữ. Trà thuộc giòng dõi kênh kiệu hơn nhiều.

Chắc ai cing đã từng nghe thấy cách uống trà trịnh trọng của người Nhật. Họ đã nâng nghệ thuật uống trà lên hàng... tôn giáo. Trà Đạo đã được hình thành từ thời Mạc Phủ Tướng Quân, thế kỷ thứ 15. Đây là một hình thức hướng tâm con người đi tìm chân, thiện, mỹ trong thế giới tĩnh tại và tự nhiên của tâm hồn. Nơi uống trà gọi là trà thất được dựng bằng gỗ, nằm giữa một khu vườn đầy hoa lá, được dẫn vào bằng những lối đi trải sỏi. Những người uống trà, được gọi là trà đồ, trước khi bước vào trà thất đã tự mình rũ bỏ hết cái thế giới ồn ào bon chen, nhập vào sự tĩnh lặng của tâm hồn, quên hết cả những phiền toái của cuộc nhân sinh.

Chỉ có uống trà mà con người có thể nhấc mình lên cõi thiền được chăng? Trong truyện ngắn *"Uống Trà Đi"* nhà văn Lâm Chương cho nhân vật tên Bi, chỗ thân tình của tác giả, người tu hành nơi một cái am nhỏ do ông tự dựng nên ở Gò Chùa trong tỉnh Tây Ninh, luận bàn một cách thú vị với tác giả về Trà Đạo.

"Anh Bi nâng chén trà đưa tôi. Trà mộc, pha loãng. Uống nhạt thếch, chẳng ra làm sao cả. Tôi nói với anh về kiểu cách uống trà của người Nhật. Họ coi cái việc uống trà là một nghệ thuật của hàng tao nhân mặc khách. Nghệ thuật này được nâng lên thành trà đạo, một triết lý sống cao nhã của các thiền gia. Nghe tôi nói, anh Bi mỉm cười, mắt ngó ra ngoài cửa sổ ngắm mây. Nhưng khi tôi dứt lời, ý kiến của anh làm tôi sửng sốt.

Anh bảo: 'Nghệ thuật chỉ dành cho người làm nghệ thuật. Thiền gia mà quan trọng cái việc uống trà như một thứ trà đạo, lấy đó làm triết lý sống là loạn tâm. Đối với kẻ tu hành, uống trà chỉ đơn giản là uống trà mà thôi. Không câu nệ hình thức. Không rắc rối rườm rà.'

Tôi phản đối: 'Đã có bao nhiêu quyển sách bàn về vấn đề này rồi. Anh nói khác đâu được?'

Anh Bi bình tĩnh: 'Sách là do con người viết ra. Thánh nhân viết còn lầm, huống hồ kẻ phàm phu. Đọc sách mà bị sách vở nhận chìm trong tư tưởng người khác, không phân biệt điều đúng điều sai, thà đừng đọc sách còn hơn.'

Tôi chưa tìm được lý do nào để phản bác lý của anh Bi."

Tôi cũng chưa tìm được lý do nào để không thú vị với cái cách luận sự việc của... Thày Bi. Tôi vẫn muốn gọi nhà tu hành này một cách nghiêm túc hơn, nhưng trong suốt truyện ngắn này, tôi chẳng tìm được cái đạo hiệu Thích này Thích nọ của người mà tác giả gọi chỏng chơ là "anh Bi." Có lẽ bởi vậy mà anh Bi gần với tôi hơn, chí ít là trong việc uống trà. Uống trà là... uống trà. Thế thôi. Chấm hết! Trà của tôi uống cũng đuểnh đoảng, cũng nhạt thếch như trà của "anh Bi." Tôi uống trà cho cái bụng chứ không phải cho cái đầu. Uống trà cho cái đầu, mệt óc lắm. Nó như một nghi thức kênh kiệu đầy ước lệ. Như cách uống trà ở Anh chẳng hạn.

Người Anh chỉ biết tới trà bằng đường học lóm của người Hoa. Vào thế kỷ thứ 18, hải quân Anh đã chiếm được Hương Cảng, Thiên Tân, Thượng Hải, Quảng Châu... của Trung Hoa. Đi xâm lược người nhưng chính đoàn quân xâm lược đã bị trà... xâm lược lại. Họ khoái trà của Trung Hoa. Và họ đã nhập về Anh cách uống chất đắng này để trở thành một tập tục phổ biến ở vương quốc sương mù. Rất nhiều lần, số trà từ Trung Hoa chở về Anh không kịp khiến họ phải tổ chức nhiều cuộc đua gọi là Đua Trà bằng thuyền buồm để kịp thời chở các loại trà quý về Luân Đôn. Nữ Công Tước Bedford, tác giả quyển *"Năm Giờ Uống Trà,"* chính là người đã tạo ra phong trào uống trà vào buổi chiều tại Anh. Ngày nay, trong nhà của giới trung và thượng lưu Anh chúng ta sẽ dễ dàng bắt gặp những bàn uống trà được trang trí với khăn trải bàn mỹ thuật, bình hoa tươi và nhất là bộ bình trà làm bằng bạc hoặc sứ men Trung Hoa kiêu kỳ. Dân Anh uống trà đen trong khi dân Á Châu uống trà xanh. Tại sao lại có sự thay đổi...

màu sắc như vậy?

Thực ra đây không chỉ là sự thay đổi màu sắc mà còn là sự thay đổi khẩu vị. Sự khác biệt là do thời gian ủ trà. Muốn tường tận chúng ta phải lòng vòng một chút, trở lại từ gốc rễ cây trà. Cây trà là một trong những cây thuộc họ *Theacae*, lá xanh, hoa màu trắng. Thường thì cây phải có năm năm tuổi mới được coi là trưởng thành và có thể cho hoa lợi trong 25 năm hay lâu hơn tùy sự chăm sóc của nhà vườn. Cây trà thường có độ cao tới hàng chục thước nhưng để tiện lợi cho việc hái trà người ta phải cắt tỉa thường xuyên để có chiều cao tối đa khoảng từ một thước tới một thước rưỡi. Khi những cây trà đã già thì có thể cắt ngang thân để mầm non nẩy chồi mới. Với phương pháp này, cây trà có thể thọ được trăm năm một cách dễ dàng. Mùa hái trà là vào mùa xuân, khi cây đang xanh tốt. Lá trà hái về đem hong ngoài trời cho héo, sau đó đem ủ, sấy và biến chế làm trà sống. Tại Trung Hoa có các vùng sản xuất trà nổi tiếng như Giang Bắc, Giang Nam , Lĩnh nam, Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên, Hồ Nam, Hồ Bắc, Chiết Giang, Giang Tô, Phúc Kiến... Tại Việt Nam nổi tiếng nhất là trà Thái Nguyên ở miền Bắc và trà Lâm Đồng ở miền Nam. Loại trà đen mà dân Hồng Mao ưa thích là loại trà khi hái về được ủ lâu nhất. Ủ ngắn nhất là các loại trà Nhật, Long Tỉnh, Bích Loa Xuân... Ủ trung bình có các loại Bạch Hào, Ngân Châm, Bao Chủng, Động Đình, Thiết Quan Âm, Vũ Di, Ô Long...

Để cho thêm mùi vị, trà được ướp các loại hoa như lài, ngâu, cúc, sói và nhất là sen. Ngày nhỏ tôi đã được coi mẹ tôi ướp trà sen. Vì quá nhỏ, tôi không thể nhớ được các công đoạn của một mẻ trà ướp sen nhưng tôi còn nhớ là phải kéo dài nhiều ngày. Tôi lõm bõm nhớ lại hình ảnh mỗi buổi sáng những gánh hoa sen thơm ngát được các chị hàng hoa mang tới nhà, căn phòng ướp âm u nóng với những lò than để sấy, những buổi cả nhà ngồi tuốt những nhụy sen trộn với trà, những lúc ngồi nhồi trà vào trong hoa rồi cột những cánh hoa úp kín vào nhau.

Hương vị ngát lừng của trà đã đưa trà lên cao. Thú uống trà đã được liệt vào hàng... quý tộc.

Trà đựng trong bình trí nhớ câm
Rót nghiêng từng ngụm nỗi đau thầm
Hòa chung cùng ngụm đau trời đất
Là mỗi ngày ta mỗi điểm tâm

(Mai Thảo)

Ăn uống cho ra điều ra nhẽ, ngoài ngài Tản Đà, chúng ta phải hỏi han tới nhà văn Nguyễn Tuân. Mà đụng vào cụ Nguyễn Tuân thì mệt lắm. Trong truyện ngắn *"Những Chiếc Ấm Đất"* cụ Nguyễn đã luận về trà. Nhân v-t cụ Sáu trong truyện uống trà thì phải pha bằng nước giếng chùa Đồi Mai mới đúng cách. *"Chùa nhà ta có cái giếng này quý lắm. Nước rất ngọt. Có lẽ tôi nghiện trà tàu vì nước giếng chùa nhà đây. Tôi sở dĩ không đi đâu xa được là vì không đem theo được nước giếng này đi để pha trà. Bạch sư cụ, sư cụ nhớ hộ tôi câu thế này: Là giếng chùa nhà mà cạn thì tôi sẽ cho không người nào muốn xin bộ đồ trà rất quý của tôi."* Bộ đồ trà của cụ sáu là chiếc ấm Thế Đức màu gan gà. Thứ nhất Thế Đức gan gà/ Thứ nhì Lưu Bội, thứ ba Mạnh Thần. Ấm pha trà đã có thứ bậc đàng hoàng. Nhưng trà mới là "nhân vật" chính. Biết được trà là cả một công phu không phải ai cũng có được. Cái công phu của người ăn mày trong truyện của Nguyễn Tuân là một công phu... cổ quái.

"Hắn toàn vào xin những nhà đại gia thôi và cố làm thế nào cho gặp được mặt chủ nhân rồi có xin gì thì hắn mới xin. Có một lần hắn lần vào đến nhà giữa một nhà phú hộ kia, giữa lúc chủ nhân cùng một vài quý khách đang ngồi uống trà buổi sớm... Hắn gãi tai, tiến gần lại, tủm tỉm và lễ phép xin chủ nhân cho hắn uống trà tàu với! Mọi người tưởng hắn điên. Nhưng tại sao không ai nỡ đuổi hắn ra và còn gọi hắn lại phía bàn cho hắn nhận lấy chén trà nóng. Hắn rụt rè xin lỗi và ngỏ ý muốn được uống nguyên một ấm trà mới kia. Hắn nói xong, dỡ cái bị ăn mày của hắn, cẩn thận lấy ra một cái ấm đất độc ẩm. thấy cũng vui vui và lạ lạ, mọi người lại đưa cho hắn mượn cả khay trà và phát than tàu cho hắn đủ quạt một ấm nước sôi, thử xem hắn định đùa với bọn họ đến bực nào mới chịu thôi. Hắn xin phép đâu đấy rồi là ngồi bắt chân chữ ngũ, tráng ấm chén, chuyên trà từ chén tống sang chén quân, trông xinh đáo để... Uống một chén thứ nhất xong, uống đến chén thứ nhì, bỗng hắn nheo nheo mắt lại, chép môi đứng dậy, chắp tay vào nhau mà thưa với chủ nhân: "Là thân phận một kẻ ăn mày như tôi được các ngài cao quý rủ lòng thương, thật kẻ tỳ tiện này không có điều gì dám kêu ca nữa. Chỉ hiềm rằng bình trà của ngài cho có lẫn mùi trấu ở trong. Cho nên bề dưới chưa được lấy gì làm khoái hoạt cho lắm." Hắn lạy tạ, tráng ấm chén, lau khay hoàn lại nhà chủ. Lau xong cái ấm độc ẩm của hắn, hắn thổi cái vòi ấm rất kỹ lưỡng cất vào bị: thế rồi xách nón xách gậy, cúi lậy chủ nhân

và quan khách xong hắn tập tễnh lên đường. Mọi người cho là một thằng điên không để ý đến. Nhưng buổi chiều hôm ấy, cả nhà đều lấy làm sợ tên ăn mày vì ở lọ trà đánh đổ tung vãi ở mặt bàn, chủ nhân đã lượm được ra đến mươi mảnh trấu."

Tôi đã từng uống trà ở Đông Kinh, Hán Thành. Thì cũng là những căn phòng nho nhỏ, khách ngồi trên sàn ở Nhật Bản, ngồi trên ghế ở Đại Hàn, vừa uống vừa đàm đạo với bạn bè. Chẳng có trà đạo trà điếc gì cả! Vị trà đậm chát kỳ thú. Nhưng đậm đến quấn đầu lưỡi là lần uống trà tại nhà anh bạn Hà Thúc Sinh tại Cali mươi năm về trước. Bữa đó trà còn theo tôi về phá giấc ngủ. Chỉ khác lần đầu đi uống cà phê buổi tối tại Saigon ngày vừa bước chân vào ngưỡng cửa Đại Học ở một điểm: có cái trần mùng mà nhòm cho qua đêm dài! Lần uống trà tại Hà Nội vào một đêm cuối năm giá lạnh hơn hai năm trước đây là một ê chề đến não lòng. Cô tiếp viên đưa ra một cái... ấm đơn gồm mấy chục loại trà tối tăm mặt mũi. Toàn những tên thật kêu nhưng chẳng hé lộ cho ấm khách một chút gì về... nội dung loại trà. Chỉ đại một cái tên, bát trà đưa ra có nắp đậy là một thứ nước nâu nâu đục ngầu, uống vào thì không hiểu phải vượt qua bao nhiêu cây số mới tới cái gọi là mùi trà được!

Trà Saigon ngày nay tôi lại chưa được nếm, chỉ nghe qua báo chí. Trong các quán trà có các loại trà cổ truyền như trà xanh, trà lài, trà sen, trà móc câu, trà cỏ ngọt, trà quế... dùng với bánh đậu xanh, bánh su sê, bánh in... Cũng có khi khách kêu uống các loại trà dược thảo như trà nhân trần, trà linh chi, trà tim sen, trà rong biển, trà đào, trà chanh, trà táo... Những loại trà này gọi là trà nhưng chẳng liên quan gì đến cây trà chính gốc. Ẩm khách không phải chỉ có các vị đứng tuổi mà còn có những khách trẻ kể cả những người ở ngoại quốc về. Họ cần một không gian trữ tình, một khung cảnh tĩnh lặng, một thời gian để tâm hồn lắng xuống. Anh Sĩ Hoàng, chủ nhân quán trà Điểm Một Thời rất nặng lòng với trà: "Tôi muốn mang đến một sự thuần Việt cao nhất có thể cho khách. Vì vậy, pha trà cần sự tỉ mỉ. Chỉ cần một sơ suất nhỏ chén trà sẽ không được như ý ngay. Ngoài việc chọn trà mộc và cách ướp hương cho các loại trà thì nước pha trà là điều quan trọng bậc nhất. Ông bà ta dùng giọt sương trên lá sen hay dùng nước mưa. Nhưng đến chúng ta thì loại nước đó cũng ô nhiễm rồi. Chỉ có dùng nước suối, nước khoáng để pha trà."

Trà trong môi trường của chúng ta hiện nay hình như đã không chỉ là một cái thú mà là một cách ngừa bệnh. *"Nhất nhật nhất trản trà / Lương y bất đáo gia."* Chỉ một chén trà mỗi ngày có thể nghỉ chơi anh tu bíp! Thật vậy, trà là một dược chất đa năng cho sức khỏe. Người ta uống trà để giảm chất béo vì trong trà có chứa các chất làm giảm lượng mỡ trong cơ thể con người. Theo nghiên cứu của một số nhà thảo dược học Trung Hoa thì lượng mỡ trong người một người uống trà trong vòng 10 năm thấp hơn 20% so với những người không uống. Nơi nữ giới sự giảm mỡ còn rõ ràng hơn: người uống trà giảm được đến 30% lượng mỡ trong cơ thể! Các nhà nghiên cứu Tây phương cũng đã nhảy vào vòng... trà. Tổng hợp trong 13 bản nghiên cứu đã được phổ biến, người ta đã ước lượng là những người uống từ 3 ly trà trở lên mỗi ngày có thể giảm được 11% nguy cơ bị bệnh tim. Những kết luận này đã khiến Hội Nghị *American College of Cardiology Scientific Sessions* năm nay phải đưa trà vào nghị trình thảo luận. Các nhà khoa học của Đại Học Arizona đã làm thí nghiệm cho thấy trà có thể làm giảm nguy cơ mắc bệnh ung thư ngực, phổi, da và miệng. Họ cho một số tình nguyện viên có hút thuốc lá bị tổn hại DNA uống bốn ly mỗi ngày theo ba nhóm. Nhóm uống trà xanh, nhóm uống trà đen và nhóm uống nước lạnh. Kết quả cho thấy nhóm uống trà xanh đã giảm được sự tổn hại DNA. Chính những DNA tổn hại này đã dẫn các tế bào lành trở thành ung thư. Các nhà khoa học Anh và Tây Ban Nha vừa tìm ra hợp chất EGCG có trong trà xanh có thể ngăn chặn các tế bào ung thư phát triển bằng cách khống chế một *enzyme* đặc biệt gây bệnh ung thư. Họ cũng cho biết chất này chỉ là một trong số rất nhiều hợp chất chống ung thư có trong trà xanh. Khám phá này được coi là lần đầu tiên khoa học mới phát hiện ra một hợp chất xác định có tác dụng như thuốc chống ung thư, mở ra triển vọng chế tạo thuốc điều trị ung thư hiệu quả dựa trên cấu trúc các phân tử EGCG. Tuy nhiên, các nhà khoa học cũng khuyên các phụ nữ không nên uống trà xanh trước và trong thời kỳ đầu mang thai vì trà xanh làm giảm hiệu quả của *acid folic*, một chất ngăn ngừa nguy cơ nứt đốt xương sống và rối loạn ống thần kinh ở trẻ.

Những lợi ích của trà cho sức khỏe con người đã đưa trà vào một loại thức uống khác. Nó không còn chỉ là một thú vui, một tập tục quý phái, một cái đạo. Nó đã bước xuống một nấc. Từ nấc vương

giả nó đã hóa thân thành một người bạn ích lợi cho chúng nhân.

Ban sơ thế điệu phiêu bồng
Về sau rớt hột chùm bông quê nhà
Bây giờ một lúc uống trà
Ăn qua loa chút gọi là tái sinh

(Bùi Giáng)
03/2005

TRUỒNG

Mọi sự đều qui vào ông Adam. Nếu ông ấy không mềm lòng nghe theo lời bà Eva thì nhân loại ngày nay ra sao nhỉ? Mấy ông bạn tôi được dịp... Mao Tôn Cương! Thì làm khỉ gì có nhân loại! Một ông phát ngôn. Này nhé, trước khi ăn trái táo, ông Adam và bà Eva cứ nhởn nhơ trong Vườn Địa Đàng, ngây thơ vô tội như hai đứa trẻ thì biết gì đến những trò tí toáy cho ra con người. Ừ nhỉ, tôi nhớ hồi nhỏ, những ngày tắm mưa, lũ con trai con gái cứ hồn nhiên mà đùa giỡn giữa thiên nhiên, có ý nghĩ gì trong đầu đâu. Ông Adam và bà Eva chắc cũng như vậy. Tồng ngồng mà không ý thức mình tồng ngồng. Ngây thơ như vậy thì còn trò trống gì nữa! Chỉ khi xực một trái táo, bị đuổi ra khỏi Vườn Địa Đàng, biết mắc cở, mới vội đi lấy lá vả che thân mình. Vậy tội là tội ông Adam. Một ông bạn khác bất ngờ lên tiếng. Bà Eva nặng tội hơn, bởi vì bà ấy đã xực tới hai trái táo, dấu tích còn rành rành đó! Không hiểu ông bạn tinh thông sử sách này đã căn cứ vào sách nào để... kỳ thị như vậy! Ngày nay táo đầy rẫy, ăn táo là chuyện chẳng có gì phải nói, huống chi chỉ có nửa trái với hai trái!

Cái thuở hồng hoang của hai ông bà tổ xem ra con cháu ngày nay lại muốn quay về. Tha thướt quần dài áo thụng mãi, chán! Đổi mốt cho nó mát mẻ. Bóc đi một chút, đoạn trên.

Nguồn sống tuôn thơm nhựa ứa đầy
Một chiều khổ cực bốn chiều say
Đã phanh yếm mỏng thì quăng hết
Những nếp xiêm hờ giả bộ ngây

Hương ngát em lồng kín cõi anh
Yếm đào trút lại phía vô linh
Đong đưa gác lửng nghênh xuân ấy
Đôi núm hồng em nở hết mình

(Hoàng Cầm)

Chẳng phải một đôi, chỉ nở có một núm mà đã rung rinh địa cầu. Núm của một ca sĩ thuộc hạng sao, Janet Jackson. Nó nở trước thanh thiên bạch nhật, đúng vào nơi nhĩ mục quan chiêm, trước cả trăm ngàn cặp mắt trong vận động trường của trận chung kết giải bóng bầu dục *Super Bowl* vào năm ngoái, lại còn ăn ké thêm cả chục triệu cặp mắt ngồi nhà coi trực tiếp truyền hình, tổng cộng tất cả là 90 triệu cái nhìn. Mắc mớ gì mà hoa nở trái mùa như vậy? Số là ca sĩ Justin Timberlake hát cặp với Janet, trong một lúc múa may đã kéo chiếc nịt ngực bật ra làm trái táo đen bỗng được hưởng ánh mặt trời. Màn đứng tim này không có trong chương trình nhưng được trình diễn như có sắp đặt. Bởi vì trái táo nhảy ra đón ánh mặt trời đã được trang bị bằng một vòng bạc che núm. Nếu ẩn khuất trong bóng tối thì can cớ chi mà phải trang điểm như vậy? Hơn 500 ngàn lời phản đối đến từ phía quần chúng làm ban tổ chức méo mặt. Đâu cứ phải lúc nào muốn cho nở cũng được đâu!

Hoa nở có mùa, táo nở có chỗ. Cứ bên sóng biển mà nở là an toàn trên xa lộ. Táo, cam, quýt, thậm chí bưởi, dưa, mướp cũng nở búa xua chẳng ai thèm lý tới. Trên bãi biển Varadero, xứ sở của anh râu Fidel Castro, nơi du khách từ Canada, Nam Mỹ và cả từ Pháp, Đức, Bỉ, Thụy Sĩ... tới nghỉ mát tắm biển, rộn ràng như một chợ trái cây. Trái trôi nổi trên những đợt sóng, trái phơi nắng trên bãi cát, trái rung rinh theo những vết chân trên cát trước những con mắt tỉnh bơ của mọi người. Trái lồ lộ dưới ánh mặt trời mang dáng vẻ hồn nhiên nhởn nhơ. Chúng có đó như ánh nắng, như cát, như sóng, như mây chung quanh. Chúng không mời mọc, quyến rũ, rủ rê gì cả. Chúng như một nét đẹp của nghệ thuật. Mấy ông bạn đi chung với tôi trong những ngày nghỉ đông vừa rồi đều gật đầu với nhau như vậy cả.

Thiên nhiên luôn luôn mang dáng vẻ nghệ thuật, tòa thiên nhiên hà cớ gì không nghệ thuật? Nhà thơ Tiên Điền, trăm năm trước, đã từng.

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên
Sinh càng tỏ nét càng khen
Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường.

(Truyện Kiều)

Tòa thiên nhiên đã nhảy vào thơ thì ngồi vào trong tranh là chuyện bắt buộc. Bạn tôi, ông Đinh Cường chỉ phẩy tay vài nét là... tòa liền. Tòa nào tòa nấy cứ như... vẽ.

tinh khôi, gợi mở, những hờ
suối hoa, khe trúc ướp thơ mượt mà
tưởng hoa, hóa chẳng là hoa
hiển linh một khối nhân sinh ca hồng

(Luân Hoán)

Ông Khánh Trường màu hồng màu tím quẹt một hồi là hiển hiện những thanh tân trong từng ngõ ngách.

búp gân tím, thỏi thịt hồng
mở bừng ngũ giác quan lồng lộn bay
trùng trùng đường nét bao vây
nhân sinh một kiếp múa may, sinh tồn

(Luân Hoán)

Ông Trịnh Cung, trong một lần ghé Montreal, đã khích tướng. *Thành phố của các toa chẳng tươi mát gì cả!* Muốn tươi mát, khó chi. Chàng mở to mắt trước các tiên nữ khe vàng dịu dàng lăn lộn trên sàn gương. Kêu một tòa thiên nhiên xuống bàn, chàng mở giấy bút hí hoáy một hồi nên hình nên tượng, ký tên, tặng ngay tiên nữ đem về... trần! Tiên nữ, lòng như mở hội, nhìn chân dung mình mà không biết cái chữ ký bên dưới lớn đến ngần nào.

Các ông bạn tôi, vài nét đã vẽ nên tiên, tài đã đành, nhưng cũng phải học hỏi. Trong các trường Mỹ Thuật, các sinh viên bắt buộc phải có những giờ vẽ khỏa thân. Tưởng tượng mà vẽ hay sao? Không, có người mẫu chứ. Tại trường Đại Học Mỹ Thuật Hà Nội hiện nay, giá biểu cho một người mẫu là 50 ngàn đồng (chưa tới 3 đô Mỹ) cho một xuất vẽ bốn tiếng! Nghề làm mẫu là một cái nghề bạc bẽo. Chỉ nguyên việc đứng trần thân, không một mảnh vải trước hàng chục cặp mắt của các sinh viên đã là một khó khăn ít người vượt qua được. Cô nữ sinh xinh đẹp Minh Hà của trường Sân Khấu Điện Ảnh luôn tự hào với thân hình quyến rũ, chỉ sau hai tiếng đồng hồ đứng phơi mình trước đám sinh viên rất nghiêm túc, cũng đã bỏ đi không hẹn ngày trở lại. Những người còn trụ lại được là những người có những hoàn cảnh khó khăn về kinh tế. Nhưng quan trọng hơn cả, họ phải vượt thoát được chính mình, vượt thoát được dư luận, vượt thoát được những ràng buộc chung quanh để đứng mẫu. Đứng mẫu không cần những tiêu chuẩn cao như những người mẫu thời trang nhưng cái cần là khi không một mảnh vải che thân, họ phải toát lên được một chút hồn cho sự sáng tạo của người vẽ. Chị H., một người mẫu tại Hà nội đã cho biết: "*Nguyên việc làm quen với việc* nude *ở nhiều tư thế cũng khiến tôi khốn khổ. Suốt ba tháng liền, tôi cứ cúi gằm mặt mỗi khi vào việc. Cứ đến giờ giải lao, tôi chạy vội ra mặc đồ, mừng như vừa thoát được hình phạt khổ sai. Giờ thì quen rồi, chỉ coi đó đơn giản là công việc kiếm tiền. Thậm chí, giải lao cũng khỏi mặc lại quần áo!*"

Người mẫu cho nghệ thuật hội họa là một cái nghề, nhưng ngồi mẫu cho nghệ thuật nhiếp ảnh thì không phải là một cái nghề. Đó là cái hứng của những cô nàng muốn giữ lại một thời xuân sắc. *Đẹp tốt phô ra, xấu xa đậy lại.* Các cụ dậy sao cứ thế mà làm. Đẹp thế này mà cứ vải vóc kín bưng thì có uổng cho công trình mỹ thuật của Tạo Hóa chưa? Vì vậy gần đây mới có những *scandal* các cô người mẫu ở Việt Nam trong những bức hình tô hô. Có cô bị oan vì bị ghép hình nhưng cũng có cô chụp thật. Cái lối nham nhở bán hình của những anh phó nháy thiếu lương tâm cho những người không có con mắt nghệ thuật tung bừa lên *internet* để những cặp mắt phàm phu tục tử vừa ngắm vừa nuốt nước miếng là chuyện tai nạn. Đối với những nghệ sĩ chụp ảnh nghệ thuật, hình *nude* lại là một chuyện khác. Một trong những người đó là nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Thái Phiên ở Hà Nội, người đã đoạt được nhiều giải thưởng quốc tế về ảnh khỏa thân. Người mẫu tự ý tìm đến ông. Ông kể là có lần có một cô ở Hà Nội điện thoại tới ông cho biết muốn chụp ảnh khỏa thân nghệ thuật. Cô cứ hẹn rồi lại thôi đến năm bẩy lượt. Cuối cùng cô mới cho biết lý do của sự lưỡng lự là cô có một chiếc sẹo mổ ruột dư! Lại có cô đến phòng thay đồ, trần truồng rồi không ra nữa, nghệ sĩ bèn phải dẹp máy, kéo cô đi uống cà phê! Có cô cởi rồi đi ra nhưng nghệ sĩ phải chịu thua không chụp được vì cô mặc đồ lót chật quá, vết hằn đầy khắp người! Thế nào là một bức hình khỏa thân đẹp? Theo nhiếp ảnh gia Nguyễn Thái Phiên thì tấm ảnh đẹp phải đạt được những tiêu chuẩn về đường nét, ánh sáng, bố cục, tạo hình. Muốn vậy, trước khi chụp, phải tính kỹ trước, vẽ ra các góc độ, hướng chiếu sáng.Ông đưa ra hai nguyên tắc... đạo đức về chụp khỏa thân. Thứ nhất, không bao giờ để lộ mặt người mẫu trong ảnh. Thứ hai, không chụp các cô dưới 18 tuổi. Nhưng điểm quan trọng nhất để có được một bức ảnh đẹp là người chụp phải làm chủ được chính mình, giữ được cái tâm trong sáng. Nếu không thắng được mình mà chụp ảnh khỏa thân thì chỉ có thua. Tim đập, tay run làm sao bấm

máy cho ra cái nghệ thuật của ảnh? Tất cả khoảng 50 người đã ngồi mẫu cho nhiếp ảnh gia Nguyễn Thái Phiên. Họ là công nhân, sinh viên, hoặc những phụ nữ bình thường. Họ đều tự nguyện , không bao giờ đòi hỏi thù lao cả!

Ngoài cuộc đời, giữa thanh thiên bạch nhật, nhiều người vẫn vô tư cởi áo quần. Có khi có mục đích, có khi chỉ là vui chơi. Mới đây, một số phụ nữ nông dân tại Nepal đã cầy ruộng vào ban đêm trong y phục bà Eva để cầu mưa. Hỏi một cô, cô Ambika Tharu, 35 tuổi, thì được biết là cô nghe lời mẹ chồng bảo trời sẽ lắng nghe và làm mưa nếu phụ nữ khỏa thân để cấy cầy. Ông trời ở Nepal là ông trời nào? Chịu! Chẳng lẽ lại là ông trời *playboy*? Chẳng trời chẳng đất gì, muốn tô hô thì tô hô chơi, đó là những thực khách tham dự bữa ăn được tổ chức hàng tháng *Clothing Optional Dinner* (Bữa Ăn Tối Tự Do Cởi Truồng) tại một tiệm ăn ở Nữu Ước trong đêm thứ năm 17 tháng 2 năm 2005 vừa qua. Có khoảng 30 thực khách thích mát mẻ tới tham dự. Độc thân có, có vợ có chồng có, người trẻ nhất khoảng 30 tuổi. Họ được hoàn toàn tự do nhưng chỉ phải tuân thủ có một điều: khi ngồi xuống ghế phải dùng giấy lót mông. Có nhiều bà muốn sang trọng đã không dùng giấy mà dùng khăn choàng cổ bằng lụa!

Khơi khơi chơi trò... thú hoang ngày nay là chuyện thường. Chẳng phải ở tây ở tầu gì mà ngay ở Hà Nội. Cách cầu Long Biên chỉ có năm trăm thước là một bãi tắm truồng cởi. Đặc biệt là chỉ toàn phe củ chuối nhưng bãi lại được gọi là bãi... tắm tiên! Họ là ai? Họ thuộc đủ thành phần khác biệt trong xã hội có một cái thú chung là đùa giỡn với thiên nhiên trong tình trạng... thiên nhiên. Một ngư dân làm nghề đánh cá đã 30 năm ở bãi này đã phân biệt những khách... tiên này một cách rất văn nghệ:

Rụt rè e ngại vẫn còn underwear *là dân Gia Lâm,*
Xâm trổ đầy mình, dây khuyên chằng chịt gần chỗ ấy là dân anh chị,
Tóc dài trán hói là nhiếp ảnh gia,
Quần áo đồng phục là dân văn phòng,
Đi ra "cả nhà" đích thị là dân Hà Nội gốc,
Cưỡi xe trăm triệu là chủ bãi ten-nít,
Chạy rông, đá bóng là học sinh, sinh viên...

Khoảng hai tháng trước đây, có một anh tây gia nhập làng... tiên. Đó là anh Peter, người Thụy Điển, làm nghề hướng dẫn viên du lịch. Có lần anh mang cô bạn gái tới để tắm cho vui. Cô ta tới, định mặc y phục bà Eva cho giống mọi người, nhưng thấy không thể giống mọi người được, cô đành thôi. Nhiều anh tiên trẻ cứ xuýt xoa tiếc rẻ không được tham dự vào màn... hoa lạc giữa rừng gươm!

Gươm với hoa, chuyện nhỏ! Nhưng đây là chuyện ở Canada. Dĩ nhiên tôi chẳng "yêu nước" đến nỗi cho là chuyện tắm tiên thực thụ chỉ xảy ra ở Canada, nhưng tôi chỉ biết chuyện ở Canada nên không dám lạm bàn tới những chuyện xảy ra hà rầm tại các nước khác. Tại Canada có hai bãi tắm truồng cởi: bãi *Hanlan's Point Beach* ở Toronto và bãi *Wreck Beach* ở Vancouver. Hai bãi này tôi chưa bao giờ tới tắm nên không biết ra sao. Riêng bãi *Oka* ở cách Montreal không xa thì tôi đã tới tắm nhiều lần rồi. Ấy, quý vị đừng lên gân mặt chờ tôi tiết lộ những chuyện nín thở mà nghe! Bởi vì đây là một bãi tắm rất hiền lành như bãi Ô Quấn ở Vũng Tàu của chúng ta. Nhưng ở phía đông của bãi, có một khu mà các cậu các mợ ưa... thiên nhiên tới tô hô với nhau. Khu này chưa bao giờ được công nhận chính thức như hai khu *Hanlan's Point Beach* hay khu *Wreck Beach* ở Toronto và Vancouver nên không có bảng... báo nguy gì cả. Nhưng vì "dân số" của khu này càng ngày càng đông, có ngày có tới cả hai ngàn người, nên những người đi tắm ở *Oka* bình thường như tôi, đã đề nghị là nên dựng một tấm bảng chỉ đường vào khu này cho... chính danh. Họ đề nghị đặt tên cho khu này là... *Okapulco!* Tắm trần trụi như thế để làm chi vậy? Một dân không áo quần đã biện luận: Bạn sẽ cảm thấy bạn hoàn toàn tự do bởi vì khi bạn cởi bỏ áo quần bạn đã cởi bỏ được cuộc sống xã hội của bạn!

Cuộc sống của chúng ta ngày nay có nhiều hệ lụy lắm sao? Xã hội này phải chăng đã được tổ chức chặt chẽ đến làm con người ngạt thở phải đi tìm cách giải thoát chăng? Tôi nghĩ chắc họ cũng có lý. Họ đang mon men đi tìm lại cái Vườn Địa Đàng mà ông Adam đã đánh mất ngày xưa. Này nhé, nhông nhông giữa đất, trời, mây, nước; lại chim trời cá biển hoa trái nhởn nhơ trên thân người, thế chẳng phải Vườn Địa Đàng thì là cái chi chi?

02/2005

Website: www.songthao.com

CHUYỆN CHỊ THỎ BÔNG

HƯƠNG PHAN

Chuyện chị thỏ bông là tản văn của Thảo Hảo, cô bằng tuổi tôi, đúng ra là một bác sĩ nhưng lại mặn mà với việc viết lách hơn. Chuyện kể thế này:

Có một anh chàng vắng vợ nên đi massage.

Cô gái làm mát-xa cho anh rất xinh, mặt tỉnh bơ, vừa làm vừa kể chuyện cười. Cô kể chuyện chị thỏ bông đi lạc.

"Chị thỏ bông có chồng là anh thỏ bông. Một hôm chị thỏ bông đi vào rừng tìm cà rốt. Lúc quay trở ra thì bị lạc. Chị đi một đoạn thì gặp anh thỏ trắng. Chị hỏi, đường về nhà tôi là đường nào. Anh thỏ trắng bảo, "muốn biết thì ở lại đây đêm nay." Chị thỏ bông đành ở lại.

Ngày hôm sau, chị đi tiếp, mãi vẫn không thấy đường. Chị nhìn thấy anh thỏ nâu. Chị hỏi, đường về nhà tôi là đường nào. Anh thỏ nâu nói, "muốn biết thì ở lại đây đêm nay." Chị thỏ bông cắn răng ở lại đấy một đêm.

Hôm sau nữa, chị đi tiếp. Vẫn lạc đường. Lần này thì gặp anh thỏ đen. Chị đến hỏi, đường về nhà tôi là đường nào. Anh thỏ đen cũng nói, "muốn biết thì ở lại đây đêm nay." Chị thỏ bông tặc lưỡi ở lại.

Sáng hôm sau, chị tỉnh dậy, và lên đường. Đi được một đoạn thì thấy nhà, với anh thỏ bông đang đánh răng trước cửa. Chị về nhà được hai hôm thì biết mình có mang."

Cô mát-xa đố: "Em đố anh, con của chị thỏ bông sẽ có màu gì?"

Bạn tôi đoán, cà phê sữa bông, khoang đen bông... mãi cũng sai, đành hỏi cô.

Cô bảo: "Muốn biết thì ở lại đây đêm nay."

Đương nhiên là bạn tôi không phải thỏ bông nên không ở lại. Chỉ cười khà khà, tí sau rút ví ra, cho tiền boa, và về kể tôi nghe, tấm tắc khen mãi cô gái massage tinh ranh làm anh buồn cười - cái việc mà cả mấy năm nay vợ anh không làm được.

*

1. Thưa chị em phụ nữ,

Không làm chồng cười được là một cái tội rất to. Nó khiến cho chồng các chị phải đi tìm nụ cười ở những nơi khác. Và đó là một cái quyền của đàn ông.

Cái này không phải là mình tôi nghĩ ra và phát ngôn. Mà điều này, báo (dành cho phụ nữ) nào cũng có nói. "Khi anh ấy có người khác, bạn hãy xem lại mình." Nghe như một châm ngôn.

Bởi vì các chị không biết kể chuyện chị thỏ bông, cho nên các anh phải đi nghe người khác kể lại câu chuyện ấy.

Bởi vì các chị không biết mát-xa, cho nên các chị không thể cấm các anh đi mát-xa.

Bởi vì các chị không biết quá nhiều thứ nên các anh phải đi lấy kiến thức từ nơi khác.

Bởi vì các chị biết quá nhiều thứ nên các anh sẽ đi phổ biến kiến thức cho nơi khác.

Bởi vì các chị quá hiền,

Bởi vì các chị quá dữ,

Bởi vì các chị quá ngăn nắp,

Bởi vì các chị quá bừa bộn...

Kiểu gì, như báo đã nói, cũng là lỗi của các chị thôi.

Và báo (có lẽ đã ăn hối lộ của đàn ông) mà đề cao quá sức cái công dung ngôn hạnh, gần như đặt hẳn các chị lên bàn thờ, khiến các chị không leo xuống được để đấu tranh bình đẳng với đàn ông, cho nên các chị đành ở đó mà vui vầy với bếp núc cùng con cái.

Trong khi đó,

Thưa các chị,

Một món quà nhân ngày phụ nữ mà tôi muốn tặng cho các chị, dù mở ra các chị có thể nhăn mặt, thấy vô đạo đức, gói lại không nhận, là phần phân tích sau vụ việc chị thỏ bông vừa qua để các chị biết thực lực các chị đến đâu:

Các chị dễ rơi vào tình huống "chị thỏ bông" hơn các anh.

Có lẽ, chẳng ai nói cho chồng các chị biết rằng: Phụ nữ có khả năng sa ngã hơn đàn ông rất nhiều. Lại không phải kiểu sa ngã "ăn bánh trả tiền một lần rồi quên" như đàn ông, mà đây là sa ngã tinh thần, thương thương nhớ nhớ mà chồng các chị có biết thì chỉ có nát tim gan. Không báo nào răn đe người đàn ông rằng nếu anh cứ để bụng bia đi lại nghênh ngang trong nhà mà quăng quật vợ, thì vợ anh, tuy cúi mặt hiền thục nấu ăn trong bếp cho anh đó, nhưng tâm trí là hướng về người khác rồi; như một nơi an ủi, như một chốn yêu thương; chỉ rất may cho anh, rằng chị đã ở cái thế

"bàn thờ" của phụ nữ Á Đông, nên ít khi để cho mọi việc đến nơi đến chốn, chứ còn không thì...

2. Luôn có những người khác mà chị không biết

Chị thỏ bông chỉ cần đi ra đường cũng đã thấy muôn sắc thỏ đón chào mình. Anh thỏ bông có thể thấy vợ là nhàm, nhưng những anh thỏ khác thì không thế.

Các chị cũng thế, để ra một ngày nhìn quanh mình đi, rồi các chị sẽ thấy, nếu các chị bật đèn xanh, sẽ có vài người đàn ông mong được các chị cười với họ một cái, hay ăn một bữa cơm của các chị nấu, hay được các chị xoa đầu.

Lâu nay các chị vẫn được giáo dục trở thành một bông hồng duy nhất cho một người duy nhất. Đó hình như là chiến lược của cánh đàn ông. Đàn ông không nói với các chị rằng, nếu càng nhiều người ngắm, thì họ càng quý bông hồng của mình. Không đời nào họ nói như thế. Họ chỉ muốn an toàn, nên cố hướng dẫn các chị nở mãi một cách, tỏa hương mãi một loại; loại nào, cách nào công dung ngôn hạnh tiết liệt nhất. Thế rồi sau đó, khi đã đúc được chị thành bông hoa nhựa rồi, họ lại chỉ muốn tìm đến những bông hoa dại biết kể chuyện thỏ bông.

Thường bao giờ họ cũng bắt các chị lựa chọn: Hoặc là hoa dại và không có anh ấy, hoặc là thành hoa nhựa và có anh ấy; các chị sẽ chọn ngay con đường hoa nhựa.

Các chị không biết, rằng nếu các chị cứng đầu làm hoa dại, thì các chị sẽ không mất gì cả, mà còn kích thích người ta giữ các chị lại hơn.

Gia đình còn hay mất là do đạo đức các chị.

Chị thỏ bông có cái khả năng đi ba đêm về mà anh thỏ bông vẫn không biết, và trên đường có rất nhiều anh thỏ đen, nâu, trắng sẵn sàng rủ chị phiêu lưu. Cái gia đình thỏ bông thật ra còn hay mất là do chị, do đạo đức của chị đến đâu. Chị thỏ bông hoàn toàn có thể tạo ra những vụ việc đi lạc lần nữa để phiêu lưu mà chẳng mất gì. Nhưng trời phú cho chị thỏ bông (cũng như cho các chị em phụ nữ) cái khả năng nghĩ về đạo đức rất mạnh, cho nên anh thỏ bông mới còn vợ cùng nhai cà rốt với mình.

*

Tóm lại:

Sau vụ việc chị thỏ bông này, hẳn các anh đã thấy mình cũng cần cảnh giác mà giữ vợ?

Bởi vì con đường hư hỏng của phụ nữ không cần mất công như các anh đâu. Theo một thống kê mật, những lời đề nghị của phụ nữ được chấp nhận tới 8/10, trong khi đàn ông chỉ có 1.5/10 mà thôi.

"Bình đẳng với phụ nữ là cho họ biết vũ khí mà họ có, và để họ tùy nghi sử dụng sau khi đã cân nhắc được mất..."

*

Câu chuyện trên tôi muốn gửi đến các bạn trong ngày 8/3 cho thêm chút phần hài hước, nhưng thật ra ở Mỹ cũng ít ai trong chúng ta biết đến ngày này nên hy vọng đến bây giờ cũng chưa muộn. Chúng ta nằm giữa hai nền văn hóa Âu-Việt và hình như ngả về bên nào cũng chết. Quá cổ truyền thì đâm ra uất ức vì mình bị chèn ép (ý tôi nói đến chị em phụ nữ), quá tân thời thì các ông lại chê. Mà phụ nữ mình thì cần đàn ông lắm chứ. Tôi không phản đối chuyện lấy chồng ngoại quốc, sanh con càng đẹp chứ sao, và tôi cũng không biết các anh nghĩ gì về đàn bà con gái Việt Nam xứ Mỹ này, nhưng riêng tôi thì vẫn mong lấy được một anh chồng Việt mà thôi, vì tôi vĩnh viễn sẽ không thành Mỹ được dù có học cao đến đâu, chơi với ai đi nữa. Vậy tại sao mình không ráng hiểu nhau để có thể hạnh phúc, để không còn nghe than thở từ hai phía. Dẫu gì chúng ta cũng chỉ có một dúm người Việt ở đây thôi mà.

Câu chuyện này cũng là lời nhắc nhở cho chị em phụ nữ bên Mỹ chúng mình. Chúng ta nhìn lại thì thấy thật sự được đối xử đàng hoàng hơn phụ nữ ở Việt Nam rất nhiều, nhưng chúng ta vẫn thấy là xứng đáng vì chúng ta quá giỏi giang, làm việc không thua gì chồng, có đôi khi còn hơn nữa. Nhưng đàn ông có lẽ họ thật sự không cần điều đó. Họ muốn được làm chủ (nhà). Họ muốn phụ nữ phải phục (tùng) họ. Mà ở Việt Nam lại có bao nhiêu cô massage láu lỉnh duyên dáng như thế, hay bao nhiêu cô gái khác thấy người đàn ông dở hơi của bạn sao mà dịu dàng, hiểu biết, giàu có, chiều chuộng, thương người và lại có quốc tịch Mỹ nữa. Nói tóm lại là tuyệt vời, thế là đã phục rồi, thế là đã yêu (thích) rồi. Và những người đàn ông của chúng ta bỗng thấy mình hơn hẳn những anh chàng ở Việt Nam kia. Chính vì họ thích cái cảm giác được yêu chuộng đó nên Việt Nam thành Disney Land cho các anh Việt kiều.

Tôi biết đây là một bài toán khó cho cả hai bên. Nhưng chìa khóa để giải nó tôi vẫn nghĩ rằng điều thật sự quý của cuộc sống là ở tấm lòng. Thiếu tấm lòng thì sống với nhau ở đâu cũng khó lắm.

ĐẦY MỘT NIỀM VUI

TRẦN BANG THẠCH

Bà Phước bóp nhẹ mấy ngón tay xương xẩu của chồng rồi cùng con trai bước ra khỏi phòng. Người nữ y tá cũng bước ra theo, sau khi chúc ông Phước ngủ ngon. Ông Phước còn lại một mình trong phòng. Hai chiếc giường kia đã bỏ trống từ hồi trưa. Một người được xuất viện, người kia trở bịnh nặng, phải đưa về khu cấp cứu; không biết có còn trở lại đây nữa không, hay được đưa thẳng xuống nhà xác, như ông Mễ nằm giường ấy cách đây hai tuần. Ba tuần trước, ông Phước từ phòng cấp cứu được chuyển vào phòng này. Coi như bịnh trạng của ông đã qua thời kỳ nguy hiểm. Bây giờ là thời gian điều trị. Ống chân trái của ông Phước bị gãy, các lóng xương bể đã được sắp xếp lại và nẹp bằng một thanh bạch kim. Bác sĩ nói tuần tới chân ông sẽ được bó bột. Nhưng việc xuất viện thì chưa biết, vì có dấu hiệu xuất huyết đường ruột nên vài thử nghiệm phải tiến hành song song với việc chữa trị vết thương chân.

Từ ngày ông rời nước, đến thành phố này vào năm 1994 đây là lần đầu tiên ông Phước vào nằm bịnh viện vì một tai nạn, có thể gọi đó là tai nạn nghề nghiệp. Số là sáng sớm hôm ấy, như thường lệ, ông Phước đẩy cái xe thùng tự chế của ông đến khu công viên gần nhà, rồi đến khu thương mại sầm uất nằm trên ngã tư trục lộ giao thông. Mười năm rồi, chỉ trừ khi mưa giông hay khi đau yếu, hiếm khi ông Phước bỏ sót một ngày đẩy xe trên các con đường này. Ông đi vừa là một cách tập thể dục, vừa là dịp để ông thu lượm những lon nhôm bên đường, tại khu công viên, hay từ các bao rác tại các cơ sở thương mại. Ông Phước rất cẩn thận mỗi khi băng qua đường. Hôm ấy nhiều sương mù, khi đến ngã tư, tuổi già mắt kém, nhìn gà hóa cuốc, ông Phước nhìn đèn xanh tưởng là đèn đỏ, liền đẩy xe tay xuống lộ qua đường bên kia. Khi thấy chiếc xe đen thui trờ tới thì mắt ông đã tối sầm. Ông Phước được đưa vào bịnh viện ngay sau đó. Bác sĩ cho biết ống chân trái của ông bị gãy, nhưng không quá trầm trọng.

Đúng là một phút xui xẻo, may mà không mất mạng. Mười năm nay ông đã biết bao nhiêu lần đi trên lộ trình đó. Lộ trình nằm trong khu nhà ở nên xe cộ lưu thông rất chừng mực. Từ nhà đi hơn nửa dặm đường thì tới công viên. Từ công viên đi thêm độ một dặm nữa là tới khu thương mại. Đoạn đường dài vừa đủ cho một người già đi bộ thể thao mỗi ngày. Khu công viên khá rộng lớn tọa lạc giữa trường tiểu học và các sân bóng rổ, sân quần vợt. Rải rác trong công viên có những nhà bát giác và những lò nướng lộ thiên, rất tiện lợi cho các buổi picnic cuối tuần. Vào các ngày thường cũng có nhiều người tụ tập buổi chiều và buổi tối, già cả bé lớn đều có đủ. Họ đi bộ, chơi thể thao, hẹn hò, gặp gỡ, ăn uống, chuyện trò... Cho nên khu công viên là địa điểm cung cấp cho ông Phước nhiều lon nhôm nhứt; nhiều hôm lượm đầy một bao, ông Phước phải bỏ lên xe tay, đẩy về nhà rồi trở lại tiếp tục. Còn tại khu thương mại thì từ hai năm nay công việc thu nhặt lon nhanh và gọn hơn trước sau khi ông trình bày ý nghĩa của việc ông làm với các chủ nhân. Họ hiểu và rất thông cảm nên mỗi cơ sở cho ông Phước để một cái thùng loại đựng rác, bên trong lót sẵn những bao ny-lông. Mỗi thùng đều có đề chữ "Aluminium Cans Only" hẳn hòi. Mỗi sáng sớm ông Phước chỉ gom các bao lon ấy chất lên xe đẩy. Trước kia thì ông Phước phải vất vả bươi tìm lon trong một cái thùng rác công cộng to, cao và, dĩ nhiên, rất dơ bẩn; nhiều khi ông phải đứng hẳn vào trong thùng rác mới kiếm được nhiều lon nhôm. Mấy tuần nằm trong bịnh viện, bao nhiêu công việc bị trễ nãi hết. Lon liếc, bao bị đang chờ ông. Chân ông đau không bằng ngọn lửa đốt trong lồng ngực ông. Ông Phước không biết chân ông rồi sẽ ra sao? Và các dự định của ông? Ông Phước có ý muốn là sẽ mở thêm phạm vi hoạt động tới các vùng xa hơn. Ông cũng sẽ thực hiện đúng kế hoạch mà ông gọi là Kế hoạch Diều hâu, theo đó thì ông để sẵn tại mỗi tiệm, mỗi văn phòng dịch vụ một thùng chứa lon, mỗi ngày ông ghé qua xớt gọn nguyên bọc, như diều hâu xớt mồi. Nhanh và gọn. Chừng đó thì cái xe thùng nhỏ của ông sẽ chỉ được sử dụng cho những nơi gần nhà. Như

vậy càng tốt. Ông sẽ dùng cái xe truck để đi các tuyến đường xa. Nhiều lon thì nhiều tiền hơn. Ông Phước nghĩ tới cả một vùng Tây Bắc là vùng ông đang ở, rồi lan sang vùng Tây Nam là địa bàn thương mại của người Á Châu, là nơi họ sẽ dễ dàng thông cảm và giúp đỡ ông. Nếu tiện thì ông xoay qua vùng Đông Bắc là nơi bạn ông có mấy nhà hàng và cây xăng, tha hồ mà gom lon. Rồi tại Hội Chợ Tết Việt Nam sắp tới, ông Phước sẽ đặt sẵn những cái thùng để đồng bào đi du xuân bỏ những lon không vào. Cả chục ngàn người thì biết bao nhiêu là lon. Những bạn bè của ông nơi quê nhà sẽ có thêm chút tiền mua bánh trái, kẹo mứt cúng kiến ông bà, các cháu nhỏ có bộ quần áo mới. Tết nhứt sắp tới rồi mà chân cẳng thì như vầy, thiệt là họa vô đơn chí.

Nghĩ xa rồi ông Phước không khỏi nghĩ gần. Cái gần chính là cái gia đình gồm vợ con ông. Họ ở bên cạnh ông mà ý nghĩ của họ và ý nghĩ của ông xa nhau hàng ngàn dặm. Thật sự thì ông Phước đã thấy việc này từ ngày ông còn ở Việt Nam. Ông nhớ hồi năm 1984 khi ở tù về, ông được vợ bảo lãnh theo diện đoàn tụ. Lúc đó cha mẹ ông già yếu, ông là con một, nên ông Phước không chịu đi. Đến khi có vấn đề HO, ông Phước cũng chưa chịu đi vì cha ông vừa mất, mẹ thì già yếu thêm. Do vậy vợ con ông trách ông rất nhiều, cho rằng ông không nghĩ gì đến họ. Không chừng họ còn nghi ông có bồ nhí ở quê nhà! Từ đó thỉnh thoảng vợ ông gởi tiền cho ông mà không có một thư từ nào, không có cả thư của các con. Ông bắt đầu biết mọi người đã không hiểu nhau rồi. Khi đến Mỹ ở chung với vợ con, sự cách biệt càng rõ, từ cách sống cho đến cách nghĩ. Vợ ông thay đổi nhiều quá. Các con cũng vậy. Anh em nói tiếng Mỹ cả ngày với nhau làm ông nhức đầu. Càng chán ngán tình cảnh của gia đình mình, ông Phước càng nghĩ nhiều đến những người bạn đồng cam cộng khổ của ông ở quê nhà. Tài chánh eo hẹp với đồng lương quá thấp, ông Phước phải tìm phương cách khác để giúp họ. Ông nghĩ tới việc đi lượm lon nhôm. Ông Phước không quên những ngày đầu của công việc này. Thật sự thì thời gian đầu rất là êm thắm. Ông bắt đầu công việc ngay tại gia đình ông. Ông Phước cũng muốn nhân cơ hội lượm lon giúp người nghèo để cho các con cháu ông biết về lòng thương người và biết quí trọng đồng tiền. Muốn dạy cho con cháu bài học vỡ lòng về đạo làm người. Nhà ông con cháu đông lại hay uống nước ngọt, vợ chồng thằng con lớn thì hay uống bia, cuối tuần thì hay có tiệc tùng, nên lon bia, lon nước ngọt cũng nhiều, bỏ đi thì uổng, mỗi pound lúc đó giá là 38 xu. Mỗi tháng ông Phước có trên 20 pounds lon không tại chính nơi ông ở, trị giá cả chục đồng. Riêng tại chỗ làm của ông là một tiệm giặt lớn, có để máy nước ngọt, ông chỉ lượm lon không bỏ vào bao đựng rác. Cứ mỗi cuối tuần ông đem về nhà một bao đầy, nặng ba, bốn chục pounds. Đầu tiên ông Phước chứa những lon trong thùng rác, để phía sau vách nhà; rồi đợi khi rảnh, ông Phước cùng hai đứa cháu nội đạp dẹp mỗi lon cho bớt cồng kềnh. Đầu tiên hai cháu chỉ làm lấy vui; sau nghe ông nội nhét vào đầu mỗi ngày một vài chữ, chúng nó hiểu công việc ông cháu đang làm là một loại charity. Rồi ông cháu hì hục mang ra xe đem đi bán. Hai đứa cháu nội trên mười tuổi có vẻ thuộc bài học mà ông muốn dạy. Những người khác thì chưa. Một hai tháng đầu thì trong nhà chẳng ai để ý hay phàn nàn gì về việc làm của ông Phước. Đến tháng thứ ba thì những con kiến, đặc biệt là những con gián từ đống lon làm cả nhà chú ý. Trước hết là vợ ông rồi tới con trai, con gái, rồi con dâu. Bà Phước vượt biên sang Mỹ từ năm 79 với ba con, thằng lớn lúc đó mới 14 tuổi; thằng Út sanh ra năm 75, khi ông mới vào tù vài tháng. Bà Phước làm công chức cho City gần hai chục năm nay. Bà có cái nhìn khác ông về nhiều vấn đề. Chỉ một con gián trước mắt bà đã là chuyện lớn rồi. Ba đứa con thì lúc nào cũng cùng chiến tuyến với mẹ. Con dâu người Tô Cách Lan thì sợ gián hơn sợ ma. Tình trạng này thì thật nguy. Vợ con ông mà không cho ông để lon ở nhà thì không biết ông phải làm sao. Trước mắt là ông Phước cấp tốc dời địa điểm. Ông chuyển tất cả lon ra cái góc sân sau, sát hàng rào, rồi che kín mít bằng mấy tấm vỉ thiếc. Hy vọng không ai thấy; nhứt là không thấy những con gián. Khi đống lon nhiều đủ cho một chuyến truck thì ông đem đi bán. Việc làm ăn của ông Phước coi mòi trôi chảy. Nhưng có một lần ông tưởng rằng kế hoạch của ông bị ngưng. Chuyện xảy ra hồi hè năm trước. Đó là một hôm vợ ông làm sinh nhựt cho cô con gái bằng bữa BBQ ngoài sân sau. Mẹ con bàn tính với nhau, ông Phước không biết chi tiết. Bạn bè của vợ ông, bạn bè của các con, có cả người tình của con gái và của cậu út tham dự. Tất cả trên năm chục người, đầy cả sân sau. Chuyện rắc rối bắt đầu khi tấm vỉ thiếc bị ai đó làm ngã xuống, bày ra một đống lon nhôm, cộng với hàng ngàn con gián to bằng ngón tay, mập ú, láng coóng. Nghe được mùi thịt

nướng, các chú gián càng linh động, bò lổn ngổn khắp sân như những con ma đói. Mạnh ai nấy la làng. Mạnh ai nấy nhảy cà tưng. Thịt thà trà rượu văng tứ tung. Tiệc thịt nướng Tếch-xịt mà phải dời vào trong nhà, thành indoor Bar-Be-Que, thì... 12 con giáp chẳng giống con giáp nào. Mặt mày ai nấy đều dài thoòng, nhăn nhó như cái bánh bao chiều, nhứt là phu nhân và các quí tử của ông Phước. Đâu có ai ngờ được là phía sau căn nhà rộng, hai từng, trướng gấm màn nhung, mặt trước hoa kiểng ngay lối thẳng hàng, trong nhà ghế bành, tràng kỷ, đàn piano lung tung... mà phía sau nhà chứa hộp lon để bán! Ai đời nhà của một bà phụ tá trưởng phòng mãi dịch thành phố, nhà của một kỹ sư trưởng công ty điện lực, v.v... mà chứa cả đống hộp lon dơ dáy trị giá vài xu một cái! Tình cảnh y như cô đào thương sau khi diễn tuồng gột rửa hết mấy lớp phấn son. Thôi thì hôm ấy Mỹ tây, Mỹ ta đều có một big surprised party! Và dĩ nhiên là ông Phước đâu tránh khỏi một big, big problem! Cái mà ông thấy rõ trước hết là cô con gái cưng của ông chạy vào phòng ngủ, đóng kín cửa, chắc là để khóc cho đã vì xấu hổ với người tình đang hành nghề thầy thuốc. Cậu út thì cũng chẳng khác gì cô chị, bạn gái nó cứ đập cửa, kêu ho-ni ơi, ho-ni à hoài mà nó không mở, chắc để dấu cái cục quê to bằng cái nhà nó đang ở. Vợ ông, con trai lớn, con dâu... chắc cũng có cùng tâm trạng như vậy. Họ cũng cố nói nói, cười cười mà cái cười như mếu. Cũng phải thôi, họ không hiểu một tí gì về ý nghĩa việc làm của ông thì họ xấu hổ trước bàng dân thiên hạ là phải. Còn ông Phước ư? Lúc khách khứa nhảy cà tưng cà tang giữa sân cỏ, lúc vợ con ông tóc tai dựng ngược, muốn chôn sống mấy con gián quỉ sứ và một đống lon nham nhở, thì ông Phước đang ung dung đứng sau cửa sổ trên lầu, vén màn nhìn xuống. Ông muốn làm nhà hùng biện nói trước công chúng. Ông sẽ dõng dạc, hùng hồn mà dang tay nói rằng: Các người đang thấy những con gián bò đi tìm mồi dưới chân các người. Vài người bạn của tôi nơi quê nhà hiện giờ cũng như con dế, con giun đang vất vả đi tìm miếng sống. Tôi hãnh diện làm cái việc lượm hộp lon này. Các người cứ thảy ra đi, tôi lượm hết. Tiền của các người vứt bỏ, tôi lượm về, rồi thân ái gởi cho bạn tôi, có gì là xấu hổ! Các người đâu có biết một pound thịt bò để nướng ngày hôm nay ở đây đủ cho bạn tôi mua gạo ăn hai tháng. Cả trăm pounds thịt bò và rượu, và bia... hôm nay có giá trị tương đương với cả ngàn ngày bạn tôi bò lê trên vỉa hè bằng hai đầu gối, giữa nắng trưa, giữa mưa dầm, giữa bụi bặm, bán từng tấm vé số. Nghĩ cho vui vậy thôi chớ ông Phước dư biết mỗi người có số, cứ tận hưởng cái số tốt của mình, cũng không sao. Không nói thì ai cũng biết là sau hôm đó ông Phước bị vợ, rồi các con hành hạ tơi bời. Để giữ hòa khí trong gia đình, lần này ông cố giải thích, ông nói cho mọi người biết hoàn cảnh của từng người mà ông giúp đỡ. Tình hình tạm yên, tuy rằng còn có những chống đối ngầm. Họ có vẻ chống đối vì họ không hiểu hết mục đích lượm lon của ông; hay họ biết mà không thể hiểu nổi. Sống tại nước Mỹ này mà có người kỳ cục, nhịn ăn, nhịn mặc, lượm từng cái lon dơ mà không biết xấu hổ. Chuyên cần lượm lon để bán lấy tiền đem cho người khác ở tận đâu đâu! Các dâu và con không hiểu thì đã đành, vợ ông mà không hiểu thì đáng buồn và thêm rắc rối. Cái rắc rối là bà thường xuyên ngăn cản việc làm của ông, còn chê ông làm cái nghề hạ tiện, làm mất mặt mẹ con bà. Quả thật là vợ ông đã quên hết cái khổ của chính bà trong những năm sau 75, quên cái khổ của bao nhiêu người thân quen khác. Ông Phước nói với vợ rằng ông sang Mỹ nhưng những người lính thuộc cấp ngày trước của ông, những bạn bè đã cùng chiến đấu với ông không có điều kiện để đi, họ đang sống trong nghèo nàn, đói khát, bịnh tật. Ông nhắc tới hạ sĩ Cang, người lính truyền tin của ông ở trung đoàn 31, cụt cả hai chân, đang bán vé số tại bến bắc Cần Thơ; binh nhì Nam, người đã cõng ông cả cây số khi ông bị thương ở trận Tầm Vu, đang nằm một chỗ vì chứng tai biến mạch máu não, vợ con bữa no bữa đói. Hôm ấy mà Nam chạy bỏ ông thì ông chỉ nằm chờ chết. Rồi những An, những Thiện, Đồng... đã một thời sống chết với ông, đang cần sự giúp đỡ, dù ít dù nhiều. Ông Phước là người đến Mỹ muộn màng, sau khi mẹ ông qua đời, nên ông thông hiểu từng hoàn cảnh của những người lính cũ của ông. Sang được bên này, ông muốn tự mình làm ra đồng tiền gởi về cứu giúp họ. Mỗi người vài chục đồng mỗi tháng để họ vui mà ông cũng vui. Mỗi lần lượm những chiếc lon không, ông Phước thấy lòng mình thêm đầy. Đầy niềm vui. Lúc còn ở quê nhà, nhận tiền gởi về từ vợ con, ông Phước đã ân cần chia xẻ với họ. Cái gọi là tình chiến hữu của ông đơn giản là như vậy, không đao to búa lớn gì hết. Ông biết khi tuổi già sức yếu, ông sẽ không giúp họ được nhiều, nhưng còn hơi thở là ông biết rằng ông chưa bỏ cuộc.

Điều trước mắt là ông Phước sẽ không bỏ cuộc trong việc vận động vợ con ông tham gia cùng với ông. Ông Phước biết trước đó là một việc vô cùng khó khăn. Cái "lì" trong công việc của ông từ 10 năm nay cũng là một cách để khẳng định rằng ông đã suy nghĩ đúng và làm đúng. Tốt hơn hết là họ nên xét lại lối suy nghĩ của mình. Hai đứa cháu nội chỉ hơn mười tuổi mà đã biết giúp ông nội, biết cầm đồng tiền khó khăn kiếm được từ những lon nhôm, cùng với ông đem gởi về quê nội. Thỉnh thoảng, làm như là tình cờ, ông Phước cho vợ xem mấy bức thư hay những tấm ảnh của những người nhận tiền của ông hàng tháng tại quê nhà. Đại để những dòng thư như: " *...nhờ món tiền của ông thầy gởi về kịp lúc mà má em được chữa trị kịp thời, nếu không thì...*" hay: "*...số tiền của ông thầy gởi về lần này em dùng hết để bốc mộ vợ em, đưa nó về nằm gần với ông bà cha mẹ, chờ em xuống nằm chung với nó...*". Đặc biệt là có một thư rất vui: "*Ông thầy biết hông, thằng con lớn của em vừa mới ra kỹ sư. Đó là nhờ bốn năm nay ông thầy cho nó tiền đóng học phí. Từ đây thằng anh sẽ lo cho mấy đứa em.*" Còn những bức hình thì có thể làm bà Phước xúc động: hình chụp hạ sĩ Cang bò trườn trên bến bắc, cố mời một ông khách mua vé số; hay hình trung sĩ Lộc có đôi mắt trũng sâu như hai cái hố thẳm, quần áo, mũ nón, tay chân rách nát, chỉ có cây gậy trên tay là còn nguyên hình dáng. Bà Phước biết Cang và Lộc từ khi hai người lính này phục vụ trong đại đội của ông Phước. Cứ như vậy mà ông Phước thi hành chiến thuật tằm ăn dâu, thỉnh thoảng cho vợ đọc những bức thư hay xem vài tấm ảnh, hay những khi vợ chồng vui chuyện, ông

LUÂN HOÁN

Nhớ

năm may lạnh sớm hơn năm ngoái
cây đứng co ro chẳng trổ bông
gió ướt quay cuồng lòng trời thấp
buồn theo mưa tạt ủng cả lòng

em ngồi thơ thẩn nhìn đàn kiến
cụng đầu nhau giữa vách tường xanh
chúng hôn nhau mãi mà không chán
như những hôm nào em với anh

lại nhớ thương rồi, kỳ cục quá
xoa tay cho máu ấm bàn tay
hơi ai chợt nóng trên làn má
không phấn son mà thoáng đỏ hây

phải chi em biết làm thơ nhỉ
em sẽ viết ngàn câu nhớ thương
mà thôi, em chẳng thèm cầm bút
sợ viết ra rồi vơi nhớ thương

hay là bắt chước anh uống rượu
càng say càng nhớ phải không anh
chao ơi ngọt quá men ly biệt
tôi uống lệ tôi sao dối quanh?

anh hỡi quê nhà mưa thúi đất
đại hàn đông chí đến lập xuân
nếu như anh chẳng đi vượt biển...
ơ kìa, lại nghĩ dại lung tung

nghe nói nơi anh trời bão tuyết
lạnh trừ vài ba chục độ C
anh nhớ xức dầu cho đủ ấm
giữ hơi, thỉnh thoảng viết thư về

riêng em thủ phận nằm bên cửa
căn nhà gỗ mối đục đêm đêm
trăn trở bên nào nghe cũng lạnh
không khóc mà sao gối ướt mềm?

Phước nói về người này, người nọ nhờ món tiền của ông gởi về mà giải quyết được bao nhiêu vấn đề khó khăn. Mới nghe vài lần đầu bà Phước ậm ừ cho qua. Những lần sau bà có ý hỏi lại hay góp vài lời. Qua thời gian, sắt đá còn phải mòn, huống chi là lòng người. Ông Phước nghĩ như vậy. Còn đối với các con thì ông nói chuyện với chúng nó về những gì đang xảy ra tại đây, một cách cụ thể, giấy trắng mực đen hẳn hòi. Chẳng hạn như chuyện Hội Người Cùi Việt Nam tại Nam Cali kết hợp với Hội Blessed Damien Society thuộc giáo phận New Orleans ở tiểu bang Louisiana làm bao nhiêu việc tốt đẹp cho người cùi Việt Nam từ cả chục năm nay. Bác sĩ trẻ Trần Mai Khanh là điển hình của những tấm lòng vàng nầy. Chỉ cần 140 dollars tiền thuốc men là có thể chữa hết bịnh cùi cho một người cùi. Hay nói ngược lại: vì không có đủ 140 dollars mà một người cùi phải chịu khổ suốt đời, chịu rụng tay, rụng chân, mù mắt.... Nghe như vậy có đứa gục gặt đầu ra điều thông cảm. Cô dâu Tô Cách Lan thì cứ *really, really* liền miệng, có vẻ xúc động. Bà Phước tuy không trực tiếp ngồi nghe nhưng coi bộ đồng tình. Ông Phước ghi cho các con cái web site của Hội để chúng nó tìm hiểu thêm. Cũng như ông Phước đã nói về Quỹ Từ Thiện Têrêsa cho các con nghe. Chúng nó có vẻ thích thú khi biết chỉ cần hai dollars là mua 10 kí gạo cho một người già ở Việt Nam có cơm ăn một tháng. Xem như vậy thì làm nhân đạo đâu có tốn tiền, tốn sức nhiều! Hôm người phụ trách Quỹ Từ Thiện Têrêsa là Phó tế Vũ Thành An từ Portland về Houston tổ chức một buổi họp mặt, ông Phước rất ngạc nhiên là chỉ cần một lời đề nghị của ông mà cả gia đình đều muốn đi tham dự để biết thêm về quỹ từ thiện nầy. Bữa đó về nhà cô dâu Tô Cách Lan và bà mẹ chồng nói nhiều về chuyện này. Họ còn biết hơn ông là hiện đã có trên 2000 cụ tại Việt Nam đang được sự trợ cấp này. Tình hình trong ngôi nhà này có vẻ khả quan lắm. Tầm ăn dâu mà! Biết người biết ta trăm trận trăm thắng. Ông Phước biết chẳng sớm thì muộn cả nhà sẽ cùng góp sức với ông. Tiên trị kỳ gia, hậu trị kỳ quốc. Giải quyết xong những người nhà, ông Phước sẽ gợi ý với những bằng hữu khác, tại đây và tại các nơi khác... Rồi cả ngàn thùng "Aluminium Cans Only" sẽ rải đều khắp nơi.

Việc thiện thì nhiều, nhưng mỗi người một tay thì sẽ... vỗ nên bộp. Người xưa đã nói vậy rồi.

Ông Phước bỗng nhớ ra là mình đã mơ mộng quá nhiều trên giường bịnh.

Ba tuần lễ nay chuyện giúp người cùi hay người già xảy ra như thế nào ở nhà thì ông Phước không biết. Ông chỉ biết là ông nằm đây cả tháng thì làm sao mà đi lượm hộp lon, mấy cái thùng "Aluminium Cans Only" của ông chắc đã đầy ứ. Nằm đây thì làm sao mà có tiền gởi về kịp đầu tháng tới. Hôm nay đã gần cuối tháng rồi. Tết cũng cận kề rồi.

Đêm nay ông Phước suy nghĩ nhiều quá, khiến ông mất ngủ.

*

Cuối cùng thì ông Phước được xuất viện với cái chân băng bột. Ông có thể xê dịch chút ít được với cây nạng. Chân ông coi như không có vấn đề. Ruột gan ông cũng không có vấn đề gì. Nhưng khi về đến nhà, vào căn phòng riêng của ông thì lòng dạ ông có vấn đề. Ông Phước thấy những tấm giấy biên nhận gởi tiền để trên bàn ngủ của ông. Tên người gởi là tên vợ ông, còn tên người nhận trên các biên nhận là Cang, là Lộc, là Nam, là An, Thiện, Đồng... Ngày gởi thì mới hôm qua, ngày đầu tháng. Ông Phước thấy tim mình quả thật có vấn đề, nó đập liên hồi, đập không thứ tự, điều mà ông không gặp từ thật nhiều năm nay. Cầm những tờ biên nhận gởi tiền mà tay ông rung. Tên vợ ông đó. Tên những người bạn nghèo khổ của ông đó. Ông đâu có hoa mắt, đâu có lầm lẫn gì. Ông Phước với tay cầm cây nạng, lê bước về phía cửa sổ, ông biết trời hôm nay phải đẹp. Ông muốn nhìn bầu trời đẹp hôm nay. Ngước mắt nhìn lên bầu trời trong xanh, không gợn một chút mây, rồi nhìn xuống phía cuối sân sau, chỗ góc sân bên trái, nơi ông dùng để chứa hộp lon, ông Phước thấy một đống lon đầy vun. Rõ ràng mà! Một đống lon đầy vun! Hai mắt ông Phước bây giờ tuy có ướt nhưng ông không lầm lẫn đâu. Ông thấy rõ mà. Ông nhớ trước khi bị tai nạn ông đã bán hết số lon. Bây giờ một đống lon đầy tại góc sân, không có một tấm vỉ thiếc nào che chắn hết. Một đống lon đầy! Dưới ánh nắng chiều, màu sắc từ các hộp lon như nhảy múa rộn ràng.

Ông Phước cũng thấy lòng mình no đầy một niềm vui, và lòng ông cũng đang rộn ràng nhảy múa.

Tết chưa đến mà ông Phước nghe có tiếng pháo nổ thật giòn và thật rộn rã. Nghe như pháo tết của quê nhà.

Houston, tháng 11-2004

Đường đã thưa người

LÊ LÔ

Mục sư Martin Luther King Jr., người được giải Nobel Hòa Bình, nhưng đã bị bạo lực bắn chết.

Trong lịch sử con người, có nhiều trường hợp như thế. Nhưng lịch sử cũng thường chờ đến khi vận mạng người đó kết thúc thì mới có những phán xét trưởng thành.

Trong một cuộc họp tổ ở Sài Gòn vào một tối cuối tháng Giêng năm 2005, các ủy viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã thảo luận về chuyến về nước của phái đoàn Hòa thượng Thích Nhất Hạnh theo ý kiến chỉ đạo của cấp trên như sau: là một nhà sư có ý đồ tập họp và kêu gọi quần chúng gây bất ổn cho xã hội.

Tôi biết tin này vào tối ngày 26 tháng Giêng năm 2005, sau buổi sáng nghe Hòa thượng Thích Nhất Hạnh giảng tại Thiền viện Vạn Hạnh nằm trên đường Nguyễn Kiệm thuộc quận Phú Nhuận. Những ngày cuối năm Thân đang rạo rực trôi đi với những biến chuyển thời cuộc ngoài nước và trong nước. Những người bạn thân ngồi trong phòng khách của căn nhà nhỏ trong một con hẻm xe hơi. Phòng không cần bật đèn nhờ tổ dân phố đồng ý gắn đèn neon dọc theo con hẻm. Ánh sáng từ bóng đèn một thước hai rọi chêch chếch vào nơi chúng tôi ngồi, không sáng lắm nhưng cũng đủ cho những người ở độ trung niên đọc được chương trình thăm viếng của Hoà thượng Thích Nhất Hạnh. Tờ chương trình bằng tiếng Anh, do một người bạn in ra từ mạng internet. Chúng tôi rà theo bước đi của người tu sĩ nổi tiếng. Người bạn đem tờ chương trình đến nói: "Ông coi cái hành trình của thầy Nhất Hạnh nhiều cái lạ lắm."

Anh bạn tôi theo Công giáo nhưng nói 'thầy Nhất Hạnh" thật tự nhiên. Chúng tôi có nhiều kinh nghiệm sống na ná nhau, trong đó điểm giống nhau nhất là lần đầu tiên thấy (chứ không phải gặp) thầy Nhất Hạnh bằng xương bằng thịt, mà chỉ thấy xa xa, giữa đám đông. Chúng tôi để tờ chương trình nghiêng nghiêng để đón lấy ánh sáng từ ngọn đèn ngoài hẻm rọi vào. Thầy bắt đầu từ Hà Nội, vào Sài Gòn, ra Huế, vô Bình Định, rồi mới về lại Paris. Anh bạn tôi lưu ý là thầy Nhất Hạnh không đi theo trình tự của tour du lịch, là hoặc từ Bắc đi lần vào Nam, hay ngược lại, hỏi "chắc tu viện Nguyên Thiều có gì đặc biệt!" Tu viện Nguyên Thiều là nơi Hòa thượng Thích Huyền Quang đang bị quản thúc. Tôi nói sơ về hai giáo hội, một là Giáo hội Phật giáo Việt Nam của nhà nước, và hai là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (có thêm chữ "Thống Nhất") bị nhà nước cấm hoạt động, hiện do Hòa thượng Huyền Quang lãnh đạo, tức làm "tổng tư lệnh." Tôi cũng giới thiệu sơ về tình hình Phật giáo ở Huế, nhất là ở hai điểm nóng là chùa Từ Hiếu và chùa Báo Quốc. Chùa Báo Quốc do Hòa thượng Thích Thiện Hạnh trụ trì. Hòa Thượng cũng bị quản thúc, từng mấy lần tuyệt thực phản đối chính quyền đàn áp tự do tôn giáo. Cả hai ngôi chùa này đều được công an thường trực theo dõi, cả ngày lẫn đêm.

Trong chương trình thăm viếng chúng tôi thấy thầy Nhất Hạnh ở tại chùa Từ Hiếu trong thời gian ở Huế, và thường xuyên đến Báo Quốc thuyết giảng. Năm ngoái đã có phật tử cố gắng đột nhập vào chùa Báo Quốc nhưng không thành vì công an thường phục đầy đặc bên trong sân chùa. Lần này, chỉ một năm sau, sự cô lập của hai ngôi chùa nổi tiếng ở Huế bị công nhiên phá bỏ, dù có thể chỉ trong một thời gian ngắn so với lịch sử ngôi chùa. Thật là tuyệt diệu. Thầy Nhất Hạnh sẽ nói gì với Thầy Thiện Hạnh, với Phật tử Huế, với tăng ni sinh Học viện Phật giáo Báo Quốc? Chúng tôi không biết nhưng chúng tôi rạt rào. Nhiều người quanh chúng tôi cũng phấn khích trước nhiều biến cố ý nghĩa diễn ra vào những ngày cuối năm: phe cải cách ở Ukraine lật đổ được chính quyền thân Nga, ông Bush đọc diễn văn nhậm

chức với thông điệp hiên ngang "đưa tự do đi khắp thế giới," và vị tu sĩ Phật giáo lưu đày 40 năm trở về nước theo những điều kiện do chính ông đặt ra, trong đó đáng kể là đi thăm các vị lãnh đạo Phật giáo đang bị chính quyền cấm hoạt động.

Anh bạn tôi nói trầm trầm từ tốn, mặc dầu tôi biết nó đang phấn khích: "Lịch sử đó ông, tụi mình đang sống với lịch sử!"

Chúng ta đang sống với những ngày tháng có biến cố, và khi đóng gói những tháng ngày đó lại thành một khối, không chừng nó là lịch sử.

Nhưng lịch sử hay một biến cố, được nhìn theo nhiều cách, tùy vị trí (địa lý và xã hội), kiến thức, tầm nhìn. Quan trọng nhất trong cách nhìn là yếu tố tâm lý, trong đó sự bao dung đứng hàng đầu.

Ngày 29 tháng Giêng năm 2005, theo chương trình phái đoàn của thầy Thích Nhất Hạnh đến thăm chùa Già Lam. Gọi đầy đủ là Quảng hương Già lam, ngôi chùa này nằm trong một con hẻm trên đường Lê Quang Định thuộc quận Bình Thạnh, Sài Gòn. Hằng năm vào các ngày lễ lớn như rằm tháng mười, các thầy tổ chức đại lễ trai đàn chẩn tế (cúng cô hồn) rất lớn, kéo dài ba ngày ròng rã. Thầy trụ trì là Thượng tọa thích Nguyên Giác, người Huế, từng bị chính quyền bắt giam cùng lúc với Ni trưởng Thích nữ Trí Hải (trong hàng ni thì Ni trưởng phẩm vị cao nhất, tương đương với Hòa thượng bên tăng). Trong chùa có hai vị thầy nổi tiếng là Hòa thượng Thích Trí Quang và Thượng tọa Thích Tuệ Sĩ, tác giả nhiều tác phẩm nghiên cứu Phật học.

Mấy hôm sau một bản thông cáo báo chí trên một trang web ở nước ngoài mô tả đây là cuộc viếng thăm thất bại của thầy Nhất Hạnh vì đã không được Thượng tọa Tuệ Sĩ tiếp. Bản thông cáo cũng nói thầy Nhất Hạnh đã có những yêu sách quá đáng như đòi hỏi nghi thức đón tiếp long trọng và không được vị trụ trì chùa Già Lam đáp ứng.

Đó là cái nhìn và cách giải thích của một (hoặc vài) người ở nước ngoài.

Tôi gặp một vị ni sư lớn tuổi tại một ni tự gần Già Lam để hỏi về việc này. Ni sư kể vắn tắt: "Chương trình ngày đó là Ôn Nhất Hạnh tới Già Lam, nhưng bữa đó Ôn đau không tới được nên Ôn Trí Quang không chịu tiếp đoàn. Bữa sau Ôn tới thầy Tuệ Sỹ không tiếp. Ghê chưa!"

(Người Huế thường gọi một cách kính trọng và thân mật các vị cao tăng lớn tuổi bằng 'ôn'.)

"Sao vậy Cô?"

"Thầy Tuệ Sỹ đang bị quản thúc. Ý Thầy là nhà nước phải thả Thầy ra thì Thầy mới tiếp."

Bà kể những mẩu chuyện nho nhỏ khác, như có lần "Ôn Quảng Độ trốn công an tới thắp hương cho sư Trí Hải," lần ra Trung "bị công an chận xe, thấy mấy ni cô cười hiền lành nên cho đi ."

Trưa Sài Gòn nóng. Vị sư già kể chuyện hồn nhiên, người nghe như thấy lòng bớt đi những nặng nhọc từ các lời hằn học bên ngoài.

Như mọi chuyện khác, cách nhìn một vấn đề nào cũng tùy thuộc vào nhận thức và tâm lý. Tâm lý của tu sĩ khác người không tu. Tâm lý của người trong nước khác người Việt ở nước ngoài. Người trong nước nhìn chuyến về nước của thầy Nhất Hạnh hoàn toàn khác với nhiều người ở nước ngoài.

Thử tưởng tượng một toàn cảnh như thế này: Giả thử thầy Nhất Hạnh không về Việt Nam, thì sao?

Trước hết, nhìn toàn diện thì Việt Nam là một đất nước quá nghèo. Nhưng nếu nhìn giới hạn vào một thiểu số thành thị, như một số người đánh giá Việt Nam thông qua sinh hoạt của vài thành phố lớn, thì đó lại là một đất nước giàu có. Theo cách thứ hai thì người ta sẽ thấy Việt Nam có nhiều xe hơi giá trên 300 ngàn đô Mỹ, và những quán cà phê sang trọng bậc nhất thế giới.

Nhưng đó không phải là hình ảnh một Việt Nam thực sự.

Việt Nam, trong mọi lĩnh vực, các yếu tố, nhiều khía cạnh, đều có độ tương phản rất lớn.

Ngay trong lòng đô thị, thí dụ, người ta vẫn có thể ăn một tô phở có giá từ hai ngàn đến 24.000 đồng (khoảng 1.6 đô Mỹ). Lạ một điều tô phở/mì hai ngàn mà ăn... vẫn được.

Còn trong khối lượng khoảng 500 tờ báo đủ loại, thì "sự đa dạng" ấy lại có phẩm chất thống nhất là cùng đưa một vẹc-xông tin. Thí dụ về dịch cúm gà cuối năm 2004 bùng phát ở các tỉnh miền Bắc và Nam. Như thường lệ nhà nước vừa giấu vừa thông báo về nạn dịch với một số biện pháp chống dịch lưng chừng. Tôi có đi 10 trong tổng số 12 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long vào thời điểm trước Tết Ất Dậu và biết rõ nhà nước âm thầm chống dịch cúm gà, giới

hạn sự đi lại các khu có dịch nhưng không thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Bệnh che đậy các tin xấu của các nhà nước độc tài khiến tình hình tệ hơn là người ta tưởng.

Xã hội bát nháo, nội bộ đảng xào xáo để chia ghế trong kỳ đại hội đảng lần thứ 10 vào năm 2006. Trong tình huống bối rối ấy chính quyền không quên tiếp tục đàn áp tôn giáo, bỏ tù nhiều tu sĩ và ngang nhiên cấm đoán Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, một giáo hội đã hiện hữu gần nửa thế kỷ qua thể hiện ước vọng san bằng các hình thức sai biệt của Phật giáo đồ.

Trong bối cảnh ấy việc thầy Nhất Hạnh về nước đã tạo nên một luồng dư luận chống đối từ nước ngoài. Nhiều người coi chuyến đi này là cách tiếp tay cho nhà nước tiếp tục đàn áp tôn giáo. Họ sợ rằng chuyến về nước của thầy Nhất Hạnh có thể gây cảm tưởng bộ mặt của nhà nước Việt Nam đỡ sắt máu hơn. Chúng ta thấy vài trăm tăng ni đi trên đường phố Việt Nam, trong các tu viện Phật giáo Việt Nam. Đó quả là hình ảnh thanh bình, và đẹp. Người ta sợ những hình ảnh đẹp ấy gắn vào chế độ bạo ngược.

Nhưng mọi người cũng đồng thời biết rất rõ rằng, đó là hình ảnh chứ không phải là một xã hội Việt Nam đích thực vào khoảng đầu thế kỷ 21. Trong thâm tâm của tất cả mọi người, ở trong hay ngoài nước, người Việt Nam hay người nước ngoài, đảng viên hay không đảng viên, đều biết rõ đó là những hình ảnh có mục đích "tiếp thị," để đánh bóng một đất nước nghèo khổ, lạc hậu, tham nhũng, bất lực và còn nhiều thù hằn.

Biết rõ bản chất như thế, hiện thực xã hội Việt Nam như thế, nhưng cách giải thích bản chất ấy thì thật khác nhau.

Có người giải thích bản chất xã hội Việt Nam bằng sự hằn học. Thí dụ như chuyến về nước của thầy Nhất Hạnh là "món quà Tết" cho nhà nước Việt Nam.

Không đơn giản như vậy! Khi người ta tặng quà riêng cho một cá nhân, thì chỉ riêng cá nhân đó mới hưởng trọn tặng vật đó. Còn nếu một món quà mà tặng cho nhiều người, thì cách đón nhận hay cư xử sẽ khác. Nó giống như khi

HOÀNG HUY KHÁNH

Chim Hót Sau Vườn

Lâu lắm chưa một lần trở lại
Quê hương xứ Quảng mảnh vườn xưa
Nhìn nắng xuyên qua cành lá mận
Hoa mận bay đùa theo gió đưa.

Để nghe chim hót mà chợt nhớ
Con chim nào hót giữa hè xưa
Chờ tôi nàng đứng vin rào trúc
Mặc tóc vương đầy hoa mận rơi.

Thuở ấy tôi vừa mang áo trận
Hồn vẫn còn xanh mộng học trò
Áo trắng, nàng yêu chàng chiến sĩ
Bao nhiêu tập vở chép đầy thơ.

Theo chuyến quân đi chẳng hẹn về
Mưa gió đường đời quên ước mơ
Có lúc chợt thèm nghe chim hót
Trên cành cây mận lúc ban trưa.

Từ buổi lên đường tôi đâu biết
Nàng cũng tha hương biệt quê nhà
Mảnh vườn vắng bóng đôi người hẹn
Mấy dạo trưa hè thu đã qua.

Biết có bao giờ nàng trở lại?
Đứng giữa vườn xưa hoa mận rơi
Để nghe chim hót trên cành lá
Chợt thấy như là... thương nhớ tôi.

có người tặng cho gia đình bạn một món quà, thì mỗi một người trong gia đình bạn sẽ nhìn và nhận món quà đó một cách khác nhau. Tùy theo số người trong gia đình, tùy theo kiến thức hay khả năng chuyên môn của từng người, tình hình tài chính, và nhất là tùy theo tâm lý. Đó là kinh nghiệm ai cũng có trong cuộc sống hàng ngày vì nó đơn giản.

Giả dụ có người khách nghèo nhưng học rộng, đi nhiều và biết đủ chuyện trên trời dưới đất đến nhà chơi, thì rất có thể người vợ vốn tính thực tế, sẽ không vồn vã lắm, sẽ chỉ đón tiếp cho phải phép, cho đúng lệ làng. Trong khi đó người chồng, và đàn con, giả sử là những người thích giao du rộng, hoặc thích học hỏi, bản tính hiếu khách nhưng trước nay chỉ gặp toàn thứ khứa xôi thịt, thì sẽ nhìn người khách nghèo này theo một khía cạnh khác. Còn cô giúp việc, có thể chỉ trông cho ông khách về quách cho rồi để bớt việc bưng cơm rót nước; nhưng cũng có thể cô lại lưu luyến vì lần đầu tiên được một người lạ thông cảm cho hoàn cảnh khó khăn, chia sẻ những ao ước âm thầm của cô.

Rõ ràng là tùy tình cảm và lý trí, có rất nhiều cách đón tiếp một món quà hay một người khách.

Tôi đồng ý với nhận xét của một số người, dù đó là một nhận xét phát xuất do thiếu kinh nghiệm Việt Nam, rằng chuyến về Việt Nam của thầy Nhất Hạnh là món quà Tết [Ất Dậu] cho nhà cầm quyền Hà Nội. Nhận xét đó có trên một bản thông cáo báo chí ở nước ngoài. Nhưng trong sinh hoạt nghiệp vụ báo chí, có lẽ một nhà báo chuyên nghiệp khó đồng ý với cách làm tin một chiều. Về hình thức, tuy tự gọi là "thông cáo báo chí" nhưng thực ra lại theo cấu trúc một bình luận ngắn. Về nội dung, sau khi có bản thông cáo báo chí đó đã có một số bản tin khai triển nội dung cái thông cáo báo chí này. Nhưng các bản tin đó đều thiếu chuyên nghiệp nếu xét theo qui trình qui phạm của tinh thần và cấu trúc báo chí Tây phương. Đó là các tin chỉ trình bày một vẹc-xông, một luồng ý kiến. Luồng ý kiến độc đoán đó là "sư ông Nhất Hạnh đã làm lợi cho cộng sản khi đi Việt Nam." Cách làm tin như vậy thường chỉ có ở các nhà nước độc tài, như Việt Nam, Cuba, Bắc Triều Tiên. Họ đưa một luồng ý kiến có lợi cho họ, muốn nắn người khác rập theo ý kiến của mình bất chấp thủ đoạn. Cách làm tin, hay tung tin, như vậy vừa không hợp với tinh thần dân chủ và quân bình trong báo chí phương Tây, vừa phản ảnh một tâm lý hẹp hòi.

Bằng một cái nhìn khách quan thì ai cũng sẽ thấy là thực ra, chuyến đi của thầy Nhất Hạnh đã không khiến cho bộ mặt đàn áp tôn giáo của chính quyền Việt Nam sạch sẽ hơn. Điều này kiểm chứng được. Hà Nội vẫn bỏ tù nhiều tu sĩ của các tôn giáo ở Việt Nam, vẫn cấm Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất hoạt động, còn theo dõi, quản thúc hoặc đọa đày nhiều tu sĩ trong trại tù. Hoa Kỳ cũng không vì chuyến đi của thầy Nhất Hạnh mà đưa Việt Nam ra khỏi danh sách "các nước đặc biệt quan tâm" trong năm 2005.

Đất nước Việt Nam vẫn cạn kiệt tài nguyên, ruộng đồng và con người Việt Nam vẫn đang nghèo đói cả tri thức lẫn thực phẩm. Tham nhũng vẫn hoành hành. Phụ nữ vẫn tiếp tục trốn qua Cam Bốt bán thân, trẻ em tiếp tục bị bắt cóc ra nước ngoài làm điếm. Đảng vẫn tiếp tục che trên đậy dưới nhưng vẫn phơi bày những sự thật trần trụi.

Nhưng toàn cõi đất nước Việt Nam là một đại gia đình với nhiều thành phần khác nhau: trong gia đình đó có cha, mẹ, ông, bà, anh, chị, em, người giúp việc. Trong gia đình đó có kẻ lưu manh, nhiều tên vô hạnh, có người giàu, kẻ ăn xin, có kẻ hiền lương và cũng lắm đồ vô lại đang chễm chệ, và khoảng 50 triệu người sinh sau 1975.

Trong đại gia đình đó, thì nhà nước chỉ là một thành viên. Thành viên đó vừa mở cửa đón khách, nhưng mặt khác lại âm thầm chuẩn bị đối phó với người khách có khả năng thu hút đám đông. Vì thế nên khi có người nói rằng báo chí ở Việt Nam "trùng trùng đưa tin" về chuyến trở về của thầy Nhất Hạnh, thì đó là một sự thiếu quân bình trong cách làm tin và không lương thiện. Theo dõi đều đặn báo chí trong nước hàng ngày, chúng ta sẽ thấy là các báo và đài truyền hình chỉ chỉ đưa tin này trong hai, ba ngày đầu, và là tin nhỏ. Không một báo nào đăng chương trình thăm viếng của tăng ni Làng Mai. Và các buổi thuyết giảng của thầy Nhất Hạnh, có khi lên đến trên một ngàn người, cũng không hề được đưa tin. Không một báo nào tường thuật các buổi thuyết giảng có đông người dự. Vào tối ngày 3 tháng 2 ở chùa Xá Lợi, trong lúc thầy Nhất Hạnh giảng bên trong thì bên ngoài, công an và các toán dân phòng

đã cố tình làm giảm bớt số người đến dự bằng cách không giữ xe hai bánh cho nhiều người đến trễ, lấy cớ là hết vé giữ xe. Nhà nước Việt Nam không muốn tạo "sự kiện Nhất Hạnh" vì họ sợ những người có khả năng tập hợp quần chúng.

"Món quà" đã được thành viên nhà nước đón tiếp như thế.

Còn với quần chúng, nhất là đám đông ở độ tuổi trên ba mươi?

"Món quà Nhất Hạnh" đã được quần chúng chiêm nhận như một biến cố sinh động trong cuộc sống vốn dĩ đơn điệu một giáo điều và nghèo nàn những sinh hoạt tinh thần. Trong gần ba mươi năm ở miền Nam, năm mươi năm ở miền Bắc, chưa từng có hiện tượng một tu sĩ thuyết giảng và đám đông đổ nhau đi nghe. Chưa từng có một nhân vật nào gọi kêu hòa bình giữa đám đông và giữa những quân phục đứng gác bên ngoài. Đó là bầu khí ngây ngất giữa những buổi sáng Sài Gòn khi người ta nêu tên những nhân vật thế giới trên loa phóng thanh, những cái tên mà chế độ rất căm hận như Gorbachev: "Năm 1995, Thiền sư được cựu Tổng thống Mikhail Gorbachev mời nói chuyện trước các vị nguyên thủ quốc gia... Tháng 12-2000, Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton mời Thiền sư đến Tòa Bạch Ốc để diễn giảng về 'Hiểm họa Sida'..."

Khi nghe những dòng giới thiệu tiểu sử trên loa phóng thanh trong sân chùa, người ta không tránh được bồi hồi, dù là những bồi hồi lãng mạn như tên của Gorbachev vang lên giữa trời Sài Gòn như một niềm hy vọng.

Trong sự tuôn chảy không ngừng của dòng sống sinh động, lịch sử thành hình vì một và tập hợp các biến cố. Mỗi một dữ kiện diễn ra đều có vị trí của nó trong dòng sinh động, đến một lúc nào đó thì các địa vị kia kết lại thành khối tạo nên một trào lưu lớn. Người ta có thể đọc sử bằng nhiều cách, trong đó có cách đọc lịch sử bằng tâm tình của thời đại, với tâm lý nơi lịch sử diễn ra. Cái nơi đang diễn ra một vài biến cố, tổ quốc Việt Nam, là chốn mà đám đông đang thèm khát thông tin, đang mong mỏi những điều mới — dù nhỏ nhặt — sẽ xảy ra, khao khát một sự trổi dậy trong cuộc sống nhàm chán, để những ngày thường sẽ bớt tẻ nhạt hơn giữa tiếng loa sắt sáng sớm và khi chiều tà.

Nơi chốn ao tù này đang khao khát một thế giới sáng lòa khai rộng, những chân trời lồng lộng miên viễn, các vùng trời chứa chan hy vọng đâu đó, ngoài kia.

Trong tâm lý đó, đám đông đã đón thầy Nhất Hạnh như một sứ giả mang thông điệp vui. Họ là những người của phố phường, ngồi ở những quán cốc nghèo nàn bên hông bệnh viện, trong các quán cà phê vườn yên tĩnh, hay nơi những tiệm nước xập xệ ven sông chợt cảm được một điều gì đang làm xôn xao những khát vọng đã chìm đắm trong nhiều ngày lặng lẽ. Như tiếng còi tàu lảnh lót không làm tan đêm nhưng thức dậy nhiều đôi mắt để nhìn sâu vào thân phận mình.

Chuyến trở về của thầy Nhất Hạnh có thể làm lợi cho chính quyền, nhưng lợi lạc hơn hết vẫn là đám đông đang khao khát những lương thực tinh thần.

Cũng như tập thể làm lợi cho chính quyền Việt Nam hơn hết chính là người Việt Nam ở nước ngoài với bốn tỉ đô Mỹ mỗi năm gửi về, nhưng lợi lộc hơn hết vẫn là những người thân yêu nghèo khổ.

Trong mấy chục năm qua đồng tiền từ nước ngoài đã thực sự kéo dài tuổi thọ của một chính quyền độc tài, nhưng cùng lúc đã làm bộ mặt đất nước chuyển biến, đã cứu khó hằng triệu người, và ở một mức độ lớn đã chứng minh sức mạnh kinh tế của những người lưu vong. Vậy thì không lý gì khi người ta điềm nhiên chấp nhận những cuộc cứu trợ bằng vật chất, nhưng nặng nề với một cuộc cứu tế đang làm phong phú tinh thần, khuấy động những cuộc đời tịch mịch. Không lý gì để bắt tất cả mọi người phải chấp nhận một "món quà" theo một tâm lý như nhau.

Một cái nhìn tổng diện sẽ đưa đến một thái độ bao dung, và từ ấy sẽ thấy ra những biến động dù bình thường nhất nhưng khi cộng duyên sẽ có thể làm nên nhiều điều thú vị. "Đón thầy Nhất Hạnh" bằng tâm lý của người ở lại rất khác với cách đón tiếp bằng tâm lý của người ở nước ngoài. Những người đang ở nước ngoài, đang tranh đấu cho dân chủ Việt Nam, đã có những thành tựu không thể phủ nhận. Nhưng do điều kiện địa lý, lắm khi đã thể hiện một tâm lý xa lạ với người trong nước. Chừng nào khoảng cách tâm lý này xích lại, thì con đường đến dân chủ sẽ bớt thưa thớt người hơn.

16.3.2005

Tâm sự của lá thư rơi

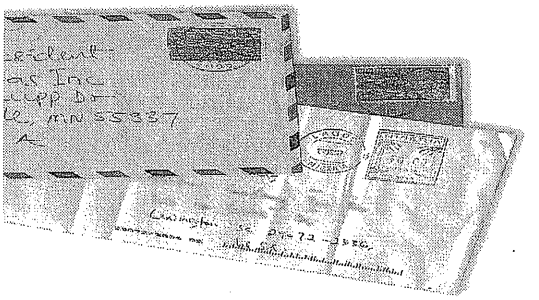

TRANG CHÂU

Người viết thư rơi lẫn người nhận thư rơi thường không có nhân chứng. Nhưng tôi là người duy nhất âm thầm có mặt ở cả hai phía vì tôi chính là lá thư rơi. Khi còn ở tình trạng thai nghén tôi là con đẻ, nhưng tôi trở thành đứa con vô thừa nhận ngay khi chào đời. Vì sao? Thắc mắc này tôi không nêu lên cho tôi, nó được đặt ra cho người nhận tôi. Bài viết này, xin xem như một cố gắng của riêng tôi để tiếp tay với người đọc, dù người đọc đó ở bất cứ vị thế nào.

Xin nói ngay khi viết tôi chỉ ghi nhận chứ cố sức không phê phán. Nếu thỉnh thoảng tôi có chêm vào đôi chút suy tư thì cũng chỉ là những thoáng suy tư hết sức vô tư. Mục đích của tôi là trình bày những căn nguyên, những động cơ thúc đẩy người khai sinh ra tôi đặt bút viết và người đọc tôi có phản ứng gì, suy đoán ra sao? Tôi phải đặt tên cho nhiều nhân vật. Xin nói ngay, người và việc có thể thật nhưng những cái tên thì hoàn toàn giả. Tuy giả nhưng tôi biết trước thế nào cũng có người giật mình. Khi tôi gọi ông A không phải chỉ riêng ông A giật mình mà cả các ông tên Ấn, tên Âu, tên Âm cũng giật mình, vì nghĩ tên mình được cố ý viết trệch đi thôi. Xin những người có tên trùng với những tên nêu lên trong bài viết này an tâm, tôi không nhắm vào tên của quí vị. Tôi sẽ viết từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn, nhỏ và lớn ở đây dưới nhãn quan của tôi, không nhắm vào con số nhân sự mà nhắm vào nội dung của câu chuyện, của vấn đề được xảy ra hay nêu lên.

Nhỏ nhất là câu chuyện xảy ra giữa hai người, một cặp vợ chồng. Tôi ra đời sau khi hai người ly thân. Người vợ dọn ra ở ấp trong một chung cư. Lý do ly thân của họ tôi biết nhưng không nói ra vì không muốn xen vào đời sống riêng của họ. Chỉ biết sau mấy đêm ngồi trong xe rình bà vợ ly thân, tối tối hay đi bộ sang chơi ấp của một cặp vợ chồng ở một chung cư đối diện, cho đến mười, mười một giờ đêm mới ra về mà không thấy có người đàn ông nào đi theo, người chồng về nhà viết cho bà vợ ly thân một lá thư. Tôi chỉ trích lại tôi một đoạn: "Mấy hôm nay em ghé qua nhà chơi với Điệp, thấy em càng buồn càng đẹp anh cũng động lòng. Anh biết em bỏ thằng chồng em vì nó kém sinh lý. Anh bảo đảm với em, em sẽ được thỏa mãn một trăm phần trăm vấn đề đó. Hẹn em thứ tư tuần tới đúng một giờ trưa tại quán Mimosa. Em nhớ đúng hẹn, anh chờ. Ty." Mang bỏ tôi vào thùng thơ xong ông chồng vẫn đêm đêm đậu xe ngồi rình. Ty là tên ông chồng của bà Điệp, cặp vợ chồng mà tối tối bà vợ ly thân vẫn đi bộ sang chơi. Một giờ kém mười lăm trưa thứ tư tuần sau, người chồng lái xe đến bãi đậu của tiệm Mimosa, thụt người trong xe ngồi rình. Nhưng không thấy bà vợ ly thân của ông đến chỗ ông hẹn. Tối hôm đó ông không lái xe đi rình nữa; ông ngồi ở bàn viết, ôm đầu, chốc chốc lại kéo hộc tủ, mở cuốn agenda, nhìn ngắm hình bà vợ ly thân được giấu ở bên trong. Ngắm chán ông lấy bút chì đỏ gạch đít nhiều lần hai câu thơ của Sully Prud' homme:

"Ôi! anh sẽ hiền xiết bao nếu em chỉ có linh hồn. Điều khiến anh độc ác, em biết không, chính là nhan sắc của em ." (1) Bà vợ ly thân nhận thư đọc xong, đấn đo một lúc rồi mang lá thư sang đưa cho bà Điệp đọc. Bà Điệp đọc xong giận run:

- Khốn nạn thật, anh Ty không bao giờ ngu xuẩn đi viết một lá thư trắng trợn như thế. Chị nghi thủ phạm là thằng chả của em ghen quá viết cuồng chứ không ai khác. Người vợ ly thân cũng nghi như vậy. Tối đến bà Điệp mang tôi ra cho ông Ty đọc. Đọc xong ông Ty cười khẩy rồi nói:

- Tay nầy đúng là hậu duệ của Nguyễn Bính: "Nghĩa là ghen quá đấy mà thôi." Rồi giọng ông nghiêm trang:

- Người có học mà đến mức viết những lời hạ cấp như thế mình nên đề phòng, anh ta có thể còn có những hành động điên rồ hơn nữa. Em nên lựa lời nói sao cho chị ấy bớt qua lại nhà mình.

Ở một môi trường khác, tác giả khai sinh ra tôi không phải một mà là hai người, hai vợ chồng.

Họ thuộc một nhóm thân hữu hay hội họp ăn uống, ca hát, khiêu vũ. Qua lại nhiều lần, gặp mặt nhau thường xuyên va chạm tất nhiên xảy ra. Họ bình phẩm lén nhau về đủ thứ chuyện. Từ chuyện món ngon món dở, món nhiều món ít, món rẻ tiền món đắt tiền; chuyện con mẹ nọ hát giọng chua như dấm, thằng cha kia hễ cất tiếng hát là trật đường rầy; chuyện con nhỏ đã xồn xồn mà còn ỏng a ỏng ẹo; chuyện bà kia đã có cháu ngoại cháu nội mà còn ăn mặc diêm dúa, hở hang; v.v...

Một tối Bảo đưa cho Hòa, vợ anh, xem một phác thảo về tôi. Hòa đọc xong quắc mắt hỏi chồng:

- Sao anh "đánh" luôn cả ông anh của em?

Bảo trả lời giọng chắc nịch của một người giàu kinh nghiệm:

- Có như vậy thiên hạ sẽ không bao giờ nghi chúng mình. Nghệ thuật viết thư rơi là làm sao cho thiên hạ nghi ngờ lẫn nhau hoặc không thể nghi ngờ một người nào đó. Làm sao thiên hạ có thể nghi ngờ em và anh khi cả anh của em cũng bị "đánh".

Nghe chồng nói có lý Hòa làm thinh. Nhưng nàng cầm bút chua thêm mấy chữ vào phần cuối của phác thảo rồi đưa lại cho Bảo. Bảo liếc mắt đọc rồi ngạc nhiên hỏi vợ:

- Sao em thêm ông Sinh vào làm gì vậy? Em muốn anh "đánh" con nhỏ Sương vì em không thích nó xơn xơn cười đùa và nhảy hay ôm sát mấy ông thì anh đã làm. Ông Tạ, ông Thiệt, ông Trụ, ông Lý thế là đủ rồi. Con nhỏ Sương có bao giờ xơn xơn với ông Sinh đâu?

Hòa trả lời chồng giọng cương quyết:

- Anh cứ thêm tên thằng cha vào, cho bỏ ghét. Hai vợ chồng đó "chíp" lắm, đám cưới con mình chúng cho có 70 đô chỉ vừa đủ trả phần ăn cho chúng thôi.

Bảo gật đầu ưng thuận:

- Mai anh vào sở, dùng máy của sở đánh và sẽ sao gởi đi. Em mua tem rồi chứ?

- Rồi, 15 con là đủ. Gởi cho mấy tay chóp bu thôi, chúng sẽ truyền tin đi lẹ lắm.

Và tôi được chuyền đến 50 người. Trong 50 người nầy, 10 người có tên trong lá thư rơi. Và đúng như Bảo tiên đoán, họ nghĩ ngay đến những kẻ thù, những đối thủ, những kẻ đang có vấn đề với họ. Họ đổ xô đi tìm kiếm hung thủ bằng cách đoan quyết hay loại bỏ. Một ông nói để ám chỉ một người:

- Văn tức là người mà, nó gốc Tàu nên viết tiếng Việt không rành, lỗi chính tả tùm lum, đọc là biết ngay ai rồi.

Một bà ra vẻ rành rõi:

- Người viết phải là gốc Nam. Chỉ có người Nam mới xưng hô chị Năm, chị Hai thôi.

Một bà khác lại đoan quyết ngược lại:

- Đứa viết phải là một con mẹ Bắc Kỳ, chỉ có thứ Bắc Kỳ đanh đá mới dùng chữ "đánh đĩ" mà thôi.

Một ông khác có tên trong lá thư rơi lại điểm mặt một người:

- Tôi đã từng làm trong an ninh quân đội nên có kinh nghiệm. Chỉ cần nhìn sắc mặt là biết. Trong thư nó chửi tôi, tôi đến ngay mặt bắt tay nó, nó bắt tay tôi mà mặt biến sắc, tôi biết ngay chính nó là thủ phạm.

Có người thận trọng hơn không ám chỉ mà chỉ loại bỏ. Một bà bênh vực một nghi phạm:

- Tôi biết ông ấy không phải là loại người viết thư rơi. Ông ấy chẳng sợ ai đâu, có gì ông ấy nói toạc ra ngay đâu phải đi mất thì giờ để viết thư rơi.

Một ông tỏ ra am tường tâm lý:

- Không phải ai cũng viết thư rơi được đâu, cũng như không phải ai cũng đi ăn cắp được đâu. Người viết thư rơi phải là loại người cảm thấy thích thú khi nghĩ rằng mình chửi người ta, dù người ta có nghi mình, người ta cũng chẳng làm gì được mình.

Trong suốt mấy tuần tôi là đề tài bàn tán công khai lẫn ngấm ngầm trong nhóm thân hữu. Bảo và Hòa cũng chờ xem có ai nghi mình không. Hai người đồng ý với nhau hễ ai nói đến thư rơi sẽ nhất nhất trả lời thư rơi nên vất vào sọt rác và xem như không có, không biết chuyện gì xảy ra. Thái độ không can dự của hai vợ chồng được nhóm thân hữu tỏ ra tán thưởng, ít ra là ngoài mặt. Hai người được mời tham dự các sinh hoạt nhiều hơn trước. Hòa hả hê nói với chồng:

- Mình "đánh" chúng nó mà chúng nó lại quí mình hơn, thế mới hay.

Bảo lại nhìn kết quả với cặp mắt khác:

- Chúng nó quí mình thì ít, anh nghĩ chúng nó sợ mình nhiều hơn. Chúng nó nhát chứ không ngu hết đâu.

Người khai sinh ra tôi lần nầy xuất thân từ một hội chuyên gia về khoa học kỹ thuật. Hội nầy có một tờ nội san mỗi năm ra hai số. Báo của hội đi dần dần từ chuyên ra gia. Ban đầu chuyên môn là chính nhưng rồi có người phê bình bài vở khô khan quá nên có lẽ vì thế ông chủ bút đương nhiệm muốn làm cho tờ báo gia hơn một chút

nghĩa là có gia vị hơn một chút bèn tăng cường một số bài phiếm nặng mùi nói lái và đưa văn chương Kim Dung vào mục trả lời thư tín với những sư tỉ, sư muội, đại ca, tiểu đệ, v.v... Thế là bắt đầu có sóng gió, vì khen nhiều mà chê cũng lắm. Khen nhất có người viết thư về nói cầm tờ báo là tìm đọc ngay mục trả lời thư tín. Thứ nhất vì nó "dui", thứ hai để xem ai có tên trên bảng phong thần. Nhưng cũng chính mục nầy bị chỉ trích là rẻ tiền, bất xứng trên một tờ báo của một hội chuyên gia. Người chỉ trích cũng phản bác lập luận mục được đọc trước nhất không có nghĩa mục đó hay nhất cũng như một ông đọc tờ Play-Boy trước tờ Gazette, không có nghĩa tờ Play-Boy có giá trị hơn tờ Gazette, nó gợi dục hơn thì có. Nhưng nếu có thư khen được đăng lên mục thư tín thư chê lại chỉ được phổ biến dưới dạng thư rơi. Phía nhận tôi, đọc tôi xong, họ đưa tôi ra ban trị sự để thảo luận. Thảo luận đưa đến kết luận: Tác giả thư rơi chỉ là một người trong khi đa số hội viên không ai lên tiếng, vậy thì "chó sủa mặc chó đường ta ta đi."

Tôi lại được gởi tới ông chủ bút lần thứ hai. Sự công kích lần nầy quyết liệt hơn. Nó mỉa mai ông chủ bút miệng lúc nào cũng than van muốn từ chức nhiều lần, lần nào cũng bị ép ôm của nợ, thế mà khi họp Đại Hội Đồng ông lại xung phong tái ứng cử chức ủy viên báo chí. Nó cũng tiếp tục tấn công cái mục thư tín, không biết căn cứ vào đâu, nó nói ông chủ bút cứ lôi tên mấy thằng bạn cùng lớp ra tự đặt câu hỏi rồi tự trả lời giùm chúng để cho đầy mục thư tín. Nó hô hào ngưng đóng niên liễm vì không muốn hội dùng tiền để chi cho một tờ báo báo đời như thế. Tôi lại được đưa ra ban trị sự để thảo luận và kết luận vẫn là kết luận gần như lần trước: Kẻ viết hai lá thư rơi là một, một đương nhiên là thiểu số cho nên "chó sủa mặc chó đường ta ta đi."

Thứ thư rơi như tôi lúc nào cũng được người ta công khai tuyên bố, khuyến cáo, khẳng định chỉ đáng vất vào sọt rác. Thế nhưng bên trong người ta vẫn sôi sục nghiền ngẫm về tôi, tìm hiểu đích thực tác giả là ai, vì câu "văn tức là người" vẫn ám ảnh người nhận thư. Ai cũng cố tìm cho ra một kẽ hở nào đó của người viết để nhận diện tác giả. Người khai sinh ra tôi trong vụ nầy là một người từng trải ngoài đời, ông tin mình biết hết mọi chuyện, ông nghĩ mình có bổn phận phải giữ cho hội một hướng đi đứng đắn. Có lần ông tâm sự với một người bạn:

- Nhận lỗi thay một kẻ khác là người quân tử; làm lỗi mà biết nhận lỗi là một người biết phục thiện. Hai hạng người nầy tôi phục. Còn hạng làm lỗi đã không chịu nhận lỗi mà còn vênh váo là một thứ tiểu nhân đắc chí cần phải triệt hạ.

Nơi tôi được khai sinh nhiều lần, từ hai phía bắn qua bắn lại, là cái Cộng Đồng. Tôi không hiểu có gì trong đó mà người ta gần như ẩu đả nhau để chiếm lấy nó. Ai cũng nói công việc cộng đồng là công việc vác ngà voi nghĩa là công việc hao công tốn của tưởng sẽ đốt đuốc kiếm không ra người ai dè lại cứ xô nhau để dành vác. Để thỏa mãn tham vọng chăng? Thế tham vọng là gì? Triết gia Chamfort đã từng mỉa mai: "tình yêu là sự điên rồ dễ thương; tham vọng là sự ngu xuẩn đứng đắn" (2) và tôi đã không nhớ ai đã phát ngôn câu nầy: "Đàn ông bất tài mà nhiều tham vọng chỉ giỏi nịnh hót; đàn bà bất tài mà nhiều tham vọng chỉ giỏi bắt nạt chồng."

Tôi không đề cập đến những nguyên nhân gây xáo trộn cộng đồng, những nguyên nhân đã tạo nên sự có mặt của tôi, tôi chỉ nói đến phong cách của những người khai sinh ra tôi thôi. Một buổi sáng bà Mỹ đang ngồi xem truyền hình thì điện thoại reo.

- Allô
- Chị Mỹ đó hả tôi Mễ đây.
- Dạ, chào anh Mễ.
- Chị nhận được cái thư rơi chưa?
- Dạ dạ, có, hôm qua.
- Chị đọc, chị thấy sao?
- Dạ... dạ... thư rơi... dạ... thư rơi thì... nhưng mà cũng có cái đúng.
- Cái thư rơi đó tôi viết đấy, chị thấy được không?
- Dạ... dạ... anh viết thì... thì... cũng đúng thôi.
- Đó là tôi còn nhẹ tay đấy. Dạ, thôi, cám ơn và chào chị.

Những người khai sinh ra tôi không người nào giống người nào. Ông Mễ là mẫu người kín mà hở, ông viết thư rơi nhưng lại muốn có người biết mình là tác giả. Có lẽ ý ông muốn người ông cho biết đánh giá khả năng viết của ông cũng như hiệu quả điều ông muốn tống đạt. Tất nhiên ông Mễ chỉ hé cho những người mà ông nghĩ khi biết ông là tác giả sẽ phản ứng theo chiều ông mong muốn.

Trong một phiên họp, bốn trên năm người có mặt đồng ý viết văn thư phản đối ông Chủ Tịch Cộng Đồng. Riêng một mình ông Phan chống, ông nói ông thấy chưa đến lúc phải viết văn thư. Tuy thế văn thư vẫn được thảo ra và gởi đi vì đa

số đồng ý. Mấy hôm sau ông Phan nhận được điện thoại của ông Chủ Tịch Cộng Đồng cảm ơn ông Phan là người duy nhất đã bênh vực ông. Ông Phan ngạc nhiên hỏi:

- Chúng tôi họp kín sao ông biết tôi chống vụ viết văn thư?

- Có người cho tin. Tôi còn biết trong bốn người ai là người chống tôi nhất.

Một tháng sau tôi ra đời. Nội dung lá thư rơi chỉ trích ông Chủ Tịch Cộng Đồng, bằng những lời lẽ thô bạo nhất. Tôi bay đến hàng chục địa chỉ, từ những người nhận nầy tôi bay đến hàng trăm người nhận khác. Không ai nói ra nhưng mọi mũi dùi đều ngầm chỉa vào ông Phó người đã đả kích kịch liệt ông Chủ Tịch Cộng Đồng trong phiên họp kín năm người. Nhưng không ai có thể ngờ tác giả khai sinh ra tôi chính là ông Phan. Tuy thế gặp ai ông cũng phàn nàn:

- Tôi không dám nghi ai là tác giả lá thư rơi kia, nhưng dù ai đi nữa, cũng không nên đả kích nhau trong lúc nầy. Quốc Gia mình không giúp nhau làm việc thì thôi chứ đừng phá nhau, Cộng Sản nó cười cho.

Một tối thứ sáu tại tư gia của một thương gia nằm ở ngoài thủ đô Ottawa, có cuộc họp mặt giữa hai người đàn ông, một tên Thứ, một tên Triện. Ông Triện hơi khum người khi đón bàn tay nhão và lạnh của ông Thứ chìa ra cho mình bắt:

- Xin kính chào đồng...

Ông Thứ cắt ngang câu nói:

- Anh ở trong nước mới ra nên chưa quen. Ở đây anh phải tập thay đổi cách xưng hô. Anh sắp hoạt động trong lòng thành phần chế độ cũ của miền Nam, anh phải tập nói ngôn ngữ của họ. Họ chưa hấp thụ được ngôn ngữ sáng tạo của ta như bên nhà vậy anh phải tránh những cụm từ như đi tham quan, khẩn trương lên, hãy thư giản, đẹp cực kỳ, không có thời gian, muốn liên hệ với v.v... Anh sẽ sát cánh làm việc với một người có nhiều kinh nghiệm hoạt động trong cộng đồng việt kiều hải ngoại tại xứ nầy.

Nói xong ông Thứ đưa cho ông Triện một phong bì dán kín và dặn:

- Ngày mai anh lấy xe đò đi Toronto. Sẽ có người đón anh ở bến xe. Anh sẽ nhận được chỉ thị công tác tại đó. Người trách nhiệm hướng dẫn anh tên là Phan.

Mấy tháng sau tôi lại xuất hiện, lần nầy trên mạng lưới của một hội ái hữu cựu quân nhân. Nội dung vi thư tố cáo một niên trưởng Chủ Tịch một phân hội bên Hoa Kỳ là Cộng Sản nằm vùng. Và cái màn bên bênh vực, bên tố cáo mạt sát nhau tận tình lại xuất hiện đầy đặc hàng ngày trên mạng lưới. Người khai sinh ra tôi lần nầy là ông Triện núp dưới cái tên Thái Thượng Nhân. Tôi được ông Triện khai sinh sau khi ông tham dự mấy buổi thụ huấn với ông Phan. Huấn từ mãn khóa của ông Phan có đoạn như sau:

- "Nhiệm vụ của chúng ta trong giai đoạn nầy là hướng dẫn người Việt hải ngoại hướng về quê hương dân tộc, hay về nguồn nói theo ngôn ngữ của họ, và quên chuyện cũ đi. Cái chuyện bắt họ quên chuyện cũ nhất là thành phần lớn tuổi cũng khó khăn. Ta thắng ta nắm quyền ta quên là chuyện dễ, họ thua nay bắt họ quên nhất là quên theo đường lối của ta thì thế nào cũng có kẻ cứng đầu chống đối. Nhiệm vụ của ta là vô hiệu hóa những kẻ chống đối, bằng cách thay vì ta trực diện đối đầu với họ, ta làm thế nào để họ đối đầu lẫn nhau. Và ta đứng đàng sau ở một phía. Quyền lợi vật chất là phương tiện rất hữu hiệu. Ta có phương tiện, có thể nói là dồi dào, để hổ trợ kế hoạch, nhưng phải đạt chỉ tiêu cao."

Đôi lúc tôi cũng suy nghĩ về tương lai của mình. Tôi sẽ còn hiện hữu bao lâu? Tôi thấy tôi sẽ còn gây xáo trộn một thời gian dài. Những người khai sinh ra tôi đều có một mẫu số chung: hăm hở tạo dựng tôi. Mỗi người do một động cơ thúc đẩy khác nhau: ghen tuông, ganh tị, tham vọng, tham quyền hay lý tưởng hơn một chút đả phá để xây dựng hoặc chỉ đơn thuần thi hành một mệnh lệnh. Nếu viết thư rơi, dưới cái nhìn bình thường của đa số người, là một hành động không đứng đắn, thì tác giả viết thư rơi đúng là những kẻ, y như lời của tướng Delattre de Tassigny nói với các sĩ quan tham mưu của ông về Việt Minh: "Ở ngoài kia có những kẻ chiến đấu rất tốt cho một mục đích xấu." (3)

Tôi chỉ là mặt nổi của những bàn tay trong bóng tối. Nói đến hai chữ bóng tối, tôi chợt hiểu tôi chỉ sẽ không còn hiện hữu khi nào hoặc ở nơi nào có ánh sáng, thực sự là ánh sáng.

Chú thích:

(1) Oh! que je serais doux si tu n' étais qu'une âme. Ce qui me rend méchant, vois tu, c'est ta beauté. (Sully Prud' homme)

(2) Amour, folie aimable; ambition, sottise sérieuse. (Chamfort)

(3) Il y a là bas des gens qui se battent très bien pour une mauvaise cause. (Delattre de Tassigny)

SINH NHẬT 100 NĂM GEORGE ORWELL,

đọc lại *Animal Farm* và *Nineteen Eighty-Four* (*)

TRẦN HỮU THỤC

George Orwell

Tất cả mọi nhà văn đều hão huyền, ích kỷ và lười biếng và ngay trong tận cùng động cơ viết lách của họ, vẫn tồn tại một điều bí ẩn. Viết một tác phẩm là một cuộc tranh đấu khủng khiếp, kiệt sức giống như trải qua một cơn bệnh đau đớn kéo dài. Người ta sẽ không bao giờ làm được một công việc như thế nếu không bị lôi kéo bởi loại quỷ quái nào đó mà người ta không cưỡng chống được mà cũng chẳng hiểu rõ.

George Orwell

George Orwell mất vào năm 1950, tức là cách đây hơn 50 năm. Ông không để lại nhiều tác phẩm, nhưng ảnh hưởng của chúng không hề tan biến theo thời gian. Nhân kỷ niệm một trăm năm ngày sinh (6/1903-6/2003), tác phẩm và cuộc đời của George Orwell được nhiều giới khác nhau (sử gia, phê bình văn học, nhà văn, nhà báo...) đánh giá lại, gây ra tranh cãi tại nhiều nơi ở Hoa Kỳ và Anh Quốc. Tháng 5/2003, 300 học giả hội họp tại Wellesley ba ngày liên tiếp trong một cuộc hội thảo có tiêu đề là "An Exploration of His Work and Legacy." Nhân dịp này, người ta phát hành hai cuốn tiểu sử mới viết về Orwell. Xin trích lại đây vài ý kiến về Orwell trên báo chí nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh:

- "Như là một trong những bậc thầy của nền văn xuôi Anh Quốc, George Orwell là một trường hợp gây bối rối, khó xử. Những người đương thời biết rằng ông có cái gì đặc biệt, nhưng lại khó giải thích tại sao. Việc mang ông ra thảo luận chẳng dễ dàng hơn chút nào theo thời gian"1

- "George Orwell là một nhà văn chính trị, một trong những nhà văn lớn nhất của thế kỷ 20 (...) Một nhà văn chính trị là một nhà văn hết sức quan tâm đến từ ngữ công chính, khinh bỉ những thành quả lớn và không tự xem mình là anh hùng hay một nhà tiên tri"2

- Orwell là "một cây bút không hoàn hảo mà lại hấp dẫn" (...) "Và tên của Orwell đã trở thành tiếng tính từ tiêu chuẩn được sử dụng khi đo lường khoảng cách giữa ngôn ngữ chính trị và thực tế đạo đức"3

Washington Post, trong một bài viết khác của Jeremy Lovell, lại tố cáo là Orwell "có tinh thần

bài Do Thái và là một kẻ cô đơn không bè bạn thường khoác chiếc áo giai cấp thợ thuyền nhưng lại ăn nói theo kiểu giai cấp lớp trên - là người bị xâu xé giữa một bên là xã hội chủ nghĩa và bên kia là chống báng Liên Xô của Stalin." Và mới đây, không lâu trước ngày kỷ niệm, một tài liệu chưa hề công bố cho biết, ít tháng trước khi chết, Orwell đã giao cho Sở Ngoại Vụ Anh một bản danh sách gồm 38 người Cộng Sản và những bạn hoạt động bí mật của ông. Danh sách sau đó đã được sử gia Timothy Garton Ash tiết lộ đầy đủ. Sự kiện đó đã khiến người ta nghi ngờ xu hướng xã hội chủ nghĩa và tinh thần chống độc tài của ông, đồng thời làm hoen ố danh tiếng mà ông có được từ cả hơn nửa thế kỷ nay. Tuy nhiên, trong một cuộc trò chuyện với tờ Guardian4, sử gia Norman Mackenzie - một trong số 38 người có tên trên bản danh sách, hiện còn sống - cho rằng khi bị bệnh lao, ông không còn kiểm soát được mình nữa. "Đó là một danh sách không đáng tin cậy. Những bệnh nhân bị bệnh lao thường rất kỳ quặc vào giai đoạn cuối. Tôi là một người ngưỡng mộ Orwell, tôi đồng ý với ông về Liên Xô, nhưng tôi cho rằng ông đã phần nào trở nên lẩm cẩm rồi."

George Orwell là bút hiệu của Eric Arthur Blair, sinh ngày 25 tháng 6/1903 tại Bengal (Ấn Độ), con thứ hai của một viên chức Anh làm việc tại sở thuốc phiện, Ấn Độ. Ít tháng sau khi sinh, ông theo mẹ về lại Anh quốc và sống ở đó cho đến khi trưởng thành. Ông học hành không lấy gì xuất sắc, do đó, không được học bổng để vào đại học. Chán nản, năm 1922, ông đăng ký làm cảnh sát thuộc địa tại Burma (Miến Điện). Công việc này chẳng làm ông thú vị gì, nhưng giúp ông nhìn thấy rõ bản chất của chủ nghĩa thuộc địa và hình thành xu hướng xã hội chủ nghĩa của ông sau này. Trong thời gian phục vụ, ông bắt đầu viết lách lăng nhăng, nhưng không mấy thành công. Nhiều bài sau này in trong tuyển tập *Shooting an Elephant* (1950) đề cập đến cung cách làm việc của các viên chức thuộc địa. Một trong những bài viết nổi tiếng nhất là *A Hanging* kể chuyện một người Ấn bị treo cổ chết.

Sau năm năm làm việc, ông từ chức và trở về lại Âu Châu. Ông sống như một kẻ vô gia cư, làm những việc vặt vãnh ở cả Anh và Pháp, có lúc phải đi ăn xin. Để biết qua về kiếp tù đày, một lần, ông giả vờ say sưa để bị bắt nhốt. Kinh nghiệm sống đó cung cấp cho ông chất liệu độc đáo, dồi dào để ông hoàn tất truyện dài *Down and Out in Paris and London* (1933), diễn tả cuộc sống bi đát của những kẻ sống bên lề xã hội. Một vài nhân vật chẳng khác gì mấy nhân vật trong truyện của Charles Dickens (Anh). Sợ không thành công, ông không dám dùng tên thật mà lấy một tên khác làm bút hiệu: George Orwell. Trái với sự lo ngại của tác giả, tác phẩm được sự ca ngợi của giới phê bình, mặc dầu không tránh khỏi những nhược điểm tất nhiên của một tác phẩm đầu tay. George Orwell, từ đó, được dùng làm tên chính thức cho tất cả các tác phẩm cũng như tiểu luận về sau của ông.

Bốn năm sau, một tác phẩm khác ra đời: *The Road to Wigan's Pier* (1937). Đó là một ký sự, kết quả của hai tháng đi lang thang trong các hầm mỏ, bến tàu, những khu láng giềng tồi tàn, bẩn thỉu vùng Lancashire và Yorshire (Anh). Tác phẩm chấm dứt với lời thú nhận rằng ông tin ở chủ nghĩa xã hội và rằng các phong trào cánh tả là lực lượng duy nhất đủ sức chống lại cơn triều dâng của chủ nghĩa phát-xít đang hoành hành ở Châu Âu. Nhưng đồng thời tác giả không quên cảnh báo về nguy cơ của một xã hội theo chủ nghĩa toàn trị kiểu Stalin ở Liên Xô. "Chúng ta cần có chính sách tuyên truyền thông minh. Bớt đi những là 'ý thức giai cấp,' 'trưng thu tài sản của những kẻ bóc lột,' 'ý thức hệ trưởng giả,' 'tình liên đới vô sản'... và thêm vào đó công lý, tự do và thực cảnh của những người thất nghiệp," Orwell viết.

Năm 1937, Orwell sang Tây Ban Nha, gia nhập tổ chức "Workers' Party of Marxist Unification" (POUM = Đảng Công Nhân Mác-Xít), chiến đấu chống quân đội phát-xít. Một thời gian sau, ông bỏ đảng, dù vẫn đứng trong hàng ngũ công nhân. Về Anh, ông gia nhập một đảng khác, "Independent Labour Party" (Lao Động Độc Lập). Và rồi lại bỏ đảng vài tháng sau đó. Con người Orwell là như thế. Cam kết theo đuổi lý tưởng xã hội chủ nghĩa, nhưng lại không muốn lệ thuộc vào bất cứ một đảng phái chính trị nào. "Một nhà văn chỉ có thể giữ gìn sự ngay thẳng của mình nếu anh ta không chịu ảnh hưởng của bất cứ đảng phái nào," ông phát biểu. Những ngày tháng ở Tây Ban Nha, ông chứng kiến mật vụ Sô Viết đàn áp tàn bạo phong trào vô chính phủ, đồng thời dưới áp lực của Liên Xô, chính phủ Tây Ban Nha đàn áp phong trào của ông. Kết quả là sự ra đời của *Homage to Catalonia* (1938), phản ảnh bộ mặt của cuộc nội chiến Tây Ban Nha với tất cả những bi thương khủng khiếp của nó và là một bản tố cáo chính sách khao khát quyền thống trị

của Stalin đối với các phong trào cánh tả trên toàn thế giới. Khác với hai tác phẩm trước đó, *Homage to Catalonia* không gây mấy tiếng vang, vì lúc đó, dư luận chung cho rằng tố cáo Stalin sẽ làm yếu đi phong trào chống phát-xít ở Châu Âu.

Thời đệ Nhị Thế Chiến, do yếu phổi và bị thương trong cuộc chiến Tây Ban Nha, ông được miễn nhập ngũ. Ông làm việc cho đài BBC, rồi sau làm chủ bút tờ báo cánh tả Tribune cho đến cuối chiến tranh. Lúc này, tài năng viết lách của ông đã đến độ chín toàn diện và tên tuổi của ông cũng đã nổi tiếng khắp châu Âu. Năm 1943, ông bắt đầu viết *Animal Farm*, một tác phẩm mà nội dung đã được thai nghén từ năm 1937, như ông cho biết. Tác phẩm gặp trắc trở lúc đầu. Có đến bốn nhà xuất bản từ chối in với một trong những lý do khá thuyết phục: tác phẩm có nội dung chống Stalin trong lúc Stalin đang là đồng minh của Anh Quốc và Hoa Kỳ chống Hitler. Mãi cho đến tháng 8/1945, vài ngày sau khi khi Hoa Kỳ ném hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, tác phẩm mới lặng lẽ xuất hiện trên những kệ sách của các tiệm sách Luân Đôn. Lúc này, Đức và Nhật đã hoàn toàn bại trận. Một liên minh với Stalin không còn cần thiết nữa. Đúng thời điểm, cuốn sách mỏng có tựa đề *Animal Farm*, chỉ trong một thời gian ngắn, đã có tiếng vang lớn trong giới chính trị và văn chương Anh thời hậu chiến, trở thành *bestseller* và được giới phê bình xem là một kiệt tác. Nhờ thế, Orwell có tiền và tậu được một trang trại tại Hebrides, nơi ông hoàn thành tác phẩm kế tiếp, *Nineteen Eighty-Four* (sau này đổi cho gọn thành *1984*), xuất bản năm 1949. Khác với *Animal Farm*, *Nineteen Eighty-Four* là một cái nhìn về tương lai. Theo các nhà phê bình, *Nineteen Eighty-Four* chứa đựng dấu vết của nhà viết truyện châm biếm Anh gốc Irish thế kỷ thứ 18 là Jonathan Swift và hai nhà văn đương thời: Aldous Huxley (Anh) và Yevgeni Zamyatin (Nga). Cần ghi nhận: tựa đề *Nineteen Eighty-Four* không chứa đựng bất cứ một tiên tri nào, mà đơn giản chỉ là cách nói ngược của năm 1948. Nhưng ông không sống lâu để hưởng thụ thành quả của mình. Cố gắng để hoàn tất *Nineteen Eighty-Four* trong ngôi nhà lộng gió và thiếu sưởi ấm đã khiến bệnh lao phổi của ông nặng thêm. Một hôm, kiệt sức, ông được đưa gấp đến viện điều dưỡng Gloucestershire. Bệnh mỗi ngày mỗi nặng. Tám tháng sau, người ta chuyển ông qua bệnh viện Luân Đôn. Ông chết tại đó vào tháng 1/1950 sau một cơn xuất huyết.

Orwell là một người khá bất thường. Giọng nói thì the thé khó nghe, ăn mặc lúc nào cũng xoàng xĩnh, y như một tay nghèo túng kinh niên, nghiện thuốc nhưng chuyên môn hút thuốc tự mình vấn lấy. Người đầy cá tính, không mấy tin cậy người lạ mặt, và do đó, ít bạn bè. Có lẽ vì thế mà các nhân vật hư cấu của ông thường khô khan, cứng nhắc, thiếu tính thuyết phục. Các nhân vật nữ được phác họa sơ sài, thiếu nét hấp dẫn và thiện cảm khiến người ta ngờ rằng ông có tâm lý ghét phụ nữ (misogyny). Phải chăng vì ông là người ưa săn đuổi phụ nữ, nhưng không mấy thành công? Một đặc điểm khác: ông không thích ai đọc trước bài viết của mình và góp ý. "Tôi không cần ai (góp ý) cả. Bài viết luôn luôn toàn hảo. Kể cả những dấu chấm phết," ông khẳng định5. Lại mặc cảm tự ti. "Ngay từ lúc mới đầu, tham vọng văn chương của tôi thường lẫn lộn với cảm giác bị cô lập và bị coi thường," ông thú nhận về sau này. Ông xem cuộc đời riêng của ông là một phấn đấu không ngừng nghỉ để thoát ra khỏi cảm giác bị coi thường đó và nhiệt tình với chuyện viết lách. Trong một bài viết năm 1947, ông nhận xét: "Tất cả mọi nhà văn đều hão huyền, ích kỷ và lười biếng và ngay trong tận cùng động cơ viết lách của họ, vẫn tồn tại một điều bí ẩn. Viết một tác phẩm là một cuộc tranh đấu khủng khiếp, kiệt sức giống như trải qua một cơn bệnh đau đớn kéo dài. Người ta sẽ không bao giờ làm được một công việc như thế nếu không bị lôi kéo bởi loại quỷ quái nào đó mà người ta không cưỡng chống được mà cũng chẳng hiểu rõ."6

Tên tuổi của Orwell gắn liền với hai cuốn tiểu thuyết độc đáo: *Animal Farm* và *Nineteen Eighty-Four*. Một số người cho rằng đó là hai kiệt tác của Orwell.

Animal Farm là một câu chuyện hài hước cay đắng mô tả cuộc nổi loạn của một nhóm súc vật chống lại ông chủ Người của chúng. Trước hết, đám súc vật đói khổ trong nông trại của ông Jones được con heo "lý thuyết gia" Old Major truyền bá tư tưởng: tất cả mọi đau khổ của kiếp súc vật là do sự thống trị của Con Người, một tạo vật lười biếng và độc đoán, bắt súc vật làm việc tối đa để phục vụ cho quyền lợi của họ. Để chấm dứt đau khổ, loài vật phải lật đổ ách thống trị của Con Người và xây dựng một xã hội, trong đó mọi con vật đều được bình đẳng. "Nên nhớ rằng trong cuộc chiến đấu chống lại Con Người, chúng ta không được bắt chước hắn. Ngay cả khi chiến thắng hắn rồi, đừng chấp nhận những thói xấu của hắn...

Tất cả mọi thói quen của Con Người đều xấu xa."7 Mọi con vật đều thích thú tán đồng. Nhưng trong cuộc họp đầu tiên bàn việc lật đổ Con Người, trong khi Major tuyên bố "mọi con vật đều là đồng chí" thì mấy con chó nhìn thấy bốn con chuột lớn bèn vồ ngay, ăn ngấu nghiến. Major bất bình, yêu cầu đại hội bầu phiếu về sự kiện đó. Đa số đều tán thành rằng chuột cũng là đồng chí. Nhưng có bốn phiếu chống là phiếu của ba con chó và một con mèo: đúng là bản năng thú tính làm việc. Dù chỉ là một thiểu số rất nhỏ, nhưng điều đó chứng tỏ đã có một dấu hiệu bất bình thường trong đám súc vật.

Sau khi Old Major chết, hai con heo Snowball và Napoleon, đứng ra lãnh đạo cuộc cách mạng với sự phụ tá của Squealer, một con heo khác có tài về tuyên truyền thuyết phục quần chúng. Lợi dụng lúc ông chủ say sưa, không quan tâm gì đến các con vật đang bị đói, đám súc vật nổi loạn, đuổi ông Jones đi. Cách mạng thành công, ba con heo thiết lập một hệ thống chính quyền mới dựa trên "Animalism" (thú vật chủ nghĩa) với bảy điều cam kết (the Seven Commandments) như sau:

1. Bất kỳ con vật nào đi bằng hai chân đều là kẻ thù
2. Bất cứ con vật nào đi bốn chân, hoặc có cánh đều là bạn
3. Không con vật nào được mặc áo quần
4. Không con vật nào được ngủ trên giường
5. Không con vật nào được uống rượu
6. Không con vật nào giết con vật nào
7. Mọi con vật sinh ra đều được bình đẳng

Tên nông tại vốn là "Manor Farm" được đổi thành "Animal Farm." Cuộc cách mạng phát triển nhanh chóng tới các trại súc vật khác. Mọi con vật hăng hái, phấn khởi làm việc trong niềm hy vọng ở một cuộc sống mới tự do, no ấm và bình đẳng. Nhưng một thời gian ngắn sau, mọi việc dần dà biến đổi. Sản xuất nghe nói được tăng gia, nhưng sữa bò thường bị biến mất thay vì được chia đồng đều. Trái cây rụng trong vườn nho cũng không được phân phối. Hóa ra, tất cả đều được để dành cho những con heo lãnh đạo. Dần dà, đám heo lãnh đạo dời vào ở nhà của chủ nhà cũ là Jones. Chúng ăn ở trong bếp và ngủ trên giường. Giải thích về những chuyện trái với những điều cam kết, con heo Squealer cho rằng những điều đó không có gì sai trái và ích kỷ cả. Vì nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng, những con heo làm nhiều việc khó khăn hơn, nhọc nhằn hơn các công việc nông trại như là "hồ sơ," "biên bản", "báo cáo"... và do đó cần được bồi dưỡng thêm để có sức khỏe mà phục vụ cách mạng.

Không lâu sau, hai con heo cầm quyền tranh chấp, kết quả là Snowball phải ra đi. Quyền hành thu tóm trong tay Napoleon. Với quyền hành đó, Napoleon bắt đầu dùng chính sách đàn áp và bỏ đói để cai trị. Hắn ta bắt đầu sống trong xa hoa,

TRẦN MỘNG TÚ

Mùa Xuân

Mùa xuân đã về
theo nắng buổi chiều
ta vuốt mặt trời trong mắt người yêu
mặt trời trong veo
như những hạt lệ
ta cán thời gian trên
mỗi bánh xe

Con đường ta về băng qua nghĩa trang
mùa xuân hôn lên từng
vuông mộ chí
tên ai trên đó như tự cổ sơ
tuổi ai trên đó ngàn năm không già

Con chim bay qua
ngậm cành hoa lạ
mùa xuân lăn xuống con dốc
hồn ta

Mùa xuân đã về
theo nắng buổi chiều
ta vuốt mặt trời trong mắt người yêu
một vốc lòng tay đầm đìa
hạt nắng
ta vẫy mùa xuân
trên nỗi quạnh hiu

sa đọa một cách công khai. Bảy điều cam kết từ lúc bắt đầu cách mạng lần lượt được sửa đổi cho phù hợp với ý muốn của Napoleon. Khi Napoleon giết người thì điều thứ 6 được đổi thành "Không con vật nào được giết con vật nào nếu không có lý do." Khi Napoleon uống rượu thì điều thứ 5 được đổi thành "Không con vật nào được uống rượu quá độ." Tóm lại, bất cứ điều gì cũng có thể được giải thích một cách hợp lý, cho dù chúng mâu thuẫn nhau hay chúng không phù hợp với sự thật.

Nhiều năm về sau, hầu hết mọi con vật thời cách mạng đều đã lần lượt chết, chỉ trừ một vài con như con ngựa cái Clover, con lừa đực Benjamin, con quạ Moses và một số con heo. Trại Súc Vật giờ thì đông đúc, nhưng hầu hết đều là thế hệ sau hoặc là từ các nơi khác đến. Không mấy ai nhớ gì về thời gian cách mạng. Trại mỗi ngày mỗi ổn định, nhưng đời sống các con vật vẫn vất vả. Chúng không biết là đời sống bây giờ so với trước cách mạng, cái nào hơn cái nào. Chúng chỉ biết tuân lệnh, không có ý kiến gì. Vì chúng chẳng biết gì hơn để mà có ý kiến. Tất cả những thông tin đều do những con heo cung cấp. Ngoài chuyện cắm cúi làm việc hàng ngày, chúng chỉ còn một điều: niềm hy vọng. "Nếu chúng đói thì không phải vì chúng phải nuôi những con người độc đoán; nếu chúng làm việc nhọc nhằn, ít nhất thì chúng cũng làm việc cho chúng. Không có sinh vật nào trong chúng đi bằng hai chân. Không có sinh vật nào phải gọi con khác là 'Chủ'. Tất cả mọi con vật đều bình đẳng."

Một buổi chiều đẹp trời nọ, khi đám súc vật đang trên đường trở về trại sau một ngày làm việc nhọc nhằn thì bỗng nghe có tiếng ngựa hí bất thường từ ngoài vườn. Tất cả đều dừng lại chờ xem. Và chúng vô cùng sửng sốt chứng kiến một cảnh tượng khác thường, chưa hề nhìn thấy bao giờ: một đoàn thú vật gồm toàn heo và chó – những phần tử lãnh đạo trại - nối đuôi nhau bước đi, và bước đi bằng *hai chân sau*, con nào con nấy tỏ vẻ phấn khởi. Cuối đoàn là con heo lãnh tụ Napoleon, hai chân sau thẳng đứng, hiên ngang bước đi, đầu ngẩng cao hãnh diện nhìn ngang nhìn ngửa với một đoàn chó tùy tùng nhảy nhót reo vui. Đúng lúc đó, bỗng nhiên bầy cừu, nhận hiệu lệnh từ đâu đó, đồng thanh hát to một bài ca mới sáng tác:

"Đi bốn chân là tốt, đi hai chân lại tốt hơn! Đi bốn chân là tốt, đi hai chân lại tốt hơn! Đi bốn chân là tốt, đi hai chân lại tốt hơn!"

Bài hát là một phủ nhận điều cam kết số Một. Hay nói một cách khác, đám lãnh tụ cách mạng bốn chân bây giờ muốn làm Con Người đi hai chân. Bài hát được lập đi lập lại cho đến khi những con heo vào hẳn trong trại. Trong lúc đó, ở bên ngoài *"Benjamin cảm thấy như có lỗ mũi của ai cọ cọ vào vai. Hắn nhìn lui. Hóa ra là Clover. Mắt ả trông mờ đi hơn bao giờ hết. Không nói một lời, ả kéo nhẹ chiếc bờm của hắn và dẫn hắn đi vòng tới cuối nhà kho lớn, nơi mà Bảy Điều Cam Kết được viết lên. Khoảng một hay hai phút, chúng nhìn sửng vào bức tường nền đen với chữ trắng viết lên trên.*

Cuối cùng, ả nói: "Mắt tôi giờ quá tệ. Hồi còn trẻ tôi chẳng hề đọc xem thử họ viết cái gì trên đó. Nhưng giờ tôi thấy bức tường trông có vẻ khác đi. Thế thì Bảy Điều Cam Kết ngày xưa không biết có còn như cũ không vậy, Benjamin?"

Lần đầu tiên, Benjamin bằng lòng phá lệ và hắn đọc cho ả nghe những giòng chữ trên bức tường. Giòng chữ như sau: TẤT CẢ MỌI CON VẬT ĐỀU BÌNH ĐẲNG. NHƯNG MỘT VÀI CON THÌ BÌNH ĐẲNG HƠN NHỮNG CON KHÁC"

Thế nghĩa là Bảy Điều Cam Kết từ ngày cách mạng thành công, bây giờ chỉ còn lại một, là điều thứ bảy, nhưng thêm một câu, khiến cho nó mang một ý nghĩa hoàn toàn khác hẳn: chỉ có những kẻ lãnh đạo mới được bình đẳng.

Thế là, sau một thời gian huy động hết năng lực của đám súc vật chống lại con người và lao động cật lực để xây dựng thành công "Trại Súc Vật," cuối cùng, lãnh tụ Napoleon đàm phán với con người, bỏ lốt heo để trở thành người, đưa tới liên minh Người-Vật. Trại được đổi ngược lại tên cũ là Manor Farm. Trong đoạn kết, *Animal Farm* kể lại một buổi nhậu giữa Napoleon và Người trong quá trình thương thuyết một hợp đồng làm ăn mới. Hai kẻ thù không đội trời chung bây giờ ngồi nhậu nhẹt say sưa và đánh bài với nhau trong khi bên ngoài, đám súc vật khép nép nhìn vào:

"Bên ngoài, những con vật nhìn từ heo đến người và từ người đến heo rồi lại từ heo đến người; rốt cục, bọn chúng không thể nào phân biệt được ai là heo ai là người."

Animal Farm cho thấy tiến hóa của một cuộc cách mạng, khởi đầu từ một nhóm người ưu tú đi đến chỗ một cá nhân thâu tóm mọi quyền hành, độc quyền lãnh đạo, qua đó, ta có thể tìm thấy đầy đủ các khuôn mặt cũng như những biến cố chính đã xảy ra ở Liên Xô: từ Lenin, Stalin, Trosky đến cuộc nổi loạn Kronstadt, chính sách tuyên

truyền chính trị, kiểm duyệt báo chí, nạn thiếu đói, các kế hoạch ngũ niên, việc tập thể hóa cưỡng bức, nạn đói năm 1932 ở Ukraina, đồng minh tiền-Đệ Nhị Thế Chiến Hitler-Stalin, hiệp định Molotov-Ribbentrop, vân vân. Nhưng tại sao Orwell lại dùng hình thức ngụ ngôn? Nói khác đi, tại sao ông lại dùng những con heo để tượng trưng cho Stalin và Trosky? Chuyện khá đơn giản. "Trên đường trở về từ Tây Ban Nha tôi nghĩ đến việc trình bày huyền thoại Sô Viết trong một câu chuyện dễ hiểu đối với mọi người và dễ dịch sang các ngôn ngữ khác. Tuy nhiên những chi tiết trong câu chuyện chỉ đến với tôi khi vào một ngày nọ (lúc đó tôi sống trong một ngôi làng nhỏ), tôi nhìn thấy một chú bé khoảng chừng mười tuổi, lái một chiếc xe ngựa lớn đi vào một lối đi hẹp, vun vút quất roi vào con ngựa mỗi khi nó cố quay sang đường khác. Điều đó khiến tôi suy nghĩ rằng nếu những con vật như thế mà biết được sức mạnh của chúng thì chúng ta không thể nào đè ép chúng được và rằng con người lợi dụng con vật theo các cách chẳng khác gì người giàu lợi dụng giai cấp vô sản. Tôi tiếp tục phân tích lý thuyết của Marx từ quan điểm của những con vật..."(8), Orwell giải thích.

Biến chuyện chính trị lớn lao thành một câu chuyện ngụ ngôn mà trẻ con có thể đọc được (ở Hoa Kỳ *Aminal Farm* được đưa vào chương trình đọc sách mùa hè – Summer Reading - của học sinh lớp 9) khiến cho những chuyện trái khoáy trong chính trị trở thành khôi hài hơn nhưng đồng thời cũng khiến ta có cảm giác cay đắng hơn và chua chát hơn; do đó, gây hiệu quả tâm lý cao hơn. Nhất là khi mà chúng ta đối chiếu chúng với những biến cố có thực bên ngoài xảy ra trong xã hội Cộng Sản. Mặt khác, chúng lại giúp giải thích được bản chất của các hiện tượng đó. Sống trong xã hội Cộng Sản rồi, chúng ta sẽ "ngộ" ra ngay cái cảnh thay đổi những điều cam kết đi kèm theo những giải thích "lấy được" của bộ phận tuyên truyền: thay trắng đổi đen trở thành chuyện bình thường, thậm chí trở thành chân lý. Từ "bốn chân tốt hai chân xấu" đi đến "bốn chân tốt, hai chân tốt hơn" dường như không có gì khác nhau trong một xã hội toàn trị, trong đó ngôn ngữ không còn được dùng để biểu đạt hiện thực mà chỉ để biểu đạt ý muốn của chủ thể. Hiện thực phục vụ cho ngôn ngữ và được đúc cho vừa cái khuôn ngôn ngữ tuyên truyền. Sự thất bại của cách mạng bắt đầu từ chỗ: người bị áp bức muốn trở thành kẻ áp bức mới. Mầm mống của sự phá hủy cách mạng nằm ngay trong chính cuộc cách mạng. Cuộc cách mạng của đám súc vật thất bại không phải vì con người phản công mà chính vì "bản chất người" nằm ngay trong con vật. Chúng muốn biến thành người, nghĩa là thành kẻ áp bức mà chúng muốn lật đổ. Có thể nói *Animal Farm* là lời than khóc cho một cuộc cách mạng bị thất bại, than khóc cho sự phá hủy tự do diễn đạt nghệ thuật và tất cả những hy vọng gắn liền với thời kỳ đầu của cuộc cách mạng. Tóm lại, đó là lời than khóc cay đắng về sự hư hỏng của lý tưởng do quyền lực gây nên.

Khi đề cập đến hợp đồng giữa Napoleon và con người trong đoạn cuối của *Animal Farm*, nhiều nhà phê bình cho rằng Orwell tin tưởng có sự hòa giải giữa các nước tư bản Tây phương và Liên Sô. Sau này, ông thú nhận là ông viết đoạn đó khi đang diễn ra hội nghị Teheran, trong đó Mỹ, Anh và Nga bàn đến chuyện sống chung hòa bình. Nhưng rồi hội nghị Teheran thất bại (9), dẫn đến cuộc chiến tranh lạnh sau này. Phải chăng thất bại của hội nghị Teheran đã góp phần đưa đến sự hình thành *Nineteen Eighty-Four?*

(Còn tiếp)

Chú Thích:

1 The Economist, Anh, 12/6/03

2 Philippe Dagen, *Orwell, au coeur de l'inhumanité*, Le Monde online 3/7/03

3 Glenn Frankel, *A Seer's Blind Spots On George Orwell's 100th, a Look at a Flawed and Fascinating Writer*, Washington Post Foreign Service, 25/6/03

4 Fiachra Gibbons, *Blacklisted writer says illness clouded Orwell's judgement*, The Guardian 24/6/03

5 Theo Glenn Frankel, Washingtonpost

6 All writers are vain, selfish, and lazy, and at the very bottom of their motives there lies a mystery. Writing a book is a horrible, exhausting struggle, like a long bout of some painful illness. One would never undertake such a thing if one were not driven on by some demon whom one can neither resist nor understand (George Orwell, *Why I Write*, http://www.resort.com/~prime8/Orwell/whywrite.html)

7 Vì "Animal Farm" là một tác phẩm khá phổ thông và ngắn gọn, dễ kiếm trong các thư viện, nên xin được miễn phần ghi chú cho các đoạn trích.

8 George Orwell, *The Collected Essays, Journalism & Letters of George Orwell*, dẫn lại theo Bernard Crick, *George Orwell, A Life*, nxb Little, Brown and Company, Boston, 1980, USA , tr. 309

9 Hội nghị giữa ba cường quốc Mỹ, Nga và Anh vào năm 1943 tại Teheran, Iran bàn chuyện hòa bình thế giới sau khi đánh bại Đức Quốc Xã

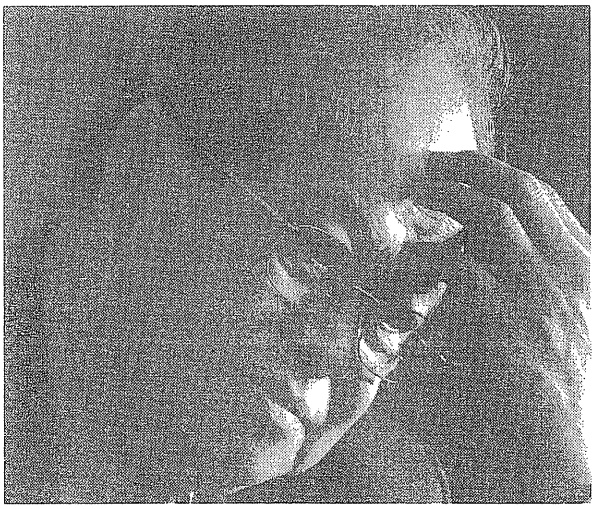

Giao Hưởng Khúc 1975 của Lê Văn Khoa tại Ukraine

LTS: Nhằm kỷ niệm 30 năm xa xứ, nhạc sĩ Lê Văn Khoa đã thực hiện một chuyến đi đến nước Cộng Hòa Ukraine - thuộc Liên Bang Sô Viết cũ, để thu âm một tác phẩm âm nhạc ông sáng tác từ nhiều năm qua mang tên Tổ Tấu Khúc 1975. Ông đến Ukraine khi xứ này vừa trải qua một cuộc tranh chấp chính trị lớn với nhiều cuộc biểu tình của hàng trăm ngàn người, quanh cuộc bầu cử Tổng thống của xứ này.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa đã có một cuộc trò chuyện với Hoàng Trọng Thụy của đài phát thanh VNCR (Vietnam California Radio), về quá trình thu âm tác phẩm Tổ Tấu Khúc 1975 tại Ukraine, mà chúng tôi xin phép được trích đăng dưới đây.

Hoàng Trọng Thụy (HTT): Nhận xét đầu tiên của ông khi mới đặt chân tới Ukraine?

Lê Văn Khoa (LVK) : Khi đến Ukraine thì cuộc bầu cử đã xong rồi, người ta đang chuẩn bị làm lễ nhậm chức cho Tân Tổng Thống Yushchenko. Tôi có tiếp xúc với một số người Ukraine trong đó có các giáo sư đại học, thì tất cả những người tôi gặp được đều ủng hộ cho ông Yushchenko. Bởi vì họ nói quốc gia Ukraine đã bị Nga đô hộ trên 70 năm, rồi 10 năm sau này của chính phủ thân Nga, thành ra những tệ trạng trong xã hội thì quá nhiều trong khi người dân lại quá nghèo, không được gì cả, cho nên họ sẵn sàng ủng hộ tiếng nói đối lập bằng lá phiếu và họ gọi đó là cuộc Cách Mạng Màu Cam, màu cam là màu của quốc gia. Họ rất hãnh diện vì cuộc cách mạng thành công mà không đổ một giọt máu nào cả. Tôi có đi dự một vài sinh hoạt ngay trước ngày nhậm chức, Tổng thống Yushchenko có đi nói chuyện với người Cossack, vì ông cũng nguyên là một lãnh tụ của người Cossack. Tinh thần dân chúng nói chung rất là tin tưởng, lạc quan. Tuy nhiên, họ cũng nói rằng tham nhũng và các tệ trạng khác đã mọc rễ từ bao nhiêu thế hệ rồi, thì khó mà một sớm một chiều xóa đi được.

HTT: Trong chuyến đi Ukraine lần này, ông có dịp đi nghe nhạc của xứ này không?

LVK: Vâng, tôi có đi nghe nhạc và xem Opera. May mắn là bà nhạc trưởng của giàn nhạc Kiev National Opera mời đi dự. Bà đã dành cho tôi một ghế đặc biệt, loại có phòng riêng. Tôi với một người bạn là Phó Nhạc Trưởng của Kiev Symphony Orchestra cùng đi, chúng tôi không biết sự ưu ái này, ngồi tận trên tầng thứ ba. Trong giờ nghỉ giải lao thì bà ta đi tìm vì không thấy chúng tôi đâu, gọi điện thoại thì thấy chúng tôi ngồi tuốt trên tầng thứ ba, bà đã rầy la vì bà đã đặt chỗ ngồi ở dưới này. Khi trình vé thì họ phải đi lấy chìa khóa để mở căn phòng cho chúng tôi vào ngồi, đây là căn phòng đặc biệt.

HTT: Đây là căn phòng dành cho thượng khách và các vị nguyên thủ đến xem Opera?

LVK: Vâng, và tôi xem rất thích.

HTT: Chúng ta ở Việt Nam cũng thường nghe đến tên gọi Kiev, xuất hiện trong văn chương, chính trị, lịch sử, và là thủ đô của Ukraine. Người ta thấy Nga ảnh hưởng khá nhiều đến Kiev về âm nhạc, điều này ông có nhận thấy khi tiếp xúc với các nhạc sĩ ở đây hay không?

LVK: Nói chung, về sinh hoạt âm nhạc của Ukraine thì phải nói chúng ta bái phục họ. Họ có tinh thần âm nhạc rất cao. Trước khi tôi đi thì ông Phó nhạc trưởng giàn nhạc Kiev Symphony Orchestra có nói với chúng tôi rằng, khi sang đến

đó, quan thuế có hỏi cái gì, thì ông cứ nói rằng ông là nhạc sĩ thì họ sẽ rất quí. Tôi đi mang theo hai va li quà tặng, trong lúc làm giấy tờ thì cũng bị nhân viên hải quan xét hỏi với khuôn mặt lầm lầm lì lì, nhưng khi nhìn thấy tên tôi trên giấy thông hành được Kiev Symphony mời qua thì họ đã nhìn tôi và cười rất tươi. Mình thấy họ hãnh diện về nền âm nhạc của họ. Và có nhiều cái đáng cho họ hãnh diện lắm chứ, thí dụ như, một thành phố ba triệu dân tương đương với Sài Gòn của mình lúc trước, mà họ có đến sáu giàn nhạc giao hưởng chuyên nghiệp, sống bằng nghề nhạc. Hôm chúng tôi thu thanh xong vừa ra khỏi phòng, thì một giàn nhạc khác đi vào để thu tiếp. Tôi để ý không thấy một nhạc sĩ nào của giàn nhạc chúng tôi ở lại để đàn cho giàn nhạc kia. Họ có ba Opera House hay Hí Viện, mỗi hí viện trình diễn sáu đêm mỗi tuần. Điều cho thấy họ chú trọng về âm nhạc, là họ có trường dạy nhạc cho những trẻ em có biệt tài về âm nhạc. Những em từ 10 đến 12 tuổi, đã có thể chơi những Concerto của Chopin, của Tchaikovsky. Họ có trường chuyên môn và những em này vào học là nội trú luôn. Điều này cho chúng ta thấy sự chú trọng của họ dành cho âm nhạc rất cao.

HTT: Nhạc sĩ Lê Văn Khoa sang Ukraine là do lời mời của giàn nhạc hay có lý do nào khác ?

LVK: Phải nói cách khác là chúng tôi tìm đến họ để nhờ họ thực hiện việc hòa tấu "Tấu Khúc Việt Nam 1975" của tôi. Tác phẩm này hoàn thành từ năm 1995 nhân kỷ niệm 20 năm ly hương, nhưng ở Mỹ thì không có cách gì thực hiện một CD như vậy được, bởi vì công trình tấu của ban nhạc quá đắt đối với khả năng tài chánh của mình. Thời điểm 1995, Pacific Symphony Orchestra ở Orange County đã tính với tôi 120 ngàn đô la chỉ cho giàn nhạc thôi. Bây giờ, mười năm sau, thời giá chắc chắn cũng khác, thành ra muốn thực hiện một CD cho tác phẩm này để kỷ niệm 30 năm tị nạn mà không thể nào làm được. Tôi có móc nối với giàn nhạc Tiệp Khắc, không thấy họ trả lời. Rồi qua lời giới thiệu của nhạc trưởng Vũ Tôn Bình, tôi liên lạc với Kiev Symphony Orchestra, đợi cả hai tháng cũng không thấy họ trả lời. Sau, tôi phải đổi một địa chỉ khác để liên lạc qua email, thì mới nhận được câu trả lời của họ, chúng tôi mới xúc tiến thu thanh cho tấu khúc này, với các điều kiện tiền bạc thích hợp khả năng của mình. Tôi cảm thấy vui, vì mình thực hiện được đĩa nhạc kỷ niệm năm thứ 30 ly hương.

HTT: Tấu khúc 1975 có bao nhiêu chương?

LVK: Bảy chương. Tôi gọi nó là một Tổ Tấu Khúc, nhưng bên kia họ nói không nên gọi là Tổ Tấu Khúc vì đây không phải là một Suite nữa mà nó có một cấu trúc đồ sộ của một Symphony, nên gọi nó là Symphony hơn là Suite.

HTT: Nhạc sĩ có định đổi tên gọi lại thành Symphony hay không?

LVK: Theo tôi nghĩ thì đổi cũng không có hại gì.

HTT: Thôi thì chúng ta cứ gọi đây là một Symphony hay một Giao Hưởng Khúc.

LVK: Vâng, Giao Hưởng Khúc 1975. Nó có bảy phần :

* Phần thứ Nhất, tôi muốn diễn tả một Việt Nam thanh bình, âm thanh nhẹ nhàng hòa nhã, mặc dù cũng có những sôi động nhưng sôi động một cách vui tươi. (Trích đoạn CD - hành âm 1)

* Hành âm thứ hai tôi gọi là "Procession" (Rước Kiệu), vì tôi nhớ lại những hình ảnh hồi nhỏ, mình thấy những lễ lạc trong làng, khi có những đoàn người đi thỉnh Sắc Thần của vua ban để làm Thần Hoàng của làng. (Trích đoạn CD - hành âm 2)

* Phần thứ 3 tôi gọi là "Festival" (Ngày Hội), bởi vì thỉnh sắc thần về rồi thì phải hội hè đình đám. Trong phần này rất linh động, thính giả có thể nghe nhịp trống múa lân chung với nhạc giao hưởng. (Trích đoạn CD - hành âm 3)

* Qua hành âm thứ Tư, tôi gọi là Trăng Rằm, bởi vì tôi dùng bài dân ca "Hát Hội Trăng Rằm" làm phần chính để diễn tả cảnh trăng sáng rực rỡ, người ta vui chơi. Trong đó có các cặp trai gái dắt nhau ra khỏi đám đông để tình tự, rồi chúng ta nghe những tiếng ơi ới gọi nhau. Phần này có tiếng đàn tranh của Việt Nam đi vào. Cô Phương Oanh, một giáo sư về quốc nhạc Việt Nam, từ Paris bay qua để đóng góp phần trình tấu đàn tranh. Nhạc trưởng nói đây là phần bà thích hơn hết. Bà nhạc trưởng tên là Alah Kunpapa và là nhạc trưởng của National Opera House. Bà từng lưu diễn ở Hoa Kỳ nhiều lần, trong cuộc thi về điều khiển giàn nhạc, bà đã chiếm giải nhất. Bà nói thích hành âm này hơn hết vì có những khai triển không theo những khuôn khổ của một tấu khúc thường, điều này đã tạo nên những cái hết sức hấp dẫn. (Trích đoạn CD - hành âm 4)

* Sau đó là đến phần Trong Đêm Thâu, một người ngồi bó gối ngẫm nghĩ sự đời, tương lai của mình trong đêm tối, thình lình có tiếng pháo kích và phần này khi giàn nhạc chơi thì có nhiều nhạc sĩ nhăn mặt. (Trích đoạn CD – hành âm 5)

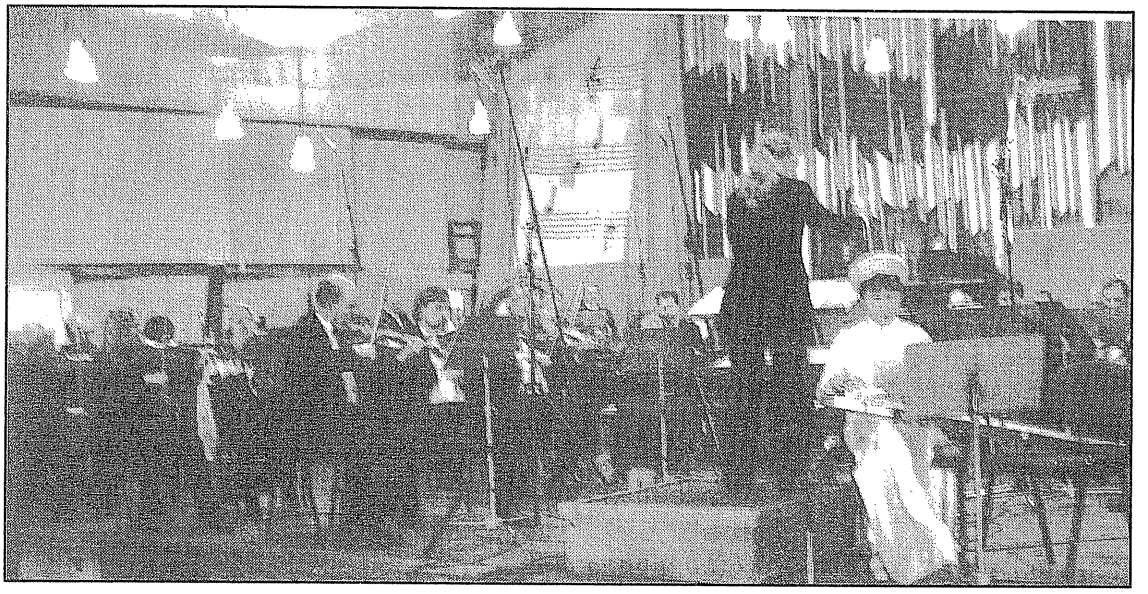

Giàn nhạc giao hưởng Kiev đang trình tấu Giao hưởng khúc 1975 với Phương Oanh đánh đàn tranh.

HTT: Lý do ?

LVK: Ở trong đó tôi có dùng một nhạc đề của Cộng Sản Quốc Tế Ca, vì muốn nói đến cuộc chiến Việt Nam, phải nói đến cuộc chiến có liên hệ đến nhiều phe phái, nhất là miền Bắc và miền Nam, tôi dùng những vế nhạc của Tiếng Quân Ca và Tiếng Gọi Công Dân. Có những nhạc đề khác như Cộng Sản Quốc Tế Ca, Sì Lai của Trung Cộng và cả quốc thiều Mỹ để chứng tỏ có nhiều thành phần trong chiến tranh. Mấy người nhạc sĩ nhăn mặt.

HTT: Tại vì họ chưa hiểu ?

LVK: Vâng, bà nhạc trưởng phải giải thích cho họ biết, lúc bấy giờ họ mới cười, họ nói rằng chúng tôi phải hát nó (bài Quốc Tế Ca) từ hồi nhỏ. Riêng phần này bà nhạc trưởng có chỉnh cho tôi một nốt nhạc ngay đoạn đầu và hỏi tôi có muốn đổi không. Tôi nói cứ đổi đi để phù hợp, chuẩn hơn. Họ nói may quá bây giờ họ không còn phải hát giòng nhạc này nữa. Sau cuộc chiến trong đêm thâu thì ngụ ý sự phản công mãnh liệt của phía Việt Nam Cộng Hòa đã đẩy lui được Cộng sản Việt Nam, nhưng cuối cùng Cộng sản cũng ngự trị trên đất nước mình, tôi đã chuyển qua nét nhạc rất là bi đát.

Rồi nó dẫn đến hành âm kế "Trên Biển Cả." Đây là hành âm rất dữ dội và nhạc trưởng đã hội ý với tôi rất nhiều. Cuối cùng, tôi quyết định cắt gần phân nửa hành âm này. Vì hành âm dài đến 80 trang nhạc, cắt đi ba mươi mấy trang. Bởi vì theo bà nhạc trưởng thì người ta sẽ không chịu nổi, các nhạc sĩ cũng chịu không nổi và chính tôi cũng choáng váng. Vì diễn tả cảnh bão tố, sóng lượn, thuyền nhấp nhô, nghe lâu người ta cũng bị... say sóng luôn. (Trích đoạn CD – hành âm 6)

HTT: Trở về với thời gian lúc viết hành âm này thì có thể nói là lòng uất ức, đau buồn cho thân phận người tỵ nạn vượt biên đã khiến ông phải viết dài như vậy ?

LVK: Vâng, tôi muốn diễn tả cho đầy đủ, bởi vì đây là những gì quan trọng nhất của biến cố 1975, bao nhiêu người ra đi và mất mạng trên đường biển, vì bão tố, vì hải tặc Thái Lan phá hoại cuộc đời. Thành ra có phần diễn tả bão tố, có phần diễn tả giặc Thái Lan, tôi dùng một điệu dân ca của Thái để nói lên phần này.

HTT: Nhưng cắt đi hơn 30 trang của đoạn này, ông còn giữ được ý chính hay không?

LVK: Vẫn còn đầy đủ ý của mình. Có một đoạn tôi gọi là "nhạc đề của những người vượt biển" mạnh mẽ nhưng bi đát, muốn nói lên lòng cương quyết của họ, muốn khắc phục nghịch cảnh để đạt đến tự do. Thú thật đây là hành âm khi thu thanh, tôi không cầm được nước mắt. Sau này khi nghe lại người nhạc trưởng cũng phải nổi da gà. Thành ra mình thấy nó tạo được ảnh hưởng. Có người thông cảm được hoàn cảnh của mình qua âm thanh, thì tôi thấy mình cũng đạt được phần nào kết quả.

Hành âm cuối, tôi gọi là Bài Ca Hy Vọng, như là một bài thánh ca ca ngợi tự do. Bài này do ban hợp xướng Kiev hát chung với giàn nhạc giao hưởng. (Trích đoạn CD – hành âm 7)

HTT: Bằng ngôn ngữ gì ?

LVK: Khi họ hiểu được ý của bài ca, họ yêu cầu dịch sang tiếng Ukraine và có một người

chuyên môn dịch nhạc đã dịch sang tiếng Ukraine. Họ nói đây là tâm tình không phải của riêng người Việt Nam nữa, mà họ cũng có những ước nguyện như vậy.

HTT: Vì họ cũng từng là nạn nhân của chế độ Cộng Sản ?

LVK: Vâng, và họ xin phép được dịch sang tiếng Ukraine để còn dùng về sau này chứ không phải chỉ hát trong Symphony của tôi mà thôi. Đây là những điều mà chúng ta thấy rất đáng mừng.

HTT: Có nhiều yếu tố đóng góp cho thành tựu này, nhưng điểm chính phải nhắc đến là nhờ giàn nhạc có những nhạc sĩ chuyên nghiệp. Nhạc sĩ có thể nói thêm về những nhạc sĩ Ukraine này hay không ?

LVK: Những nhạc sĩ trong giàn nhạc này có những người đã từng chiếm nhiều giải thưởng quốc tế. Thí dụ như Violin, Cello, Kèn, đều có những người chiếm giải thưởng. Nhưng đặc biệt hơn nữa, song song với CD Giao Hưởng Khúc 1975, tôi thực hiện thêm một CD khác để cho đáng với chuyến đi xa. Tôi có những bài viết cho Piano Solo, Violin Solo, thì những người chơi cũng là những người từng chiếm giải quán quân quốc tế. Khi họ trình diễn mình thấy có giá trị ngay lập tức. Điều tôi muốn chia sẻ ở đây là lúc đầu mới gặp tôi, họ dè dặt lắm. Cái nhìn của họ đầy nghi ngờ như có ý nói: ông trình độ tới đâu mà mang nhạc tới đây định làm chuyện này chuyện nọ! Như cô chơi Violin, khi tôi đưa cho cô ấy bài Romance cho Violin, cô nói đơn sơ quá, cô hỏi cô có thể thêm vào trong đó được hay không. Tôi gật đầu đồng ý và nói cô cứ việc thêm cho hay hơn. Nhưng đến khi trình diễn cô ấy đã không thêm một nốt nào hết, kể cả một dấu lặng nhỏ. Tôi hỏi tại sao cô không thay đổi, cô ấy nói không được, thêm vô là phá! Ngoài ra họ cũng xin phép để sử dụng những bài nhạc này trong các chương trình biểu diễn trong tương lai.

HTT: Với bảy hành âm của 1975 như vậy thì mất bao lâu để chuẩn bị và thu âm?

LVK: Họ phải có hai buổi dợt trước khi thu và mỗi lần thu mất ba giờ, và hai lần thu như vậy, mất khoảng sáu giờ trong phòng thu.

HTT: Chưa kể là mỗi một nhạc sĩ phải tập riêng cho họ nữa.

LVK: Vâng, tốn rất nhiều công.

HTT: Nhưng chi phí đỡ hơn nhiều so với ở Hoa Kỳ?

LVK: Ồ! Đỡ hơn rất nhiều, và đó là phần vô cùng quan trọng, bởi vì trong mười năm mình cứ dậm chân tại chỗ, bây giờ thì có lối thoát, mà lối thoát đúng vào năm kỷ niệm 30 năm ly hương. Đối với tôi sự kiện này có một ý nghĩa rất là quan trọng.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa cho biết ông đang cố hoàn tất phần sản suất CD để kịp ra vào đúng dịp kỷ niệm 30 tháng 4 năm 2005. Ngày ra mắt theo dự trù sẽ là 23 tháng 4, 2005 tại phòng hội Lê Đình Điểu của nhật báo Người Việt. Quí độc giả có thể liên lạc thẳng với nhạc sĩ Lê Văn Khoa để mua CD "Giao Hưởng Khúc 1975" qua số điện thoại 714-307-8824. Khi có CD trong tay, quí vị có thể nghe, để đối chiếu với phần trình bày của ông trong cuộc phỏng vấn này và để ý đến cách trình diễn của giàn nhạc Kiev Symphony Orchestra.

TRẦN VẤN LỆ

CÕI ĐỜI CHIÊM BAO

Mặt trời làm sáng mặt trăng
Mặt trăng đâu có biết rằng có duyên!
Nhiều khi trăng thật dịu hiền
Đứng soi bóng nước mà quên mặt trời...

Từ khi tôi thấy em cười
Ngó lên không thấy mặt trời ở đâu
Té ra tôi ở địa cầu
Còn em thì đứng trên lầu cõi Tiên...

Nhủ lòng mình hãy cố quên
Lạ ghê nhật nguyệt cứ liền âm dương
Ước gì trăng cũng biết thương
Để trời với đất có đường tôi đi!

Kể từ tôi biết mình si
Nhắm hoài con mắt bay về chiêm bao
Tay quên nắm một con sào
Cho nên tôi đã lạc vào hư vô...

"ÔNG KHAI TRÍ" VÀ GIẤC MỘNG SÁCH VỞ

PHẠM XUÂN ĐÀI

Tháng Tám năm 2004, chúng ta đã đưa tiễn ông Thanh Tuệ giám đốc nhà xuất bản An Tiêm về bên kia thế giới, nay lại vừa hay tin ông Nguyễn Hùng Trương, giám đốc nhà sách, nhà xuất bản Khai Trí qua đời ngày 11 tháng Ba 2005 tại Sài Gòn, thọ 80 tuổi. Đối với một lớp người ở miền Nam trước 1975, những cái tên An Tiêm hay Khai Trí có một ý nghĩa đặc biệt, nó gợi một cảm giác trong sáng của trí tuệ, cái vui sướng của sinh hoạt tinh thần, văn hóa. Riêng Khai Trí đối với thành phố Sài Gòn qua bao nhiêu năm như là một pháo đài của chữ nghĩa, suốt một thời hai mươi năm Việt Nam Cộng Hòa nhà sách kiêm nhà xuất bản ấy đã phát hành, phổ biến, bày bán không biết cơ man nào là ấn phẩm, đã "khai tâm mở trí" cho biết bao nhiêu tâm hồn và trí óc Việt Nam.

Ra đời từ năm 1952 tại số 62 đường Lê Lợi Sài Gòn (lúc đó hình như còn tên Bonard) cho đến tháng Tư năm 1975, không biết Khai Trí đã đón tiếp bao nhiêu lớp người bước vào cửa hàng sách to lớn của mình. Nhưng cần phải ghi nhớ rằng từ lâu trước khi hiệu Khai Trí chính thức mở cửa, chủ nhân của nó, vốn người Thủ Đức, đã làm công việc buôn bán văn hóa phẩm tại một quầy sách trên lề đường Lê Lợi. Và trớ trêu thay, tháng Năm 1975, trước khi bị bắt, chính ông chủ ấy lại trải một tấm ny lông lớn trên lề đường ngay trước hiệu sách của ông để bán nốt những số báo Thiếu Nhi và một ít sách khác còn lại do nhà Khai Trí xuất bản. Có vẻ như là ông khởi nghiệp và kết thúc sự nghiệp ở ngoài lề đường, còn hiệu sách Khai Trí do ông tạo lập ra và hoạt động suốt hai mươi mấy năm sung sức nhất của đời ông thì thuộc về lịch sử chứ không thuộc về ông nữa.

Một người bạn cũ thời học trung học của chủ nhân nhà Khai Trí, ông Phụng Nghi, đã có những dòng viết về người bạn của mình như sau:

"Anh Nguyễn Hùng Trương, tự Khai Trí, quê ở Thủ Đức, Gia Định. Lúc đang ở những lớp tiểu học, anh thường nhịn ăn sáng, để dành tiền mua sách – các loại truyện cổ tích như Tấm Cám, Phạm Công-Cúc Hoa, Lưu Bình-Dương Lễ nên đến trung học, anh đã có một tủ sách, không chỉ dồi dào về số lượng mà còn phong phú về chủng loại, cho nên bà con, bạn bè đến chơi, ai cũng trầm trồ và hỏi mượn. Xuất thân từ trường trung học Trương Vĩnh Ký, lúc ra đời làm ăn, anh vẫn còn mê sách. Thị trường sách trong nước không đủ đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của anh, nên anh viết thư qua Pháp xin các thư mục (catalogue) để đặt mua thêm. Theo thể lệ của các hiệu sách bên Pháp, nếu mua trên 10 cuốn, khách hàng được hưởng 30% hoa hồng. Anh thanh niên mới nảy ra ý nghĩ: mình cố gắng vận động được bảy người cùng mua sách với mình – sách hay, giá rẻ, ở Sài Gòn không có – thì mình chẳng những đọc sách khỏi tốn tiền mà còn dư được sách đem đi bán kiếm lời. Thời kỳ đó, việc nhập khẩu sách rất dễ: viết thư qua Pháp đặt mua, nhận hóa đơn, trả tiền qua bưu điện Sài Gòn. Lần lần, anh mua với số lượng nhiều, đem bán cho các hiệu sách lớn nhỏ của Sài Gòn thời đó. Mới ra làm ăn, chân ướt chân ráo nhưng kiếm được nhiều tiền, anh rất phấn khởi và càng say mê làm việc." (Phụng Nghi, *Gương Kinh Doanh Của Người Việt*, Thanh Niên, 1990).

Tác giả Phụng Nghi cũng cho biết trước năm 1950, căn phố một tầng lầu số 60 đại lộ Bonard (nay là Lê Lợi) Sài Gòn là địa điểm của nhà in Xưa Nay của ông Nguyễn Háo Vĩnh, sau đó một người Pháp mua lại để làm tờ báo *Le Peuple*, nhưng phải đóng cửa năm 1951. Năm sau, 1952, ông Nguyễn Hùng Trương mua được tòa nhà này và mở một hiệu sách nhỏ lấy tên Khai Trí. Nhà sách ngày càng thành công, phồn thịnh, đến năm 1968, chủ nhân mua thêm mua thêm căn phố bên cạnh và xây nên một nhà sách năm tầng, lớn nhất Sài Gòn.

Từ giữa thập niên 1950 khu trung tâm thành phố Sài Gòn đã có những nhà sách như Vĩnh Bảo, Tự Lực, Việt Bằng cũng nằm trên đường Lê Lợi, nhà sách Lê Phan, đầu đường Trần Hưng Đạo chỗ bến xe buýt ngó qua, và sang trọng hơn là nhà sách Xuân Thu trên đường Tự Do. Tọa lạc tại khu trung tâm, các nhà sách đó đều thuộc loại

tầm cỡ, mỗi nhà có một cách trưng bày và sắc thái sách vở riêng. Riêng nhà Xuân Thu còn nặng tính cách Tây, là hậu thân của một hiệu sách Albert Portail, trước kia dành riêng cho giới ông tây bà đầm của thời thuộc địa, sau được giáo hội Công giáo mua lại đổi tên Xuân Thu, nhìn ra mặt đường Tự Do nhưng bọc kính kín mít, mở cửa bước vào nghe không khí mát lạnh, sách ngoại ngữ nhiều, trưng bày nghệ thuật, giá cả cao, rõ ràng là dành cho giới "quý tộc," đám học sinh lon con ít khi dám bén mảng tới.

Trong khi đó Khai Trí được coi như nhà sách lớn và đông khách lai vãng nhất, chiếm hai đơn vị nhà phố trên một đại lộ quan trọng nhất của trung tâm Sài Gòn. Nhớ lại miền Nam thuở đó sách vở cũng phong phú thật, và sức tiêu thụ cũng thật lớn. Nhà Khai Trí phô bày tất cả tiềm năng sáng tác, biên khảo, in ấn, xuất bản và tiêu thụ sản phẩm tinh thần của thành phố thủ đô. Sách được trưng bày theo vùng, tiểu thuyết, biên khảo, giáo khoa..., rồi đến báo và tạp chí, rồi văn phòng phẩm, tất cả sắp xếp rất trật tự. Thời thập niên 50, 60 ảnh hưởng tiếng Pháp còn nhiều, chương trình Pháp vẫn còn dạy tại một số trường, nên sách báo từ Pháp gửi qua bày bán khá dồi dào, nhớ thường có tờ Paris Match, Ciné Revue, Cinémonde, và sách tiểu thuyết của những tác giả Pháp cổ điển lẫn hiện đại, sách giáo khoa từ tiểu học đến đại học bằng tiếng Pháp...

Từ trái: Văn Nghệ Võ Thắng Tiết, Khai Trí Nguyễn Hùng Trương và Phụng Nghi tại nhà sách Văn Nghệ, Little Saigon năm 2000.

Thời xưa, về buổi chiều, và nhất là các ngày cuối tuần, ở Sài Gòn thường có mục "bát phố." Phố đây là vùng trung tâm, gồm chủ yếu là đường Lê Lợi từ chợ Bến Thành đến Nhà hát lớn, đoạn đường Tự Do từ nhà thờ Đức Bà đến khoảng quán cà phê Hoàng Gia, đoạn đường Nguyễn Huệ từ Tòa đô chánh đến Tổng nha Ngân khố. Dĩ nhiên cũng phải kể thêm các "vùng phụ cận" gồm chợ Bến Thành và một đoạn đường Lê Thánh Tôn, dù người đi tại đây có mục đích mua sắm nhiều hơn là "văn nghệ." Buổi chiều thứ Bảy và ngày Chủ nhật (thời đó cuối tuần công sở nghỉ từ chiều thứ Bảy) khu trung tâm Sài Gòn luôn luôn như một ngày hội. Công chức, tư chức, thanh niên, học sinh, sinh viên, quân nhân... đi đầy phố. Người ta đi "bát phố," hai tiếng đó chỉ có nghĩa là dạo chơi, đi lên đi xuống có khi không mục đích gì rõ rệt, nhưng mà rất vui, càng đông càng vui. Bạn có thể gặp ở đó rất nhiều tà áo dài, những tà áo trắng của nữ sinh, những tà áo màu của lớp người lớn tuổi hơn... tung bay quấn quít trong làn gió mát rợi của buổi chiều Sài Gòn từ sông thổi lên, làm quang cảnh trung tâm Sài Gòn thêm duyên dáng. Hàng quán và tiệm buôn bên đường cũng đầy người, người ta dừng lại nhà hàng Thanh Thế, Thanh Bạch hay Kim Sơn để ăn một cái gì đó hoặc nhậu vài ly, dẫn người yêu vào Pole Nord hay Givral để nhâm nhi vài cốc kem thật ngon, hay ăn phá lấu và uống nước mía Viễn Đông chỗ chùa Chà, hoặc vào Passage Eden ngắm những thứ hàng hóa đắt tiền mà giới trung lưu ít khi dám hỏi mua.

Nhưng có một nơi rất bình đẳng, rất văn nghệ, rất trí tuệ mà từ em bé đến giới thanh niên, trung niên lẫn lão thành đều thường xuyên ghé lại, như có một sức hút vô hình, đó là hiệu sách Khai Trí. Cửa hàng sách vừa có chiều sâu vừa có bề rộng, bày tầng tầng sách báo từ trong ra ngoài, lúc nào cũng đầy ắp người. "Ông Khai Trí", tức ông Nguyễn Hùng Trương, chủ nhân, hình như lúc nào cũng có mặt trong hiệu sách, đi đi lại lại cùng với những nhân viên mặc đồng phục áo dài xanh, hỏi han, chỉ dẫn người đọc đi tìm những thứ mà họ cần. Hẳn nhiên ông đang làm công việc buôn bán, kinh doanh sách, nhưng rõ ràng ông có cái say mê và lòng ân cần của người đang làm văn hóa, ông sung sướng thấy đám người trẻ tuổi đang hăm hở đi vào con đường tìm tòi học hỏi trong cái kho tàng sách vở mênh mông mà ông đang tạo dựng nên. Suốt thập niên 1950, 60, rồi một nửa của 70, hiệu sách Khai Trí của ông như là một thứ trung tâm văn hóa của đất Sài Gòn, trong

khoảng hai thập niên, không biết bao nhiêu lần, người viết những dòng này, từ một kẻ thiếu niên, rồi thanh niên, rồi người lớn, đã lui tới tìm sách vở trong cái vương quốc ấy của ông. Đến đất Sài Gòn để đi học, lần đầu tiên tôi đã tìm mua ở đó cuốn L'Anglais Vivant Beige (bìa màu nâu đất) thay vì chỉ biết loại Bleu (bìa màu xanh) như đã học thời trung học đệ nhất cấp ở miền Trung; đã thấy ở đó cuốn Légendes des Terres Sereines của Phạm Duy Khiêm in từ bên Pháp; đã đọc cọp và khám phá cuốn Hượng Máu của Nguyễn Văn Xuân; đã nhìn thấy hình bìa của tờ Paris Match vẽ chú chuột Mickey nhỏ một giọt nước mắt và biết được Walt Disney đã qua đời... Hiệu sách Khai Trí trên đường Lê Lợi đã chào đón lớp lớp người, năm này qua năm khác, vào đó để đến với thế giới chữ nghĩa; học sinh đi tìm sách giáo khoa cho niên học mới, người ham thích văn học đến để xem tình hình sách báo có gì mới không, giới nghiên cứu, nhà giáo, học giả đi tìm tài liệu trong bao nhiêu pho sách quý cổ kim, phụ nữ có tủ sách bạn gái, thiếu nhi thì có sách tranh ảnh và truyện nhi đồng, giới sành ngoại ngữ thì đến quầy sách báo nhập từ Pháp, Mỹ... Một thế giới muôn màu muôn vẻ tập trung tại nhà sách lớn lao này, đã khiến cho cái sinh hoạt náo nhiệt của phố phường trung tâm Sài Gòn ngày xưa bừng lên một ánh sáng trong trẻo, thứ ánh sáng của văn hóa, giữa cái náo động của một đô thị hàng đầu về thương mại của cả xứ Đông Dương.

Chủ nhân Khai Trí là một người có hoài bão về văn hóa. Ngoài việc bán sách báo và văn phòng phẩm, ông còn làm xuất bản. Ông rất có lòng với giới cầm bút, thường tiêu những món tiền lớn cho tác quyền những sách mà họ đưa tới cho ông xuất bản, hoặc đôi khi chỉ là mới là những sách "dự tính viết" thôi. Nguyễn Ngu Ý, Nguyễn Hiến Lê, Trần Tuấn Kiệt v.v... một thời đã là những "thân chủ" của ông. Từ năm 1971 đến 1975, ông Nguyễn Hùng Trương chủ trương tờ báo Thiếu Nhi do ông làm chủ nhiệm, nhà văn Nhật Tiến làm chủ bút, mà theo một bài viết của tác giả Làng Đậu trên Talawas gần đây, là "*tờ báo giáo dục lớn nhất và thành công nhất tại miền Nam trước 1975*" và "*Tờ Thiếu Nhi, theo thiển ý, bỏ rất xa những tờ báo sau này được xuất bản dành cho thiếu nhi trong nước (...) vì nó là tinh hoa của nhiều nhà văn, nhà báo, trí thức, nghệ sĩ góp thành và đặc biệt nó lại không chịu bất kỳ một ảnh hưởng chính trị hay một xu hướng văn hóa độc đoán nào.*"

Khai Trí cũng là một nhà xuất bản chuyên in Tự Điển của miền Nam, từ những cuốn thông dụng được dùng nhiều trong học giới và nhà trường như Pháp Việt Từ Điển của Đào Đăng Vỹ, Anh Việt, Việt Anh Từ Điển của Nguyễn Văn Khôn đến những cuốn tuy cần thiết cho học thuật nhưng khó tiêu thụ như Hán Việt Từ Điển của Thiều Chửu, Hán Việt Tân Từ Điển của Nguyễn Quốc Hùng v.v... Chỉ riêng lãnh vực từ điển, công khó của ông đối với nền học vấn của quốc dân cũng đã là lớn lao rồi, chưa nói đến biết bao sách giáo khoa, sách nghiên cứu, sách văn học cùng vô số báo chí đã được ông xuất bản hoặc phát hành, tạo ra một đóng góp khổng lồ cho văn hóa nước nhà trong một giai đoạn lịch sử.

Sau khi cộng sản chiếm miền Nam năm 1975, gia sản của ông đã bị tịch thu toàn bộ, ông phải vào vòng tù tội và còn bị dọa tử hình nữa. Nhưng rồi ông cũng được ra khỏi tù (sau khi toàn bộ tài sản của ông đã được "thanh toán" xong xuôi), và ngay lập tức ông đi lùng kiếm tại những chợ trời sách để mua tất cả ấn phẩm của Khai Trí còn sót lại. Ông đã có một chủ đích, và âm thầm thực hiện trong nhiều năm: chuyển dần dần những sách Khai Trí cũ ấy qua cho gia đình ông đang ở Mỹ. Bằng cách nào? Bằng cách gửi bưu điện từng thùng nhỏ một, dĩ nhiên đó là những loại sách thuần túy văn học, văn hóa, cộng thêm với hối lộ cho hải quan, số sách ông gửi đều trót lọt, và tính đến năm 1991 khi ông qua tới Mỹ theo diện bảo lãnh của gia đình thì số sách gom lại đã được 5000 cuốn. Đến Mỹ, ông bắt đầu thực hiện giấc mộng thứ hai của đời ông, là dựng lại nhà sách, nhà xuất bản Khai Trí (định làm ở Houston, Texas) với bước khởi đầu là tái bản các sách cũ, và rồi sẽ tiếp tục con đường khai phá văn hóa mà ông đã làm ở Sài Gòn thời trước. Nhưng mọi sự đã trễ! Việc tái bản sách cũ của Việt Nam Cộng

Hòa, trong đó dĩ nhiên có cả sách của Khai Trí, đã có người làm rồi, và làm một cách tận tình, từ hơn mười năm trước. Thời điểm đầu thập niên 1990 công việc tái bản coi như đã hoàn tất, nghĩa là không còn gì để tái bản nữa, và nhu cầu của quần chúng Việt Nam tị nạn về sách vở cũ coi như đã bão hòa.

Một điểm khó khăn nữa là vốn và nhân lực làm việc để gầy dựng nhà xuất bản. Ông Võ Thắng Tiết giám đốc nhà xuất bản Văn Nghệ ở Nam California, đã tiếp xúc nhiều với ông Khai Trí thời gian ông mới qua Mỹ, cho biết rằng các con của ông Khai Trí nói thẳng rằng họ có thể góp một ít vốn cho ông theo khả năng của họ, nhưng hoàn toàn không thể giúp được gì ông, vì ai cũng có công việc cả rồi, không thể nào bỏ việc để cùng cha phiêu lưu theo giấc mộng của ông. Hình như ông Khai Trí có gặp ông Nguyễn Tấn Đời để bàn việc góp vốn cho chương trình văn hóa của ông, nhưng không đạt được kết quả. Ông Võ Thắng Tiết cho biết trong số sách vở ông Khai Trí đã chuyển được sang Mỹ có nhiều thứ rất giá trị, như bộ sưu tập đầy đủ của báo Tri Tân và báo Nam Phong, tập san Sử Địa thời VNCH cũng không thiếu một số nào, tất cả sắp xếp rất ngăn nắp và khoa học. Một lần nhà Văn Nghệ trong công việc soạn thảo sách vở của mình cần nội dung của nguyên một số Sử Địa cũ, ông Khai Trí đã không ngần ngại từ Cali bay qua Texas, sao nguyên cuốn đó để tặng ông Văn Nghệ.

Thực tế của nước Mỹ thời gian ông sang tới nơi dần dần cho ông biết rằng ông không thể nào đủ sức gầy dựng một sự nghiệp mới: vốn không đủ, người không có, và ông cũng đã có tuổi rồi. Nhưng tâm hồn ông Khai Trí lúc nào cũng hướng về việc làm một cái gì đó cho văn hóa. Nhà ông ở cách khá xa Little Saigon, thế mà ngày nào ông cũng có mặt tại khu này, đi nhặt nhạnh tất cả các thứ báo mà người ta bỏ ở các chợ, đem về đọc và lựa lọc cắt ra những bài vừa ý bỏ vào một cái thùng. Ngoài ra ông cất giữ tất cả các tạp chí, các đặc san của ngành nghề, hội đoàn mà ông có được. Thời trước nhiều người có nhận xét rằng ông là một người cực kỳ "ham sách," đến thời kỳ sau này nhận xét đó vẫn còn đúng với ông. Thời gian ở Mỹ ông vẫn cố gắng xuất bản vài cuốn sách, như tuyển tập các bài thơ tình của thi sĩ Việt Nam, các danh ngôn của thế giới. Và ông đã tâm sự với ông Văn Nghệ một ước mơ, có thể gọi là một mộng tưởng, rất lạ của ông: làm sách cho nước Lào, phát cho dân Lào để giúp phát triển văn hóa của họ!

Sau năm năm ở Mỹ và biết rõ tình hình là chẳng làm được những gì mình mong ước, đến năm 1996 thì ông Khai Trí về lại Việt Nam để sống luôn tại đây, vẫn với một giấc mộng cũ muốn làm mới lại. Nghe nói nhà nước Việt Nam có chủ trương trả lại nhà cửa đã tịch thu năm 1975, ông về nước với đề nghị: nhà nước trả lại các cơ sở cho ông, và ông sẽ cùng nhà nước thực hiện các nhà sách tân tiến theo lối Mỹ, trong đó có gian uống cà phê xem sách, có gian thiếu nhi để các em thoải mái tìm tòi, thậm chí "chơi" với những văn hóa phẩm của các em v.v... Nhưng những gì ông "nghe nói" không đúng với thực tế. Nhà sách Khai Trí của ông thì đã thành nhà sách Sài Gòn quốc doanh rồi, quốc hữu hóa rồi, các nhà cửa khác của ông thì chia chác cho cán bộ, đã 20 năm qua, họ đã bán đi bán lại bao nhiêu lần, giá cả càng ngày càng cao, không tài nào "gỡ" ra cho được. Cuối cùng ông phải sống với gia đình của người con trai lớn, cho đến ngày qua đời, với giấc mộng lớn không bao giờ thực hiện được nữa. Nghe nói thời gian gần mười năm cuối ở Sài Gòn ông lại mày mò xuất bản một ít cuốn sách, loại vô thưởng vô phạt như kiểu thơ tình yêu... Thôi, nếu coi ông là người quá ghiền sách thì công việc xuất bản nhỏ nhoi đó chỉ là một ít ma túy cho đỡ cơn ghiền, và nếu rộng lượng thì tạm gọi đó là "giấc mộng con đã thành" của ông cũng được.

Theo báo Học Tập của Cộng sản Việt Nam, năm 1975 họ đã tịch thu và tiêu hủy 60 tấn sách của nhà Khai Trí. Họ đã ra sức tiêu diệt những giá trị trí tuệ của miền Nam, cũng là của Việt Nam, để bắt cả một dân tộc phải tuân theo một loại mà họ gọi là "đỉnh cao trí tuệ của loài người" thực chất chỉ là nền văn hóa cộng sản học được của Liên Xô và Trung Cộng. Kết quả của tinh thần nô dịch ấy là gì, chúng ta đã thấy rõ từ lâu. Vì thấy rõ từ lâu, miền Nam chúng ta mới có những người như ông Khai Trí và bao người khác cố gắng xây dựng một nền văn hóa xứng đáng cho dân tộc mình. Đối với ông Nguyễn Hùng Trương, đó là giấc mộng của cả một đời. Ông đã có hơn 20 năm của đời ông để thực hiện giấc mộng của ông. Trên thế giới này không có giấc mộng nào là hoàn tất cả, giấc mộng của ông Khai Trí cũng vậy. Nhưng không sao, những gì ông đã gây dựng nên về học vấn và trí tuệ đã và sẽ lưu lại trên nhiều thế hệ. Lịch sử văn hóa của chúng ta sẽ ghi nhớ những việc ông làm như là những công đức mà một cá nhân đã để ra cả một đời mình để vừa ước mơ vừa thực hiện, mà mục đích không gì khác hơn là góp phần khai thông trí tuệ cho đồng bào của mình.

TRỊNH CÔNG SƠN
VÀ NHỮNG NGÀY VĂN KHOA

TỪ THỨC

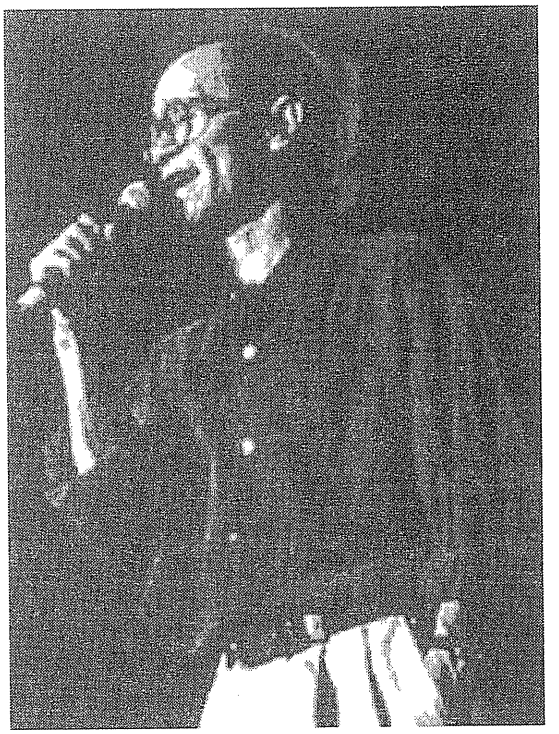

Gởi những người bạn Văn khoa ngày xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ ? (VĐL)

Một ngày đầu tháng Tư năm 2001, tôi lên phi trường Charles de Gaulle đón một người bạn từ Việt nam qua. Trên xe về Paris, anh ta hỏi: cậu có nghe tin về Trịnh Công Sơn?

Tôi gật đầu: tối hôm trước, có người gọi dây nói cho hay TCS vừa từ trần.

Anh bạn nói: đám tang Sơn rất đông. Người ta ở đâu đổ về như kiến, chật cả đường phố. Quen có, lạ có. Không đủ chỗ đặt vòng hoa phúng điếu. Tôi nói với ông bạn: như vậy, cái xứ của ông vẫn còn văn minh, vẫn còn thuốc chữa.

Đó là cái tin lạc quan nhất về Việt Nam mà tôi được nghe từ nhiều năm nay.

Dostoievski nói: cái đẹp sẽ cứu vãn nhân loại. *C'est la beauté qui va sauver le monde.*

Bỏ công ăn việc làm, đến tiễn đưa một thi sĩ - TCS là một thi sĩ- chứng tỏ người ta còn nghĩ đến cái đẹp, người ta còn có tâm hồn.

Tôi nghĩ đến bác sĩ Jivago của Boris Pasternak. Cũng như Sơn, Jivago là một thi sĩ. Cũng như Sơn, Jivago bị cuốn hút trong cơn lốc của lịch sử. Như hàng triệu người Nga, Jivago bị đánh bạt ra khỏi gia đình, quê hương khi cách mạng vô sản Nga ập xuống nước Nga, cuốn trôi tất cả: gia sản, vợ con, bè bạn, tình ái trong một xã hội thay đổi tận gốc rễ.

Chỉ có một điều không bao giờ thay đổi: là một thi sĩ, Jivago tiếp tục làm thơ. Lấy thơ làm nhân chứng, lấy thơ làm cái phao. Lấy thơ làm một nguồn hy vọng để vươn lên. Khi Jivago chết, người ta ở đâu đổ về rất đông, nhiều người không hề quen biết. Pasternak viết: người Nga yêu thơ, yêu thi sĩ. Nghĩa là yêu cái đẹp, nghĩa là chưa hoàn toàn tuyệt vọng. Chỉ hoàn toàn tuyệt vọng khi người ta không còn thiết tha đến điều gì, ngay cả cái đẹp. Đó là nét lạc quan nhất trong một cuốn sách đầy thảm kịch: chiến tranh, chia lìa, đổ vỡ. Một tia sáng loé lên trong bầu trời đen tối.

MƯA VẪN MƯA RƠI...

Khi Charles Trenet chết, hàng chục ngàn người kéo về đưa tang một thi sĩ hiện đại nổi tiếng nhất của Pháp. Đưa tang Trenet, người Pháp, trong vài giờ, quên mình đang sống trong một xã hội vật chất, suốt ngày túi bụi giành giựt. Trong vài giờ, thấy mình vươn lên, thấy đời có ý nghĩa hơn, bởi còn yêu cái đẹp. Charles Trenet: *les poètes ont disparus, mais leurs chansons courrent encore dans les rues*. Những thi sĩ đã qua đời, nhưng tiếng hát của họ vẫn bay nhẩy trên khắp đường phố.

Trịnh Công Sơn đã qua đời, nhưng tiếng hát của anh vẫn bay nhẩy trong các hang cùng, ngõ hẹp.

Không phải chỉ ở Việt Nam, mà trên khắp địa cầu. Người Việt, tan tác như một đàn gà mất mẹ, nương thân trên khắp nẻo đường thế giới, mang theo những kỷ niệm quê hương, mang theo mùi nước mắm, mùi sầu riêng, mùi phở, mang theo tiếng hát TCS, Phạm Duy .

Tôi đã nghe TCS qua tiếng hát nhừa nhựa khói thuốc của Khánh Ly, tiếng hát thánh thót, không có tuổi của Thái Thanh, tiếng hát truyền cảm của Lệ Thu; và rất nhiều tiếng hát vô danh, tiếng hát của những người sống ở ngoại quốc nhưng chỉ nói tiếng Việt, của những người thuộc thế hệ sau này, hát TCS với một thứ tiếng Việt pha giọng Mỹ, giọng Pháp, giọng Đức. Tôi đã nghe tiếng hát TCS vọng ra từ những căn nhà ở New York, Tokyo, Budapest, Athènes hay Palerme... Một buổi chiều tàn, trong một bìa rừng ở Brésil, cách Rio de Janeiro hàng ngàn cây số, một nơi khỉ ho cò gáy, tưởng như không có hơi người, tôi nghe một giọng khàn khàn vọng ra từ một căn nhà gỗ. *Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ. Dài tay em với những thoáng mây bay...* Người hát là một ông già gốcẤn Độ, sống ở Việt Nam từ nhỏ. Vượt biển, thuyền đắm, ông già được tầu Ba Tây vớt, ở lại Ba Tây, làm nghề canh rừng. Suốt ngày, lủi thủi một mình, tháng năm dài đằng đẵng, ông già Ấn mơ đến những cơn mưa trên tầng tháp cổ ở một xứ ông đã nhận làm quê hương.

Một ngày ở ngoại ô La Havanne, trong một tiệm ăn nhỏ trên bờ biển, nơi người ta bán lậu tôm hùm cho du khách (tôm hùm là tài sản quốc gia, chỉ để xuất cảng hay bán trong những tiệm ăn quốc doanh), tôi nghe một giọng hát đàn bà, rất trong, rất ngọt từ trong bếp vọng ra. *Ngày gió lớn, tôi đi môi gọi thầm. Gọi tên em, tên Việt Nam, gặp nhau trong tiếng nói da vàng*. Một người Việt tỵ nạn ở xứ của Fidel Castro? Ngươi hát là một bà Bắc kỳ, từ Hà Nội tới Cuba, trong một chương trình hợp tác gì đó, có lẽ đã mệt sau nhiều năm thề phanh thây uống máu quân thù.

Tác phẩm TCS đã đi sâu vào tâm hồn dân tộc. Nước ta có 80 triệu dân. Trừ trẻ con và những người không biết đọc, biết viết, có khoảng 50 triệu người làm thơ. Sự thực, không cần phải biết đọc, biết viết mới biết làm thơ: tác giả những câu thơ đẹp nhất trong văn chương Việt Nam - ca dao - là những người nông dân không biết đọc biết viết. Trong số 50 triệu người làm thơ, mỗi thế hệ có vài ba thi sĩ. Những thi sĩ đi sâu vào tâm khảm đám đông, gặp gỡ tâm hồn một dân tộc còn hiếm hoi hơn nữa. TCS thuộc cái số hiếm hoi đó.

SAIGON, NHỮNG NGÀY XÁO TRỘN

Tôi quen TCS vào những năm 60, ở trường đại học Văn Khoa Sài Gòn, nằm trên góc đường Gia Long-Nguyễn trung Trực, ngay trung tâm thành phố.

Sơn từ Huế vào, lai vãng thường xuyên vì cái sinh hoạt trẻ ở đó rất náo nhiệt. Trường đang rục rịch di chuyển một phần về cơ sở mới gần sở thú Sài Gòn vì số sinh viên tăng rất nhanh, trường cũ không đủ chỗ. Văn Khoa là trường đông sinh viên nhất ở Việt Nam. Xa rồi, cái trường Văn Khoa đầu tiên ngoài Bắc, do giáo sư Cao Xuân Huy sáng lập năm 1949 ,với số sinh viên vẻn vẹn có bẩy người, gọi là thất hiền (1).

Trường di chuyển,nhiều giảng đường bỏ trống. Gọi là giảng đường cho sang, sự thực đó chỉ là những căn nhà tiền chế. Tất cả những gì gọi là sinh hoạt văn hoá xã hội của giới trẻ Sai gòn kéo về,chiếm đóng những căn nhà tiền chế. Một phần dành cho Chương Trình Phát Triển Sinh Hoạt Thanh Niên Học Đường, một phần cho Hội Hoạ sĩ Trẻ, đoàn văn nghệ Nguồn Sống. Phần còn lại, một số sinh viên chúng tôi tịch thu làm nơi tập trung, hội họp. Hồi đó người ta tự hào thuộc giới trẻ, có lẽ vì thất vọng với những gì 'lớp già' để lại (gia tài của mẹ để lại cho con, gia tài của mẹ, một nước Việt buồn): hoạ sĩ trẻ, nhạc sĩ trẻ, ca sĩ trẻ... quên rằng người ta sớm muộn gì cũng... già. Các 'cụ' trong nhóm Người Việt, Thế Kỷ 21 ngày nay đều là những người trẻ ngày xưa ở sân trường Văn Khoa.

Sống ở đó rất tiện: Văn Khoa nằm ngay trung tâm thành phố, đi vài bước là tới những tiệm cà phê nổi tiếng trên đường Catinat, vài bước tới Khai Trí, tiệm sách lớn nhất Sài Gòn, tha hồ đọc sách cọp. Nhà cửa điện nước đều của chùa, rất tiện, trong khi hầu hết chúng tôi đều nghèo kiết xác, từ những ông hoạ sĩ trẻ, những ông văn nghệ sĩ có tiếng nhưng không có miếng ở đất nước của Tản Đà (văn chương hạ giới rẻ như bèo), những ông ký giả đầu tháng đã hết lương, những ngày cuối tháng khó khăn, nhất là 30 ngày cuối (Coluche), đến đám sinh viên trong đầu đầy những mộng đổi đời, cải tạo xã hội và trong túi không có đủ tiền uống một ly cà phê.

ĐẠI BÁC ĐÊM ĐÊM VỌNG VỀ...

Từ 1963, sinh hoạt giới trẻ Sài Gòn cực kỳ náo nhiệt. Chúng tôi sống ở ngoài đường nhiều hơn ở trong nhà hay trong lớp học. Hết biểu tình, hội thảo chống đàn áp Phật giáo dưới thời ông

Diệm, đến hội thảo, biểu tình chống các chính phủ thi nhau lên xuống. Xuống đường trở thành một sinh hoạt thường nhật. Giữa những cuộc biểu tình, những buổi hội thảo, thỉnh thoảng ghé vào giảng đường học vài chữ cho phải phép. Đó là giai đoạn giới trẻ tham gia tích cực vào đời sống chính trị xứ sở. Với lòng nhiệt thành, và cố nhiên với đôi chút ngây thơ. Ngây thơ tin vào sức mạnh vạn năng của tuổi trẻ, nhất là khi thấy chỉ vài buổi xuống đường cũng đủ lật đổ một chính phủ, một ông tướng, một chính khách; quên rằng trong cái hỗn loạn của đất nước, người Việt chỉ là những quân cờ thí.

Trước tết Mậu Thân, lớp trẻ Sài gòn còn tin tưởng, chưa hoàn toàn mệt mỏi, tuyệt vọng.

Những ngày đầu thập niên 60, chiến tranh chưa thực sự len vào thành phố, mặc dù hàng ngày vẫn đọc trên báo những cuộc đụng độ nẩy lửa ở Pleiku, Cà Mau, Đồng Xoài, Bình Giã; thỉnh thoảng chứng kiến những vụ pháo kích; thỉnh thoảng họp nhau, nhậu vài két la de, lạc rang, củ kiệu, tiễn một người bạn lên đường nhập ngũ. Chiến tranh còn ở xa, đại bác đêm đêm vọng về, người phu quét đường dừng chổi đứng nghe.

Sinh hoạt trẻ Sài Gòn ồn ào, sinh hoạt trẻ Văn Khoa còn náo nhiệt hơn nữa. Bên cạnh những hoạt động chính trị, những cuộc xuống đường, còn rất nhiều những đêm không ngủ, những hội Tết, những đêm văn nghệ Nguyễn Đức Quang, Nguồn Sống, những ngày túi bụi làm báo Xuân, nguyệt san Đối Thoại... Chúng tôi, tuổi 20, kề vai nhau nghe Lệ Thu ngủ đi em,mộng bình thường, ru em sẫn tiếng thuỳ dương đôi bờ; nghe Thái Thanh ca tụng mẹ Việt Nam không son không phấn, mẹ Việt nam chân lấm tay bùn; và thực tình xúc động với cái viễn ảnh Việt Nam quê hương đất nước sáng ngời.

Phong trào hoạt động xã hội cũng phát triển rầm rộ. Ảnh hưởng của phong trào thanh niên chí nguyện quốc tế của Kennedy, những hội đoàn như Thanh Niên Thiện Chí, Thanh Niên Chí Nguyện, Học đường Phục vụ Xã hội, rồi Chương trình Công Tác hè 65, Chương trình Phát triển Sinh hoạt Thanh niên Học đường (CPS) v.v... mọc ra. Tuổi trẻ tích cực tham gia những cuộc cứu lụt ngoài Trung, cải trang những xóm nghèo ở thành phố, leo lên những làng Thượng dạy học, đào giếng, chữa bệnh. Có anh tham dự những ngày cuối tuần, có anh bỏ học, hoạt động hai ba tháng, nhiều khi cả năm.

Điều đó chứng tỏ tuổi trẻ rất tha thiết đến dân tộc, sẵn sàng đóng góp cho đất nước. Nếu họ thờ ơ với đất nước như người ta than phiền, lỗi không phải ở họ: người ta đã không tạo cơ hội cho tuổi trẻ tham gia. Họ bị gạt ra ngoài lề. Đất nước không còn là đất nước của họ.

ĐƯỜNG PHƯỢNG BAY

Trịnh Công Sơn đến với Văn Khoa trong bối cảnh đó. Sơn không phải sinh viên Văn Khoa; anh từ chỗ dạy học trên Bảo Lộc xuống. Những đêm trăng, chúng tôi ngồi trên bãi cỏ trước quán Văn, nghe Sơn đàn, nghe Khánh Ly hát. Khánh Ly sinh ra để hát TCS, cũng như Thái Thanh sinh ra để hát Phạm Duy.

Quán Văn là một ngôi nhà tiền chế, nằm giữa sân trường Văn Khoa. Một nhóm sinh viên sửa sang lại, biến thành một quán cà phê, làm nơi tụ họp, gặp gỡ. Đúng là một cái quán, đơn sơ, nhưng đầy tình bè bạn. Giống như một cái quán ở miền quê, nơi người nông dân ghé qua, uống một bát chè tươi, hút một điếu thuốc lào, tán gẫu với nhau sau những giờ lao động. Ở đó, chúng tôi khám phá ra cái đậm đà của tình bạn, cái thi vị của những buổi hẹn hò. Ở đó đã nở ra những mối tình, đôi khi dang dở, nhưng có nhiều cặp còn keo sơn tới ngày nay.

Người nhỏ bé, gầy gò, ăn nói nhỏ nhẹ, ôn tồn (tôi chưa hề thấy một TCS giận dữ, gây gổ), Sơn trở thành bạn của mọi người mọi người một cách rất tự nhiên. Đôi mắt tinh anh, láu lỉnh, nụ cười hiền lành như một thầy tu, Sơn có cái phong thái của một thi nhân, cái khiêm tốn của một người có thực tài. Đừng tưởng ông thi sĩ nào cũng có phong thái thi nhân. Sartre nói về Heidegger, một triết gia hàng đầu mà chính ông chịu nhiều ảnh hưởng: «Có những người ta chỉ nên biết tác phẩm, không nên biết đến con người, nếu không muốn thất vọng.» Heidegger là một triết gia lỗi lạc, lại cũng là người theo chủ nghĩa nazi.

TCS ở ngoài đời rất giống TCS người ta tưởng tượng khi nghe những bản nhạc tình của anh.

Chúng tôi, mới đầu, ngạc nhiên thấy một gã người Huế, rất thanh nhã, rất ung dung, từ tốn; không phải cái từ tốn của một ông già, mà là cái ung dung quí phái của một con mèo; với nụ cười thường trực trên môi. Sơn học chương trình Pháp, nhưng xử dụng tiếng Việt một cách tài tình. Nhiều chữ rất tầm thường, với Sơn, chợt trở nên truyền cảm; nhiều chữ do Sơn bịa ra, nhiều hình ảnh đến từ một trí tưởng tượng phong phú, nếu không nghe Sơn giải thích, chắn chắn không ai hiểu.

Mặc dù vậy, người ta, người ta cũng vẫn rung động, vẫn thấy cái Sơn nói đến rất thực, rất gần gũi. Đó là cái ma lực của chữ nghĩa, của thơ.

TCS nói về những cái rất riêng tư, những kỷ niệm rất riêng tư, qua một ngôn ngữ rất riêng tư. Và lạ lùng, cái riêng tư ấy của thi sĩ thấm vào lòng người nghe. Người ta xúc động mặc dù không hiểu từng câu, từng chữ. Nhất là trong những bản nhạc tình. Nói về chiến tranh, ngôn ngữ TCS là ngôn ngữ của mọi người; chiến tranh là một tai hoạ chung, một thảm kịch của cả một dân tộc, không phải là thảm kịch của một cá nhân, mặc dù mỗi cá nhân là một thảm kịch.

Trịnh Công Sơn và tác giả - trong lần gặp gỡ cuối tại Sài Gòn năm 1999

Một người bạn tôi nói khi nghe Sơn hát *đường phượng bay mù không lối vào*, anh thấy hình ảnh rất đẹp nhưng không biết tác giả nói gì, cho đến một hôm, ở một tỉnh nhỏ, anh thấy hoa phượng rơi, bị gió cuốn mịt mù, đỏ rực cả con đường trước mắt.

Nếu không quen Sơn, ít ai biết *ngày mai nối bước sơn khê*, nói đến một người bạn gái tên Khê; *ngàn cây thắp nến lên hai hàng, mầu nắng bây giờ trong mắt em* mô tả những tia nắng cuối cùng của một buổi chiều tà đọng trên những ngọn cây, giống như ngàn cây thắp nến. (2)

Ngôn ngữ TCS khác với ngôn ngữ Phạm Duy. Ngôn ngữ PD là ngôn ngữ ca dao. Hình ảnh của PD là hình ảnh của ca dao. Nhiều câu, nhiều hình ảnh trong nhạc PD không hiểu là của PD hay mượn từ ca dao. Đó không phải một lời chỉ trích; đó là một lời ca ngợi. Bởi vì dùng ngôn ngữ của một dân tộc, nói lên tình tự của dân tộc là một điều rất đáng tự hào. Lời ca của PD ai cũng hiểu, hình ảnh của PD ai cũng đã từng thấy, vì trong tiềm thức, chúng ta đã sống với ca dao từ hàng ngàn năm nay. Trong một bài báo ngày xưa ở trong nước (3), tôi viết tiếng hát Thái Thanh không có tuổi, vì đã làm say mê ba thế hệ. Tôi nghĩ thêm: tiếng hát Thái Thanh qua nhạc PD không có tuổi vì chúng ta vẫn nghe từ hàng ngàn năm nay. Tiếng hát ấy gợi ra trong đầu người nghe những cánh đồng lúa xanh, tiếng cười rúc rích của cô thôn nữ, những làn khói lam trên những mái nhà tranh, tiếng chuông chùa ngân nga, tiếng hò hát của người nông dân những ngày được mùa, tiếng nghẹn ngào của bà mẹ mù mắt chờ con đi chinh chiến, tiếng than văn của những đời lầm than, đen tối.

PD sống với ca dao, thở với ca dao, cười khóc bằng ca dao. Ít có người Việt Nam nào việt nam hơn PD. Có lẽ có một người: Nguyễn Bính. Nguyễn Bính là ca dao, ca dao là NB .

HAI NGHỆ SĨ, HAI CUỘC CHIẾN

Trên bãi cỏ trường Văn Khoa, trước quán Văn, TCS và Khánh Ly hát trước hàng ngàn người hay chỉ năm, bẩy anh em. Không phải chỉ hát cho tình yêu. Sơn càng ngày càng bị ám ảnh bởi chiến tranh. Từ hình ảnh lãng mạn của người phu quét đường dừng chổi đứng nghe, chiến tranh trở thành cụ thể hơn, ghê rợn hơn:

Xác người nằm quanh đây
Trong mưa lạnh này
Bên xác người già yếu
Có xác còn thơ ngây

Nhạc tình TCS là những tiếng thở dài, có buồn cũng chỉ buồn thoang thoảng: *Rồi mùa xuân không về, mùa thu cũng ra đi; mùa đông vời vợi,mùa hạ khói mây*, có trách cũng chỉ trách nhẹ nhàng: *người tình bỏ ta đi,như những giòng sông nhỏ*. Một thái độ rất thiền, rất zen:

Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt
rọi xuống trăm năm một cõi đi về

Nói về chiến tranh, TCS kêu gào,phẫn nộ.

Chiến tranh không còn từ xa vọng về như những ngày đầu, nó ở trước mắt: *Xác người nằm trôi sông; phơi trên ruộng đồng; trên nóc nhà thành phố; trên những đường quanh co...*

Cùng với cuộc chiến càng ngày càng dữ dội, tiếng kêu gào của Sơn càng ngày càng thảm thiết. Anh nói đến những em bé loã lồ, suốt đời lang thang, đến những xác người nằm bơ vơ, dưới mái hiên chùa, đến những trái mìn nổ chậm, người chết hai lần. TCS của chiến tranh trở thành một người dở điên, dở dại, thất thểu, chiều đi trên đồi cao, hát trên những xác người. Hình ảnh bi thảm,ma quái; ma quái, bi thảm như chiến tranh Việt nam: một thi sĩ thất thểu trên bãi dâu, hát bên những xác người.

Ngôn ngữ TCS về chiến tranh khác với ngôn ngữ TCS về tình yêu. Chiến tranh trong nhạc TCS cũng khác chiến tranh trong nhạc Phạm Duy.

PD có «cái may» sống trong một cuộc chiến tranh chống Pháp, có địch, có thù, chiến tuyến phân minh.

PD, 24 tuổi lên đường tham gia kháng chiến, như hàng ngàn hàng vạn thanh niên khác. Chiến tranh trong nhạc của PD nó hào hùng, nó bừng bừng khí thế, không có cái cấu xé, cái dằn vặt. Cái chọn lựa của PD nó hiển nhiên. Nhạc PD không có cái lưỡng lự, nó là một tiếng quân ca, tiếng gọi lên đường. Bên cạnh cái hào hùng là cái lãng mạn của một trí thức tiểu tư sản ở tuổi 20, của một nghệ sĩ giầu tình cảm. Đó là cuộc chiến của những cô nàng gánh lúa cho anh đi diệt thù, của những chiến sĩ dừng chân trên chiếc cầu biên giới tưởng tới người yêu ở quê xa.

Điều đó không có nghĩa là trong nhạc PD không có cái bi thảm của chiến tranh. Nghệ sĩ nào nhắm mắt trước thảm kịch của chiến tranh? Nhạc PD có bà mẹ Do Linh lên đường đi kiếm xác con bị giặc chặt đầu, có bà mẹ đón người con thương binh trở về, *tiếc rằng ta đôi mắt đã loà vì quá đợi chờ*, và rõ nhất, có «nợ máu xương.» PD nói ông làm tới ba bài người thương binh vì ông sống qua ba cuộc chiến.Tác giả Con Đường Cái Quan nói ông khác xa những nghệ sĩ khác thời tiền chiến vì họ chỉ làm nhạc hùng, trong khi ông nói cả đến cái bi thảm của chiến tranh. Nhưng cái tàn phá của chiến tranh, cái thảm hoạ đổ lên đầu dân tộc càng khiến PD thấy cuộc chiến tranh của mình có ý nghĩa hơn. PD thuộc những người, như Malraux nói, không thích chiến tranh, nhưng tham chiến một cách dứt khoát vì là chuyện phải làm.

Cuộc chiến của TCS khác, cái nhìn của TCS khác. Đối với Sơn, đó chỉ là một cuộc nội chiến tương tàn. Nạn nhân là nước Việt, người Việt:

Hàng vạn tấn bom trút xuống ruộng đồng
Cửa nhà Việt nam cháy đỏ cuối thôn
Lật xác người chết,chỉ thấy đồng bào,cha mẹ ,anh em :
Bên xác người già yếu
Có xác còn thơ ngây
Xác nào là em tôi
Dưới hầm hố này
Trong những vùng lửa cháy
Bên những vồng ngô khoai

Những câu hát làm người ta nghĩ đến chiến tranh của Quang Dũng:

Mẹ già tôi em có gặp đâu không
những xác già nua ngập cánh đồng
tôi cũng có đàn em nhỏ dại
bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông

Ngay cả ở cùng một thời điểm, cái nhìn về chiến cuộc của hai nhạc sĩ cũng khác nhau. Với TCS, đó là một cuộc nội chiến mà người Việt Nam là nạn nhân. Với PD, đó là cuộc chiến Quốc Cộng nối dài.

Ca ngợi cái chết của một phi công -Phạm Phú Quốc- PD gọi tên anh, anh là Quốc.Gọi tên anh, anh là nước. Đặt tình yêu nước vào nôi.

Viết cho một phi công khác tử trận, TCS không nói đến chiến công, không ca ngợi anh hùng, chỉ nói đến một kiếp người: anh đã đến, đã bay cao trong vòm trời này, đã vui chơi trong cuộc đời này.

Trong bài «Em hỏi anh bao giờ trở lại» PD viết anh trở về bại tướng cụt chân. Nếu Sơn là tác giả, tôi nghĩ chắc Sơn viết anh trở về vì đã cụt chân. Đối với Sơn, không có chiến có bại; chỉ có người Việt Nam bị cuốn hút vào một cuộc chiến tương tàn. Nếu chưa bị cụt chân thì còn đánh nhau. Đó là một cái nhìn cực kỳ bi đát về cuộc chiến.

Trong cuộc chiến ấy, TCS không có chỗ đứng.

Người Cộng sản không chấp nhận anh là chuyện đương nhiên. Với người CS không có chuyện lưng chừng, lưỡng lự, phân vân. Những người không hoàn toàn theo họ là những kẻ thù.

Những người chống Cộng lên án Sơn đã trở cờ. Nhưng đọc kỹ những lời ca anh viết sau 75, không thấy một lời chứng tỏ anh về hùa, tâng bốc nhà cầm quyền. Nó vẫn chỉ là những lời ca ngợi tình yêu; kêu gọi tình anh em, nghĩa đồng bào. Không hề thấy anh hô hào thù hận, như Xuân Diệu chẳng hạn, khi «nhà thơ của tình yêu» kêu

gọi đấu tố năm nào:

Lôi cổ bọn chúng ra đây

bắt quỳ gục xuống, dập đầu chết thôi

bắt chúng đứng, cấm cho ngồi...

Còn nhạc gọi là phản chiến trước 75? TCS chỉ làm công việc của một nghệ sĩ: diễn tả cái thảm kịch của chiến tranh, cái đoạ đầy của một dân tộc. Ai không chia sẻ giấc mộng của Sơn: *khi đất nước tôi không còn giết nhau, trẻ em đi hát đồng dao ngoài đường.*

Một câu hỏi đáng được đặt ra: TCS có ảnh hưởng xa gần đến việc miền Nam thua trận? Rất có thể. Một người lính xúc động vì *hàng vạn tấn bom trút xuống ruộng đồng; từng vùng thịt xương có mẹ có em* chắc chắn không chiến đấu hăng say bằng những người cuồng tín. Nhưng nếu cuộc chiến đấu của miền Nam có ý nghĩa, cái ý nghĩa ấy chính ở chỗ nó cho phép mọi người, trong đó có nghệ sĩ, được tự do diễn đạt tư tưởng của mình. Đó là cái yếu của một chế độ dân chủ, ngay cả dân chủ tương đối. Năm người mười ý, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược. Đó cũng là lẽ sống của một nền dân chủ. Cái giá phải trả; bởi vì không có chọn lựa nào khác. Nói theo kiểu Winston Churchill: dân chủ là chế độ dở nhất, nếu không kể các chế độ khác.

CHỮ NGHĨA ÍCH GÌ

Từ những năm 1964, 65 chiến tranh càng ngày càng dữ dội. Xã hội càng ngày càng xáo trộn, tình hình chính trị càng ngày càng nát bét. Ngay cả trong bối cảnh đó, trường Văn Khoa vẫn sinh hoạt mạnh. Số sinh viên càng ngày càng đông. Ban giảng huấn đã rất tận tuỵ góp phần vào việc phát triển Văn Khoa Sài Gòn. Cố nhiên, đó chưa phải là một trường đại học tân tiến, kiểu mẫu. Phương pháp giáo huấn còn cổ hủ, từ chương khoa cử, chưa thực sự có đối thoại, trao đổi giữa thầy và trò. Nhưng sau này, ở đại học Sorbonne, Paris, tôi cũng vẫn thấy cái cảnh ông thầy ngồi trên giảng đường, thao thao bất tuyệt, đám sinh viên ngồi dưới hí hoáy biên chép.

Nền giáo dục Việt Nam thời đó hoàn toàn miễn phí, từ mẫu giáo đến đại học. Trong một nước chiến tranh, thực hiện một nền giáo dục hoàn toàn miễn phí là một cố gắng đáng kể. Người ta có thể chê trách chế độ rất nhiều điểm, nhưng đó là một điểm son phải ghi nhận. Điểm son đó là nhờ ý thức của những người có trách nhiệm, hay nhờ truyền thống tôn trọng học vấn của một xã hội Khổng giáo?

Điều chắc chắn: nếu không có nền giáo dục hoàn toàn miễn phí, hầu hết chúng tôi đã bỏ học từ lâu.

LÝ THỪA NGHIỆP

Tàn Cơn Địa Chấn

Bến bờ nào với gió mưa
Tàn cơn địa chấn biển đưa người về
Nước trôi lệ ứa tư bề
Câu Kinh xá tội, ê chề thiên tai
Hồn về chín suối chân mây
Có mang theo cả đắng cay lạnh lùng.

Và tôi lệ bỗng lưng tròng
Bỗng nghe đổ nát cả dòng tử sinh
Hoàng hôn đầy một bình minh
Bao nhiêu thi thể tâm linh kinh hoàng
Hoang tàn im cả oán than
Kinh cầu nguyện bỗng trầm vang núi rừng.

Biển Lạ lùng

Bỗng dưng thấy biển lạ lùng
Thấy sông náo động, thấy lòng buồn tênh
Về tôi khêu lại ngọn đèn
Nghe Kinh Bát- nhã, nghe rền tiếng chuông
Nghe tâm bỗng vắng lạ thường
Nghe rung động cả cội nguồn gió mưa.

Một câu hỏi luẩn quẩn trong đầu tôi từ nhiều năm: một trường Văn Khoa

đóng vai trò gì trong một nước chiến tranh? *Chữ nghĩa ích gì cho buổi ấy?*

(Nguyễn Khuyến). Bên cạnh bom nổ, thịt rơi, cái sống cái chết gần kề, có phi lý không khi ngồi đó mổ xẻ Tứ thư ngũ kinh, phân tích tư tưởng Socrate, tìm hiểu nguồn gốc chữ nôm. Bên cạnh cái nghèo đói của một xã hội lạc hậu, có vô nghĩa không khi ngồi đó tụng niệm kinh điển bách gia, rung động với Lord Byron hay Beaudelaire? Sartre nói bên cạnh một đứa trẻ chết đói, cuốn La Nausée không có một giá trị gì.

Câu hỏi ấy lởn vởn trong đầu rất nhiều năm, và tôi đã thực sự nhiều lúc hoài nghi, không tìm được câu trả lời.

Câu trả lời, mãi sau này tôi mới tìm ra. Nhờ một cô bạn người Pháp. Người trả lời cho cái thắc mắc của tôi tên là Céline. Một buổi chiều thứ bẩy, tôi lên phi trường đón Céline từ Sarajevo về. Céline là một thiếu nữ thông minh, có bằng cấp, có chỗ làm tốt trong một đại công ty, sống nhàn hạ trong cái xã hội hưởng thụ là cái xã hội Pháp. Weekend bay qua Madrid hay Marakech. Mùa đông trượt tuyết trên núi, mùa hè nghỉ mát ở Bali hay Bora Bora. Tóm lại, cô nàng có đủ thứ để hạnh phúc. Nhưng thay vì hạnh phúc, Céline lúc nào cũng tất tả ngược xuôi, mệt mỏi cả thể xác lẫn tinh thần; nhất là tinh thần. Rồi thuốc ngủ, thuốc an thần, hết Lexomil đến Prozac.

Một buổi, Céline dẹp hết, bỏ việc, bán nhà, bán xe. Và biệt tăm. Adieu Céline. Cho đến cái hôm ở phi trường, tôi gặp lại Céline, nhưng một Céline khác, má rất hồng và miệng rất tươi. Céline nói sau khi vứt bỏ mọi chuyện, cô nàng gia nhập một ban hợp tấu, lưu diễn khắp nơi. Céline là một tay violon thiện nghệ, từ nhỏ vẫn mơ thành nhạc sĩ. Céline lãnh một số lương tượng trưng, đủ cà-phê, thuốc lá, vì ban nhạc thường đi trình diễn ở những nước nghèo. Họ vừa ở Sarajevo về. Trình diễn hoà tấu ở Sarajevo, nơi người ta giết nhau như ngoé, nơi người ta thí mạng để cướp một ổ bánh mì, một cái mền? Ở đó, người ta chờ bột mì, thịt cá, đường muối, bột giặt, aspirine, ai chờ Beethoven với Mozazt? Ban đầu, Céline cũng nghĩ như vậy. Nhưng đêm trình diễn nào cũng đông nghẹt.

Trong một ngôi nhà thờ đổ nát, một trường học còn đang cháy dở, mưa dột vì mái nhà bị pháo kích loang lổ, người ta chen lấn nhau tới nghe nhạc. Ban ngày, người ta chạy bom, dành dựt nhau miếng ăn, một mớ củi để sưởi. Đêm xuống, người ta kéo nhau đi nghe nhạc. Đàn bà lục hành lý, lôi ra những nữ trang, những bộ quần áo đẹp. Có ông thắt cà vạt chỉnh tề. Có bà vừa nghe nhạc vừa lặng lẽ khóc. Céline vừa chơi nhạc vừa cầm nước mắt. Cô nàng vừa tìm thấy hạnh phúc. Chưa bao giờ cô nàng thấy yêu đời như vậy, yêu mình như vậy. Lần đầu tiên, Céline thấy mình có ích. Cô ta tìm thấy hạnh phúc của mình trong cái hạnh phúc của người khác.

Céline nói có thấy tận mắt cái cảnh người ta lấy tờ báo che mưa nghe nhạc trong một ngôi nhà đổ nát, mới thấm thía cái câu quen thuộc của người Pháp: *On ne vit pas que du pain*. Người ta không phải chỉ sống bằng bánh mì. Ngay cả trong những lúc khốn cùng, cái đẹp, cái thẩm mỹ không phải là một xa xỉ, vô ích. Cái đẹp sẽ cứu nhân loại, không phải Marx hay Lénine, không phải Ben Laden hay Bush.

Ismail Kadaré nói ngay cả trong những lúc cực kỳ khó khăn vẫn phải có thái độ nghiêm trọng đối với văn hoá. Kadaré sinh ra, lớn lên và viết văn trong một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, ở một nước Cộng sản độc tài bực nhất thế giới: Albanie. Kadaré viết văn trong một xứ kiểm duyệt khắt khe, một nước vỏn vẹn ba triệu dân, nghèo đói, người mù chữ đông hơn người biết đọc, biết viết. Và viết bằng tiếng Albanie. Mặc dầu vậy, ông viết văn với một thái độ cẩn trọng. Ngày nay, Kadaré được coi là một trong những nhà văn quan trọng nhất thế giới.

Nghệ thuật, cái đẹp có công dụng gì? Chẳng có công dụng gì. Nhưng đời sống không có cái đẹp sẽ buồn tẻ biết bao nhiêu. Bức tượng của Michel Ange, bức tranh của Van Gogh không có công dụng gì, nhưng hãy tưởng tượng một thế giới không có Michel Ange, Van Gogh. Hãy tưởng tượng Paris không có tháp Eiffel, New-York không Nữ thần Tự do.

Nghe cô nàng Céline kể chuyện về những buổi trình tấu ở Sarajevo, tôi hiểu rằng trong một xứ chiến tranh, nghèo đói, một trường Văn Khoa chẳng có ích lợi thiết thực gì, nhưng nó là cái cốt yếu cho một dân tộc còn muốn vươn lên.

ĐỜI SAO IM VẮNG

Tôi gặp lại TCS những ngày cuối cùng của năm 1999, khi về thăm Việt Nam. Sơn ngồi trước một cái bàn nhỏ, trong sân Hội Văn nghệ sĩ ở Sài Gòn. Vẫn nụ cười hiền lành nhưng buồn bã, vẫn thái độ từ tốn, phong nhã, vẫn đôi kính đồi mồi

nhưng trước mắt tôi là một TCS lục tuần bịnh hoạn, mệt mỏi, mặc dầu đôi mắt vẫn sáng lên khi nghe đến tin bè bạn. Sơn hỏi thăm tin tức về người này ở bên Tây, người kia ở bên Mỹ. Sơn nói về những người ở lại, kẻ mất, người còn.

Bơi trong cái áo sơ mi rộng thùng thình, Sơn nói: mình chỉ còn 39 kí. Sơn nói rượu đã tàn phá lá gan đến độ không có thuốc gì chữa nổi. Có người sẵn sàng đưa anh đi ngoại quốc giải phẫu gan nhưng anh từ chối. Sơn nói anh rất mệt, nhiều khi xây xẩm mặt mày vì bịnh áp huyết thấp (hypotension).

Vừa nói chuyện, Sơn vừa chào hỏi của những người qua lại. Vị nhạc sĩ lão thành, tác giả bài Dư Âm nổi tiếng hồi nào ở Hà Nội (đêm qua mơ dáng em đang ôm đàn...) kể truyện đi thăm bác sĩ, chuyện thuốc men. Nhạc sĩ Trần Tiến nói về đêm ca nhạc thành công tuần trước.Ông Vũ Hạnh chạy qua chạy lại hối bài cho một đặc san kỷ niệm cuộc chiến chống Mỹ cứu nước.

Sơn ngồi đó, mỉm cười buồn bã. Tôi hỏi Sơn có tính đi ngoại quốc chơi một chuyến, nhân tiện chữa bệnh, dù tôi biết Sơn đang sống những ngày tháng cuối cùng. Nếu người nghiện rượu tiếp tục uống, dù có thuốc thánh, dù có giải phẫu gan cũng không thay đổi gì. Sơn không muốn nghỉ rượu, hay không nghỉ được. Sơn nói mình uống ít hơn trước nhiều. Sơn mỉm cười: mình sang đó, sợ các ông ấy đập mình. Rồi tiếp: sự thực thì ở bên Pháp không có vấn đề gì, bên Pháp ít có người quá khích; kỳ trước mình qua Pháp, anh em đãi ngộ rất tử tế.

Sơn tiếp: nói cho đúng, mình mệt lắm, có muốn cũng không đi được. Sơn nói, từ tốn, không lộ một chút xúc động. Anh đang ở một cõi khác, những cái lăng nhăng ở cuộc đời này không liên hệ gì đến anh nữa. Sơn nói đến một cô sinh viên Nhật Bản đang chuẩn bị một luận án về nhạc của Sơn.

Khi tôi ra về, Sơn đưa cho tôi số điện thoại ở nhà riêng: «Ráng đến chơi, mình có chuyện muốn nói.Thằng em mình, biết cậu về, chắc nó mừng lắm.» Em Sơn ngày xưa cũng la cà ở quán Văn.

Tôi nghĩ Sơn muốn nói những gì không thể nói được ở một nơi có nhiều người qua lại. Tôi ân hận vì không có thì giờ tới nhà Sơn như đã hứa, vì phải rời Việt Nam ngày hôm sau. Tôi rời Sai gòn ngày mùng 1 tháng giêng năm 2000. Thế giới đang bước sang một thế kỷ mới.

Tôi gọi điện thoại chào Sơn. Anh hỏi: cậu đi ngày đầu năm 2000,không sợ 'sự cố' à? Hồi ấy, ở Sài Gòn, người ta kỵ đi máy bay ngày đầu năm 2000. Sơn nói, giọng buồn: nếu gặp lại X, Y cho mình gởi lời hỏi thăm; chắc mình không có dịp gặp lại anh em nữa.

Mỗi lần nghe nhạc TCS, tôi nghĩ đến cái cô đơn cùng tận của người nhạc sĩ ngồi trước cái bàn nhỏ ngoài sân, mỉm cười với người này người kia, nhưng đầu óc ở một nơi khác. Sơn ngồi đó, cô độc. Đem cái cô đơn của kiếp người nhân lên gấp mười, bạn có cái cô đơn của người nghệ sĩ, nhân lên trăm lần có cái cô đơn của người nghệ sĩ Việt Nam, nhân lên ngàn lần có cái cô đơn của TCS. Cái cô đơn của một người suốt đời ca ngợi tình yêu, tình đồng bào -ngày mai sỏi đá cũng cần có nhau- mà cuối cùng bị chỉ trích từ mọi phía.

Đời sao im vắng
Như đồng lúa gặt xong
Như rừng núi bỏ hoang
Người về soi bóng mình
giữa tường trắng lạnh câm

Cái sân chỗ Sơn ngồi đông người qua lại,và ngoài đường xe hơi, xe gắn máy chạy loạn xà ngầu, nhưng Sơn ngồi đó, giữa tường trắng lạnh câm.

ANH ĐÃ ĐẾN, ĐÃ VUI CHƠI...

Sơn ra đi ngày 1 tháng Tư 2001, hưởng thọ 62 tuổi. Ở bên Pháp, ngày 1 tháng tư là ngày «cá tháng Tư» (poissons d'Avril), ngày người ta đùa nhau bằng những chuyện hoàn toàn bịa đặt. Báo cho một ông nhà văn hạng nhì là ông ta vừa chiếm giải Goncourt, thú với cô fiancée là bạn đã có vợ con, rồi khi đương sự cuống lên, cho đương sự hay đó chỉ là cá tháng tư, chuyện đùa chơi. TCS ra đi ngày 1 tháng tư. Anh muốn thả một con cá tháng tư ? Một trò đùa cuối cùng trước khi về với cát bụi?

Sơn đã đến, đã vui chơi trong cuộc này. Bây giờ, anh đang bay cao trong vòm trời này. Nhưng nhiều lúc tôi tự hỏi: anh có thực sự đã vui chơi trong cuộc đời này ? Có bao nhiêu người Việt nam đã thực sự vui chơi trong cuộc đời này?

Từ Thức

(E-mail: tcsparis1@aol.com)

(1) Tư tưởng Phương Đông. Cao Xuân Huy. Nhà xuất bản Văn Học. Hanoi 1995

(2) Trịnh Cung, Phan Thanh Tâm.Thế kỷ 21. May 2001

(3) Đất Mới. Saigon 1996

Chuyện Quê Nhà

TRẦN HUY SAO

Chị Hương về thăm quê. Khi trở lại, có ghé nhà, gởi ít quà đặc sản quê hương. Đặc biệt là nét tươi vui và những câu chuyện về làng quê xóm cũ. Chị kể về những đổi thay mới lạ, khác hẳn ngày xưa. Cảnh người đi, kẻ ở. Người đi, hầu hết, là những khuôn mặt thân quen một thời gắn bó với xóm quê xưa. Kẻ ở, phần đông là những ngươi lạ từ (phương Bắc, phương Nam) đến mua đất cất nhà cao cửa rộng "an cư lạc nghiệp" trên vùng đất mới. Kẻ ở, theo như lời chị kể, tôi không tìm thấy những nhân dáng ngày xưa. Chị vô tình không nhắc đến hay chị thầm nhận xét những "kẻ ở" này không có gì mới lạ. Vẫn như ngày nào. Nghèo và an phận! Tự nhiên tôi cảm thấy buồn trong niềm vui háo hức của chị.

Chị nói một thôi một hồi không nghỉ. Toàn những chuyện không ăn nhập gì đến dòng suy nghĩ của tôi về xóm cũ, nơi tôi đã rời xa từ rất lâu nhưng vẫn thấy gần gũi thân quen. Cuối cùng, không đợi được, tôi phải đành ngắt lời chị ;

- Chị cho em hỏi thăm về một người.

Đang say câu chuyện, chị cũng phải ngạc nhiên ngưng lại nhìn tôi dò hỏi :

- Cái gì?. Hỏi thăm về một người à ?

Rồi chị cười phá lên, dứ dứ ngón tay về phía tôi :

- Cậu này ghê thật. Tới giờ này mới bật mí ra hả? Hỏi thăm cô nào đây?

Tôi cười ngượng nghịu :

- Chị cứ giỡn không à! Em muốn hỏi thăm anh Hoài Sơn.

Chị Hương nhíu mày suy nghĩ, miệng lẩm bẩm:

- Hoài Sơn... Hoài Sơn... Ủa. Hoài Sơn nào? Tên nghe lạ quá!

Như sực nhớ ra, tôi vội vàng cải chính:

- Ồ không... Là anh Tư Sang, con chú Định ở phía sau nhà mình, gần đồi Trọc đó.

Chị nhíu mày một thoáng rồi bỗng nhiên đổi khuôn mặt buồn thiệt lẹ:

- Mất rồi Cậu ơi ! Khi chị về thì chôn đã được mấy ngày. Chị có qua nhà thắp nhang. Tội nghiệp...

- Rồi còn cô đào Kim Thương ?

- À, là thím Tư Sang đó hả ?

Chị đổi mặt vui (thiệt lẹ) lại tiếp tục say đà câu chuyện:

- Trời ơi ! Gặp chị, cô mừng ôm riết làm chị muốn nghẹt thở luôn. Cô có hỏi thăm vợ chồng em...

Câu chuyện lại bắt đầu rôm rả qua những cảnh đoạn mới theo từng thời gian chị ở quê nhà. Tôi rán ngồi nghe cho tới lúc chị xin thêm ly nước lọc, uống một hơi cạn ráo rồi lên xe ra về. Làn khói xe còn tản mạn trong không khí nặng trầm se lạnh của những ngày vào Thu. Tôi vẫn ngồi trước hiên nhà, nhìn lên bầu trời vần vũ những đám mây đen cuốn hút về hướng núi mịt mờ xa. Giống quá, một khung trời quê xưa, cũng vào độ tiết Thu như thế này. Tiếng lá rơi nhẹ nhàng trong cái tĩnh mịch im ắng. Có con chim sâu nhảy chuyền từ những cành cây phong gây nên tiếng sạt xào rất nhẹ như tiếng con chim sẻ lủi mình trên mái tranh tìm hơi ấm mà một thời tôi đã rất quen nghe. Tự nhiên tôi nhớ về những hình ảnh ngày xưa. Những hình ảnh tưởng chừng như im ngủ trong tôi nay lại bừng lên từ những câu chuyện kể quê nhà của chị Hương. Tôi nhớ rất nhiều kỷ niệm từ một Xóm nhỏ. Ở đó, có ngôi đình được gọi là đình Đa Cát, gắn bó rất nhiều những tình cảm buồn vui. Nơi đó có anh Tư Sang, có cô đào Kim Thương của gánh hát cải lương *Phương Nam*, có những câu vọng cổ mùi làm rơi lệ bao người. Và cũng chính tại nơi này, một cuộc tình được dàn dựng không phải theo tuồng tích mà là thật sự ngoài đời của một chàng trai dám liều lĩnh vượt qua những lệ luật khắt khe của xóm làng để chạy theo tiếng gọi của con tim. Một cuộc tình mà tôi thấy đẹp bởi vì nó trọn thủy chung và đầy lãng mạn.

Chàng trai đó là anh Tư Sang, người của xóm đình Đa Cát, một xóm nhỏ nằm cách thành phố Đàlạt bốn cây số về hướng tây-bắc. Còn được gọi nôm na là Cây số bốn.

Sở dĩ tôi phải nói rõ ngọn ngành vì nơi chốn đó đã nở rộ tình yêu của anh, của chị. Khi người ta yêu nhau thường người ta vẫn nhớ mãi một nơi khởi đầu cũng ngang với tầm cỡ của nụ-hôn-đầu-tiên vậy.

Tình yêu bắt đầu vào độ thu sang khi đường xóm quê yên tĩnh bỗng rộ lên tiếng phèng la từ hai chiếc xe hàng cũ kỹ. Con nít hiếu kỳ trong xóm ào ra nối đuôi la hét cổ võ, quảng cáo không công. Chiếc xe đầu mang hai tấm bảng lớn hai bên hông. Một bên là hàng chữ *Gánh Cải Lương Phương Nam*. Một bên là tấm bảng vuông màu sắc và tên các đào kép chánh, phụ. Ở dưới cùng có hàng chữ màu đậm tên hai anh hề Hai Mập (Ù) và Tư Ốm (Nhách). Chưa biết đào kép thủ diễn, ca hát ra sao chớ hai anh hề này ngó bộ ăn khách. Con nít bu đen coi mặt hai anh hề làm cản trở lưu thông, xe chạy chậm rì. Xe ngừng lại ở sân đình. Đoàn hát lo chuyển đồ đạc, phông màn các thứ vào dãy nhà sau. Tiếng la ới kêu gọi hỏi han đồ đạc râm ran. Giọng miền Nam như chim líu lo nghe không được. Tội nghiệp hai anh hề được đám con nít bu đen. Lúc đầu, để gây tình cảm, hai anh còn nhăn mặt nhíu mày làm hề cho đám con nít cười ré lên. Sau, ngó bộ khiêng vác mệt lại thêm đám trẻ cứ bám riết vấp, đá lung tung đâm nổi cạu xoay qua chưởi nhau loạn xạ. Đám con nít cứ tưởng hai anh đang làm hề, vỗ tay cười thoải mái. Có ông bầu già, chống cây ba toong, đứng ra can gián gì đó. Đám con nít chê ông này làm hề không hay, không thèm coi.

Hai chiếc xe hàng rời xóm, trả lại sự im ắng cho đoàn. Con nít không được phép bén mảng tới sân đình. Khói bếp vươn lên từ nhà sau... Đoàn sẽ lưu lại xóm để hát đâu khoảng một tuần như đã có ghi trên tấm bảng lớn dựng trước sân đình.

Đối với dân trong xóm, đây là một dịp vui hiếm hoi. Xóm ở vùng hẻo lánh, thi thoảng mới có đoàn hát về lưu diễn. Từ lâu nay, chỉ có đoàn hát bội. Nay có đoàn cải lương từ tận phương trời Nam về lưu diễn khiến bà con đều nôn nóng. Những câu vọng cổ mùi mẫn bà con cũng đã từng có dịp nghe, nhưng chỉ nghe qua dĩa hát hay trong radio. Nay được tận mắt thấy người thật diễn tuồng tích và xuống câu vọng cổ thì sướng biết chừng nào! Tiếng đồn lan nhanh làng trên xóm dưới. Không khí đã thấy chộn rộn.

Đoàn nghỉ một ngày đầu để lo chuẩn bị nhưng trước đó, đã thấy trương bản tuồng cho đêm mở màn mùa hát. Tuồng "*Phụng Nghi Đình*" do kép chính là Hữu Lang và đào chính là Kim Thương. Hai danh hề Hai Mập (Ù) và Tư Ốm (Nhách) được quảng cáo là *chọc cười ngả nghiêng, cười lăn chiêng, cười liên miên, cười như điên.* Nếu thật sự mà cười kiểu đó thì làm sao mà coi cho được. Nhưng có hề gì đâu! Khổ cực quá chừng vì cuộc sống, nay được bụng cười thì cứ việc cười.

Đoàn hát chuẩn bị đã đành, bà con cũng đang chuẩn bị. Soát lại hầu bao rồi tính toán coi nhín bớt được khoản chi tiêu nào có thể được. Nếu cần, nhịn ăn chút đỉnh cũng chẳng sao miễn thỏa được cái thị hiếu ngàn năm một thuở. Người ta ở tận đất phương Nam xa xôi tìm tới, là khách. Mình là chủ nhà phải tính sao cho trọn. Đó gọi là nhịn miệng đãi khách. Huống chi ở đây khách cũng được thu huê lợi mà chủ cũng hưởng được phần. Chuẩn bị kỹ hơn nữa là mấy o mấy dì chuyên nghề bán hàng ăn dạo. Tính sơ cũng thấy rõ là gánh chè đậu ván cuả thím Năm Tiến, gánh mì Quảng của Bà Mì Quảng, gánh bánh nậm của thím Vạy, gánh bánh bèo của chị Huế, gánh cháo lòng của o Duyên... Chưa kể những gánh hàng mới toanh "ăn có" bán đủ thứ như đậu phụng rang, đậu phụng luộc, bắp ngào đường, hột vịt lộn v...v...Ban hương chức hội tề cũng chuẩn bị thành lập một toán canh giữ trật tự, thù lao do gánh hát chi trả. Nhiệm vụ chính là ngăn chặn mấy tay leo rào "coi cọp," đám con nít ồn ào náo loạn, giải quyết kịp thời những vụ gây mất trật tự ảnh hưởng đến buổi trình diễn hàng đêm.

Toán trật tự được tuyển chọn từ sáu tay thanh niên to con lớn xác trong xóm và đặt dưới quyền của anh Tư Sang. Thiệt là trúng mánh. Ai chớ anh Tư Sang thì tôi đâu có lạ gì. Anh là học trò ruột của ba tôi. Nay anh ra nắm "*trọng trách*" thì tất nhiên tôi cũng được nhờ ở cái khoản... coi cọp. Đêm nào cũng vậy, cứ đúng giờ sắp trình diễn là tôi cố ý rà rà lại gần cho anh thấy mặt. Chỉ cần đợi cái nháy mắt ra hiệu của anh là tôi đứng gọn vô hàng. Tới cửa soát vé, anh lẹ làng nắm vai tôi đẩy vô, cố tình nói lớn "*Vé kèm trẻ em hả? Vô luôn. Nhưng mà vé kèm không có chỗ ngồi đâu nghen, em bé. Tìm góc nào đứng, không được chạy lộn xộn.*" Vô được bên trong rồi, còn lâu mới không có chỗ ngồi!

Tính ra, mỗi đêm có chừng mười mấy tay coi cọp mà hợp pháp đàng hoàng. Ngoài anh Tư Sang và sáu tay thanh niên là *cọp thứ dữ*, tôi để ý mấy anh thanh niên kia cũng nháy mắt ra hiệu lia lịa. Rồi còn Ban Hương chức hội tề. Chỗ ngồi phải là chỗ danh dự gần sát sân khấu coi sướng con mắt, nghe đã lỗ tai chớ phải chơi đâu!

Tội nghiệp quá, thân phận của những Đoàn hát lưu diễn rày đây mai đó, đem tiếng hát lời ca đổi lấy những tháng năm lây lất sống. Và cũng tội nghiệp cho cả những thôn xóm nghèo như xóm tôi, dẫu hết lòng yêu nghệ thuật, mến mộ tiếng hát lời ca, muốn đãi ngộ xứng đáng nhơn tài nhưng mà "*lực bất tòng tâm.*" Nghèo quá trời quá đất còn lấy chi để trang trải cho đầy đặn tình chủ khách. Mười mấy con cọp ngồi dưới Hội trường chắc là cũng có lúc chạnh lòng ray rức. Nhưng biết làm sao hơn! Không có tiền mà!

Ông bầu hát xem ra cũng thấu hiểu lẽ đời qua nhiều kinh nghiệm đói no vinh nhục nên cũng tỏ lòng thông cảm. Buổi đầu tiên ông có lên nói lời cám ơn sự đón tiếp nồng hậu của bà con làng xóm và ông hứa là toàn ban sẽ đem hết tài nghệ diễn xuất để đền đáp lòng thương mến của bà con. Đoàn sẽ lưu lại theo thời gian yêu cầu.

Lời nói chơn tình thiệt là hả lòng hả dạ. Còn hả lòng hơn nữa là lối thủ diễn và giọng ca mùi mẫn của cô đào chính Kim Thương. Nhịp sống đơn điệu của khu xóm nhỏ đã thật sự bị dao động. Thì ra, ngoài cảnh đời cùng khổ trái ngang diễn ra hàng ngày trong cuộc sống, còn có những cảnh đời thương tâm oan nghiệt hơn nhiều. Tầm nhìn của bà con lại còn được xa hơn, xa hơn nữa, có những vùng đất phì nhiêu tươi tốt, tôm cá đầy đồng. Bên cạnh những tấm lòng chân chất thật thà còn có những tấm lòng giả nhân giả nghĩa. Giữa cuộc sống hôm nay có dịp nhìn lại cuộc sống ngày xưa qua những tuồng tích mang ý nghĩa răn đời lồng trong những tình tiết éo le...

Cô đào chính Kim Thương thật sự đã đem đến cho bà con những dao động tình cảm không ngừng qua những vai diễn hết sức sống động. Ban ngày, bà con đem cô ra nương lên rẫy. Ban đêm, thì ngồi chờ đợi cô trong một vai diễn mới với tất cả sự háo hức nôn nao. Cô đi vào lòng người với những bước chân nhẹ nhàng nhưng hằn đậm dấu. Nam phụ lão ấu thảy đều dành cho cô những tình cảm đặc biệt. Đó là chưa nói tới đám thanh niên mới lớn trong xóm.

Vậy mà, không được như lời ông bầu hát tuyên bố hôm đầu tiên, đoàn phải chuẩn bị lên đường giữa sự tiếc nuối ngẩn ngơ của bà con trong xóm. Cũng phải đành thôi! Đoàn không thể nào nán lại được bởi một lẽ rất đau lòng là bà con không còn tiền để mua vé. Số tiền chắt bóp dành dụm đã hào phóng qua những đêm đoàn lưu diễn.

Chiếc xe chở bầu đoàn thê tử lặng lẽ ra đi vào một buổi sáng nắng hanh vàng, trời se lạnh.

Cho đến ngày hôm sau, tin tức bàn tán xôn xao từ làng trên xóm dưới: Anh Tư Sang đã bỏ nhà theo gánh hát Phương Nam.

*

Câu chuyện tưởng đã ngủ yên theo thời gian.

Một buổi sáng, cả xóm bừng cơn náo động khi tin tức truyền nhanh là anh Tư Sang đã trở về. Con nít bu đen trước nhà chú Định, giành giựt la ó, thậm chí còn đấm đá nhau tơi bời để giành chỗ tốt nhìn cho rõ. Người lớn hiếu kỳ bỏ nương rẫy chạy về bởi vì nghe nói Tư Sang có đem theo người vợ. Phải coi cho tỏ tường người ở phương xa, khác làng khác xóm, nó ra thể nào. Hóa ra là cô đào Kim Thương của gánh hát Phương Nam năm nào!

Hình ảnh và tiếng ca mùi mẫn của cô vẫn còn đọng sót trong lòng mọi người dân xóm. Bà con đổ xô tới càng ngày càng đông cho thỏa tính hiếu kỳ. Thấy chú Định cười nói hả hê với đám khách đàn ông giữa mịt mù khói thuốc. Thím Định ngồi ở tấm phảng gỗ, cũng đang ồn ào trò chuyện với mấy bà bu quanh, nhai trầu bỏm bẻm. Anh Tư Sang, tôi nhìn không ra, người đậm chắc đen nắng đang rót trà đãi khách. Anh cười nói rổn rảng khác hẳn với tính rụt rè ít chuyện như ngày xưa. Dáng đi cũng nhanh nhẹn. Tôi cố tình cho anh nhìn thấy nhưng anh vẫn vô tình xếp tôi vào đám con nít, lâu lâu nhắc chừng là đừng ồn ào để người lớn nói chuyện. Tôi cụt hứng muốn bỏ ra về nhưng sực nhớ còn cô đào Kim Thương chưa nhìn thấy mặt. Phải chờ.

Vừa lúc đó, có tiếng xôn xao. Mọi người đổ dồn nhìn vô cửa phòng. Tiếng màn sáo trúc lay động và cô đào Kim Thương xuất hiện. Một khoảng yên lặng trải dài cho lần tái ngộ sau nhiều năm vắng bóng. Không son môi má phấn, không rực rỡ dưới ánh đèn... manchon sân khấu như năm nào. Cô xuất hiện dưới vẻ dáng bình dị của người miền Nam. Nước da giòn bánh mật, mập tròn chắc nịch thiệt khác hẳn ngày xưa. Cô cúi đầu chào hết thảy mọi người rồi khẽ khàng ngồi xuống bên cạnh thím Định. Khoảng yên lặng vẫn kéo dài làm như mọi người đang chờ đợi, cùng với sự xuất hiện của cô, là tiếng ca mùi mẫn sẽ cất lên như ngày nào.

Nhưng làm gì có ! Chỉ có tiếng chào rụt rè e lệ của cô gái phương xa về làm dâu trăm họ xóm này. Mai đây rồi cũng lên nương lên rẫy, mò ốc bắt tôm như những người trong xóm. Cô đào Kim Thương và lời ca xưa đã thuộc về dĩ vãng, đã bèo

giạt hoa trôi tan đàn xẻ nghé như gánh hát Phương Nam năm nào... Hình như thấy không khí yên lặng đợi chờ có vẻ nặng nề khó thở, anh Tư Sang nhanh nhẩu: "Xin mời. Xin mời bà con uống nước, hút thuốc, ăn trầu. Mấy em nhỏ có khát, mời vào trong tự nhiên."

Thuốc thì đang hút. Trầu thì đang nhai chưa nhả bã. Chỉ có đám con nít đang nhịn khát khô họng nãy giờ, nghe tiếng mời, nhào vô tranh uống ồn ào. Không khí trở lại trạng thái dễ chịu, thoải mái.

Hai ngày sau, anh Tư Sang lễ vật qua nhà tôi tạ tội với thầy về cái vụ đã theo tiếng gọi của tình yêu mà phụ lòng sư phụ. Ngày đầu dợt lại tay nghề, anh vẫn thành thạo, chính xác từ đường cưa, nhát búa. Ba tôi vui mừng nhận lại học trò cưng. Ông còn nói đùa:

- Lâu nay theo đường tình, chắc là học hỏi thêm nhiều thứ lạ. Hôm nào rảnh rỗi, dạy lại chú nghe.

Anh cười ngượng nghịu, chắp tay xá dài.

Anh có học hỏi ở tình yêu điều gì thì tôi không được rõ, nhưng những khi rảnh việc anh em có ngồi chuyện trò, tôi phục anh lắm. Trong con người vai u thịt bắp ăn cục nói hòn, có trái tim đằm thắm dịu dàng, có tấm lòng đầy nhân ái thủy chung. Cứ nghe anh kể chuyện tình của anh thì biết.

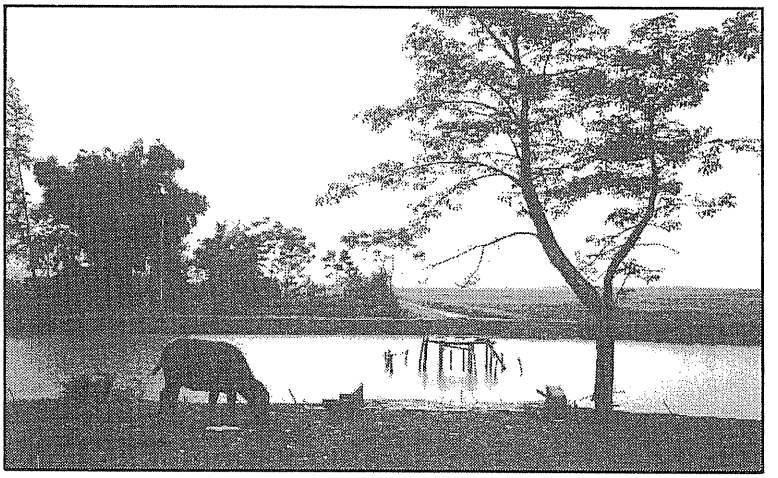

Chuyện từ một buổi sáng tình cờ anh thấy cô đào chính Kim Thương ngồi bên bếp lửa đang cầm chén cơm có mấy miếng cá khô. Bàn tay gầy xương xẩu, hằn những đường gân thấy rõ. Ánh lửa bập bùng soi rọi gương mặt xanh xao, tiều tụy. Hình ảnh buồn thảm, bất ngờ đã làm cho lòng anh quặn thắt nôn nao. Mấy ngày liền anh cứ đi nhìn lén cô để rồi buồn ngẩn buồn ngơ. Tâm hồn người trai mới lớn chao đảo xót xa qua hai hình ảnh trái ngược. Giữa đêm và ngày. Giữa mộng và thực.

Đêm đêm, dưới ánh đèn sân khấu, cô diễm lệ rực rỡ biết dường nào! Thế giới chung quanh như chìm hẳn xuống, thật tầm thường, trước vẻ cao sang quyền quý của hoàng hậu, công nương. Cuộc sống bỗng thăng hoa, sống động qua câu hò tiếng hát của cô thôn nữ má thắm môi hồng... Để rồi, trong ánh nhìn thầm lén của anh mỗi sáng bên bếp lửa bập bùng giữa tiết trời se lạnh, phũ phàng rõ nét một hình ảnh tiều tụy, xanh xao, thảm não. Tự lòng anh dấy lên một niềm thương cảm xót xa, ray rứt. Thấy thương cô và giận cả tình đời. Lòng anh chìm lắng nỗi buồn. Hình ảnh của cô cứ đeo đuổi anh suốt cả ngày, bắt anh thao thức suốt cả đêm. Cuối cùng, anh liều lĩnh quyết định theo đoàn hát. Trong tâm trạng rối bời, anh không biết đó có phải là tình yêu không. Chỉ biết là anh không thể dời xa một hình ảnh đã làm cho lòng anh đau nhói. Nếu được gần gụi và được chia xẻ cùng cô, chắc lòng anh sẽ được vui hơn...

Anh không kể chặng đường nối tiếp theo dấu tình yêu như thế nào nhưng tôi nghĩ là cũng phải trải qua nhiều gian truân. Có tình yêu nào lại cho không biếu không đâu! Nhất định là phải có thương đau, bầm giập, sóng gió bão bùng. Giữ được trái tim thục nữ, người quân tử háo cầu cũng phải trải qua bao chặng đường khổ ải.

Người-quân-tử Tư Sang đã dám can đảm vượt qua những lề thói khắt khe, nhẹ bước thênh thang trên những thị phi đàm tiếu để theo tiếng gọi của con tim. Khi ra đi và cả đến lúc trở về, anh vẫn giữ trái tim đều nhịp đập cho tình yêu. Đâu phải là loại tình yêu bướm hoa vui bay buồn đậu. Cũng chẳng phải là tình phấn nhạt hương phai phụ phàng tới nghĩa thủy chung son sắt. Tình yêu anh như nước vẹc-ni bền bỉ bóng ngời. Như lưỡi bào bén ngọt những đường bào. Như lưỡi cưa chuẩn xác những đường cưa. Như đinh đóng cột...

Về quê chồng, cô đào Kim Thương sớm hòa nhập vào dòng đời tất bật của xóm nghèo quanh năm suốt tháng chạy kiếm miếng ăn. Sáng mờ

hơi sương đã lên nương chăm luống khoai vạt sắn. Những ngày rảnh rỗi vụ mùa thì đi dọc theo bờ suối cào hến, mò tôm, bắt ốc. Buổi chiều, oằn gánh củi trên vai qua từng con dốc, trở về khi mặt trời đang dần trốn núi. Hoạt cảnh đó cứ đều đặn diễn ra từng ngày. Và cũng từng ngày, cứ vào giấc chiều là anh Tư Sang lóng ngóng chân tay, nhấp nha nhấp nhỏm không yên. Ba tôi biết ý cho nên cứ nhìn thấy anh bắt đầu lóng ngóng chân tay, nhấp nha nhấp nhỏm là ông nói lớn, giọng đùa cợt: *"Thôi! Tới giờ đi đón người yêu rồi!"* Chỉ cần nghe ông nói vậy là anh vội vàng xếp gọn đồ nghề, bương ra con đường nhỏ lúp xúp chạy ngược về hướng đồi Trọc. Thường thì chị ngồi nghỉ mệt ở lưng chừng đồi và cũng có ý chờ anh. Hai vợ chồng gặp nhau chẳng nói gì, chỉ cười vui. Gánh củi được chuyền vai. Anh gánh không quen, co vai rụt cổ đi trước, chị theo sau trở về khu xóm nhỏ. Hai dáng người thầm lặng giữa cảnh trời chiều gợi lên hình ảnh hạnh phúc bình dị, đơn sơ.

Quê tôi, tiết trời se lạnh quanh năm. Thi thoảng mới có những đêm trời trong xanh gió mát, trăng treo vằng vặc. Với những đêm trăng hiếm hoi như thế bà con thường ra khỏi nhà để tận hưởng của trời cho. Con nít tụ tập đông vui ở sân đình với nhiều trò chơi hào hứng. Đàn bà túm năm túm bảy ngồi ở chiếc sân rộng trước dãy nhà của thím Ngữ, thím Ba Hồng, anh Hiếu nói chuyện cười đùa ồn ào. Đám thanh niên thanh nữ thì đi lên đi xuống con đường chính của xóm. Đi giáp vòng trên lại quay vòng, đi xuống. Đi giáp vòng dưới lại quay vòng, đi lên...

Dù đã trải qua bao nhiêu năm, tôi không thể nào quên được, hình ảnh choáng ngợp tình yêu được diễn ra ở vườn ổi sau nhà. Trăng trải vàng xuyên qua cành lá. Cảnh vật yên tĩnh và trầm lắng chỉ nghe tiếng lá rơi nhè nhẹ. Anh Tư Sang ngồi ôm chiếc đàn ghi ta cũ kỹ. Chị Tư Sang ngồi bên cạnh nhìn anh chờ đợi. Tiếng đàn dạo của anh Tư Sang bắt đầu, khi chậm khi mau. Chị Tư Sang sửa lại dáng ngồi thoải mái, đợi tiếng đàn vừa xuống nhịp trầm dứt đoạn là chị nương đà vào câu vọng cổ. Phút giây này đây, chị đã thực sự trở lại hình ảnh cô đào Kim Thương năm xưa, với giọng ca mượt mà tình cảm làm rung động lòng người. Còn anh, anh là ai? Sao tiếng đàn nghe réo rắt não nề! Hình như đâu phải là anh Tư Sang vai u thịt bắp ăn cục nói hòn! Đôi bàn tay sần sùi chai nhám cưa đục suốt ngày sao giờ đây lại nhịp nhàng lả lướt những thanh âm não nuột! Lần đầu tiên bất ngờ chứng kiến hình ảnh lạ lùng đó, cả nhà tôi đều đổ xô ra vườn ổi. Đám khán giả âm thầm tự tìm lấy chỗ ngồi, nín lặng lắng nghe tiếng đờn tiếng ca của cặp vợ chồng nghệ sĩ. Tiếng đờn của anh Tư Sang nghe sao mà buồn, một nỗi buồn day dứt. Hòa theo tiếng đờn, tiếng ca của chị gợi nhớ về một chốn quê nào xa tít tắp. Nơi đó có ruộng đồng xanh tốt thẳng cánh cò bay, có dòng sông tấp nập những con đò xuôi ngược. Có tình yêu trai gái nồng nàn đất phù sa ngọt thơm mùi cây trái, đậm chắc màu nắng ấm bốn mùa...

Cô đào Kim Thương, cô đang ca với tấm lòng xót nhớ quê nhà. Tiếng ca mang tâm trạng của kẻ ra đi khó mong ngày trở lại. Đến nơi mảnh đất vùng cao khô cằn những núi đồi hoang dã lòng cô thôn nữ quê Nam nặng cảnh lưu đày. Chạnh lòng thương nhớ cảnh làng quê xóm cũ, xót thương đời con gái lạc trời xa, tiếng ca hòa quyện trong không khí tĩnh mịch, nhập vào dòng trăng nghe sao mà đau lòng xót dạ.

Hình ảnh những đêm trăng xưa đã đi vào đời tôi những cảm giác rất êm đềm mà tôi không thể nào quên được. Êm đềm lắm! Vì từ hình ảnh đó tôi tìm thấy sự hòa nhập kỳ diệu của tình yêu tựa như lời ca phải có tiếng đàn hòa nhịp. Nỗi buồn vui thương nhớ phải có người chia xẻ.

Đã bao nhiêu năm và cũng đã qua bao nhiêu là đêm trăng trong đời, lời ca của chị và tiếng đờn của anh vẫn hòa nhịp khắn khít, mặn nồng. Tình yêu chia đều từ gánh củi chuyền vai, miếng cơm vơi đầy chật vật từ cuộc sống cho tới cả lời ca tiếng đờn đồng nhịp buồn vui...

Thì ra, hạnh phúc nào có cao xa, chỉ với tầm tay cũng nắm bắt dễ dàng. Đó là bài học đầu đời khi tôi vào dòng lũ xô bồ cuộc sống, rời xa xóm nhỏ.

Và, giờ đây, rời xa cả chốn quê xưa.

Thiệt là sông biển chập chùng, nghìn trùng xa cách. Cảnh cũ người xưa tưởng chừng như mới đâu đây, thoáng chốc cũng đã xa mù mất dấu. Chị Hương, sau câu chuyện về làng xưa xóm cũ, đã hồn nhiên thoải mái lên chiếc xe đời mới, lướt êm ru. Chị để tôi ngồi đây, trước hiên thu, giữa trời xa đất lạ ôm bạt ngàn nỗi nhớ. Nhớ quá chừng!

Tháng trước đây, nhận được tin dượng Đát mất, tôi thao thức nhiều đêm. Nhớ giàn lan của dượng. Nhớ những chiều dượng chống nạng lò dò chăm tỉa những chậu lan quý hiếm. Cuộc sống của Dượng đói nghèo thiếu thốn, nhưng những giò lan của dượng nhất định phải mập mạnh, mướt xanh... Nỗi nhớ đeo đẳng theo từng năm, tháng

qua những hình ảnh đậm nét quê nhà. Ở đâu mà tìm cho thấy thím Mới say xỉn suốt ngày, đi giáp làng trên xóm dưới kể chuyện tuồng tích hàm ý răn đời. Thím tỉnh trong cơn say. Cũng ở đâu mà tìm cho thấy, chú Hợi hớt tóc, ngủ gật suốt ngày. Mấy anh trai làng kêu trời không thấu bởi vì anh nào cũng đã một lần bị hớt đầu trọc tếu. Gọi là tai nạn nghề nghiệp thì không đúng. Rõ ràng chú ngủ gật, đã đi ngọt một đường *tông-đơ* từ sau ra tới trước. Với đường cày thiếu thẩm mỹ như vậy, chỉ còn cách cứu vãn cấp thời là hớt trọc cho xong. *Xấu mặt thì lâu, xấu đầu mấy chốc*. Chú vỗ vai dịu dàng an ủi mấy chàng trai như vậy và tất nhiên không nhắc nhở chi chuyện tiền bạc, rườm rà. Sau này, có bác Hoa Lư, trưng bảng hiệu màu mè như những tiệm hớt tóc ngoài phố. Bác làm ăn khấm khá vì biết thỏa mãn đúng yêu cầu của khách chớ không có cái cảnh bị hớt trọc một cách bất ưng như khách hàng của chú Hợi. Rồi còn chú Duy, làm nghề thầy cúng. Thím Ba Hồng, chích lễ mát tay. Ông Cai Tư, hương sư, đã từng khai tâm cho bao thế hệ...

Kể ra thì còn quá nhiều những khuôn mặt và những cảnh đời gợi nhớ nhưng sao tôi cứ nhớ nhiều hơn hết những đêm xóm nhỏ có đoàn hát về lưu diễn. Tiếng trống dồn dã của đoàn hát vọng xa giữa màn đêm tĩnh mịch như thúc giục lòng người. Tiếng nói cười văng vẳng và những ánh đuốc chập chờn từ đồi cao lũng thấp lũ lượt dồn về khoảnh sân đình vàng ánh đèn *manchon* . Cảnh tấp nập ồn ào người mua kẻ bán giữa cảnh trời đêm se lạnh. Cuộc sống sao mà êm ả, thanh bình!

Tôi nhớ nhiều hơn nữa, những đêm trăng óng mượt tình yêu quyện lẫn lời ca tiếng đờn của cô đào Kim Thương và anh, anh Tư Sang, người con trai đôn hậu của xóm quê tôi. Anh đã đi vào tình yêu không từ bóng sắc mỹ miều của giai nhân mà từ chén cơm có mấy miếng cá khô được cầm nắm trong bàn tay gầy xương xẩu! Tình yêu anh trải dài theo thời gian mà sao vẫn cứ bền bỉ bóng người như nước vẹc-ni. Những đêm trăng nối tiếp những đêm trăng trong cuộc đời, tiếng đàn anh vẫn khắng khít ôm choàng lời ca của chị. Hình ảnh của những đêm trăng xóm nhỏ để lại trong lòng tôi dấu ấn sâu đậm ngọt ngào về tấm lòng chung thủy.

Nay anh không còn nữa, lời ca không còn tiếng đờn hòa điệu, phải lạc nẻo cô đơn !

Tôi muốn nghĩ một điều xa hơn nữa. Khi hai người đang sống bên nhau ở tuổi xế chiều, bỗng nhiên có một ngày, một người ra đi một người ở lại. Buồn biết chừng nào!

Nỗi buồn đó, tôi không biết tới cỡ nào. Hỏi chị, chị nghẹn ngào, cúi mặt. Hỏi anh!!...

Thành Phố Tuổi Trẻ, tác phẩm mới của Nguyễn Chí Kham

Cuốn tiểu thuyết này đã được đăng từng kỳ, trọn vẹn trên Nhật Báo Người Việt, đã lôi cuốn sự chú ý, theo dõi của khá đông độc giả. Đây là tác phẩm thứ ba của Nguyễn Chí Kham sau tập truyện ngắn *Trăng Ơi, thơ ấu mãi* và truyện dài *Nắng Hồng Phương Nam*. Cô Lê Thu Hiền ở Virginia sau khi đọc xong tiểu thuyết Thành Phố Tuổi Trẻ đã viết lời Tựa, có đoạn nhận xét như sau:

"... Từ một nơi chốn riêng của cuộc đời, họ đã được định mệnh đưa đẩy tìm đến nhau để từ đó, tâm hồn và đời sống của họ đan vào nhau trong tình bạn, tình yêu, tình nghĩa, qua những ước mơ, đam mê, khát khao, mong chờ, mòn mỏi tìm kiếm, qua nhớ nhung ôm ấp của con tim, trong những khung cảnh thơ mộng hiền hòa của tuổi trẻ đầy hy vọng hay đau thương mất mát của chiến tranh, trong đổi thay xã hội theo cùng vận mạng của đất nước, trong chấp nhận cuộc sống mới nơi thành phố cũ thân quen hay một nơi chốn xa lạ của một quê hương thứ hai, và sự bình an theo dòng thời gian."

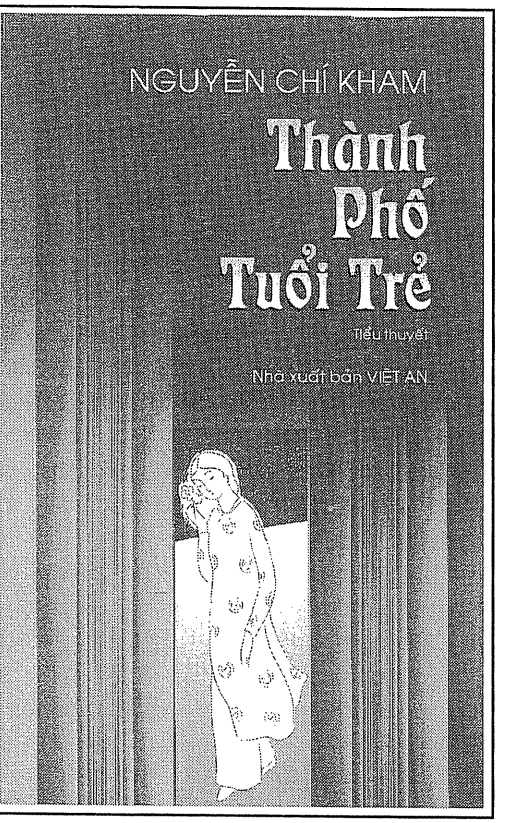

XUÂN XANH

TRẦN YÊN HÒA

Tặng NT2 Nguyễn Ngọc Bích

Buổi tối trở về trong căn phòng thuê một mình, Thạch thấy lòng mình ngầy ngật một nỗi cô đơn lạ lùng. Căn phòng thuê chỉ để một cái giường và một cái bàn viết nhỏ, cái computer đã cũ mà Thạch đã mua hơn sáu năm. Căn phòng tự dưng nghe như rộng thêm ra, Thạch như thấy mình bơi trong không khí, cái se lạnh của mùa đông làm anh muốn co mình lại, nằm lên chiếc giường, trùm cái mền lên thân thể để giữ một chút hơi ấm, ủ trong lòng nỗi khát khao mong chờ tuyệt vọng. Trời đã trở lạnh từ một tháng nay, tuần nầy lại có mưa bão, cơn say vật vờ làm Thạch ríu mắt lại.

Buổi chiều ngồi trong quán Đỉnh Thiêng với Hoán uống mấy chai bia. Hoán bay từ Virginia qua, gọi điện thoại đến cho Thạch, "Tau mới đáp xuống Cali sáng nay để lo vài công chuyện gia đình, nay tau gọi tìm mầy đây, rảnh ra quán Đỉnh Thiêng uống với tau mấy chai bia, mình lâu quá không gặp nhau." Thạch đáp, "Rồi, mầy ngồi đó đi, tau mặc quần áo rồi ra ngay."

Hai người bạn cũng trên năm năm chưa gặp lại. Thân nhau từ hồi còn ở trường Đại Học, rồi ra đơn vị tác chiến, rồi đi tù, rồi về lại Sài Gòn, chưa bao giờ hai người xa nhau lâu quá vậy. Hồi trước, hú nhau một tiếng là tìm đến nhau. Bây giờ những năm năm, ở xứ Mỹ nầy gặp nhau cũng rất dễ mà cũng rất khó, từ Đại Hội Đoàn Tụ, kỷ niệm ngày ra trường của hai người, đến bây giờ cũng đã năm năm trôi qua.

Gặp Hoán, hai người ôm nhau, thằng nào trông cũng già, thằng nào cũng ở trên độ tuổi "tri thiên mệnh," tóc Hoán bạc hơn tóc Thạch một chút. Hoán nói:

"Qua đây tau chỉ tìm mày, bọn mình thằng nào cũng có gia đình bình an hạnh phúc, chỉ có một mình mày là xô lô."

"Thì đành chịu vậy, đó là cái nghiệp mà."

"Nghiệp gì, mầy lắm mối tối nằm không."

"Đâu có lắm mối, mày chỉ nghe tin đồn thất thiệt, thôi uống đi."

Hai đứa cúi đầu vừa uống vừa ăn. Lúc ngẩng lên, Thạch hỏi:

"Vợ con mày khỏe chứ?"

"Bình thường."

Thạch nhìn Hoán, trông mặt nó trên năm mươi tuổi mà lúc nào cũng như trẻ con. Trong tình bạn của những ngày nhỏ dại, Hoán là người bạn thân nhất, đi học chung, đi lính chung, ở tù chung. Nhất là ngày ấy, hai người cùng yêu một người con gái.

"Công việc của mày vẫn đều chứ?"

"Thì vẫn bình thường như mày biết, vợ chồng tau đi làm hãng, mấy đứa nhỏ đi học xa, chỉ còn thằng út là ở với tụi tau thôi."

"Thế là mầy vui rồi, mày là nhất."

"Nhất con mẹ gì, ở bên đó trời lạnh, suốt ngày chỉ luẩn quẩn trong hãng rồi về quanh quẩn trong nhà, chẳng có ai là bạn bè để cùng uống chung một ly rượu, một chai bia. Một mình tau uống vào nghe đắng chát."

Thạch ngó mông chung quanh quán, anh không ngờ ở xứ Mỹ nầy cũng có mấy quán nhậu như ở Việt Nam, có lẽ, anh chưa bao giờ đi la cà ở mấy quán xá, anh cũng không dám đến đây để nhậu vì sợ cảnh sát bắt về tội lái xe say rượu. Anh sống thui thủi trong nỗi lạnh lẽo cô đơn tột cùng.

Hoán gắp một miếng lòng heo bỏ vô miệng, rồi nói:

"Hôm nay mầy cứ uống tự nhiên, một chút nữa tau kêu hai thằng cháu tới chở cho mày về, mày đừng sợ gì, uống rượu mà sợ lái xe là hết vui."

Thạch ậm ừ trong miệng. Cái sợ nhất của những cuộc nhậu ở Mỹ là phải lái xe về, sợ cảnh sát chận bắt mà nghe mùi rượu là đời tàn. Đó cũng là một điều không hạnh phúc. Bây giờ nghe Hoán nói thế, anh yên tâm, vô tiếp chai thứ ba.

Hoán cũng hơi chếnh choáng, nó nói giọng lơ lớ:

"Mầy biết tau kêu mầy ra đây với tau có ý gì không nào, tau nhớ mầy một phần, nhưng tau cũng có một sứ mạng quan trọng để nói với mầy một chuyện, theo mệnh lệnh của bà xã tau, không biết mày có chịu nghe không đây?"

Thạch hơi khựng lại. Sao có chuyện gì mà thằng Hoán làm bộ mặt quan trọng vậy, lại còn đem bà xã ra hù dọa Thạch nữa đây. Nhưng dù gì, khi nhắc đến Vân, trái tim Thạch như nghẹn

thở.

"Chuyện gì mà quan trọng vậy ông?"

"Thì chuyện của mày chứ chuyện gì nữa."

"Sao là chuyện của tau?"

Hoán trầm ngâm một chút, nó nhìn quanh quất trong quán, quán buổi chiều hơi vắng, có mấy đám nhậu lai rai ở mấy bàn đàng kia.

Hoán nhìn Thạch thật lâu, rồi nói giọng nhỏ xuống:

"Bà Vân nói, thấy mầy lang bang độc thân hoài, bả áy náy trong lòng quá, nên bả bàn với tau khuyên mày nên lấy vợ đi, bả có đứa cháu gọi bả bằng cô đang dạy học ở Quảng Ngãi, trên 30 tuổi mà chưa có chồng, cô bé ngoan hiền dễ thương, nếu mầy ưng, bả đứng ra làm mai mối cho mầy, bả nói, con nhỏ nầy hiền, qua Mỹ không bỏ mầy đâu mà sợ, bả cam đoan vậy."

Thạch hơi ngớ người, anh không ngờ thằng Hoán nói ra điều đó, điều mà từ lâu anh chưa có một ý nghĩ nhỏ trong đầu, là... lấy vợ. Từ ngày anh xa Vân, tan vỡ mối tình đầu tiên và duy nhất của anh, Vân về làm vợ Hoán, anh chưa tìm được một người đàn bà nào thay thế được chỗ đứng của Vân trong tim anh, anh hạnh phúc trong cái hạnh phúc của Hoán và Vân trong suốt mấy chục năm nay. Bây giờ thì anh được nàng ngỏ ý làm mối mai cho một người con gái khác.

Thạch vội tìm cách hoãn binh:

"Mầy nói gấp quá tau nghĩ không kịp, thôi để tau về nghĩ lại trả lời mày sau."

Sau đó Thạch uống thật nhiều chai bia liên tiếp, anh say vùi. Hoán gọi điện thoại kêu hai người cháu đến, một đứa lấy xe Thạch chở anh về, một đứa chở Hoán theo xe Thạch, rồi rước đứa cháu, như vậy là ổn cả.

Cho nên khi Thạch loạng choạng mở cửa bước vào căn phòng, anh nghe lạnh khắp người, cái mùa đông lạnh lẽo đã đến, đã ngự trị ở đây, trên đất Mỹ nầy, anh thấy mình thật hoang vắng và cô đơn cùng cực.

Trong cơn say chập chờn, đầu óc anh lãng đãng những ngày tháng cũ, với những hình ảnh của một thời hoa mộng, một thời chinh chiến điêu linh xưa.

Ngày tháng đó, ở một nơi chốn không bình yên, Thạch là sĩ quan bộ binh, trấn đóng trên một ngọn đồi lấy tên một cô ca sĩ, một loài chim hay hót, Hoàng Oanh. Căn cứ hỏa lực Hoàng Oanh ở miền Tây Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Tiểu đoàn của Thạch, tiểu đoàn 3, thuộc Trung Đoàn 6 bộ binh đóng tại căn cứ nầy.

Thạch và Hoán ra trường sau hai năm miệt mài trên quân trường Đà Lạt. Hai đứa cùng chọn chung một đơn vị, cùng về sư đoàn 2, rồi trung đoàn 6, rồi tiểu đoàn 3. Sau hai năm, hai đứa cùng nắm đại đội trưởng tác chiến, cuộc sống lấy súng đạn làm bạn, suốt trong mấy năm trời.

Thế rồi buổi chiều định mệnh đã tới.

Đó là dịp Tết ở tiền đồn.

Mùa Xuân đã về trên khắp các ngã đường đất nước, mùa xuân rộn ràng ở đâu nhưng ở tiền đồn thật là buồn tẻ, ngày Xuân mà vẫn ba lô súng đạn hành quân, phải đào hầm, phải canh gác, Thạch phải dẫn lính đi từ đồi nọ lên núi kia, Hoán cũng vậy, hai anh như quên đi mình đang đứng giữa quê hương với mùa Xuân về giữa đất trời.

Vào ngày mùng năm Tết, đại đội của Thạch được lệnh về Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn để dưỡng quân và để được phái đoàn - các em gái hậu phương, lên thăm viếng, chúc Tết và hát giúp vui các anh em chiến sĩ ngoài tiền tuyến.

Ngày đó Thạch đã gặp Vân.

Vân, cô nữ sinh của một trường trung học quận lỵ, cô đi theo phái đoàn thăm viếng tiền đồn. Cô có giọng hát hay và một sắc đẹp nhẹ nhàng dễ làm mê đắm lòng người. Bãi đất rộng, lính tráng ngồi la liệt trước bộ chỉ huy tiểu đoàn, một sân khấu dã chiến nhỏ, Vân đứng trước đám lính và bắt đầu hát, "nếu em không là người yêu của lính, ai thương nhớ anh chiều rừng hành quân..." Giọng hát nàng nồng nàn gợi cảm, những người lính kham khổ với nỗi gian nan, tháng ngày nằm bờ nằm bụi không một bóng dáng đàn bà, nay được nhìn dáng dấp một người con gái mang hình ảnh nữ sinh thì người lính nào không mê đắm, cái mê đắm trần tục là được thỏa mãn sinh lý dồn nén, cái mê đắm tinh thần là được yêu thương, vỗ về, vuốt ve, nhưng thật ra, có ai được lọt vào mắt xanh của nàng đâu, đó chỉ là những mơ ước âm thầm.

Bầu trời tối đen, thỉnh thoảng những đóm hỏa châu được đám lính bắn lên soi sáng một góc trời, tiếng súng nổ ở đâu đó. Tiếng hát của Thúy Vân vẫn lướt trên từng hơi thở nàng, tiếng hát vút lên trời cao lãng đãng, đúng như hoàn cảnh lính tráng tiền đồn bây giờ, những ước mơ của đám lính, như lời bài hát: "những đóm mắt hỏa châu là hoa đăng ngày cưới, như mắt em sáng ngời theo anh đi ngàn lối..."

Tiếng hát bỗng chợt khựng ngang khi có một lời hét to: "Pháo kích, tất cả xuống hầm mau." Đó là tiếng của Thạch khi anh nghe tiếng depart

của pháo binh địch, tiếp sau đó là tiếng oàng oàng nổ vang trong vành đai căn cứ. Người con gái tắt đi tiếng hát, cô lạng quạng không biết phải làm gì kèm theo sự lo sợ kinh hoàng ùa tới. Thúy Vân chưa định thần được thì cô nghe tiếng nổ thứ hai, cùng lúc đó, có một bóng người nhào tới ôm và kéo cô nhảy xuống một cái hầm gần đó. Tiếng nổ ầm oàng của pháo địch cũng mười phút mới im. Những người lính đã quen với những cảnh nầy, nhưng phái đoàn văn nghệ thì sợ hãi vô cùng. Khi Vân mở mắt ra thì cô thấy mình nằm trong một căn hầm tối thui, không khí ẩm mốc. Nàng đang nép mình vào một người lính, Vân hoảng hốt ngồi dậy:

"Xin lỗi anh, tôi sợ quá, địch pháo kích ghê quá."

Người lính trả lời:

"Cô an tâm, ở đây tụi nó vẫn thường phá rối như vậy, hôm nay biết có các cô lên, nó chào đón các cô nhiều hơn chút xíu."

Vân bây giờ mới hoàn hồn, trong bóng tối mù mờ của căn hầm, nàng thấy một bông mai đen được may trên cổ áo người lính. Nàng nhìn Thạch mỉm cười cùng với lòng biết ơn. Thạch hỏi:

"Cô ở thị xã học trường nào vậy?"

"Nữ trung học, lớp đệ tứ A."

Như vậy là hai người quen nhau. Lần về phép sau đó, Thạch đã đến đón Vân tại cổng trường và tình yêu mật ngọt đã đến với hai người. Họ yêu nhau say đắm trong men nồng tuổi trẻ, như những bài hát "anh tiền tuyến em hậu phương." Hoán là bạn của hai người, cùng đứng bên cuộc tình đó.

Không ngờ, sau đó chiến tranh lại xô đẩy Thạch vào một con đường khác, khi tiểu đoàn anh hành quân tại vùng Ba Gia Đồng Ké, một đêm địch ào ạt tấn công vào đại đội. Lính đại đội anh chống cự mãnh liệt nhưng địch quân quá đông, đại đội bị tan hàng, anh bị bắt làm tù binh.

Tin anh bị mất tích đến với Vân như một tin sét đánh, cô khóc hết nước mắt, cô chạy đi hỏi dò tin tức khắp nơi, chỉ biết một tin duy nhất là Thạch mất tích, có thể là bị chết mà không lấy xác được. Tất cả đều không có niềm hy vọng nào. Càng ngày tin tức Thạch vẫn bặt tăm.

Hoán đến an ủi Vân và sau đó anh đã yêu Vân, anh nghĩ bạn mình đã chết nên anh không có tội gì, một năm sau Hoán xin cưới Vân.

Hai người sống hạnh phúc yên vui thì đến ngày 30/4/75. Hoán cũng như những sĩ quan khác lục tục vô trại tập trung. Vân vẫn thăm nuôi chồng và nuôi con chu đáo. Khi Hoán đổi ra ngoài miền bắc, anh gặp Thạch trong trại tù, hai người mới chưng hửng ra. Hoán kể cho Thạch nghe tất cả. Thạch cay đắng ngậm ngùi. Nhưng anh chợt nghĩ ra rằng, đây là hai người thân nhất của đời anh, họ không có lỗi gì cả, tất cả chỉ vì chiến tranh.

Khi trở về, cả ba đều đối xử với nhau rất tốt. Vân đã khóc nhưng Thạch nói không giận nàng. Anh chúc cho bạn mình hạnh phúc và anh vẫn sống thui thủi cô đơn như vậy cho đến ngày xuất cảnh.

Trong một bức thư email Vân gởi cho Thạch:

"Chắc anh Hoán đã nói cho anh biết ý định của vợ chồng em, em thấy anh sống độc thân hoài em không chịu nổi, anh cần có một mái gia đình, một người vợ và những đứa con, em biết anh cao thượng, nhưng bây giờ anh hãy nghĩ đến anh, anh nghe lời em nhé.

Điều anh Hoán nói với anh là ý định của em đấy, em không phải muốn cho cháu em qua Mỹ mà em giới thiệu Yến cho anh, nhưng em biết, Yến giống em ngày cũ, ngày cách đây mấy chục năm em đã có, năm ngoái em về thăm lại quê hương, em gặp Yến và tự nhiên thấy lại hình ảnh của em ngày đó, áo dài trắng, tóc thề, mắt biếc và mộng mơ. Và những lần anh từ vùng hành quân trở về thăm em, em nhớ tất cả. Bây giờ, tụi em thương anh như ruột rà, anh không trách em và Hoán, đã coi tụi em như đứa em ruột của anh vậy. Em làm sao trả hết nợ cho anh đây.

Nếu anh có một mái ấm gia đình thì lòng em cũng yên tâm. Nhưng anh cứ một mình thui thủi. Hình bóng cũ? còn gì đâu, đó chỉ là hoài niệm của một mối tình học trò vụng dại, bây giờ anh hãy sống cho anh, anh nhé.

Thanh Yến là cháu kêu em bằng cô, mang dòng máu của em và thật giống em, như vậy em "đổi mạng" cho anh được chưa, Thanh Yến đang đi dạy học và cũng chán dạy học ở một xó xỉnh khỉ ho cò gáy đó rồi. Em đã hỏi ý kiến Thanh Yến và cô nàng đã ưng thuận. Em nghĩ là anh không thất vọng.

Nghe lời em đi, anh không còn trẻ nữa, ở đất Mỹ nầy nếu không có một mái gia đình thật là cô đơn quá đỗi, em không chia xẻ được gì cho anh vì em đã có Hoán, mối tình chúng mình em sẽ giữ mãi trong tim em, đến chết em cũng không quên. Nhưng bây giờ em có Hoán và những đứa con, còn anh thì có ai? anh nghe lời em nhé.

Tất cả mọi chuyện để em lo, nếu anh đồng ý. Đây là những lời em viết từ tấm lòng chân thành của em. Anh hãy hiểu như vậy và mong anh bằng

lòng.

"Của Tin còn một chút này mà thôi."

Thạch đọc đi đọc lại bức email, những dòng chữ nhảy múa trên màn hình. Anh nghe lạnh buốt dọc xương sống. Mùa đông ở Mỹ lạnh quá.

Anh không còn trẻ nữa, ngày xuân xanh đã qua, một thời tuổi trẻ đã qua. Anh phải dừng lại chứ, một nơi chốn, một mái nhà.

Thạch nói thầm trong miệng:

"Em nói đúng đó Vân, anh phải dừng lại chứ."

Buổi tối, phi trường Tân Sơn Nhất thật rộn ràng. Niềm vui và nỗi buồn. Nụ cười và nước mắt. Đi tiễn đưa những người đi ngoại quốc, nhất là đi Mỹ thì buồn chỉ là buồn vậy thôi, còn trong lòng, ai cũng mở cờ trong bụng, vì người thân của mình sắp được đến vùng đất hứa, một vài năm có thể trở về thăm nhà với mác Việt kiều nghe rất hách, có thể có quà và tiền viện trợ. Như vậy thì vui chứ sao lại buồn.

Thanh Yến cũng theo dòng người ra đi đó, nàng đi xuất cảnh theo diện vợ chồng. Thạch đã làm đơn bảo lãnh cho nàng sang Mỹ, Thạch đã về Việt Nam kết hôn với nàng theo lời giới thiệu của cô Vân. Nàng vui vẻ chấp nhận.

Với Thanh Yến, điều đầu tiên là nàng phải ra đi, sẽ bỏ lại ngôi trường tiểu học nàng đang dạy với lương tháng năm trăm ngàn, bỏ lại đám học trò tóc vàng khè bởi nắng. Bỏ lại xứ Quảng Ngãi mây mù mưa suốt mùa đông. Tuổi con gái nàng đã quên đi, với một vài cuộc tình nhỏ nhoi không đâu tới đâu. Cô Vân đã giải thoát nàng ra khỏi những bế tắc của cuộc sống. Cô Vân trở về đem đến cho nàng một hy vọng mới:

"Cháu bao giờ cho cô uống rượu đây?"

"Lâu lắm cô à, ở đây con gái ế chồng nhiều lắm. Mà lấy chồng, chẳng biết lấy ai?"

"Thì các giáo viên dạy với con, hay là các cán bộ."

"Ô, giáo chức là 'húp cháo,' năm trăm ngàn đồng một tháng thì làm sao sống nổi, mà lo cho gia đình con cái, còn cán bộ thì chỉ ham đi đến các quán bia ôm."

Thúy Vân nhìn Thanh Yến, đây là hình bóng của nàng hai mươi năm về trước, cũng dáng dấp đó, cũng nụ cười, khóe mắt làn môi. Cô nghĩ đến Thạch, có lần cô hỏi, sao anh Thạch không cưới vợ đi, Thạch nói, anh không quên được hình bóng em, khi nào tìm ai giống em anh mới lấy. Câu nói làm nàng cảm động, cho mãi đến hôm nay nàng gặp Thanh Yến, đứa cháu của nàng. Vân nói với Yến:

"Để cô làm mai cho một ông Việt kiều nhe, bạn với anh Hoán chồng cô đó."

Thanh Yến hỏi lại:

"Ổng chưa có vợ à?"

"Chưa cô mới giới thiệu cho cháu chứ, ổng lớn tuổi hơn cháu nhiều, nhưng vẫn còn độc thân, mà tính tình tốt lắm."

Thế là hai người thỏa thuận với nhau. Vân về Mỹ, đem chuyện nầy nói với Hoán, hai người đồng ý quyết tâm cưới vợ cho Thạch.

Thanh Yến đi Mỹ, cả nhà ai cũng vui. Trong gia đình chỉ cần một người ở Mỹ thì sẽ có hy vọng những người khác sẽ được bảo lãnh, Thanh Yến đi trong nỗi hăm hở đó.

Hôm nay Thanh Yến bận chiếc áo dài màu xanh da trời. rất đẹp, nàng có dáng dấp của một tiếp viên hàng không. Con Khanh, người bạn thân nhất của Thanh Yến đi đưa tiễn, Khanh đến cầm tay Thanh Yến rồi nói:

"Mầy qua bên đó nhớ thư về cho tau với nhe, nếu có ông già Việt kiều nào thì làm mai cho tao, tao cũng cần chồng để đi xuất cảnh đây."

"Thì tau viết thư về mầy thường xuyên. Ừ, để tau kiếm cho, mầy đợi đi."

Khanh cười lên nắc nẻ, nàng cũng có ý kiếm chồng Việt kiều, miễn là đi khỏi đất nước nầy bằng bất cứ giá nào. Khanh nhỏ giọng lại hỏi Yến:

"Ê Yến, 'you' thấy lão chồng 'you' thế nào, có khá không?"

Thanh Yến ngó quanh quất rồi trả lời:

"Theo cô Vân tau nói thì lão tốt lắm, nhưng hồi về cưới tau, lão ở lại Việt Nam hai tuần, tau thấy lão thế nào ấy, lừng kha, lừng khừng như người mát dây. Nhưng thôi chuyện đó tính sau, mình lo chuyện ra đi trước đã."

Giọng Khanh nhỏ lại như thầm thì:

"Còn 'cái vụ kia,' còn phong độ không?"

"Cái con nhỏ nầy, hỏi gì mà kỳ, lão trên năm mươi rồi, đâu còn xuân xanh nữa."

"Thôi tau không hỏi nữa."

Bây giờ đến lược Thanh Yến ghé sát vào tai Khanh:

"Chuyện đó không quan trọng, tau nghe nhiều người chỉ bảo, qua đó nếu sống không được cũng cố sống trên ba năm, rồi li dị, có gì đâu, như vậy là mình hợp pháp."

"Ừ, như vậy mới đáng đời mấy tay già dịch."

Tiếng loa phóng thanh báo hiệu giờ bay, Thanh Yến vội đẩy xe vào phòng cách ly và vẫy tay tha thiết đến những người đưa tiễn, tiếng của Khanh nổi lên rõ nhất:

"Yến nhớ nhe, tau chờ tin mầy từng ngày đấy."

Đi Tàu

PHẠM XUÂN ĐÀI

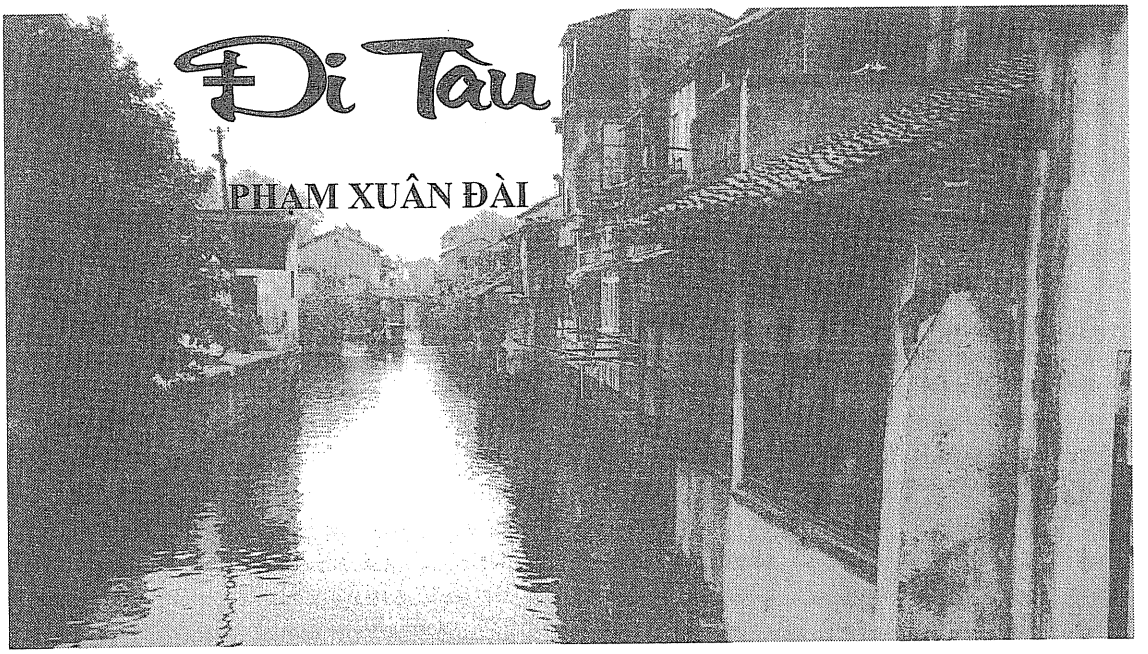

Một góc phố xưa cũ của Tô Châu

(Tiếp theo và hết)

Từ Bắc Kinh, đoàn du lịch của chúng tôi bay đi Tây An hai ngày để thăm mộ Tần Thủy Hoàng, rồi bay đi Thượng Hải để từ đây đi Hàng Châu và Tô Châu bằng đường bộ. Mộ Tần Thủy Hoàng – đúng hơn chỉ mới là phần "cổng vào" - lớn lao hơn tôi tưởng, và được khai thác du lịch theo kiểu Mỹ: một dây chuyền gồm phòng bán sách vở tài liệu, sau đó vào phòng chiếu phim "giới thiệu sản phẩm" trước khi vào xem phần chính; sau mấy giờ lội bộ xem chỗ này chỗ kia, đã có sẵn một tiệm ăn tổ chức rất tân thời bán thức ăn Tàu, trong đó có màn biểu diễn làm mì sợi tại chỗ bằng tay rất hấp dẫn. Người Tàu xem ra rất "chịu" Mỹ, những gì mới mở ra sau thời kỳ mở cửa đều cóp y như Mỹ, từ hệ thống xa lộ, các trạm nghỉ với cách tổ chức liên hoàn: cây xăng – restroom – tiệm bán đồ kỷ niệm và tạp hóa – tiệm ăn..., thậm chí tại các bãi đậu xe cũng có những loại đèn cao nghều nghệu giống y chang như các parking lots của Robinson May, J.C. Penny, Macy's... ở Mỹ vậy. Khu du lịch mộ Tần Thủy Hoàng được xây dựng giữa một vùng núi non là một bản sao cách tổ chức và kỹ thuật của Mỹ, đến nỗi khi đứng trong phòng chiếu phim với màn ảnh tròn 360 độ quanh phòng, tôi có cảm tưởng như đang ở Universal Studio tại Hollywood hay là Disneyland ở Anaheim. Còn nói gì cách thức trưng bày trong viện bảo tàng, từ việc sắp xếp trình tự triển lãm, cách sắp xếp phòng ốc, đến hiệu ứng của ánh sáng v.v... đều là các bài học còn nóng hổi. Tôi nghĩ một người từ miền Bắc Việt Nam chưa từng biết nước Mỹ, đi du lịch Trung Quốc ngày nay sẽ rất thán phục sức sáng tạo của người Tàu với nhiều công trình rất tân tiến, và có khi dám tin đó là sản phẩm của "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" lắm! Các hướng dẫn viên du lịch của Trung Quốc ngày nay lịch lãm là thế đối với những người khách đến từ phương Tây, nhưng biết đâu vẫn nhận mệnh lệnh "nổ" bất tử (nghĩa là nói phét một tấc đến trời) với những du khách đến từ Việt Nam, Bắc Hàn, hoặc Cuba? Phương tiện và cách tổ chức du lịch thì rất tối tân, rõ ràng sao chép những thành tựu của Tây phương, nhưng nội dung thì mới thật vĩ đại, thật giá trị đáng thán phục. Hầm tiền đình của mộ mênh mông với hàng hàng lớp lớp lính tráng ngựa xe bằng đất nung, rộng như một cái sân banh, ở trên hoàn toàn có mái lợp. Nhìn quá khứ hơn hai nghìn năm hiển hiện trước mắt, tôi hầu như mất ý niệm về thời gian, không biết nó mau hay là chậm nữa, những người lính bằng đất nung với nét mặt thể hiện tâm trạng, cá tính khác nhau, gần gũi con người bây giờ như chỉ mới trong một chớp mắt, mà cũng có thể là xa diệu vợi như vĩnh cữu của thế giới này.

Linh Ẩn tự

Hàng Châu, Tô Châu của nước Tàu vẫn gợi cho một người Việt Nam nhiều cảm tưởng lãng

mạn, ngay cả trước khi đến thăm tận nơi. Hai thành phố cách nhau không xa, chỉ có mấy giờ xe buýt, hình như sinh ra để bổ túc cho nhau. Cảnh đẹp, và người ta nói đàn bà tại nơi đó cũng rất đẹp, đến nỗi khi còn trẻ tuổi, đứng ở biên giới Việt Hoa tại Lào Kai năm 1947 thời kháng chiến Pháp, nhạc sĩ Phạm Duy đã viết trong bản nhạc Bên Cầu Biên Giới:

...Sống trong lòng người đẹp Tô Châu
Hay là chết bên dòng sông Danube
Những đêm sáng sao...

Giấc mơ ấy tác giả gọi là "viễn mơ," ở trong khung cảnh khép kín trong núi rừng kháng chiến thả tâm hồn đi mông lung ra thế giới bên ngoài, vươn tới những cái đẹp của đời sống thanh bình nơi nơi, ước mơ được sống và được chết với những vẻ đẹp đó.

Nhưng đi du lịch theo *tour* thì rất khó gặp người đẹp, tuy vẫn bàng bạc cảm nhận cái không khí lãng mạn của nơi chốn này. Hàng Châu thì cảnh như vẽ, Tây Hồ và những cây liễu rủ quanh hồ quả là trứ danh, tôi lại càng may mắn đến đúng mùa hoa đào đang nở ven hồ, tưởng mình đi lạc vào một chốn Đào nguyên nào mà từ ngày nhỏ cứ nghe nhắc mãi trong sách vở, thơ văn.

Âm ba thoáng rung cánh đào rơi
Nao nao bầu sương khói phủ quanh trời

Văn Cao tưởng tượng ra cảnh Đào nguyên như thế mà tả ra trong bài Thiên Thai, và tôi đã gặp y hệt như thế tại Hàng Châu. Buổi sáng đi thuyền trên Tây Hồ, sương sớm hãy còn lãng đãng đó đây, nhìn ra bốn bề chỗ nào cũng đẹp như một bức tranh thủy mặc... Tàu. Nhưng khi đã đặt chân đến bờ bên kia, thay vì được đắm mình trong cảnh u nhã của suối núi Đào Nguyên thì gặp ngay một đám đông không biết bao nhiêu là người, đông người quá, du khách đi như hội, đầy đường, nhóm này đội mũ vàng, nhóm kia đội nón đỏ, mỗi nhóm có người hướng dẫn cầm cờ hiệu dẫn đi nơi này nơi kia, thỉnh thoảng dừng lại xì xồ giải thích. Chưa nói đến những toán du khách ngoại quốc như chúng tôi, chỉ nguyên người Trung Quốc đi chơi thôi thì cảnh trí du lịch nào cũng bị quá tải. Tiên nữ trốn mất biệt, và cái cảm thức đến chốn Đào nguyên của tôi cũng bị những dòng người cuồn cuộn phá vỡ ra từng mảnh vụn. Ôi nếu con đường liễu này, mặt nước hồ sương khói này, những cây đào đang trổ bông này được đắm trong tĩnh mịch thì mọi thứ sẽ dịu dàng thiết tha, gợi ý gợi tình biết là chừng nào! Kỹ nghệ du lịch đang phá vỡ ý nghĩa của du lịch. Người ta không thể thưởng thức một cái gì hết khi phải chen chân với đám người đông như kiến cỏ ấy, phải tranh nhau xếp hàng chờ đến phiên mình chụp hình ở một chỗ cảnh đẹp, hoặc tai phải nghe liên tục bên trái, bên phải những tiếng loa giải thích của các *tour guide*. Đồng ý, nếu bạn đến New York, đi thăm trụ sở Liên Hiệp Quốc hay Empire State Building, hoặc dạo chơi ban đêm trên Las Vegas Boulevard ở Las Vegas thì càng đông người xung quanh bạn càng thấy vui, nhưng mọi chuyện phải khác hẳn trên bờ Tây Hồ hay trên con đường núi dẫn vào Linh Ẩn Tự ở Hàng Châu. Cảnh đẹp thiên nhiên có một linh hồn riêng, và phải đến với nó với một cung cách nào đó mới gặp cái linh hồn ấy, chứ nó không phải là một món ăn làm sẵn ai cũng có thể vớ một miếng bỏ vào mồm nhai, nuốt.

Nhưng làm thế nào được! Nếu tôi là hoàng đế Trung Hoa ngày xưa thì mọi chuyện giải quyết dễ dàng quá. Cả giang sơn ấy chỉ dành riêng mình ta, tha hồ thưởng ngoạn theo cách nào tốt nhất. Còn khi đã thuộc về "nhân dân" rồi thì thôi, đành "mất" Hàng Châu, "mất" Linh Ẩn Tự, mặc dầu mọi sự vẫn còn sờ sờ ra đấy. Những nơi ấy không đến nỗi là cái xác không hồn, nhưng không biết tôi có thưởng thức được năm mươi phần trăm những gì mà đúng ra tôi nhận được tại những nơi non bồng nước nhược ấy hay không.

Linh Ẩn Tự là một quần thể chùa đồ sộ nằm trong núi Hàng Châu. Dù những tiện nghi du lịch được xây dựng dưới chân núi cũng nhiều – quán ăn, dịch vụ hình ảnh, tiệm bán đồ lưu niệm, bãi đậu xe... – nhưng con đường dẫn vào chùa vẫn còn giữ được nét thiên nhiên tĩnh mịch, làm tôi nhớ lại con đường từ chùa Thiên Trù vào đến "chùa trong" của Hương Tích. Mười mấy năm đã qua tôi chưa trở lại Việt Nam, không biết chùa Hương đã "mở cửa và hiện đại hóa" (nghĩa là phá hoại cảnh trí thiên nhiên cố hữu) đến mức độ nào rồi, còn lại được bao nhiêu cảnh xưa:

Kìa non non nước nước mây mây
Đệ Nhất Động hỏi rằng đây có phải.

Xem một nơi như Linh Ẩn Tự mới thấy nghệ thuật tạo hình Trung Hoa – được hiểu gồm cả kiến trúc, hội họa và điêu khắc – gắn bó với Phật giáo đến mức nào, có lẽ cảm hứng của nó với Phật giáo còn dồi dào hơn tổng cộng các đề tài khác thuộc cung điện vua chúa, thơ văn, truyện tích... của nước này góp lại. Và cũng từ đó mới thấy cái công "hoằng dương Phật pháp" của dân tộc này, và không khỏi tự hỏi nếu đạo Phật mà không bén rễ được đến đất Tàu và những nước

trong tầm ảnh hưởng của nó như Hàn Quốc, Nhật Bản, Mông Cổ, Việt Nam... để được tu tập phát triển sâu xa đến thế thì tỉ lệ ảnh hưởng của đạo này trên dân số thế giới còn được bao nhiêu? Tại quê hương của nó là Ấn Độ thì sau làn sóng Hồi Giáo quét qua, đồng thời với sự trỗi dậy của Ấn giáo, đạo Phật mất hẳn ảnh hưởng, chỉ còn một dải mỏng Tiểu thừa trải qua các nước Nam Á như Miến Điện, Thái Lan, Tích Lan, Miên, Lào và Indonesia. Nước Trung Hoa từ thượng cổ vốn giàu có về các suy nghĩ triết học nhưng lại thiếu hẳn các suy nghiệm tâm linh, đạo Phật đến đáp ứng ngay vào chỗ thiếu hụt, và cả dân tộc đón nhận đạo Phật như là một tài sản của nhân loại nhưng có vẻ làm ra là để dành riêng cho mình vậy. Hiển nhiên trải qua hàng ngàn năm, đạo Phật là quốc giáo của Trung Hoa, người Tàu tạo nên một đạo Phật riêng, biến nước Tàu thành một quê hương mới của đạo này, và Phật giáo thành một nét độc đáo trong nền văn minh của họ. Trong đời sống tâm linh từ vua quan đến giới trí thức và dân giã, đạo Phật đóng vai một tôn giáo duy nhất, nhưng không gây trở ngại gì cho các tập tục tín ngưỡng cố hữu của người Trung Hoa như việc thờ cúng ông bà hoặc các hình thái lễ nghi mà người ta nói bắt nguồn từ Lão giáo. Không một nước nào trên thế giới có một nền văn hóa Phật giáo hùng vĩ lớn lao như nước Tàu với không biết cơ man nào là chùa chiền và thiền viện trứ danh, vô số các vị cao tăng trải dài suốt lịch sử, rồi kinh sách và các tác phẩm văn học liên quan đến Phật giáo, chẳng hạn bộ truyện Tây Du Ký bất hủ, văn thơ trải qua các đời, những truyện võ hiệp với vô số môn phái võ liên quan đến chùa chiền... Nước Tàu với dân số lớn lao, cùng với tầm vóc trí tuệ và tâm linh cao vời, xứng đáng đóng vai trò trung tâm chính yếu của đạo Phật trải nhiều thế kỷ. Với vốn liếng ấy, chỉ riêng tự viện Phật giáo trong nước Trung Quốc ngày nay đã là một tài nguyên du lịch lớn rồi, chưa kể là đối tượng cho bao chuyến hành hương của Phật tử từ nhiều nơi trên thế giới.

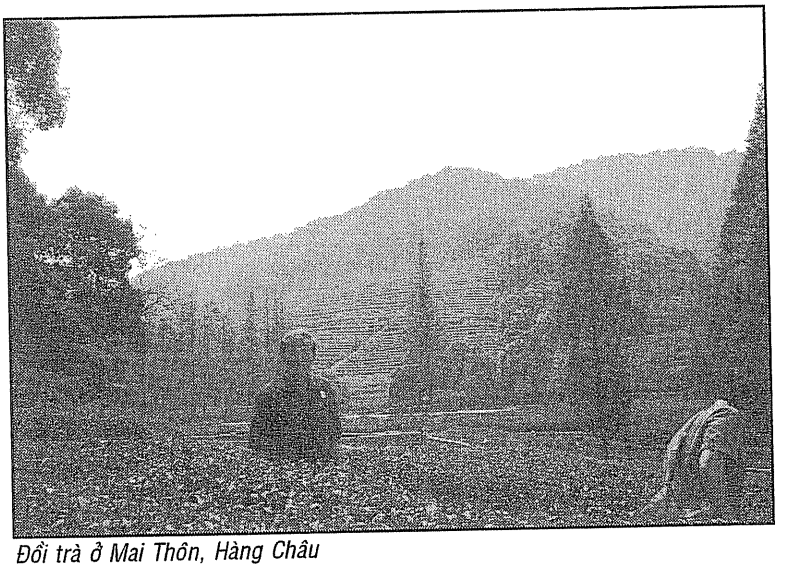

Đồi trà ở Mai Thôn, Hàng Châu

Tiếng chuông chùa Hàn San

Khi đến Tô Châu thì cái tôi nóng lòng muốn gặp nhất không phải là người đẹp của ông Phạm Duy – vì biết khó lắm, *giai nhân nan tái đắc*, người đẹp gặp rồi còn khó gặp lại, huống hồ mình chưa từng được gặp một người đẹp Tô Châu nào; nơi tôi muốn đến là chùa Hàn San. Đó là một ngôi chùa nằm bên bờ con sông đào, cách xa xa khu trung tâm thành phố, ngày xưa hẳn thuộc khu "thành ngoại," nhưng bây giờ bốn bên cuộc sống cũng đông đúc náo nhiệt. Chùa vào loại trung bình, về qui mô cũng như về kiến trúc, nhưng du khách vẫn rất đông. Tôi nghĩ nếu như không có bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế nhắc đến chùa này thì ngày nay Hàn San Tự chưa chắc đã biến thành một địa điểm du lịch đông đảo khách đến thăm như ngày hôm nay. Vẫn biết Hàn San là ngôi cổ tự trên ngàn năm, và tên chùa gọi theo tên vị cao tăng Hàn San trụ trì tại đó vào đời nhà Đường, nhưng quần chúng, Trung Hoa lẫn Việt Nam, "cảm" ngôi chùa đó qua bài thơ chứ không phải qua lịch sử Phật giáo Trung Hoa. Trương Kế sống vào thế kỷ thứ 8, đậu tiến sĩ năm 753 đời Đường Huyền Tông, làm quan tại triều đình và tại Quảng Tây. Thơ ông để lại không nhiều, khoảng 40 bài, và Phong Kiều Dạ Bạc đã làm ông nổi tiếng giữa những thi sĩ đời Thịnh Đường. Bài thơ như sau:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

mà ông Trần Trọng Kim dịch ra thơ Việt là:

Đêm đậu thuyền ở bến Phong Kiều
Quạ kêu, trăng lặn, sương rơi
Lửa chài, cây bãi, đối người nằm co

Con thuyền đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

Hình như rất nhiều người Việt Nam biết bài thơ này, cũng như nhiều thơ văn truyện tích khác của Trung Hoa, và giống nhiều người khác, tôi cũng thuộc bài thơ, cũng cảm cái khí vị man mác cô đọng trong bốn câu thơ đọc theo lối Hán Việt, không biết tự bao giờ. Nhớ khi còn học tiểu học, đọc cuốn Chân Trời Cũ của Hồ Dzếnh, có truyện ông khách trú đi đò ngang lúc trời đã tối và còn hỏi cô lái đò xin về nhà ngủ nhờ, ban đêm nhà lạ ông ngủ không được, bèn cất tiếng Quảng Đông ngâm thơ:

Duyt loọc ố lề sướn mán thín...

Vừa được một câu thì nghe ở buồng trong tiếng rúc rích, đó là tiếng cười cố nén lại của cô lái đò, nhưng ông khách tưởng là tiếng chuột kêu, bực mình vì mất nguồn hứng thơ phú, buông một câu: "Nhà lắm chuột thế!" dĩ nhiên bằng tiếng Tàu. Đó là chuyện gặp gỡ lần đầu giữa cha và mẹ của Hồ Dzếnh, một nhà văn nhà thơ viết tiếng Việt Nam mang hai dòng máu Hoa Việt, nhưng cũng là lần gặp gỡ đầu tiên của tôi với bài Phong Kiều Dạ Bạc, dù chỉ mới một câu đầu và với lối phát âm Quảng Đông, nghe không êm tai như *nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên* mà tôi biết về sau.

Về bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế, dù biết đã lâu nhưng vì không rành chữ Hán nên tôi chỉ hiểu nghĩa một cách đại khái theo các bản dịch sang tiếng Việt. Nhưng đối với người Việt Nam, dù hoàn toàn không được học chữ nho cũng có thể hiểu được một số chữ Hán qua âm Hán Việt, và vẫn có thể cảm ý tứ của các câu thơ chữ Hán, nếu trong đó có nhiều từ ngữ quen. Ví dụ câu *nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên* thì từ khi còn là học sinh tôi cũng đã hiểu được *nguyệt* là trăng, *ô* là con quạ, *sương* là... sương, *mãn* là đầy, *thiên* là trời. Chỉ cần biết thêm *lạc* là rụng, lặn, *đề* là kêu, cộng thiêm một chút tâm hồn thi phú nữa là có thể hiểu và cảm gần như trọn vẹn câu thơ chữ Hán đó rồi. Thành thật mà nói, tôi thấy âm vang của câu *nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên* hay hơn câu thơ dịch *quạ kêu, trăng lặn, sương rơi*, vì hình ảnh sương đầy trời (sương mãn thiên) cho một cảm giác man mác rộng lớn hơn là hai chữ sương rơi nhiều. Với lối hiểu lõm bõm như vậy, tôi nghĩ rất nhiều người Việt Nam thế hệ của tôi cảm được phần nào thơ phú chữ Hán của tổ tiên mình và của Tàu qua các bài phiên âm. Nhưng riêng câu thứ hai của bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc thì thú thật sự hiểu của tôi được chia ra làm ba thời kỳ khác nhau. Hồi nhỏ "đọc giang phong ngư hỏa đối sầu miên" thì óc tôi tự dịch ngay là gió trên sông và lửa thuyền chài tạo nên một nỗi buồn triền miên, dĩ nhiên đó là nghe sao hiểu vậy chứ đâu có biết mặt chữ nó ra thế nào. Lớn hơn một chút, đọc các bài dịch thơ Đường thì mới hiểu chữ "giang phong" không phải là gió trên sông, mà là cây phong trên bờ sông (như Trần Trọng Kim dịch là "lửa chài, *cây bãi*, đối người nằm co" trên đây). Giai đoạn thứ ba là chuyến đi Trung Quốc vừa rồi, nghe người *tour guide* giải thích một cách khác nữa, ngay tại sân sau của chùa Hàn San. Anh ta nói rằng Giang và Phong là tên của hai cây cầu trên con sông đào sau chùa, cách nhau không xa. Ánh lửa của một chiếc thuyền chài đậu ở cầu Giang và ánh lửa ấy trên một chiếc thuyền đậu ở cầu Phong tạo nên cho người nằm trong thuyền một nỗi buồn dằng dặc trong đêm tối. Cứ cho là đến bây giờ tôi mới được hiểu câu thơ ấy một cách chính xác đi, thế thì cái "hay" của câu thơ có thay đổi gì không, qua các giai đoạn hiểu khác nhau ấy? Tôi thấy là không. Cái cảm giác buồn dằng dặc, man mác mà tác giả tạo ra nằm ở mấy chữ "ngư hỏa" và "sầu miên," còn cái gì cộng thêm với ánh lửa ấy – cây phong trên bờ hay ngọn lửa từ một cây cầu khác - thì không làm thay đổi hiệu lực của câu thơ. Nói cách khác, nhóm từ ngữ và âm thanh ấy đã có một ma lực riêng đối với người đọc, càng trải qua nhiều thời gian thì càng thiêng, không có lối giải thích mới nào làm suy suyển đi được.

Trong sân chùa Hàn San, giữa đám du khách người Trung Quốc phần nhiều trẻ và năng động, tôi thấy một người trạc tuổi trung niên dáng rất trầm mặc, cứ ngẩng đầu quan sát các mái chùa rêu phong, hoặc nhìn ngọn cây, nhìn bầu trời như đang tìm một cái gì đó vô hình, tách khỏi sự xôn xao chung quanh. Tôi nghĩ người đàn ông Tàu ấy là người có tâm hồn hiểu biết văn học, hẳn đang tìm đâu đó hồn thơ Trương Kế từ những câu thơ mà chắc ông đã thuộc từ lâu. Đám trẻ thì không ai có thái độ ấy, họ đi đứng nói năng nhanh nhẹn, có khi đùa giỡn ầm ĩ, ngay cả khi thắp hương lạy Phật họ cũng không từ tốn chậm rãi. Không biết trong đám họ có ai đã đọc bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc và trong lòng có niềm rung động cổ kính khi đến thăm ngôi chùa này không.

Như để trả lời cho câu hỏi của tôi, mấy tiếng chuông chùa vang lên từ cái gác chuông gần chỗ tôi đang đứng. Tôi hơi ngạc nhiên, ai mà đi đánh chuông vào giữa buổi chiều thế này? Lại cũng

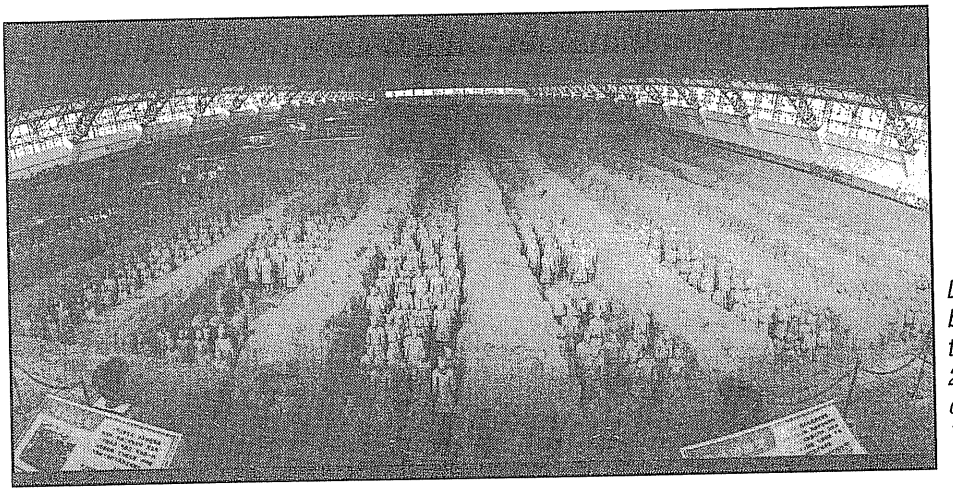

Lớp lớp quân lính bằng đất nung nằm trong lòng đất hơn 2000 năm nay để canh gác cho mộ Tần Thủy Hoàng.

như để trả lời cho tôi lần nữa, tiếng chuông lại vang lên, nhưng lần này tiếng kêu rất yếu ớt. Một lát sau, chuông lại vang lên liên tiếp mấy tiếng dồn dập, có vẻ như có một lũ trẻ đang phá phách cái chuông vậy. Tôi không khỏi đưa mắt nhìn về phía tiếng chuông xem cái gì đang xảy ra, thì thấy một hàng người dài đang nối đuôi chờ lên gác chuông, và chợt hiểu: à, người ta sắp hàng để lên lầu thỉnh chuông! Và chợt hiểu luôn sở dĩ có việc này là do câu thơ của Trương Kế "dạ bán chung thanh đáo khách thuyền" (nửa đêm tiếng chuông vọng tới thuyền của khách). Công ty du lịch đã khai thác đúng lòng mong mỏi tiếng chuông của bao khách tới đây, mở ra một dịch vụ rất đơn giản: bán tiếng chuông chùa! Ai muốn tự tay mình tạo nên tiếng chuông chùa Hàn San nổi tiếng thì mua một cái vé 5 nguyên (khoảng 60 cents Mỹ), và đứng xếp hàng chờ đến lượt mình leo cái cầu thang chật hẹp để lên lầu thỉnh chuông. Lầu chuông làm biệt lập ngoài sân, nối liền với nhà chính bằng một hành lang, vì thế tha hồ bán tiếng chuông cả ngày, cứ liên tục boong boong lúc to lúc nhỏ mà không làm trở ngại gì các sinh hoạt trong chùa.

Mười ba thế kỷ trước tiếng chuông từ gác chuông này đã vang lên bay đến thuyền của thi nhân đậu đâu đó trên dòng sông sau chùa vào lúc nửa đêm, để một tiếng thơ thành hình, và từ đó ở lại luôn trong lòng bao nhiêu thế hệ đến sau. Đời này qua đời khác, người ta đọc, ngâm nga, rung động với bốn câu ngắn ngủi đó, và ngày nay, bao nhiêu người náo nức đến đây chỉ với tấm lòng thiết tha muốn chính mắt mình thấy lại cảnh xưa, và may thay, chính tay mình lại có thể tạo nên tiếng chuông bất hủ của Trương Kế một ngàn ba trăm năm trước. Người ta xếp hàng là phải! Đánh một tiếng chuông chùa Hàn San là gây lại một tiếng lòng mà thi nhân thuở xưa đã sống và đã giải bày, là tạo một duyên nghiệp mới cho chính mình, và biết đâu cho bao nhiêu người nghe quanh đây nữa. Tiếng chuông chùa Hàn San cả ngàn năm chỉ quanh quẩn trong bài thơ Đường. Người Trung Hoa, người Việt Nam, người Đại Hàn, người Nhật Bản... đời này nối đời kia thưởng thức nó nhưng mấy ai có cơ duyên được nghe nó.

Lạ lùng làm sao một ngày đầu thế kỷ 21, tôi, một người Việt Nam đã đến đây, đã cung kính cầm cái chày vồ cũ kỹ giộng nên mấy tiếng chuông. Tiếng chuông tôi đánh giữa một buổi chiều trong cái thành phố Tô Châu đang tấp nập xe cộ và người buôn bán chắc sẽ chẳng vang đi xa, nhất là chẳng vào thẳng cõi lòng ai như tiếng chuông lúc nửa đêm bay đến chiếc thuyền đang neo ở bến Phong Kiều cách đây mười ba thế kỷ. Nhưng dù sao tôi cũng đã có duyên nghe nó, và hơn nữa, tạo nên nó, cũng như tôi đã có duyên đứng sau chùa nhìn ra con sông lửng lờ trôi như vẫn trôi từ nghìn xưa đến giờ, thấy cây cầu cong cong soi mình dưới nước mà tự hỏi: có phải đây là Phong Kiều, hay là Giang Kiều?

Chỉ mấy câu thơ ngắn ngủi mà cơ hồ làm thời gian ngừng hẳn ở nơi đây. Bao nhiêu người đến thăm chùa, có người từ rất xa như tôi, là chỉ để tìm cái Hàn San tự, cái lửa thuyền chài, cây cầu Phong, và tiếng chuông, mà Trương Kế đã để lại trong bài thơ. Chùa Hàn San của ngày nay chỉ là cái cớ để chúng tôi đi tìm ngày xưa. Gióng lên tiếng chuông của ngày nay cũng là chỉ để nghe lại âm thanh của ngày xưa. Nhìn dòng sông, nhìn cây cầu cũng là để từ đó tưởng tượng ra hình bóng của cây cầu xưa, con sông cũ, và ánh đèn thuyền chài buồn thiu trong đêm tối.

Tất cả chỉ vì một bài thơ tứ tuyệt!

Trúc Lâm Thiền Viện. com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.
Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.
Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742
9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA
hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com
Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim